

**TƯỢNG NIỆM**  
**Thi sĩ TÔ THÙY YÊN**  
**ĐINH THÀNH TIÊN (1938-2019)**



**Biên soạn:**

**Phan Anh Dũng** (Rockville, Maryland USA)

**Thực hiện năm 2019 – Hiệu đính: 9 tháng 7 năm 2022**

Vui lòng gửi thêm tài liệu và ý kiến xây dựng về: [dathphan1@gmail.com](mailto:dathphan1@gmail.com)

# LỜI MỞ ĐẦU

Khi nghe tin nhà thơ Tô Thùy Yên qua đời ngày 21 tháng 5 năm 2019, tôi đã thực hiện một trang tưởng niệm về ông ở website Cỏ Thơm cũ. Năm nay 2022, nhân dịp giỗ năm thứ 3 của ông, tôi bổ túc với nhiều hình ảnh và bài viết (từ thân hữu và internet) để tưởng niệm một thi sĩ mà giới văn học cho là một trong những nhà thơ lớn của thi ca Việt Nam thế kỷ 20.

Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gia Định và qua đời tại thành phố Houston tiểu bang Texas, Hoa Kỳ - hưởng thọ 82 tuổi. Ông là cựu học sinh Petrus Trương Vĩnh Ký Sài Gòn, có ghi danh học ở Đại học Văn Khoa, làm thơ khi rất trẻ và đã tham gia các báo, tạp chí văn học trong đó có Sáng Tạo với nhóm Trần Thanh Hiệp, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Mai Thảo, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Sỹ Tế, Thái Tuấn, Duy Thanh, Ngọc Dũng, Thạch Chương (Cung Tiến) ... Trước 1975 ông phục vụ trong QLVNCH - chức vụ cuối cùng là Thiếu Tá Trưởng Phòng Văn Nghệ thuộc Khối Kỹ Thuật, Cục Tâm Lý Chiến, trực thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị. Ông bị giam trong ngục tù Cộng Sản gần 13 năm. Định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1993.

Nhiều thi sĩ và nhà bình luận văn học cho rằng thơ của ông khó đọc và khó hiểu, mang nhiều triết lý. Ông là một trong số ít thi sĩ làm thơ dài - như bài Ta Về gồm 124 câu - “dài cho tạm đủ để trải lòng”. Ông cũng dùng nhiều chữ ghép - mà chưa ai từng dùng - trong thơ của mình. Theo nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ - chị ruột của nhà văn Hồ Trường An: ông rất kỹ lưỡng khi làm thơ, từ từ đến chữ - có khi thức suốt đêm cũng chưa vừa ý!

Nhà thơ Tô Thùy Yên - trong bài trả lời phỏng vấn do Nguyễn Mạnh An Dân thực hiện - nói về cái nhìn của ông về văn chương: “...Nói chung, trước kia cũng như sau này, đối với tôi, văn chương vẫn chỉ là một chứng từ sao lại về sự thất bại của con người trước cuộc sống. Mặt khác, đối với văn chương, có lẽ tôi là người mắc chứng cầu toàn dù tôi hiểu rõ rằng sự hoàn chỉnh, ở bất cứ lãnh vực nào, cũng chỉ là một khái niệm chớ không thể là một thực tế. Bài thơ nào của tôi đâu có được sửa tới sửa lui bao nhiêu lần, khi đọc lại, tôi vẫn cảm thấy hình như chưa phải vậy. Tôi rất dễ bị ray rứt, dẫn vật chỉ vì một từ chưa ổn, một chữ chưa đắc. Thậm chí nhiều khi tôi cảm thấy hối tiếc sao đã lỡ viết ra chi vậy...”

Nhà phê bình văn học Bùi Vĩnh Phúc trong bài viết “Tô Thùy Yên - thơ, như một vinh dự làm than của kiếp người” ghi nhận về thơ Tô Thùy Yên: “Tô Thùy Yên là kẻ được chọn. Cũng là kẻ được trao ban. Và như một con người Việt Nam, ông đã sống vượt lên và vượt qua, trong một nghĩa nào đó, những kinh nghiệm, những cảm xúc và những suy tư của con người thời đại nói chung. Những giọt nước của trí tuệ và cảm xúc, hắt lên phần đất Việt Nam, nơi những con sóng dâng lên từ Tây Phương và Âu Mỹ kia, ông có tiếp nhận. Ông trải nghiệm được cái sức sống và hơi mát trong sự tiếp nhận ấy. Nhưng cuộc đời

*của một con người Việt Nam, đặc biệt của một nhà thơ Việt Nam, như Tô Thùy Yên, đã đẩy ông chạm mặt với sự đau khổ và cô đơn ngay trong tình yêu, chạm mặt với chiến tranh, với cái chết, với cái bao la ròn rợn mang mang của vũ trụ đang đè lên kiếp sống mỏng manh, heo hắt, chỉ chọt loé tàn của kiếp người. Cái siêu hình ấy chụp bắt lấy nhà thơ và đẩy hẳn trở về đối mặt với chính nó trong cõi con người. Ở đó, hẳn lớn lên. Hẳn trở thành lớn lao. Nhưng khốn khổ...”*

Nhà phê bình văn học Thụy Khuê trong bài viết “Tô Thùy Yên, thời gian, tồn tại, cô đơn và đá” ghi nhận về nhà thơ Tô Thùy Yên: *“Đi từ những nghiệm sinh về sự tồn tại và thời gian, rất Heidegger ấy, thơ Tô Thùy Yên đớn đau và sâu sắc, ông tạo ra một mẫu cô đơn hành giả, có khả năng đi ngược thời gian, suốt đời tìm lại chính mình, dằng vân trong một vũ trụ đau thương, ô nhiễm những lừa lọc, tội tù và chết chóc... Ở Tô Thùy Yên, còn một con người nữa trong đó chất hành giả, ý niệm quân tử và hào hùng nhào nặn thành một tâm hồn “tráng sĩ” hiện đại. Hình ảnh này rất được quần chúng (di tản) ngưỡng mộ. Giọng thơ quan hoài, biên tái, mang hào khí của người (anh hùng) bại trận, bất khuất. Coi nhẹ tù đầy. Xem thường gian khổ. Kể chuyện mười năm lao cải nhẹ như lông. Bài Ta Về được phổ biến ngay khi Tô Thùy Yên còn ở trong nước như một bài ca ngất ngưỡng của người tù cải tạo, cao ngạo trở về...”*

Nhà thơ Du Tử Lê trong bài viết nhan đề “Tô Thùy Yên, một trong những tiếng thơ lớn, của 20 năm văn chương miền Nam” nhận định: *“Tô Thùy Yên, theo tôi, là một trong những nhà thơ của 20 năm văn học miền Nam, có ảnh hưởng rộng, lớn... Duyệt lại hành trình thi ca Tô Thùy Yên, 20 năm văn chương miền Nam, căn cứ trên mấy chục số tạp chí Sáng Tạo, từ bộ cũ đến bộ mới; bên cạnh những bài thơ tự do (rất ít), thì hầu hết những bài thơ ký tên Tô Thùy Yên là thơ có vần, điệu. Đôi khi vần, điệu của ông, nơi những bài thơ ấy, còn chặt chẽ hơn cả những thi sĩ thời tiền chiến nữa. Trong thể loại này, Tô Thùy Yên trội, bật nhất là thể thơ 7 chữ... Một nét đặc thù khác trong thơ Tô Thùy Yên là chủ tâm sử dụng khá nhiều ngôn ngữ Nam...rặc. Chủ tâm này rất đáng kể; nếu người đọc nhớ lại rằng, đó là những câu thơ được viết trong khoảng thời gian 1956 tới 1975, trên một diễn đàn cổ súy văn chương... mới. Chúng ta có thể tìm thấy nhiều ngôn ngữ đặc biệt kia, trong Tô Thùy Yên Thơ Tuyển (TTY/TT) in năm 1995, tại Hoa Kỳ.”*

Tuy Cỏ Thơm không hân hạnh được Tô Thùy Yên cộng tác khi ông còn sống nhưng cố nữ sĩ Vi Khuê vùng Virginia - một người viết thường xuyên cho Cỏ Thơm - rất mến mộ và đã họa bài Ta Về với tựa đề Ta Đi rất hay (trang 198). Hiện nay, Trường Đình - bào đệ của Tô Thùy Yên - là tay bút chủ lực trong ban biên tập của Cỏ Thơm. Anh đã làm thơ từ nhiều năm và cũng từng làm những bài thơ dài, nhiều chữ!

**Phan Anh Dũng - 9 tháng 7, 2022 – Rockville, Maryland USA**

# Tô Thùy Yên, tác giả ‘Chiều Trên Phá Tam Giang’ qua đời

**\*\* ĐẠI DƯƠNG / NGƯỜI VIỆT – May 21, 2019 \*\***



***Nhà thơ Tô Thùy Yên. (Hình: lyrikline.org)***

HOUSTON, Texas (NV) – Nhà thơ Tô Thùy Yên, tác giả bài thơ “Chiều Trên Phá Tam Giang,” mà một phần của nó được cố nhạc sĩ Trần Thiện Thanh phổ nhạc, vừa qua đời tối Thứ Ba, 21 Tháng Năm, năm 2019 tại Houston, Texas, hưởng thọ 81 tuổi, ông Đinh Hiệt, con trai nhà thơ, xác nhận với nhật báo Người Việt qua một tin nhắn.

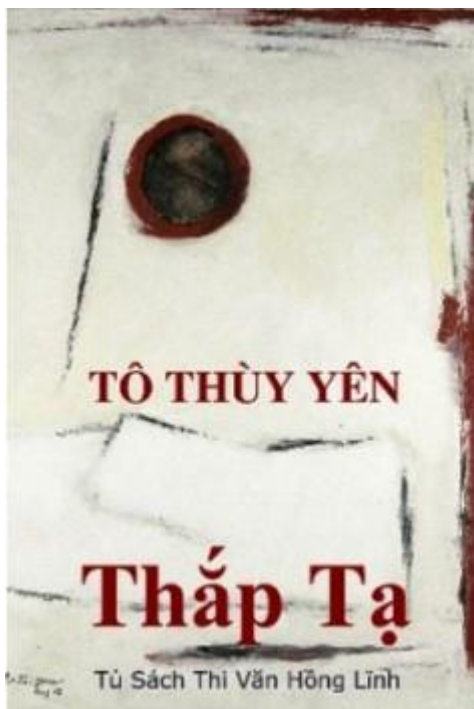
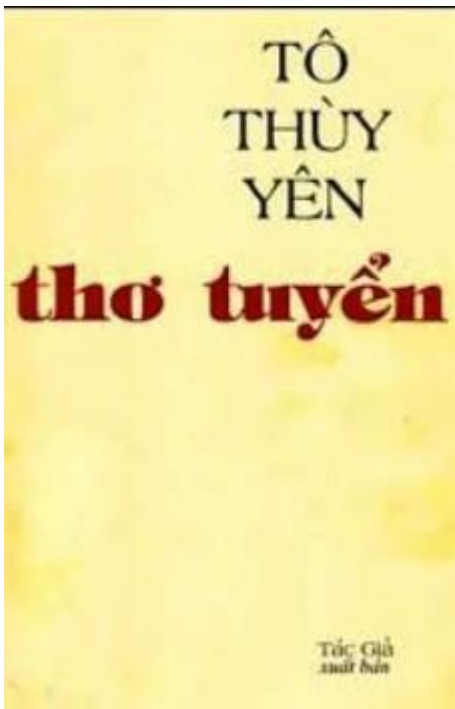
Theo bài viết “Tuyển Tập Tô Thùy Yên” của tác giả Trần Doãn Nho đăng trên nhật báo Người Việt hôm 10 Tháng Hai, nhà thơ Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gò Vấp, Gia Định. Học tại Gia Định và Sài Gòn. Viết từ cuối thập niên 1950. Tại ngũ từ 1964 đến 1975. Tù Cộng Sản 13 năm. Tị nạn tại Hoa Kỳ từ 1993. Vẫn theo tác giả Trần Doãn Nho, Tô Thùy Yên là một trong những nhà thơ lớn của văn học miền Nam Việt Nam (1954-1975). Bài thơ (được xem) như đầu tay của ông, “Cánh đồng, con ngựa, chuyến tàu,” được sáng tác lúc ông còn là một thiếu niên.

“Thơ Tô Thùy Yên có rất nhiều khái niệm hoặc hình tượng triết lý – lời thơ đôi khi bí hiểm, khó hiểu – thì đồng thời lại không thiếu những hình ảnh hiện thực, có thể nói còn hiện thực hơn cả những nhà thơ hiện thực nhất,” theo tác giả Trần Doãn Nho nhận xét.

Theo lyrikline.org, một trang mạng sưu tầm thi ca, nhà thơ Tô Thùy Yên tốt nghiệp trung học Petrus Ký và Đại Học Văn Khoa Sài Gòn trước năm 1975.

Theo nhà thơ Du Tử Lê viết trên blog của ông, thơ Tô Thùy Yên bắt đầu xuất hiện trên báo chí từ năm ông 16 tuổi. Gia nhập nhóm Sáng Tạo thành hình năm 1956, cộng tác đều đặn với nhiều tạp chí văn học ở miền Nam, chủ trương nhà xuất bản văn học Kê Sĩ.

Đã xuất bản: Thơ Tuyển (một ấn bản tại Đức năm 1994, một ấn bản tại Mỹ năm 1995), Thấp Tạ (năm 2004).



Hồi đầu năm 2019, ông cho ra mắt “Tô Thùy Yên – Tuyển Tập Thơ,” gồm 96 bài thơ, gộp lại những bài từ hai tập trước, cộng thêm một số bài mới được tìm thấy và đưa vào sau này.

Vẫn theo tác giả Trần Doãn Nho, từ khi qua định cư tại Hoa Kỳ, Tô Thùy Yên cư ngụ tại thành phố Houston, tiểu bang Texas. Ông tiếp tục làm thơ và đi nhiều nơi tham gia các buổi sinh hoạt văn học cũng như giới thiệu tập thơ đầu tiên của ông. Tuy nhiên, trong những năm sau này, sức khỏe nhà thơ không được tốt, nên ông hiếm khi đi đâu và ít thấy xuất hiện trước công chúng. Vào năm 2017, nhân dịp 30 Tháng Tư lần thứ

42, đáp lời mời của trường đại học Yale University, muốn có tiếng nói của một nhà thơ miền Nam Việt Nam, dù đi đứng khá khó khăn, ông đã cố gắng đến tham dự và đọc thơ cùng với một số nhà thơ khác như Đinh Linh, Phan Nhiên Hạo, và Chân Phương vào ngày 26 Tháng Tư, 2017. Trong dịp này, ông cũng tham dự một buổi sinh hoạt đọc thơ Tô Thùy Yên khác tại trung tâm Việt-Aids do nhóm văn nghệ sĩ Boston tổ chức vào chiều tối ngày 28 Tháng Tư, 2017.

Hồi Tháng Hai, bà Huỳnh Diệu Bích, vợ ông, cho biết, ông đang nằm tĩnh dưỡng ở bệnh viện sau một cơn đột quỵ. (Đ.D.)



Từ trái, Trần Doãn Nho, Lê Hữu Đình, chị Diệu Bích, Tô Thùy Yên. (Hình: Trần Doãn Nho)

# CÁO PHÓ

Chúng tôi ngậm ngùi báo tin cùng thân bằng quyến thuộc  
chồng, cha, anh, ông của chúng tôi là:

## ***Đình Thành Tiên***

Bút Danh

## ***Tô Thùy Yên***

đã từ giã trần gian  
lúc 9 giờ 15 phút, tối thứ Ba, ngày 21 tháng 5, 2019,  
nhằm ngày 17 tháng 4 năm Kỷ Hợi,  
tại Houston, Texas,  
hưởng thọ 82 tuổi.

Linh cữu được quản tại Vĩnh Cửu Funeral Home  
2454 S. Dairy Ashford, Houston, Texas.

### **Tang gia đồng khắp báo:**

Vợ: Huỳnh Diệu Bích, Houston, Texas

Trưởng Nữ: Đường Quỳnh Giao, Chồng: Phan Hoàng Khánh, Con: Justin Phan, Houston, Texas

Trưởng Nam: Đình Kinh Tuệ, Vợ: Trần Thị Thanh Tâm, Con: Đình Sao Mai Mía, Dallas, Texas

Thứ Nam: Đình Kinh Hiệt, Houston, Texas

Thứ Nam: Nguyễn Khôi Hạo, và gia đình, Việt Nam

Thứ Nữ: Nguyễn Khôi Thụy, Việt Nam

Thứ Nữ: Nguyễn Khôi Hạnh, và gia đình, Việt Nam

Bảo Đệ: Đình Thành Lệ, Đình Trường Xuân, Đình Xuân Thu và gia đình

Thư Muội: Đình Kim Hoàng, Đình Ngọc Thanh, Đình Thanh Nhân, Đình Hoàng Hoa và gia đình.

### **LỊCH TRÌNH TANG LỄ:**

- Lễ Nhập Quan và Phát Tang: 2:00 PM, Thứ Năm, 30 tháng 5, 2019
- Thăm Viếng: 10:00 AM đến 8:00 PM, Thứ Sáu 31 tháng 5, 2019
- Lễ Tưởng Niệm: 5:00 PM đến 8:00 PM, Thứ Sáu, 31 tháng 5, 2019
- Lễ Hỏa Táng: 10:00 AM, Thứ Bảy, 1 tháng 6, 2019

*Cáo phó này thay thế thiệp tang. Xin miễn phúng điếu và vòng hoa.  
Mọi đóng góp, nếu có, xin gửi cho các tổ chức Từ Thiện.*

# Tiễn biệt Tô Thùy Yên: ‘Có thật là ta đi đã xa?’

**\*\* Cát Linh/Người Việt – June 2, 2019 \*\***



*Di ảnh cố thi sĩ Tô Thùy Yên. (Hình: Cát Linh/Người Việt)*

HOUSTON, Texas (NV) – “Căn nhà đã có thời gian ngủ/ Bụi mọt rơi và ngọn gió qua/ Thăm thẳm nghìn đêm chong mắt đợi/ Ai trảm luân đố đã về chưa?”

Trước đêm di quan, ông Đinh Kinh Tuệ, con trai trưởng của cố thi sĩ Tô Thùy Yên, dùng chính cây bút của cha mình viết lên bốn câu thơ trong bài “Tháng Chạp Buồn” để đọc tiễn ông rời khỏi căn nhà mà ông đã có nghìn đêm đợi vào buổi sáng Thứ Bảy, 1 Tháng Sáu, 2019.

## **Tô Thùy Yên, một người yêu Tiếng Việt**

Có nhiều câu chuyện được kể ra, thay lời ai điếu. Mỗi câu chuyện là một kỷ niệm với ông. Tưởng niệm một nhạc sĩ thì sẽ có những ca khúc người đó để lại cho đời. Tưởng tự, tưởng niệm một nhà thơ, một nhà thơ lớn của văn học Việt Nam thì phải nhắc thơ ông.

Nhưng, nhà thơ Đỗ Quý Toàn, người bạn ông từ 60 năm, đã xin không nói đến thơ của ông Tô Thùy Yên trong buổi tưởng niệm. Bởi lẽ, đó là thói quen của hai người từ xưa nay mỗi khi gặp mặt. Các thi sĩ không hay nói về thơ với nhau! Ông Đỗ Quý Toàn kể lại: “Tô Thùy Yên, cũng như chúng tôi nghĩ rằng một tác phẩm nghệ thuật, một bài thơ tự nó nói lên, không cần ai nói thêm nữa. Chúng tôi tin như thế đã từ hơn 60 năm. Một câu anh nói từ 1959 mà tôi không bao giờ quên, là ‘Nghệ thuật không cần ai tranh đấu



cho nó cả.' Tôi sẽ không dám nói về thơ Tô Thùy Yên khi anh đang còn ở đâu đây. Lúc khác, khi về với một giảng đường nào đó, nói chuyện với sinh viên, lúc đó, sẽ nói."



***Bà quả phụ Tô Thùy Yên trước linh cữu của chồng. (Hình: Cát Linh/Người Việt)***

Thế nhưng, có một điều mà nhà thơ Đỗ Quý Toàn khẳng định: “Không nói đến thơ nhưng con người Tô Thùy Yên rất đáng nhớ. Thơ của anh thể hiện tâm hồn của một người dân Việt Nam, sống ở miền Nam suốt bao nhiêu năm, tâm hồn đó khiến chúng ta hãnh diện. Là một người dân miền Nam, tôi rất hãnh diện vì trong 20 năm đất nước chia cắt, nền văn chương miền Nam nhờ tự do nên phát triển phong phú hơn rất nhiều so với văn chương miền Bắc. Sau này nếu lịch sử ghi lại so sánh chế độ Cộng Sản và tự do, họ sẽ so sánh thành tích kinh tế, xã hội, chiến trận, ai thắng ai, vân vân. Có những thứ mà khi so sánh người ta sẽ thấy miền Nam đã vượt trội, đó văn hóa, đạo đức, và văn học nghệ thuật.”

“Tô Thùy Yên là một người đóng góp xây dựng nền văn chương đó ở miền Nam. Nếu tôi là một quân nhân đi tù cải tạo thì tôi cũng hãnh diện về Tô Thùy Yên. Tất cả những tâm tư của anh trải qua trên lời thơ khi sống cảnh tù đày hay khi trở về, làm đẹp mặt tất cả chúng ta. Một người đi tù, giữ được tấm lòng như Tô Thùy Yên biểu lộ, chính là kết quả nhờ cuộc sống tự do bảo vệ được văn hóa dân tộc.

Điều làm cho tôi yêu nhất, kính trọng nhất và có thể hãnh diện nhất là Tô Thùy Yên yêu tiếng Việt Nam, giữ gìn, chắt chiu, mài gọt, làm cho những từ những chữ cũ sống lại, sinh động, làm mới cách chúng ta nói tiếng Việt, tiếng Việt Nam đẹp đẽ rục rờ hơn,” ông nói thêm.

Nhà thơ Đỗ Quý Toàn thấy thi sĩ Tô Thùy Yên đã làm sống dậy những chữ tiếng Việt mà người ta đã quên rồi, đã bị phủ bụi mấy mươi năm.

Nhạc sĩ Đăng Khánh, đến chào Tô Thùy Yên lần cuối, cũng nói rằng sự ra đi của tác giả “Ta Về” là mất mát lớn cho những người yêu tiếng Việt. Ông tâm sự trong buổi tưởng niệm:

“Thi sĩ Tô Thùy Yên ra đi không những là một mất mát lớn cho gia đình, bạn bè mà thật sự là một mất mát lớn cho nền văn học của cả nước Việt Nam. Ông là một nhà thơ vĩ đại của nền thi ca Việt Nam khởi đi từ thời Sáng Tạo. Ông ra đi là một mất mát lớn trong lòng những người yêu Tiếng Việt, yêu thi ca, yêu văn chương. Sự xúc động và tiếc nuối đó tỏa ra ở trong không gian này.”

Nhà văn Trần Doãn Nho, thi sĩ Nguyễn Xuân Thiệp và ông Bùi Huy đã đưa mọi người vào thế giới Tô Thùy Yên. Trong lễ tưởng niệm cố thi sĩ không chỉ người có mặt tại chỗ mà nhiều người ở xa cũng đến chào ông qua màn ảnh. Có nhà thơ Trần Dạ Từ, có nhà văn Nhã Ca, có nữ tài tử Kiều Chinh, nhà thơ Du Tử Lê, họa sĩ Trịnh Cung, kinh tế gia Nguyễn Xuân Nghĩa. Từ Nam California, mỗi người gửi lời chia tay ông bằng câu chuyện kỷ niệm của mình.

Mấy đoạn khúc của bài thơ “Ta Về” được nhà thơ Trần Dạ Từ đọc lên thay lời ai điếu, tiễn người bạn thơ rời cõi tạm.



**Lễ đưa quan cố thi sĩ Tô Thùy Yên. (Hình: Cát Linh/Người Việt)**

## “Tô Thùy Yên, mối tình cuối cùng của tôi”

Sau mỗi một lời chia sẻ, cả gia đình thi sĩ lại đứng dậy cúi đầu cảm ơn. Mà có lẽ cố thi sĩ Tô Thùy Yên cũng đang đứng, ngồi quanh đó, giữa bằng hữu bạn bè, cạnh người vợ thân yêu quen nhau từ năm 4 tuổi!

Đứng bên cạnh áo quan ngấm cổ thi sĩ Tô Thùy Yên nằm ngủ giấc ngủ dài trong ấy, bà Huỳnh Diệu Bích nhớ cuộc đời làm vợ một thi sĩ lớn của nền văn học Việt Nam:

“Tô Thùy Yên và tôi quen nhau từ rất sớm, từ cái thời thanh mai trúc mã. Nhưng khi lớn lên chúng tôi cưới nhau không dễ dàng vì gia đình không muốn gả tôi cho một nghệ sĩ, sợ rằng tôi sẽ khổ. Nhưng cuối cùng sau bao năm chờ đợi thì chúng tôi cũng đến được với nhau dưới sự chấp thuận của gia đình.”

“Sống với anh một thời gian, khi mà tình đã cũ thì anh cần một mối tình mới hơn. Là một người nghệ sĩ, tâm hồn anh có thể yêu được nhiều lần. Còn trẻ thì có nhiều lúc tôi cũng đau khổ, nhưng sau đó, nhất là sau 10 năm tù, một thời gian tôi coi như là anh được trở về từ cõi chết, thì lúc đó mọi sự suy nghĩ của tôi có thay đổi. Tôi hiểu được rằng lấy một người chồng thi sĩ, tôi không giữ anh cho mình, tôi biết và tôi tập phải chia sẻ,” bà tâm sự.

“Thường là những người tình của anh, cuối cùng thường thường trở thành bạn của tôi. Tôi tập vui với anh. Những gì làm anh vui, thì tôi sẽ vui với anh, để anh không bị... có thể nói ... là hối hận đó. Rồi tôi thấy những điều là những gì mình cần làm cho người thân của mình thì mình cần làm ngay, vì sẽ tới lúc hoặc là người đó, hoặc là mình sẽ không còn nữa,” bà chia sẻ.

Bà nói: “Hôm nay tôi buồn vì vĩnh viễn xa anh, nhưng tôi có cái vui là tôi đã cùng anh đi trọn đường trần, và có thể nói, tôi là mối tình cuối của anh.”

Người phụ nữ nhỏ bé trong chiếc áo dài đen, đeo khăn tang trắng, trong suốt buổi lễ không một lần tỏ ra đau khổ vật vã. Ngược lại, bà đứng dậy đáp lễ tạ ân với tất cả những người đến chào tiễn đưa cố thi sĩ Tô Thùy Yên. Bà lặng lẽ cầm di ảnh của chồng mình, đi nốt với ông một khoảng đường cuối, đến căn phòng hỏa thiêu.

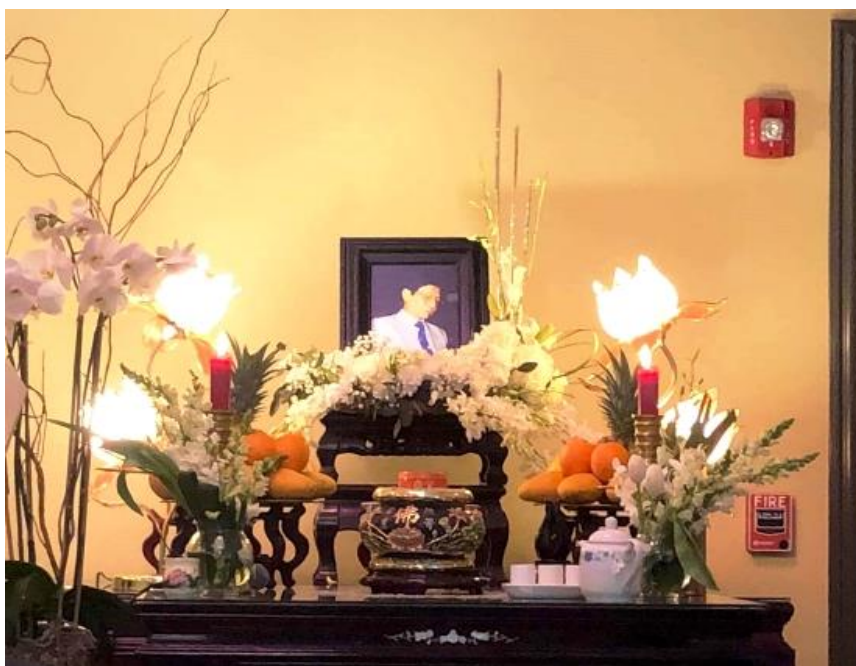
Cánh cửa sắt lạnh lùng đóng lại. Bà quả phụ Tô Thùy Yên đưa tay bấm nút, đưa ông, cố thi sĩ Tô Thùy Yên vào đoạn đường cuối cùng của cuộc đời.

Buổi lễ tưởng niệm ông diễn ra ấm cúng, đầy chất thơ. Ngày đưa tiễn ông cũng nhẹ nhàng, tựa như bốn câu thơ trong bài “Đi Xa” của ông: “Đi như đi lạc trong trời đất/ Thủy tận sơn cùng, xí xóa ta/ Cõi chiều, đứng lại, khóc như liểu/ Có thật là ta đi đã xa?”

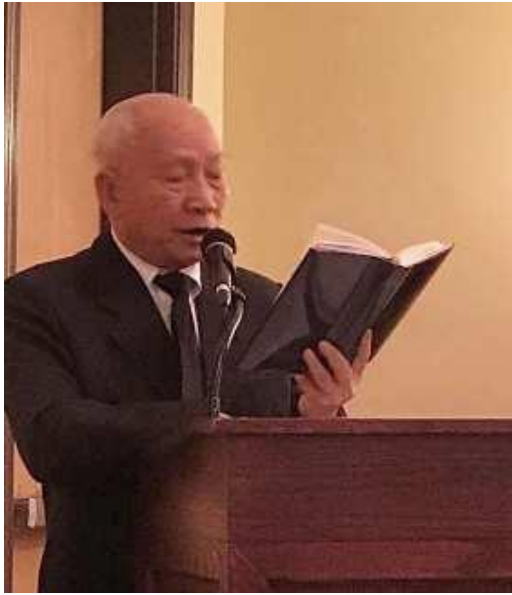
Nhà thơ đã tạm biệt mọi người để viết nốt đoạn cuối bài thơ “Ta Về.”

**Cát Linh/Người Việt**

**HÌNH ẢNH TANG LỄ Ở HOUSTON, TEXAS** 30/5/2019 – 1/6/2019









**Xem thêm hình ảnh tang lễ:**

<https://www.gio-o.com/HoangHuyManh/HHMToThuyYenTangLe.html>

# LỄ TƯỞNG NIỆM THI SĨ TÔ THÙY YÊN

5:00 - 8:00 PM, MAY 31, 2019 / Houston, Texas, USA

**\*\* Tô Thẩm Huy \*\***



Kính thưa quý vị và quý thân hữu của cố Thi Sĩ Tô Thùy Yên,

Thay mặt cho Bà quả phụ Tô Thùy Yên là chị Huỳnh Diệu Bích, các cháu Đình Quỳnh Giao, Đình Kinh Tuệ, Đình Kinh Hiệt, và gia đình, tôi xin chấp tay kính chào tất cả chư vị đang có mặt tại căn phòng này, từ gần xa các nơi đang đến đây trong buổi chiều ngày hôm nay, thứ Sáu 31 tháng 5, để tiễn đưa vong linh Thi Sĩ TÔ THÙY YÊN trở về nơi thường được gọi là cõi vĩnh hằng, là thiên đường, là Niết Bàn, là bên kia thế giới, bên kia cái gọi là Suối Vàng, là Hoàng Tuyền, là giòng sông Styx, v.v.. Cõi ấy thưa quý vị, Thi Sĩ Tô Thùy Yên thích dùng những tên khác để gọi, như “Ngôi Nhà Lớn”, “Hiu Quạnh Lớn”, “Im Lặng Lớn”...

*Ngày kia trở lại Ngôi Nhà Lớn,  
Lòng những bằng lòng một kiếp chơi.*

Thưa quý vị, cái “ngày kia” ấy nay đã đến. Thi Sĩ Tô Thùy Yên đang trên đường trở về Ngôi Nhà Lớn. Ông đã sẵn sàng cho chuyến đi cuối cùng ấy từ đã lâu. Từ vài năm trước, ông đã giao cho tôi cái vinh dự lên nói về ông trong ngày tang lễ. Cái vinh dự ấy thật là to lớn so với cái kích thích rất là khiêm nhường của tôi. Nhưng thưa quý vị, tôi đứng ở đây không phải trong tư cách của một người cầm bút viết văn, làm thơ, mà là



của một người hàng xóm, láng giềng, một người bạn của gia đình. Từ nhà tôi đi bộ đến nhà ông khoảng năm mươi phút. Trong những năm gần đây, gần như đều đặn mỗi tuần vài ba lần, tôi thường ghé nhà ông buổi sáng, ngồi uống trà và café ở hiên sau nhà ông, nghe ông nói chuyện ngày xưa, việc ngày nay. Tôi có hỏi ông muốn tôi nói gì trong đám tang ông thì được ông trả lời rất rõ ràng và đầy đủ chi tiết, là Huy nói gì Huy muốn nói. Nói gì cũng được. Rồi ông dặn tôi là ông muốn ngày tang lễ của ông phải là một ngày vui, có thơ, có nhạc, có đàn ca, hát xướng thì càng tốt, nhưng không có nước mắt, không khóc thương, sầu bi, than tiếc. Và nhất là không trịnh trọng thái quá, mà nên thân tình, giản dị.

Theo thế, để chiều ý ông, tôi xin quý vị cất lên trong lòng mình một khúc hoan ca, để tán tụng một chuyên làm người đầy ngoạn mục của ông, của một hành giả đã làm tròn sứ mệnh của mình.

Theo thông lệ, có lẽ tôi phải nói đôi điều về tiểu sử của người quá cố, tuy là điều ấy không cần thiết, bởi lẽ hầu như mọi người Việt Nam trong cũng như ngoài nước đều biết ông là ai. Không cần phải nói lời giới thiệu, nhất là trước những vị thức giả đang ngồi tại đây. Cũng như đã có quá nhiều bài viết về ông trên báo chí, trên internet, trên những trang nhật ký trong blog cá nhân. Tôi chỉ xin đưa ra một vài mốc thời gian chính yếu:

Thi Sĩ Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, ông sinh năm 1938 tại Gia Định. Trên giấy khai sinh ghi là ngày 20 tháng 10, nhưng ngày sinh nhật đúng của ông là ngày 17 tháng 8. Ông là người anh cả trong một gia đình đông con. Song thân ông chẳng quản tốn kém, khó nhọc cho ông theo học trường Pháp từ những ngày còn nhỏ. Ông học giỏi, nhớ dai, lại thông minh nên kiến thức của ông phát triển vượt bậc. Thi tài của ông hiển lộ rất sớm. Cụ Nguyễn Đức Quỳnh tại Đạm Trường Viễn Kiến có lẽ là người phát hiện ra tài năng của Tô Thùy Yên lúc ông mới mười lăm, mười bảy tuổi, và cực kỳ yêu mến ông, giới thiệu ông với những học giả lầy lùng của miền Nam thời bấy giờ như Hồ Hữu Tường, Trần Văn Ân v.v... Rồi từ đó, ông đã trở thành một thành viên sáng lập của tờ Sáng Tạo lúc chưa đầy 20 tuổi. Sau khi đi dạy học ở lục tỉnh một thời gian, ông gia nhập quân ngũ, mang chức vụ cuối cùng là Thiếu tá, Trưởng Phòng Văn Nghệ Cục Tâm Lý Chiến. Khi miền Nam tan rã, cùng với các văn Thi Sĩ khác, ông đã bị bắt đưa vào các trại tù từ Nam chí Bắc. Năm 1985, ông được trả về sau 10 năm giam cầm khổ cực, và bị quản thủ tại gia hai năm, rồi lại bị cầm tù lần thứ hai từ năm 1987 đến năm 1988, rồi lại vào tù lần thứ ba từ năm 1990 đến 1993, trước sau tổng cộng là hơn 13, gần 14 năm, trước khi ông sang định cư tại Mỹ năm 1993.

Đó là tóm tắt những mốc thời gian chính trong cuộc đời ông. Nhưng để nhớ về TÔ THUY YÊN có lẽ cách hay nhất là nghe lại một trong vài bài thơ hiếm hoi ông nói về mình. Ông viết:

*Tôi là Tô Thùy Yên,  
là Thi Sĩ*

Thưa quý vị, chữ *Thi Sĩ* ở đây phải được viết hoa, phải hiểu theo cái nghĩa cao đẹp nhất của nó. Không chỉ hiểu đơn thuần thi sĩ là “người làm thơ”. Mà là làm đẹp cuộc đời, là kẻ trực diện với những khổ hạnh, đớn đau, tủ nhục của số kiếp con người để tạo ra ý nghĩa cho cái vốn là vô nghĩa. Là kẻ biến khoảnh khắc thành vĩnh cửu. Là kẻ giúp chúng ta yêu mến những bất xứng ý của đời mình. Là kẻ giúp chúng ta nhìn ra những đóa hoa đang nở, hay cành xương rồng đang đứng thẳng giữa đồng tròn. Là kẻ đối diện với cái chết để làm phục sinh sự sống. (Như câu tiếng Pháp mà ông hay nói cho tôi nghe: *Dans l’attente de la mort, on retrouve la vie. Et sa vie.* Đối nhìn về cái chết, ta tìm thấy sự sống và thấy đời sống của chính ta, *la vie. Et sa vie*)

Xin nghe ông nói tiếp:

*Tôi là Tô Thùy Yên,  
là Thi Sĩ*

*là người chép sử tương lai.*

Ông là người chép sử tương lai có nghĩa là ông viết xuống giấy những điều chưa xảy ra. Phóng con mắt vào thiên thu vạn đại mà làm điều ấy. Xin đọc tiếp bài thơ:

*Tôi là Tô Thùy Yên,  
là Thi Sĩ*

*là người chép sử tương lai.*

*Vốn học hành dang dở nên ra đứng bờ cuộc đời ngó xuống hư vô.*

Ông làm kẻ dăng tử, ông đi đến tận mép rìa của trái tinh cầu bụi bặm này, và đứng ở đó, ngó xuống hư vô. Để làm gì? Trông thấy gì? Rồi làm gì? Điều ấy xin quý vị tìm câu trả lời trong trăm nghìn lời thơ ông viết. Ở đây, tôi chỉ xin đọc hầu quý vị phần còn lại của bài thơ ấy. Xin thưa thả đọc lại từ đầu:

*Tôi là Tô Thùy Yên,  
là Thi Sĩ*

*là người chép sử tương lai.*

*Vốn học hành dang dở nên ra đứng bờ cuộc đời ngó xuống hư vô.*

*Khi mùa hạ đốt bừng lên những hàng đuốc phượng*

*Đến cát lờn ngợi ca cuộc đời xứ sở anh em ái tình thịnh trị*

*Cha mẹ tôi cho con tính tình rộng rãi. Tôi cho thêm tôi một chút ngang tàng*

*Nên coi tâm hồn là một cánh đồng không cắm đoán không mời mọc*

*Nên tôi làm thơ theo ý riêng tôi.*

*...Nghĩa là dịch thuật tâm hồn nghĩa là nói về con cháu chúng ta*

*Nghĩa là ngợi ca loài người hiền hậu*

*Nghĩa là thúc giục đám đông nổi loạn chống cường quyền*

*Nghĩa là nghe ngóng nơi đại dương còn thiêm thiếp cuộc sửa soạn âm thầm của bao cơn sóng cuồng vạm vỡ*

*Nghĩa là giúp mọi người sống đủ hai mươi bốn giờ mỗi ngày nghĩa là giúp họ tìm thấy họ.*

Thưa thế đấy, từ những năm còn rất trẻ Tô Thùy Yên đã ý thức cái sứ mệnh của ông, là lắng nghe cái nhịp tim đập của dân tộc, của thế giới loài người, rồi nói với chúng ta về những con đường trước mặt, về những đóa hoa, những giếng nước, những bóng mát trên đường, nhắc nhở chúng ta về cái đẹp, về việc nên đối xử ân cần, độ lượng với nhau, về sự vô hạn đáng sợ của giòng thời gian, về sự lạnh lẽo của trời đất, về lòng can đảm cần phải có.

*Biểu dương, hãy biểu dương cùng tận,*

*Vinh dự lâm than của kiếp người*

*Hy hữu một lần trên trái đất*

*Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai.*

Kính thưa quý vị,

Vừa rồi là những gì tôi nghĩ Thi Sĩ Tô Thùy Yên muốn chúng ta nhớ về con người ông, hay đúng hơn, những gì mà tôi muốn nói về con người ông. Còn nói về thơ của ông, thơ TTY hay như thế nào, ảo diệu ra sao, tân kỳ độc đáo đến mức nào thì ở đây có nhiều vị có nhiều kiến thức và thẩm quyền hơn tôi. Và tôi sẽ lần lượt mời những vị ấy lên đây chia sẻ với chúng ta. Buổi tối hôm nay hứa hẹn sẽ có nhiều tiết mục gay cấn và thú vị, đúng theo ý muốn của người đã ra đi. Phần tôi, thì tôi xin tạm ngưng ở đây, và sẽ trở lại để thưa với quý vị về đôi ba kỷ niệm trong những lần trò chuyện giữa Thi Sĩ Tô Thùy Yên và tôi. Nhưng có một điều mà tôi không thể chần chừ và phải thưa ngay với quý vị. Đó là lời dặn dò của anh Tô Thùy Yên với tôi cách nay khoảng 9, 10 tháng. Lúc bấy giờ việc tu chỉnh bản thảo tập thơ của anh đã hoàn tất, anh chị Tô Thùy Yên và tôi đang chờ Đài Loan in và gửi sách sang, và đang bàn với nhau về việc tổ chức ra mắt sách ở Houston, ở Orange, ở Dallas, Atlanta v.v.. Anh Yên đã nói với tôi là hôm ra mắt sách anh muốn tôi lên sân khấu nói lời cảm ơn hai vị mệnh thường quân là ca sĩ kiêm bác sĩ Bích Liên, và bình luận gia Ngô Nhân Dụng tức Thi Sĩ Đỗ Quý Toàn, là hai vị theo lời anh, bảo trợ ấn phí, nhờ thế tập thơ được ra đời để dành tặng những người yêu mến văn chương, mà không bán. Sách chưa in xong thì anh Tô Thùy Yên lâm trọng bệnh, và việc ra mắt sách phải hủy bỏ. Thay vì tổ chức ra mắt sách, tập thơ cuối cùng

của anh Tô Thùy Yên đã được gửi đi tặng bạn bè từ mấy tháng nay. Và điều làm anh rất hài lòng là đã được cầm tập thơ ấy trong tay, đã có cơ hội gượng ngồi dậy trong nhà thương để ký tặng bạn bè. Thưa quý vị, Thi Sĩ Đỗ Quý Toàn đang có mặt tại đây. Tôi xin thực hiện lời dặn dò của anh Yên để chính thức ngỏ lời cảm ơn Thi Sĩ Đỗ Quý Toàn, ca sĩ Bích Liên, cũng như anh Đình Quang Anh Thái và một số những vị khác của cơ sở Người Việt là những người cũng đã góp nhiều công của cho việc ấn loát tập thơ. Thay mặt cho anh chị Tô Thùy Yên và những người có được tập thơ, tôi xin vô vàn cảm ơn chư vị.

Từ bản tuyên dương đầy hào khí lúc còn trẻ, trong 60 năm kế tiếp, thơ Tô Thùy Yên đã vươn mình theo những nổi trôi của thời thế. Dưới thời đệ Nhất Cộng Hòa, thơ Tô Thùy Yên là tiếng nói của lương tri của kẻ sĩ tìm cách xây dựng ở miền Nam một không khí yêu chuộng tự do, một nền văn học nhân bản, chống lại độc quyền, để tạo dựng một xã hội công bình, nhân ái. Sang đến thời đệ Nhị Cộng Hòa, khi mà cuộc chiến tranh VN trong con lốc xoáy vùn của lịch sử dần trở nên khốc liệt, thơ ông là tiếng vọng của kẻ tìm cách giữ lấy lương tri của mình trong một thời thế nhiễu nhương hỗn loạn. Trong bối cảnh sắt máu của cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn ông sáng suốt nhìn ra cả hai cùng là nạn nhân, cùng mắc đường lịch sử. Ông dán lên tường những tờ cáo trạng, cảnh báo cho chúng ta về những cám dỗ của cuồng vọng, lọc lừa, của giả dối, than van, an phận, hòng gìn giữ chúng ta những khi muốn yếu hèn, té ngã. Nhưng sau 1975 tiếng chuông nhân bản trong thơ ông vang vọng khắp mấy trời kim cổ. Ông vượt lên trên những khổ đau dày ải của lao tù. Tâm của ông vẫn ấm áp yêu thương, vẫn dạt dào nhân ái, vẫn chan chứa tình dân tộc, quê hương, chòm xóm, cỏ cây, hoa lá, mà thể hiện trong sáng nhất là bài Ta Về, sau đây sẽ được chị Bạch Hạc diễn ngâm 36 câu của bài thơ dài 124 câu ấy.

Thưa quý vị, có nhiều yếu tố góp phần vào việc tạo nên thi tài Tô Thùy Yên, nhưng quý vị có biết là một trong yếu tố quan trọng ấy là gì không? Đó là *không làm thơ thì phải đi rửa chén*. Mà anh Tô Thùy Yên thì rất ghét rửa chén, nên hễ anh ngồi làm thơ thì chị Bích sẽ tình nguyện đi rửa chén, và anh tha hồ ung dung ngồi làm thơ. Thưa nói như vậy để thấy chúng ta phải cảm ơn chị Huỳnh Diệu Bích, nhờ chị mà chúng ta được đọc thơ Tô Thùy Yên nhiều hơn. Quý vị cũng có biết là chị Bích và anh Yên chơi với nhau tự bao giờ không? Thưa anh chị bằng tuổi nhau và chơi với nhau từ lúc hai người còn là trẻ con, cùng ở một xóm, nhà gần nhau. Từ lúc ấy chị đã quyết định sẽ lấy anh. Rồi cuộc đời đưa đẩy, chị xa anh một thời gian, lên Đà Lạt dạy học. Lúc gặp lại nhau, hai người đang ở lứa tuổi 20. Và chị đã nhất định không chịu nghe lời gia đình, nhất định từ chối bao lời cầu hôn, nhất định làm vợ anh. Quý vị cũng có biết là lúc lấy nhau ở tuổi 23, sau khi ngồi bút của anh đã làm mưa làm gió trên văn đàn Sáng Tạo, thì lúc bấy giờ anh cũng không có cả mảnh bằng Tú Tài? Nguyên do là vì lúc đang ở bậc trung học

anh bị bệnh thương hàn rất nặng, tưởng chết, việc học vì thế phải dang dở. Chính chị Bích là người đã ghi tên, lấy phiếu báo danh, dực anh đi thi. Sở học của anh lúc bấy giờ đã bao trùm Đông Tây kim cổ, mục đã quán quần thư, nên anh nhắm mắt đi thi lấy mấy mảnh bằng chẳng được. Chị cũng là người thuộc thơ anh hơn ai hết, và là người rất tinh tế với chữ nghĩa. Tập thơ xuất bản đầu tiên của anh là tập Thơ Tuyển, in năm 1995 do chính tay chị sửa bản đánh máy. Tập thơ ấy không có một lỗi chính tả, không một chỗ nào sai dấu hỏi ngã. Nhưng có một chữ sai, không đúng với nguyên tác. Quý vị có biết đó là chữ nào không? Ở trong bài Chiều Trên Phá Tam Giang ấy? Thừa đó là chữ “*miệng đất*”, đã bị in nhầm là “*mặt đất*”. Sao lại là miệng đất? Thừa anh Tô Thùy Yên phóng con mắt từ máy bay trực thăng ngó xuống, thấy nhà cửa tróc nóc, trông như là đang há miệng than khóc, kêu gào. Một chữ ấy thôi, mà anh Tô Thùy Yên “hỏi giấy” chị không biết bao nhiêu lần. Quý vị nào có tập thơ ấy ở nhà xin vui lòng lật ra trang 75, lấy bút chữa lại là *Ta ngó thấy nhà cửa tróc nóc/ Từng ngôi như miệng đất kêu gào*, để cho tác giả được yên lòng. Và trong thời gian giúp trình bày và sửa lỗi đánh máy tập thơ mới nhất của anh, tôi đã có dịp làm việc sát cánh với chị Bích, có dịp chứng kiến tận thân làm việc cẩn thận, chắt chiu từng chữ của chị. Quý vị có biết là việc tu chỉnh bản đánh máy trước khi trao cho nhà in đã mất hơn 2 năm không? Có anh Đinh Quang Anh Thái ở đây làm chứng. Anh Đinh Quang Anh Thái là người cũng đã bỏ ra nhiều công sức cho tập thơ. Sự đòi hỏi thời gian kiên nhẫn ấy không phải do lỗi ở chị Bích hay ở tôi. Chúng tôi đã cố xem lại các lỗi chính tả, chữ nào có g, chữ nào không có g, chữ nào viết với t thay vì với c, v.v., rồi đưa bản đánh máy qua cho anh xem lại. Anh ngâm tôm tháng này sang tháng nọ. Hỏi anh thì anh bảo làm gì mà hối thúc dữ vậy. Hỏi nữa thì anh la là sao nhiều chuyện quá vậy. Lâu lâu thấy có một chữ nào mình nghi ngờ thì mang ra hỏi anh, nhưng mà sửa từng chữ một như vậy thì đến bao giờ mới hết mọi chữ trong tập thơ? Về sau, chị Bích và tôi quyết định, không chờ anh nữa, mở tập Thấp Tạ ra dò từng chữ, mở tập Thơ Tuyển ra dò từng chữ, thêm vào những đoạn đánh máy thiếu, sửa lại những câu đánh máy sai, gặp những chữ ngờ ngờ, không có trong hai tập ấy thì mang ra bàn với anh. Lỗi chính tả trong tập thơ mới in thì tôi tin là không có, nhưng có sai chữ nào như miệng đất với mặt đất thì tôi không dám chắc, bởi vì thơ Tô Thùy Yên dùng nhiều chữ rất thông thường, nhưng dùng nó trong một vị trí nhiều khi rất lạ, rất khác thường, làm cho câu thơ ánh lên một ý nghĩa mới, khiến người đọc lắm khi phải sửng sốt, chẳng hạn như có ai mà nói là *khoảng cách đặc* bao giờ. Đã *cách* làm sao mà *đặc* được. Và nếu không phải là Tô Thùy Yên thì làm sao có thể nghĩ ra chữ miệng đất.

Thưa quý vị trong tinh thần đó, tôi xin mời một vị học giả, mà cũng là một người bạn thân giao, trước đây thường đi ăn trưa với anh Tô Thùy Yên, đó là giáo sư Đặng Phùng Quân. Xin mời anh Quân lên nói lời tiễn biệt với anh Yên.

(*Đặng Phùng Quân, điệu văn*)

Thưa Quý vị, các người con của anh chị Tô Thùy Yên muốn tôi đọc một bài thơ của anh, đề nhớ về anh. Tôi xin chọn bài *Và Rồi Tất Cả Sẽ Ngươi Ngoai*. Bài thơ ấy với tôi có một kỷ niệm. Năm 1972 trên tờ Văn có đăng một chùm 3 bài thơ gọi tên chung là *Quý Xương Thi*, lấy từ ý của một bài thơ mà Vương Sỹ Trinh, một vị quan đời nhà Minh, cảm đề tập Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh:

*Cô vọng ngôn chi vọng thính chi  
Đậu bằng qua giá vũ như ty  
Liệu ưng yếm tác nhân gian ngữ  
Ái thính thu phần quý xương thi*  
Mà tôi đã lược dịch là  
*Nói nghe dăm chuyện ba bường  
Vườn dưa giàn đậu mưa luôn phát phơ  
Cõi người lấm chuyện vẫn vơ  
Muốn vào nghe quý đọc thơ dưới mồ*

Tôi còn nhớ lần đầu khi đọc chùm thơ *Quý Xương Thi* ấy tôi đã từ trên võng trước hiên nhà té xuống đất, vì thi tứ mãnh liệt của bài thơ đã làm tôi sợ hãi đến ngây ngất. Nhiều câu trong các bài thơ ấy đã theo tôi sang Mỹ khi tác giả của nó còn nằm ở lao tù. Như trong bài *Hề, Ta Trở Lại Gian Nhà Cỏ*: *Nghĩ tội thương sau này mãi mãi, Quanh mồ ta trắng phải lang thang*. Hay: *Ta ngắm gốc cây nứt nở vỏ, Gốc cây to đến mấy người ôm. Nghĩ tới bao điều thâm lặng lớn, Trí ta không đủ lực đo lường, Nên ta phó mặc cho trời đất, Trời đất vô ngôn lại bắt nhân. Nên ta lẳng lẳng đi đi khuất. Trong lẳng quên xanh hút thời gian*. Trong những ngày đầu sau 1975 bơ vơ trên đất Mỹ, nhiều lúc ngồi nhớ lại những câu thơ ấy tôi thỉnh thoảng vẫn chảy nước mắt. Sau này, được gặp và quen biết với anh, Thi Sĩ Tô Thùy Yên đã đề tặng tôi bài thơ ấy, mà tôi trộm nghĩ mình không xứng đáng, nghĩ mình quá nhỏ bé so với ý tưởng cao lớn ngút trời trong bài thơ. Bài thơ khá dài, tôi xin đọc vài đoạn:

*Ra đi như một bình minh lạ  
Trên kỷ nguyên chưa kịp hiện hình.  
Thi sĩ Bắc, Nam đều chết rạp.  
Ba trăm năm lịch sử làm thinh.  
Ra đi như một âm thanh sáng  
Xuyên suốt tâm linh, dội cảm sâu.  
Hỡi gã du hành, hãy cất tiếng  
Bài ca thiên cổ chẳng thành câu.  
Con đường vô định chưa ai tới  
Hay tới nơi, thôi chẳng trở về.*

*Hỡi gã du hành, hãy nói lại  
Những điều người thoáng thấy như mê.  
Ta mò đoán nghĩa dòng hư tự  
Mòn nét trong thiên địa ngập ngừng.  
Ta thấy mặt tinh cầu xếp nếp  
Như lằn nhăn tuổi tác hư không.  
Những người thuở trước gương cung  
cứng,  
Cười ngựa điên, hoa kích ngàn cân,  
Một trận tanh thành ba triệu dịch,*

Nửa chiều chết đứng hận giai nhân.  
Những người thuở trước đi tìm mộng,  
Lạc suối mê, hoa giạt ngược dòng,  
Theo tiếng kinh quan san biệt dạng,  
Buộc sầu, xoắn tóc, thả thuyền rong.  
Những người thuở trước như là mộng,  
Diễm tuyệt dung nhan thảo mộc sâu.  
Hương phấn bay lừng xa khỏi kiếp,  
Tiếng cười xé rách núi sông đau.  
Những người thuở trước bây giờ lạc  
Trong dĩ sử nào như bóng mây,  
Trong trí nhớ nào như giọng hát.  
Hỡi ôi, trời đất lạnh tình thay!

Hỡi ôi, gió nổi lên cùng khắp,  
Giục gã du hành rảo bước thôi !  
Ta uống giếng hoang, ăn trái lạ.  
Tâm hồn mãi mãi mới tinh khôi.  
Hoàng hôn xô bóng ta trên cát,  
Ta lớn lao và ta cô đơn,  
Ngưỡng mộ cây xương rồng gắng gượng,  
Thân trần đứng lẻ giữa đồng tròn.  
Biểu dương - hãy biểu dương cùng tận  
Vinh dự làm than của kiếp người  
Hi hữu một lần trên trái đất  
Và rồi tất cả sẽ ngoài ngoài

Thưa quý vị, bài thơ TA VỀ đã đi vào lòng dân tộc. Tôi tin là sau này TA VỀ sẽ mãi mãi còn được ngân nga trong những lời ru con của mọi bà mẹ Việt Nam, của cả những người dân quê mù chữ, như những câu Kiều đã ngọt ngào, êm đềm tan trong gió những buổi trưa hè từ Nam chí Bắc, từ thôn quê đến thành thị, từ hai trăm năm nay. Nhưng thưa quý vị có một bài thơ khác lớn không kém bài *Ta Về*, đó là bài *Mùa Hận* dài 188 câu, được Tô Thùy Yên viết từ năm 1979, lúc đang bị cầm tù, đày ải ở Nghệ Tĩnh, trước bài *Ta Về* nhiều năm. Tôi nghĩ ý tinh của *Ta Về* đã được hun đúc từ lúc ấy. Hai câu dẫn nhập của bài *Ta Về*, in chữ nhỏ ở bên trên: *Tiếng biển lời rừng nao nức giục / Ta về cho kịp độ xuân sang* là hai câu trích từ bài *MÙA HẬN*. Bài thơ ấy chính là bản cáo trạng về những bất nhân, độc ác của một số người, của những kẻ cầm quyền, là tiếng than ai oán về những những đày ải mà dân tộc đang phải gánh chịu. Sức mạnh và khí thế của bài thơ ấy có thể ví với *Hịch Tướng Sĩ* của Trần Hưng Đạo, với *Bình Ngô Đại Cáo* của Nguyễn Trãi. Có khác chăng là kẻ gây họa lần này lại không phải là ngoại bang. Xin mời nghe vài đoạn:

Ở đây, địa ngục chín tầng sâu,  
Cả giống nòi căm lạng gục đầu,  
Cắn chết hàm răng, ứa máu mắt,  
Chung xiềng nhưng chẳng dám nhìn nhau.  
Sông hồ nẻ đá, giếng vô vọng.  
Muông thú điên lâm lũi bỏ đàn.  
Dân làng lũ lượt kéo lên rú  
Lùng sục đào khoai củ đã khan.  
Như tên phù thủy già điên loạn,  
Lịch sử lên cơn dữ bất thường,

*Treo ngược con đèn trên lửa đỏ,  
Quạt mỏ thánh để phi tang xương.*

...

*Ta khóc lẻ loi, cười một mình.  
Thu hình ẩn nấu dưới tâm linh,  
Mắt chong kính hải đêm hư sử,  
Thân lửa lò đau cháy khổ hình.  
Gỗ lấy đầu mình như gỗ cửa  
Liên hồi kêu cứu giữa đêm khuya.  
Đầu ta như chiếc đầu lâu cổ,  
Tiếng rỗng không khô khóc não nề.*

Và chính vì kẻ gây tội không phải là ngoại bang, hay có lẽ vì tâm của Tô Thùy Yên cao thượng, lòng độ lượng của ông đã bao trùm cả thế gian, cho nên phần sau của bài thơ thay vì là lời kết tội, lại là lời hóa giải, là niềm mơ ước một ngày TA VỀ ta sẽ được uống ngụm nước giếng mát ngọt ở quê nhà, một ngày mà gió ngàn sẽ thổi mới trần gian, phá tan mọi xiềng xích, xóa hết mọi hận thù, một ngày mà ông đón tuổi già bằng trăm việc bình thường như sửa nhà, chăm sóc lại vườn hoa, một ngày mà bắt đầu là ba tiếng gõ lúc bình minh, mở màn cho mọi đổi thay của một mùa hội mới, thắm tươi, hiền lành như câu chuyện thần tiên:

*Còn ở đâu làn nước giếng khơi  
Để ta đến uống một hơi dài,  
Thỏa cơn khát nhớ như điên dại...  
Nước giếng quê nhà mát ngọt thay!  
Ở đâu còn trận gió thênh thang  
Thổi mới trần gian mùa rộn ràng.  
Tiếng biển lời rừng nao nức giục  
Ta về cho kịp độ xuân sang.  
Ta nghe cánh cửa lâu đời sập,  
Những xích xiềng han rỉ đứt tung,  
Sấm động một trời u uất vỡ,  
Muôn nghìn năm thế giới còn rung.  
Tất cả rồi đây sẽ đổi thay.  
Đổi thay từ quặng mỏ, mầm cây,  
Đổi thay cả mặt người tắm tối,  
Những bớt chàm xưa được xóa trôi.  
Đất trời không có chi còn mất.  
Ta bước ra thân đón tuổi già.  
Trước mắt, ta còn trăm thứ việc:*



*Sửa nhà, chăm sóc lại vườn hoa...  
Những ai hôm trước từng gây tội,  
Hãy lắng tâm tha lấy lỗi mình.  
Tự tại, thời gian chôn chính nó.  
Đời lên lại mãi tựa bình minh.  
Nghe này ba tiếng gõ sân khấu.  
Màn mở, người tham dự đứng lên...  
Thế giới, hãy còn thơ trẻ nhé,  
Bắt đầu câu chuyện lớn thần tiên.*

Trước khi mời vị khách kế tiếp lên đây, tôi xin kể hầu quý vị một kỷ niệm khác với Thi Sĩ Tô Thùy Yên. Trong một lần ngồi uống trà anh Yên có nói với tôi về bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu. Không biết quý vị có biết không, chứ anh Yên là người giỏi và viết chữ Hán rất đẹp. Khi ở trong tù anh có chép mấy bài thơ bằng chữ Hán cho cụ Hà Thượng Nhân, mà cụ rất thích, nhưng lại bị rắc rối vì mấy anh cai ngục chẳng hiểu mô tê gì. Cứ nói tránh ra là thơ của bác Hồ thì lại được yên thân. Trở lại với Hoàng Hạc Lâu thì theo anh Yên bài thơ ấy là bài thơ hay nhất trong nghìn nghìn bài thơ thời nhà Đường. Nó hay không phải vì hình thức, vì chữ dùng, mà vì cái cảm giác ghê hồn về giòng thời gian vô vô tận, về cái thân phận lạc lõng bơ vơ của con người giữa sa mạc trần gian trong một ngày nắng tắt. Anh nói là một ngày nào đó anh sẽ viết về bài thơ ấy. Tôi nói Tân Đà dịch bài ấy không hay vì nó mềm mỏng, dịu dàng quá, nhưng bản dịch của Vũ Hoàng Chương thì tuyệt, hay hơn cả nguyên tác. *Vàng tung cánh hạc đi đi mãi.* Chỉ có bậc thầy như VHC mới có thể biết mà vận chuyển chữ vàng lên đầu câu, làm choáng ngợp cả người đọc. Anh Yên nói với tôi là Thanh Tâm Tuyền có dịch bài ấy, hay lắm. Nhưng anh không còn giữ. Thật đáng tiếc.

Thưa quý vị, giữa sa mạc mênh mông đến vô tận là một căn lều to lớn. Có đoàn người nối đuôi nhau bước vào, ở đó một lúc, rồi tuần tự bước ra qua cánh cửa đối diện, đi về đâu không ai trong họ biết. Và cũng không ai nhớ, hay biết gì về nơi mình đã từ đó đến, hay sẽ đến. Như là họ từ một giấc ngủ đến, để rồi đi vào một giấc ngủ khác. Ở giữa hai giấc ngủ ấy là “khoảng khắc trăm năm dưới mái lều”, là bách niên thuận tức năng kỷ thì theo lời Cụ Nguyễn Du, là “a watch between a sleep and a sleep” theo lời ông Charles Swinburne, là “cuộc tuần du của người hành giả” theo lời Tô Thùy Yên. Trên cuộc tuần du ấy, Tô Thùy Yên đã không ngừng soi lại chính mình, không ngừng hỏi han Hiụ Quạnh Lớn, lục lợi thời gian, tìm tòi bản mệnh, kể chuyện cho chúng ta nghe, hòng dọn mình sửa soạn:

*Bạn có nghe, này bạn có nghe  
Vũ trụ miên man chuyển động đều.  
Thoáng nhớ có lần ta đọc trộm*

*Lược sử ta trong bí lục nào,  
Văn nghĩa mơ hồ không hiểu trọn,  
Thiên thu lóa tắt vệt phù du...  
Thuận tay, ta ngắt một cành sậy  
Làm cây sáo thổi cạn hồn sầu  
Bay tản khắp vô cùng trống trải,  
Âm thừa tưởng lạc đến muôn sau...*

Tô Thùy Yên đã hoàn thành sứ mệnh của kẻ hành giả. Chúng ta hãy cầu chúc ông ra đi thanh thản, và cảm ơn ông đã một lần ghé qua căn lều với chúng ta, mang theo cho chúng ta tình thân ái, giúp chúng ta thêm can đảm để yêu thương nhau nhiều hơn, nhìn thấy rõ hơn cái đẹp mong manh nhưng màu nhiệm của thân phận con người. Lời cuối, thay mặt cho gia đình cố Thi Sĩ Tô Thùy Yên, tôi xin kính chúc quý vị một đêm yên lành, thanh thản, và xin chân thành cảm tạ tất cả quý vị đã vì yêu mến Thi Sĩ Tô Thùy Yên mà thân hành đến đây đưa tiễn ông, đặc biệt là các vị đến từ xa xăm như Thi Sĩ Đỗ Quý Toàn và nhà báo Đinh Quang Anh Thái và Nguyễn Xuân Nghĩa, Thi Sĩ Nguyễn Xuân Thiệp và nhà văn Trần Doãn Nho, hay các vị từ xa xôi đã gửi lời phân ưu thăm hỏi. Thi Sĩ Hoàng Xuân Sơn từ Canada cũng đã gửi về mấy câu thơ tiễn đưa người đi trên đường lớn. Tôi xin thay mặt anh đọc lên ở đây:

*Bài thơ cài trên cửa,  
Sau cùng đã khuất duy.  
Những con chữ rơi xuống  
Tan theo bóng thềm thì  
Đường lớn ôi đường lớn  
Ừ thì đi. Rồi đi.*

Riêng tôi, vốn biết là ông yêu thơ Basho, xin tặng ông một bài thơ của Izumi Sikibu tức Hòa Tuyền Thúc Bộ, một nữ Thi Sĩ Nhật Bản sống ở đầu thế kỷ 11, cách chúng ta một ngàn năm, thay cho lời tiễn biệt:

*Từ tối tắm  
Về tắm tối  
Soi lối giùm nhau  
Hồi vàng trắng  
Nằm sau vách núi,*

**Vĩnh biệt anh, anh Tô Thùy Yên.  
Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế...**

**Tô Thắm Huy** - 31 tháng 5, 2019

## CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành tri ân và cảm tạ  
Quý Thượng Tọa, Tăng Ni, ban tụng niệm chùa Linh Sơn,  
Quý hội đoàn, cơ quan truyền thông, báo chí,  
Quý văn thi sĩ, ký giả, văn nghệ sĩ  
Quý độc giả  
Quý thân quyến  
Và bằng hữu xa gần

đã cử hành lễ cầu siêu, tụng niệm, cúng dường hồi hướng,  
phân ưu, thăm hỏi, điện thoại, điện thư, đăng báo  
hay thân hành viếng thăm, tiễn đưa  
linh cữu của chồng, cha, anh, ông chúng tôi là:

*Đình Thành Tiên*

Bút danh

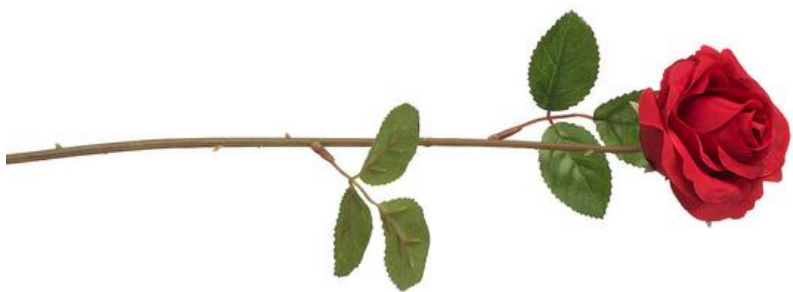
*Tô Thùy Yên*

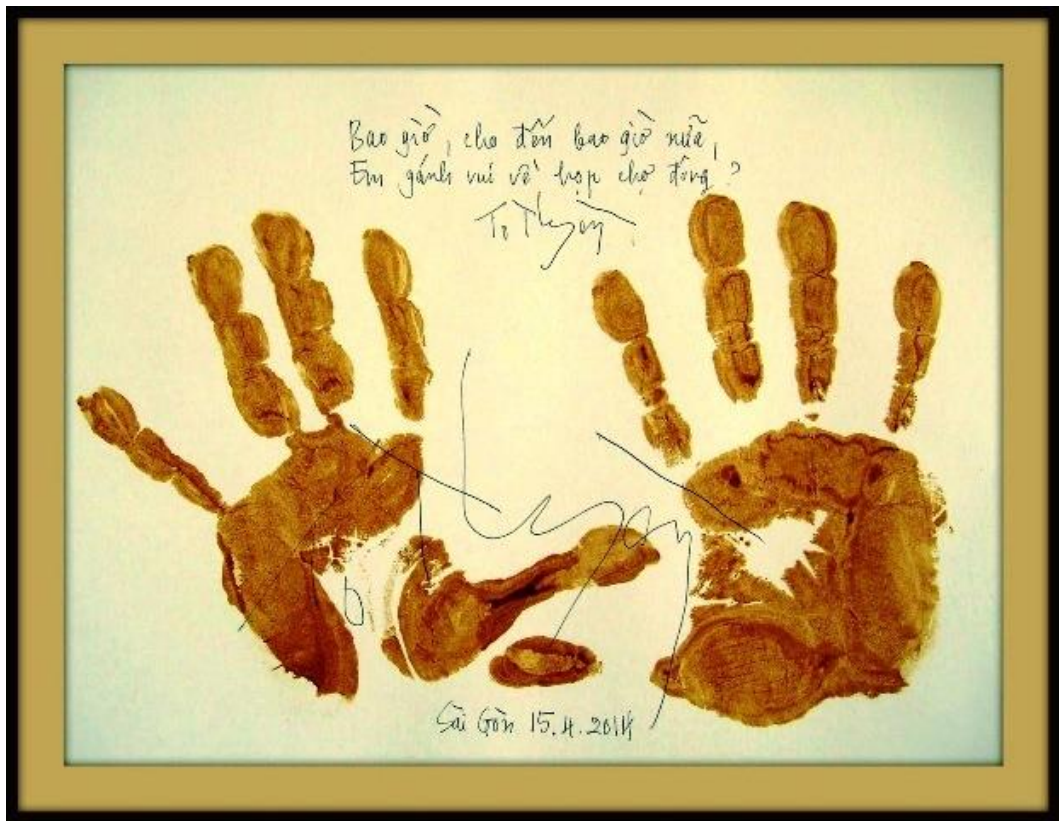
Tạ thế ngày 21 tháng 5, năm 2019  
(nhằm ngày 17 tháng 4 năm Kỷ Hợi)  
về cõi Vĩnh Hằng  
hưởng thọ 82 tuổi

Xin quý vị niệm tinh tha thứ cho những sơ sót trong việc đón tiếp.

Tang Gia Đồng Bái Tạ

Bà quả phụ Tô Thùy Yên, Khuê danh Huỳnh Diệu Bích, và các con, các cháu.





**Dấu tay & thủ bút của TÔ THÙY YÊN 2014**

\*\*\*\*

***Như một hành trang đơn,  
Trên cánh thơ miền mới,  
Làm gió vĩ tuyến thờ,  
Tặng chàng Kê Sĩ Tô Thùy Yên.***

**Trường Đình**

**Trường Đình riêng tặng anh Tô Thùy Yên:**

**■ SÓNG TRONG TỪNG SÁT NA**

# PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn báo huynh của nhà thơ TRƯỜNG ĐÌNH là:

Ông **ĐÌNH THÀNH TIÊN**  
bút danh **TÔ THÙY YÊN**

Cựu học sinh Petrus Ký (Sài Gòn),  
cựu sinh viên Đại Học Văn Khoa Sài Gòn,  
thành viên trong nhóm Sáng Tạo (1957)  
cựu sĩ quan ngành Chiến Tranh Chính Trị QLVNCH.  
Định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1993

**Sinh năm 1938 tại Gia Định**  
**Từ trần ngày 21 tháng 5 năm 2019**  
**tại thành phố Houston, Texas - USA**  
**Hưởng thọ 82 tuổi**

*Nguyện cầu hương linh thi sĩ TÔ THÙY YÊN  
sớm được tiêu diêu nơi miền cực lạc.  
Xin thành kính phân ưu cùng Bà quả phụ Huỳnh Diệu Bích  
và toàn thể tang quyến.*

---

Thay mặt văn thi hữu của Cơ Sở Cỏ Thơm,  
Ban Điều Hành:  
*Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Trần Bích San,  
Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung*





# PHÂN ƯU

Nhận được tin  
Nhà thơ TÔ THÙY YÊN  
vừa qua đời tối Thứ Ba, 21 Tháng Năm,  
tại Houston, Texas,  
Hương thọ 81 tuổi

Toàn thể anh chị em Văn Nghệ Boston  
xin chia sẻ sự mất mát và đau buồn này  
đến gia đình và tang quyến.  
Nguyên cầu hương hồn Nhà thơ TÔ THÙY YÊN  
sớm yên nghỉ thanh nhàn nơi cõi vĩnh hằng

Văn Nghệ Boston

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU



\*\*\*

## Kiều Chinh chia buồn



*Thái Thanh, Tô Thùy Yên, Kiều Chinh, Trần Dạ Từ, Nhã Ca*

Thật buồn được tin nhà thơ Tô Thùy Yên vừa ra đi.  
Tô Thùy Yên bị heart attack đêm qua.  
Xin chia buồn với cháu Hiệt Đình và toàn thể gia đình.  
Tô Thùy Yên ơi, lên đường thanh thân nhé,  
sẽ gặp lại anh Mai Thảo và Thanh Tâm Tuyền.

## Vĩnh biệt Tô Thùy Yên

“Người về một bóng trên đường lớn!”  
Mới đó... Trời ơi! Một Bóng Ma!  
Tin ở Houston qua, báo vậy  
Tô Thùy Yên... mãi mãi Đi Xa!

Mãi mãi từ nay mất một người  
Mà nghe ngàn triệu tiếng Than Ôi!  
Chào anh! Vĩnh Biệt Người Anh Lớn  
Hẹn gặp... mà thôi Hết-Gặp-Rồi!

Mười Tám Thôn Vườn Trầu đang khóc  
Mưa Sài Gòn mưa tới Hóc Môn  
Tô Thùy Yên ạ... hoa me rụng  
Triệu giọt mưa thành Nước Mắt tuôn!

## Đi

Bài thơ cài trên cửa  
Sau cùng đã khuất duy  
Những con chữ rơi xuống  
Tan theo bóng thềm thì  
Đường lớn ôi đường lớn  
Ừ thì đi. Rồi đi.

**Trần Văn Lệ**

## Không còn

chẳng còn gì thấp tạ  
người ôm hết bó nhang  
đi về chong nhật nguyệt  
pha lê màu thủy tinh  
sẽ không ai nhìn thấy  
tin thơ. ở dạng hình

**Hoàng Xuân Sơn**

22/5/2019 Kính tiễn

Tôi thật tình tôi đang ngã quy  
Anh về một bóng thiết sao anh?  
Quê Hương đã đón anh về thật?  
Một bóng đường xa... lộ vắng tanh!

Một bóng đường xa... một bóng người  
Lời Chào Vĩnh Biệt nhận cho tôi!  
Tô Thùy Yên hỡi Người Anh Lớn  
Tôi chúc Anh Yên Giác Ngộ Cười!

**Trần Văn Lệ**

Temple City 21-5-2019

## Từ Tạ

*Chợt tin người đã thiên thu  
Dưng không trời đổ sa mù trong tôi*

*Ôi Trời!*

*Ôi Đất!*

*Ơi Người!*

*Sao đi bỏ chữ... mờ cõi, từ rày!*

**Cao Vị Khanh**



# Khi thi sĩ chết

Khi thi sĩ nằm xuống  
người ta bỏ vào trong áo quan  
những trang Thơ phủ kín chiều dài của  
thân thể  
đó là những dòng chữ  
viết cho suốt chiều dài của một đời người

Khi chiếc áo quan đóng lại  
ngọn lửa bùng lên  
giấy và người tan thành tro bụi  
thì những câu Thơ bay mãi giữa đất trời

Thi sĩ không để lại một con ngựa  
vì biết là nó sẽ  
khuyu xuống với tuổi già

Thi sĩ không để lại  
những ngôi nhà  
vì biết là tường vôi mái ngói  
sẽ mục nát với thời gian

Thi sĩ không để lại những cánh đồng  
vì biết là đất đai nào  
cũng có ngày đổi chủ

Thi sĩ không để lại bạc tiền  
vì biết rằng nó sẽ thất thoát  
bởi chi thu  
Thi sĩ chỉ để lại những câu thơ  
vì biết rằng  
người ta càng chia nhau  
thì Thơ càng đầy túi

Quốc gia giàu có là quốc gia có nhiều thi sĩ  
thành phố may mắn  
là thành phố được thi sĩ ẩn thân  
con sông lúc nào sóng cũng rưng rưng  
là con sông chở tàn tro thi sĩ

Thi sĩ là người duy nhất trên đời  
khi chết đi  
không mang theo gì cả  
nhưng vẫn vĩnh viễn làm chủ sản nghiệp  
của mình  
Những bài thơ.

**Trần Mộng Tú**



# Bái biệt nhà thơ Tô Thùy Yên (1938-2019)

Thưa Anh Tô Thùy Yên,

Tôi chưa một lần được diện kiến Anh, mặc dù tôi là bạn của người em rể Anh, nhà văn Lâm Vị Thủy. Tuy nhiên, tôi rất quý trọng Anh, một nhà thơ lớn của đất nước. Tin Anh về Nhà Thập hôm 21 tháng Năm 2019 khiến tôi ngậm ngùi tưởng tiếc. Anh như một vì sao băng, để lại trên bầu trời văn học Việt Nam một khoảng trống khó lấp đầy. Xin bái biệt Anh bằng một vài vần thơ vụng dại của kẻ hậu sinh.

## Quyên Di

### ANH VỀ

*Tin từ thành phố Đông Nam áy  
Anh đã lên đường bước viễn du  
Lần này là chuyến đi xa thật  
Bỏ hẳn gian trần chốn tạm cư.*

*Đã bước vào đời và thanh thân  
Dạo trong cõi tạm tám mươi năm  
Đã khóc đã cười cùng cuộc thế  
Thì nay viên mãn tựa trăng rằm.*

*Một thuở cùng bạn bè Sáng Tạo  
Mực thơm giấy thấm ý tình khô  
Chắc hẳn từ ngày son trẻ áy  
Anh đã trầm ngâm trước cuộc đời.*

*Rong ruổi khắp mọi miền đất nước  
Không hành một buổi phá Tam Giang  
Anh đã ngậm ngùi cầm bút viết  
Bài thơ thương cảm chuyện nhân gian.*

*Bài hành Trường Sa Anh sáng tác  
Là lúc gần tan một cuộc cờ  
“Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh Lớn,  
Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngờ.” (\*)*

*“Ta Về,” Anh có hơi kinh ngạc  
Không khỏi thoáng qua chút chau mày  
Dấu hỏi to dần: sao có thể  
“Giải oan cho cuộc biển dâu này?” (\*\*)*

*Hôm nay Anh đã về Nhà Thập  
Như đưa con đi hết nẻo đời  
Như kẻ lãng du nay trở gót  
Tìm về Nhà Mẹ ở luôn thôi.*

*Một chén rượu nồng xin đưa tiễn  
Ngậm ngùi mà có chút mừng vui  
Buồn vì một ngôi sao vừa tắt  
Vui vì Anh đã trọn cuộc chơi.*

## Quyên Di bái biệt

(\*) Trường Sa Hành, Tô Thùy Yên

(\*\*) Ta Về, Tô Thùy Yên



*“thằng như con ngựa già vô dụng  
chủ bỏ ngoài trời đứng một mình”  
(thơ TTY)*

**để kính tiến ông.**

sơn dầu trên bố. **Đình Trường Chinh**

# Ngó Xuống

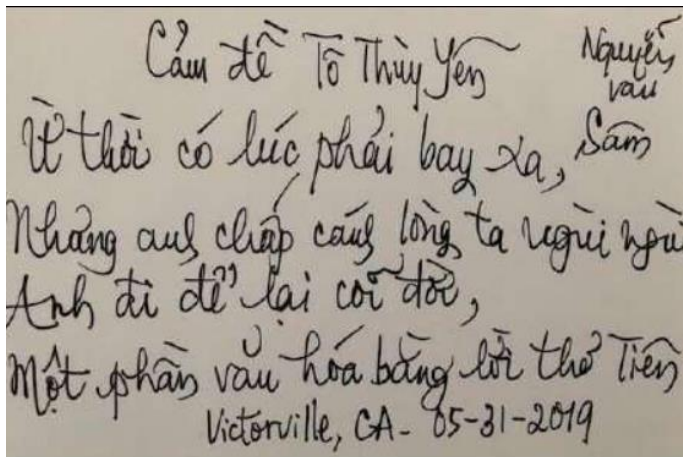
(Cho hương hồn TTY)

Hóa không bay vút miên miên viễn,  
Xác trần tháo cỡi, hạnh vô biên.  
Đọa đày mạt kiếp giờ quên lừng,  
Nhẹ tênh bụi rắc rũ oan khiên.  
Mừng rơn thanh thoát cơ man đấy,  
Bỗng chợt động tâm: khóe mắt đầy.  
Giọt nước người xưa ươn ướt đọng,  
Rừng xanh đất đỏ lấp khôn khuây.  
Nửa vừng thế kỷ theo thơ thần,  
Hổ thẹn cùng ai, tím mặt dầy.  
Thoáng nhìn ngôi rể: thương vô tận,  
Khó dứt lòng thảng, như tỉnh say.  
Bao nhiêu oan trái nơi trần thế,  
Xin tạ cùng người lỗi bận này.  
Bạn bè thương tiếc tình xưa, kẻ,  
Đoạn đứt dây trần ta bỏ, bay.  
Ngàn năm trăm kiếp nan tương hội,  
Gặp gỡ kỳ nay huyền diệu rồi.  
Trần ảo lưỡng phân, đen với trắng,  
Kẻ ở người đi đành vạy thôi.

Hồn theo hương khói băng khuâng lướt,  
Dạo ngõ nhân gian mấy phút đời.  
Triệu người nuốt nghẹn lời oan khuất,  
Muôn kẻ xót xa nhà cửa trôi.  
Dân đại nuốt chìm hồn tử nhục,  
Bọn hề hất mặt giữa vênh vang.  
Đất nước máu xương lằn teo tóp,  
Văn hóa vô tâm lớp sóng tàn.  
Đồng ruộng Cửu Long chìm ngập mặn,  
Núi rừng Việt Bắc 'lạ' tràn lan.  
Vô-thân, vô-hóa sao rơi lệ!  
Còn chút vi-sinh của kiếp này,  
Biến hình lén trở nơi trần thế,  
Nói tiếp tình xưa luyến nước mây.  
'Ta Về' thế-hóa thêm lần nữa,  
Làm kiếp thi nhân, cũng chẳng thừa!

## NGUYỄN VĂN SÂM

(Westminster, đêm khuya 05-31-19 tư gia  
một bạn văn)



## Thấp Tiến Vong Hồn Anh Tô Thùy Yên

chia buồn hay ăn có  
tôi chột ngờ chính tôi  
lợi dụng người nhắm mắt  
mớm buồn nuôi lòng vui?  
cuộc chơi dần bế tắt  
ngổn ngang mở ngậm ngùi

lòng oi lẳng giùm chút  
xem như ta không buồn  
chột bất ngờ xúc động  
bị dồn vào bi thương  
gắng ngoan cầm vững bút  
bình thường gõ bình thường

người mắt chưa thân thiết  
chỉ ngưỡng mộ và quen  
chạm vai và tay nắm  
cụng rượu và cùng ăn  
cùng hân hoan cười nói  
ngày đêm nắng cùng trăng

anh có vài điểm yếu  
khó hại nhiều tài hay  
trộn đời vào chữ nghĩa  
hào sảng kẻ râu mày  
dan xưng đậm hương rượu  
lấy lừng cánh gió bay

Ta về lời anh đọc  
cảm tạ hoa đất trời  
bản thạch nơi anh dựa  
thức ngủ trong thế ngời  
có chẳng phút diện bích  
đã đối thoại đất trời

bao người từng tiếp bước  
“ta về” trong cuộc chơi  
triết lý lạc tình ý  
của anh thành hồng thoi  
may tôi không bắt chước  
vung tay như học đòi

miên man niềm thương nhớ  
giả thật vẫn cứ đầy  
từ hôm nay tôi biết  
còn đưa tang mỗi ngày  
cho đến phiên nhắm mắt  
thành bụi chìm không bay

sẽ tìm lại hình ảnh  
lưu trên giấy hơi nhau  
sống vội lại quá khứ  
cách TA VỀ thế thời  
học theo cách THẤP TẠ  
đành thấp tiến anh rồi!

khóc anh không nước mắt  
đưa anh chỉ nhìn trời  
(đang nhìn mà không rõ  
mây đứng hay mây trôi)  
hồn anh có trong đó?  
mai này biết có tôi



tạm ngưng lúc 7g42,  
22-5-2019  
chỉnh lại sau xúc động  
6.35, 23-5-2019

**Luân Hoán**

# PHÂN ƯU



Được tin buồn

## Ông ĐINH THÀNH TIÊN

### Bút danh TÔ THÙY YÊN

Cựu học sinh Trường trung học Petrus Trương Vĩnh Ký Sài Gòn

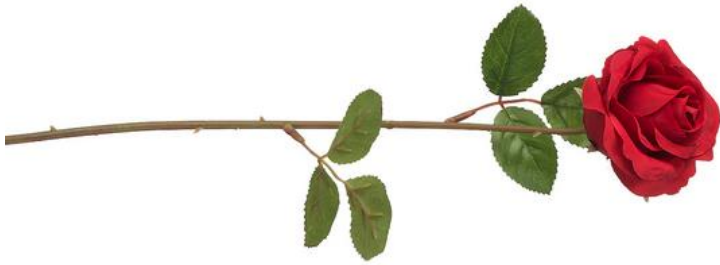
Từ trần ngày: 21.05.2019  
Tại: Houston Texas, Hoa Kỳ  
Hưởng thọ: 82 tuổi

Hội Ái Hữu Petrus Trương Vĩnh Ký Úc Châu thành kính phân ưu cùng tang quyến.

Nguyện cầu hương linh nhà thơ TÔ THÙY YÊN sớm yên nghỉ nơi cõi vĩnh hằng.



**THÀNH KÍNH PHÂN ƯU**



# Chân dung Tô Thùy Yên

**\*\* Huy Phương \*\***

June 17, 2019

*“Tác giả như một cái cây,  
phần quả thuộc về quần chúng.  
phần cây vẫn thuộc về tác giả”.*

TTY.

Vào khoảng những năm cuối của thập niên 30 đầu thế kỷ hai mươi, Gò Vấp là một quận lỵ thuộc tỉnh biên Gia Định, tương đối hiền hòa, dân cư còn thưa thớt. Hầu hết những khu nhà thuộc loài nhà vườn, trước có sân gạch, vườn sau trồng cây ăn trái. Đây là một quận ven biên, tiếp giáp với chiến khu An Phú Đông, trên đường xâm nhập của những người trong thời kháng chiến chống Pháp, nên thanh niên Gò Vấp cũng có lớp tù, lớp chết như phần lớn thanh niên thời loạn của chúng ta.

Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên sinh năm 1938, nơi vùng đất ấy, trong một gia đình đông anh em gồm năm trai và năm gái mà ông là con cả. Gia đình Tô Thùy Yên ở Gò Vấp thuộc loại điền chủ có nhà máy xay lúa và biến chế thực phẩm lâu đời, dấu tích để lại là Quận Đường Gò Vấp chính là ngôi nhà của bên ngoại của ông. Nhưng đến đời Tô Thùy Yên thì cảnh nhà đã sa sút, như ông vẫn thường nói với bạn bè, thân phụ ông thì con nhà giàu, mà ông lại chịu cảnh con nhà nghèo. Phái phụ nữ thì cũng gồng gánh tiểu thương, thân phụ ông đi làm công chức, là chuyên viên phòng bào chế của Viện Pasteur, rồi sau đó là phòng thí nghiệm của nhà thương Chợ Rẫy, Saigon. Tô Thùy Yên đã vào trung học Petrus Ký với cái thời concours 100 người mới lấy 1 vì trường ốc không phát triển kịp với đà gia tăng dân số, và vì loạn lạc chiến tranh, dân lục tỉnh đã đổ lên Saigon sinh sống...Sau một trận thương hàn sứt chết, ông nhập học trễ mất vài tháng nên phải đổi trường sang Les Lauriers, và ông đã tốt nghiệp trung học với cả hai chương trình Việt Pháp. Thời gian sau đó, Tô Thùy Yên theo đuổi một cách tài tử vài chứng chỉ Văn Khoa Saigon trong thời gian ông mặc áo lính.

Hầu hết thanh niên vào thời ông, ra trường đều đi làm công chức hay dạy học như một sinh kế, Tô Thùy Yên chưa có một ngày “sáng vác ô đi tới vác về”, thẳng có đi dạy học thì cũng phát phơ một hai niên khóa ở Saigon, Bình Dương hay Rạch Giá. Từ những năm 1962, Tô Thùy Yên đã tham gia nghề viết lách như một “free lance”, ông đã làm báo Thế Kỷ 20 của GS Nguyễn khắc Hoạch cùng với Trần Lê Nguyễn, Lý Hoàng Phong và Ngọc Dũng, những người đó bây giờ đều đã qua đời. Và sau đó với Sáng Tạo của



Mai Thảo, với một trong những bài thơ bắt đầu chuyển hướng đầu tiên mà người ta vẫn còn nhớ là bài "Cánh Đồng, Con Ngựa, Chuyến Tàu".

Khoảng thời gian 1972- 73, Tô Thùy Yên đã lập nhà xuất bản "Kẻ Sĩ", tuy đã xuất bản hơn chục tác phẩm văn thơ, nhạc, nhưng chính ông chưa có một tác phẩm ra đời. Đó cũng là một biệt lệ với một người thơ nổi tiếng như ông. Mãi đến năm 1995, khi sang Mỹ, bạn bè và độc giả của Tô Thùy Yên mới giúp ông tìm lại những bài thơ phiêu lạc và ấn hành tập "Thấp Tọa." (\*)

Thế hệ của chúng tôi là thế hệ của những người sống trong chiến tranh, thuở nhỏ đã nghe bom đạn, thấy chuyện bố ráp, nhìn cảnh bêu đầu giữa chợ "giặc bố ráp chỉ điểm bao bố che mặt đầu, bác bật tin ngoài hải đảo, chú mất xác nơi vàm sông". Lớn lên làm chiến tranh "sao chịu bịt mù hồn, chơi sinh tử quái đản, Nam quân Bắc quân trời sai tru diệt nhau?". Thời gian tù đầy, sang tới giai đoạn lưu lạc bên trời cũng là những hậu quả của chiến tranh: "quê người lạ chỗ gối đầu, lạ trăng sao, lạ cả màu chiêm bao!" Tô Thùy Yên cũng không qua khỏi những đoạn đường và những đoạn trường ấy.

Cuối năm 1963, Tô Thùy Yên động viên vào khóa 17 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Ông vốn là một người thông minh, cẩn trọng và xuất sắc, điều đó chứng minh khi đang học trung học, mọi học sinh đều phải theo học chương trình "huấn luyện quân sự học đường" (PMS), trong kỳ thi cuối khóa, học sinh Đinh Thành Tiên đã đỗ thủ khoa với cấp bậc chuẩn úy. Do vậy khi vào trường Thủ Đức mọi sinh viên trong giai đoạn I đều lãnh phụ cấp trung sĩ thì ông đã lãnh lương chuẩn úy. Những ngày đầu ở trong quân đội, Tô Thùy Yên đã ở vùng đồng bằng sông Cửu Long ba năm trước khi thuyền chuyển về Cục Tâm Lý Chiến. Thời gian đó, ông đã đi xuống nông thôn Nam Bộ làm công tác biên tập, phóng sự cho Đài Phát Thanh Ba Xuyên và các công tác dân sự vụ. Ở Cục Tâm Lý Chiến, Tô Thùy Yên có cơ hội đến với các vùng đất xa xôi như vùng Ashau, A Lưới trong các chuyến viếng thăm tiền đồn, hay, tuy không phải là nhiệm vụ của ông, thích đi làm phóng viên ngoài mặt trận. Trong quân đội, dù ở đơn vị tham mưu hậu tuyến, ông cũng đã thăng chức khá nhanh, chức vụ cuối cùng của ông là Thiếu Tá Trưởng phòng Văn Nghệ Cục Tâm Lý Chiến.

Tháng 5-1975, cũng như tất cả kẻ sĩ miền Nam, Tô Thùy Yên trót tay đi tù 10 năm qua các trại Hoàng Liên Sơn, Bắc Thái, Thanh Chương.... Ra tù vì tội danh sĩ quan miền Nam, Tô Thùy Yên lãnh thêm một đoạn đời biệt giam tại miền Nam với các tội danh phản động, gián điệp ngoại quốc vì những bài thơ và sự liên lạc của ông với các nhân vật văn hóa ở nước ngoài. Trong trại biệt giam, một đêm, ông đập vỡ tròng kính lão, làm vũ khí phản kháng cắt động mạch tay trái của ông, nhưng số ông chưa được chết để hôm nay chúng ta lại được gặp gỡ ông ở đây.

Ra tù, Tô Thùy Yên mới được biết các cơ quan như Amnesty, Unesco, Human Right và cả những cá nhân như phu nhân Tổng Thống Pháp Mitterand, Tổng Thống Tiệp Khắc Havel đã can thiệp cho ông, và Tô Thùy Yên trở thành Hội Viên Danh dự của các trung tâm Văn Bút Thụy Sĩ, Canada, Pháp, Balan, Tiệp Khắc mặc dầu chưa một ngày nào ông là Hội Viên Văn Bút.

Tô Thùy Yên đến Hoa Kỳ vào cuối năm 1993 do ông bà Cung Tiến và Hội Văn Hóa Việt Nam ở Minnesota bảo trợ và, ông và gia đình về định cư tại Houston, Texas từ năm 2001.

Tô Thùy Yên lập gia đình năm 1961 với Cô Huỳnh Diệu Bích, một giáo chức. Hai ông bà sinh hạ được bốn người con, một mất ở Việt Nam, còn ba, hai trai một gái đều thành đạt, sinh sống ở Dallas và Houston, Texas.



Mặc dù, Tô Thùy Yên đã nói quả- là thơ của ông- thuộc phần người đọc, còn phần cây thuộc về tác giả, tôi cũng mạo muội và xin phép tác giả đến gần để xem vóc dáng cái cây đó, cái cây đã sinh ra trái tốt như thế nào, vì tôi là người đang viết về tác giả. Quả thật, cũng như nhiều nhà thơ thời thượng khác, Tô Thùy Yên cũng chịu nổi truân chuyên vì sự đào hoa –hay tài hoa- của ông. Đã có một thời gian ông có một cuộc tình với nhà văn nữ **Thụy Vũ** mà đôi người viết văn học sử đã nhầm đó là người vợ chính thức của ông.

Ngoài ra từ khi gia đình ông đến Hoa Kỳ, có một nữ độc giả, một thiếu nữ trẻ trung và nhan sắc và là người rất yêu thơ đã đến với gia đình ông, như vừa là một người em, một người trợ tá và cũng là một người tri kỷ, mà ta đã thấy hình bóng thấp thoáng trong thơ Tô Thùy Yên: “giờ lai sinh làm cô gái nhỏ dịu hiền, dắt tay gã mù mê qua gió cát”. Nếu Tô Thùy Yên phu nhân, không phải là bà Huỳnh Diệu Bích, người mà bạn bè thường gọi đùa là Bò Tát, thì có lẽ chúng ta không có cơ hội được đọc những bài “tuyệt thi” như hôm nay và để lại cho mai sau chăng?

Người ta nói rằng thơ thời tiền chiến không có sự hiện diện của lịch sử trong thơ, ngày nay có những nhà thơ mang sứ mệnh của kẻ sĩ, đem vào thơ mình dấu vết của lịch sử, một thứ lịch sử Việt Nam vô cùng khốc liệt, tan nát và đau đớn. Thông điệp đó đã gửi đến cho những người cùng thời và gửi lại hậu thế và Tô Thùy Yên là một kẻ sĩ như thế.

Luận về thơ không phải là mục đích của bài viết này, một bài viết chỉ muốn trình bày sơ lược chân dung của tác giả Tô Thùy Yên, một người đã mang thân mệnh chung của

thể hệ chúng ta, gắn liền với các giai đoạn của chiến tranh, cam chịu, thấu hiểu, xông vào chiến tranh và cuối cùng là nhận những hậu quả của nó.

Nhà thơ Tô Thùy Yên đã từ trần tại Houston vào lúc 9:15 PM ngày thứ Ba 21 tháng 5-2019, sau một thời gian dưỡng bệnh tại ở thành phố Houston, Texas.

### **Tác phẩm của Tô Thùy Yên:**

- Thơ tuyển (xuất bản ở Đức năm 1994; Minnesota, Hoa Kỳ, 1995)
- Thấp Tọa (An Tiêm, Houston, Hoa Kỳ, 2004)
- Tuyển tập Tô Thùy Yên (\*)

(\*) Cuối năm 2018 với sự giúp đỡ của bạn bè đi tìm kiếm những bài thơ thất lạc của TTY, và do sự bảo trợ của nhà thơ Đỗ Quý Toàn và Bác Sĩ, cũng là Ca Sĩ Bích Liên, Tuyển Tập Thơ Tô Thùy Yên đã được in tại Đài Loan. Sách dày 362 trang, gồm 95 bài thơ, chỉ để dành ký tặng cho bạn bè, không bán.

### **HUY PHƯƠNG**

*(trích Chân Dung HO. & Những Cuộc Đồi Đòi Của Huy Phương & Võ Hương An. Namviet xb) Xuất bản 2004 - Bổ túc năm 2019*



**Từ trái sang phải: Trần Duy Đức, Tô Thùy Yên, Du Tử Lê, Huy Phương  
(chụp tại nhà HP năm 1994 khi TTY từ Minnesota sang thăm bạn.)**

# Nói Chuyện Với Tách Cà Phê. Người muôn năm cũ

\*\* PHAN NGUYỄN \*\*

Sài gòn mùa hè năm đó nóng bức nhưng chiều chiều thường có những ngọn gió từ kênh Nhiêu Lộc tạt qua, cũng làm vơi đi không khí ngột ngạt trong cái xóm nhỏ ở khu Tân Định, nên nhiều người thích đem ghế ra đường ngồi sau bữa cơm tối. Những ngọn gió mát mọi người đều dễ dàng cảm thấy trên da thịt nhưng cái mùi sinh lầy nước đọng từ con kênh dơ bẩn lan tỏa khắp nơi thì ko ai ngửi thấy... mà chỉ có mình mình. Khổ cho cái mũi từ phương Tây mang về là thế! Có người đùa bảo đích xác là mùi “quê hương”, hít thở mãi rồi cũng quen thôi! Không thấy gì nữa!

Cái xóm bình dân này nằm ngay góc đường Trần Quang Khải với Hai Bà Trưng. Sâu vào trong là Xóm Chùa hướng ra kênh Nhiêu Lộc. Ngược ra ngoài là đường lớn, đi bộ mười phút là đến chợ Tân Định để đến nhà Đỉnh Cường ... Và chắc chắn ở xưởng vẽ họa sĩ ĐC sẽ dễ thở hơn nhiều!

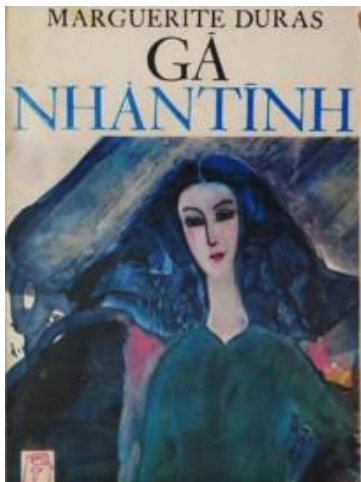
Nên dạo đó tối tối mình hay qua nhà Đỉnh Cường chơi và rủ anh đi ăn cháo trắng hột vịt muối với củ cải ... cũng chỉ đi bộ lòng vòng khu chợ để có dịp la cà quán xá. Và tối hôm đó, tình cờ mình gặp một người biết tên nhưng chưa bao giờ gặp mặt, nhà thơ Tô Thùy Yên. Một cây bút chủ chốt của nhóm Sáng Tạo cùng với Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền v.v trước 75.

Xưởng vẽ Đỉnh Cường là nơi tụ hội nhiều văn nghệ sĩ miền Nam nhất lúc đó, đến đây có thể gặp tất cả. Ban ngày thường lui tới là Trịnh Công Sơn, Trịnh Cung, Đỗ Quang Em ... tối tối có mặt Tô Thùy Yên, Bùi Giáng. Ai cũng thân với họa sĩ Đỉnh Cường, vốn người hiền lành chất phác.

Đỉnh Cường giới thiệu TTY mới ở tù ra, mới “cải tạo” về! Anh nhòm người bắt tay thân thiện không nói gì, chỉ ngồi trầm ngâm hút thuốc. Áo trắng quần đen. Dạo đó mình chỉ biết TTY là tác giả bài “Chiều trên phá Tam Giang” nổi tiếng được phổ nhạc với giọng hát Nhật Trường, một giọng hát mình không thích lắm. Anh ngồi đó với dáng người gầy gầy, mặt mũi hốc hác, quay lưng lại với ánh đèn néon và tóc còn đen nhánh.

Đỉnh Cường bảo PN ở Paris về anh mới nhìn mình và hỏi chuyện, có vẻ quan tâm nhiều đến đời sống và xã hội Tây phương. TTY thích nói chuyện xoay quanh vài nhà văn, nhà thơ Pháp khi biết mình cũng học Văn khoa rồi bảo anh mới dịch xong quyển “L’Amant” của Marguerite Duras, hứa hôm nào sẽ đưa mình đọc bản thảo, xem có in được chăng? TTY là người ít nói nhưng thích đặt nhiều câu hỏi, thẳng thắn, tế nhị. Có vẻ không muốn

nhắc lại giai đoạn gian truân khổ ải anh vừa trải qua ... hay vì e ngại chưa muốn thổ lộ với người xa lạ mới gặp? Chuyện “học tập cải tạo” anh đều tránh né!



Những buổi tối ấy thường chấm dứt bên bát cháo trắng bốc hơi với hột vịt muối, không bia bọt và ai về nhà nấy, chạy tịnh vì mọi người đều nghèo rớt mồng tơi. Đạo đó vẫn nghệ sĩ trí thức miền Nam chỉ ngồi vỉa hè và chạy kiếm ăn từng bữa. Đa số còn dựa vào sự tần tảo của vợ con. Các bà các chị buồn qua bán lại rất giỏi trong thời kỳ “đổi mới”. Họa sĩ thỉnh thoảng bán được bức tranh đã là đại tiệc. Mình biết, có những điều không cần nói ra, chỉ im lặng, nhưng hiểu nhau tận đáy lòng...

Lần cuối gặp TTY năm đó ở nhà ĐC, một hôm có mặt Bùi Giáng, không nghe anh nói gì về quyển “L’Amant” đã dịch (Gã Nhân Tinh) và chỉ ngồi nghe Bùi Giáng đọc thơ vô lượng viết tặng nàng Brigitte Bardot, ôi Brigitte Bardot nàng minh tinh màn bạc Pháp với bộ ngực nầy lửa! Bùi Giáng đọc thơ rồi chép ra giấy nhờ mình mang sang Pháp. Suốt buổi tối TTY chỉ ngồi nghe chuyện và cười buồn nhiều hơn vui. Anh thân với ĐC, thường lui tới xưởng vẽ, chép thơ lên những mảnh giấy trắng treo lên tường như những câu đối, với nét chữ bay bướm thật đẹp.

Rồi gia đình họa sĩ Đinh Cường chuẩn bị đi nước ngoài, vài năm sau thi sĩ TTY cũng ra đi theo diện HO, mình định cư ở Pháp.

Bẵng đi 25 năm sau mình mới gặp lại TTY ở Sài gòn, một dịp anh trở về thăm quê hương. Cùng lúc mình cũng có mặt ở VN. Lần đó mình đã làm dấu tay bằng cà phê cho anh... Anh đã vui vẻ, tóc muối tiêu, hoạt bát hơn, kể chuyện nhiều hơn và ghi lên giấy dấu vân tay:

*Bao giờ, cho đến bao giờ nữa  
Em gánh vui về hạp chợ đông*

Tiếc là không ghi hai câu sau:

*Lòng ngát như hoa còn kịp buổi  
Áo chưa ai giữ để xin buông*



Thời gian đó TTY đã kịp xuất bản hai tập thơ tuyển “Ta Về” và “Thấp Tạt” ở hải ngoại mà mình có được đọc. Khác với Thanh Tâm Tuyền đã bỏ hẳn thơ, ngưng sáng tác và im lặng cho tới lúc chết!

Tôi nay nghe tin TTY qua đời vì bị nhồi máu cơ tim ... một quả “tim lớn” đã ngừng đập. Mình chợt nhớ tới quyển sách anh dịch “Người Tình” vẫn chưa cho xem ... sách có được xuất bản không? Và dấu tay Tô Thùy Yên còn đó, dấu tay Đinh Cường vẫn còn đây! Riêng lá thư tình của thi sĩ Bùi Giáng gửi Brigitte Bardot thì vẫn chưa đến tay nàng ... vì đã thất lạc!

Tôi nay nhớ tới hai câu thơ của Thanh Tâm Tuyền, người bạn thân thiết khác của Tô Thùy Yên:

*Sẽ chết như sao rơi vào bát tận  
Sẽ mãi yêu như giọt nước hân hoan*

Và hai câu của anh:

*Thấp tạt cần khôn một vô ích  
Thấp tạt nhân quần một luyến thương*

Sao thấy buồn hiu hắt!

**PHAN NGUYỄN** - Sài Gòn 26/5/2019

# Bà Tô Thùy Yên: Trăm năm đã chẳng nề hà...

Orchid Lâm Quỳnh - May 20, 2020

Như vậy là đã hai tháng trôi qua, kể từ ngày phải cách ly xã hội. Mẹ tôi đã làm hết các việc trong nhà, ngoài ngõ. Lau sàn bằng tay mỗi tuần hai lần (vì lau bằng cây thì không sạch... và nhanh quá). Lau cửa kính, cả trong lẫn ngoài (vì lau một mặt thì mặt kia ai lau, và xong sớm quá). Dọn sách cho ông ngoại, dời tủ này sang tủ khác (vì từ khi ông ngoại thành chim, không bừa bãi tủ sách nữa, nên sách rất ngay ngắn, đâu cần dọn dẹp, thế là chỉ có thể chuyển từ tủ này sang tủ khác mới có việc thôi). Sáng ra vườn để chăm sóc cây, vì dù cách ly xã hội, ta cũng phải: “Cảm ơn hoa đã vì ta nở.”

Vậy mà sáng nay, khi trời chưa kịp sáng, khi tôi đang lục đục pha cà phê, mẹ tôi đã ào ra và hỏi: “Bưu điện có mở cửa không con?” Tôi trả lời: “Dạ chắc có. Nhưng thời buổi này mẹ chạy ra bưu điện làm gì?” Mẹ tôi nói ngay: “Mẹ cần gọi cây cho bác Bích, mẹ sẽ đi sáng nay.” Tôi biết sẽ không có gì thay đổi được quyết định này của mẹ tôi. Mặc dù cả hai tháng nay, ngoài mỗi buổi sáng ra thăm mộ bố vào lúc 6 giờ, mẹ tôi không hề bước chân ra đường làm bất cứ một việc nào khác. Mẹ tôi sợ “Cô Vi” rầm rập, thế nhưng nỗi sợ “Cô Vi” đã không vượt qua tình yêu dành cho bác Bích.

Tôi không hề biết nguyên tên họ của bác Bích, vì từ lâu lắm rồi, bác là: Bà Tô Thùy Yên. Tôi lâu lắm mới gặp bác Bích, ôm bác được vài lần, nhưng tôi cảm nhận được hơi ấm rất gần gũi, thân quen, vì đó là hơi ấm của mẹ tôi, của một người đi trọn con đường chông gai, nhọc nhằn bên cạnh một tên tuổi lớn, của thi ca Việt Nam.

Trong văn chương, người phụ nữ luôn được mô tả bằng mắt biếc, bằng môi thơm, bằng suối tóc, bằng dáng mỏng. Tôi luôn lầm tưởng nàng thơ của thi sĩ này lại là nàng tranh của họa sĩ kia. Họ luôn dùng những từ ngữ “diễm lệ” để diễn tả về người phụ nữ. Đôi khi tôi cũng không rõ do họ yêu cùng một người, hay trong trí tưởng tượng, nàng thơ của họ toàn là nàng tiên bị đọa xuống trần, “dáng mỏng mưa vời,” mong manh, dễ vỡ. Những nàng thơ luôn cần sự nâng đỡ, chở che... Và khi tất cả các nàng tiên bay về trời, thì bên cạnh chàng thi sĩ còm cõi, có khi đang bệnh nặng, già yếu... sẽ chỉ còn duy nhất một người phụ nữ, “trăm năm đã chẳng nề hà...”

*Một mai nàng ra bãi vô định*

*Nhìn sông đôi lòng, nhìn núi chuyển chân*

*Mây bay bay như những vẩy biếc...*

*Nàng đứng cho tàn như một nén nhang. (Tô Thùy Yên)*

Vậy là bác Bích đã đi với thi sĩ Tô Thùy Yên trọn một kiếp người. Tuy vậy, tôi tin rằng, đối với bà, thi sĩ Tô Thùy Yên không hề:

*Đi như đi lạc trong trời đất,  
thủy tận sơn cùng, xí xóa ta.*



**Nhà thơ Tô Thùy Yên và phu nhân.** (Hình: FB HietDinh)

Cách đây mấy hôm, khi mẹ tôi gọi điện thoại hỏi thăm, bác nói: “Còn đúng hai tuần nữa là ngày giỗ đầu của anh đó em. Chị đếm từng ngày.” Mẹ tôi kể giọng bác run run, bác khóc. Tuy nhiên, ngay sau đó, hai người đàn bà tỉnh lại ngay. Hình như đã từ lâu, họ tập cho mình một thói quen chặn đứng nước mắt. Họ không cho mình được quyền yếu đuối, vì họ không phải là nàng thơ. Họ là người nuôi dưỡng thơ, để thơ được tự do, sống mãi. Thế là họ chuyển sang chuyện cây, cỏ, đời sống, chuyện kiếp sau: Có chàng thi sĩ.

Bác Bích chỉ muốn làm một bông sen ở kiếp sau, nhưng bác khẳng định, nếu chẳng may lại làm người thì bác vẫn chọn bác Tô Thùy Yên làm chồng, để lại “được” khổ thêm kiếp nữa.

Phần tôi, tôi không tin là bác chọn thi sĩ Tô Thùy Yên, mà chính thi sĩ đã chọn người phụ nữ ấy để “sáng nay, ta còn đi bên nhau.” Thật vậy, dù bao nhiêu thăng trầm, bao lần bạo bệnh, bao nhiêu năm tù đầy, bao nhiêu nàng thơ, bao nhiêu mối tình vớ vẩn,



ông vẫn luôn trở về nhà, để “sáng nay, ta còn đi bên nhau” cho đến ngày ông thật sự “dỗ cho ta giấc ngủ bình yên.”

Người phụ nữ kiên cường đó đã đi với ông suốt một chặng đường dài. Ngay từ những ngày đầu khi bà còn là một thiếu nữ ngoài đôi mươi. Bà đã tuân thủ tuyệt đối theo lời của thân phụ:

-Khi con đã lấy chồng thì dù có bất cứ lý do gì đi nữa, không bao giờ con được ly dị.

-Nhưng nếu người ta bỏ con thì sao?

-Người đàn bà mà để chồng bỏ thì bỏ đi cho rồi.

Bác Bích đã không có dịp để thử nghiệm lời của bố, chàng thi sĩ ấy, sau hơn chục năm tù đầy, sau mấy năm loanh quanh lẫn quân, tưởng bỏ đi, rồi ông vẫn lừng lững “Ta về”

*Ta gọi thời gian sau cánh cửa.*

*Nỗi mừng ràn rụa mắt ai sâu.*

*Ta nghe như máu ân tình chảy*

*Từ kiếp xưa nào tưởng lạc nhau. (Tô Thùy Yên)*

Tôi tin rằng bà chưa bao giờ để lạc mất ông. Qua những lần kể chuyện, tôi hiểu được tại sao hai bà mẹ (mẹ tôi và bác Bích) lại thân và yêu nhau đến thế. Họ không yêu thơ, nhưng họ yêu con người của hai chàng thi sĩ, vô cùng. Qua những câu chuyện, tôi hiểu được rằng, đối với thi sĩ Tô Thùy Yên, bác Bích không chỉ là vợ, mà còn là bạn, là người tình, là con gái và cả là mẹ nữa. Bác yêu sự ngây ngô của thi sĩ Tô Thùy Yên. Dù là một thiên tài văn học, khi ở nhà, ông chỉ là một đứa trẻ. Ông để bác Bích quyết định hết mọi vấn đề. Ông không màng đến tiền bạc. Ông không ngại làm sai. Ông nói với bác Bích: “Em làm sai, thì em làm lại. Em đi lạc, thì mình đi lại.” Qua những lời kể của bác Bích, tôi bỗng thấy yêu ông quá đỗi. Hai ông thi sĩ thật giống nhau.

*Nghìn năm nữa, tôi vẫn là đứa trẻ*

*Cần bàn tay của mẹ thuở lên năm. (Du Tử Lê)*

Điểm giống nhất của hai ông thi sĩ lớn, là đem hết tất cả chuyện ngoài ngõ, về thuật lại cho vợ. Kể luôn chuyện của kẻ thứ ba mới hay chứ! Hình như đối với ông, những người phụ nữ đó cũng chẳng phải là kẻ thứ ba. Sau khi kể rõ đầu đuôi chuyện tình của mình,

ông còn ngây thơ hỏi vợ: “Em thấy như vậy là người ta yêu anh chưa?” Điều hay là bác Bích cũng trả lời: “Như vậy là có tình ý rồi đó.”

Và cứ thế, bác Bích luôn dang tay, để che chở ông. Lúc ông nằm nhà thương cũng là lúc bác Bích bệnh. Vậy mà ngày nào bác cũng vô nhà thương với ông. Dù tôi không bên cạnh bác, nhưng khi bác kể, tôi hình dung được ngay hình ảnh bác tất tả, ngược xuôi, ra vào bệnh viện. Hình ảnh đó không quen thuộc sao được khi đó cũng là hình ảnh của mẹ tôi, trong những ngày bố bệnh. Mẹ tôi đã ở suốt bên bố hai tháng trời trong nhà thương và không biết về nhà là gì. Hai bà mẹ hiểu rất rõ trong những giây phút ấy, hai ông bố không còn là chàng thi sĩ của bao nhiêu thế hệ, mà hai ông đã trở về nguyên trạng, đứa trẻ của riêng bà.

Trong những giây phút đối mặt với tử thần, bố tôi luôn có mẹ tôi bên cạnh. Dù không được phép, bà vẫn ngủ lại trong bệnh viện với ông. Tôi nhớ cô y tá thương quá, nên đã cho mẹ tôi thêm hai chiếc ghế để mẹ tôi xếp lại làm giường ngủ qua đêm. Bác Bích, thì cũng đã áp lực với bệnh viện, để có được cho mình cái “code,” vào ra lúc khuya khoắt, khi mà các cửa bệnh viện đã đóng kín bung.

Bác Bích kể với mẹ tôi. Khi bên giường bệnh bác đã khuyên ông: “Thôi anh đi đi, bạn bè ở trên đó nhiều, anh đi cho vui. Không cần ở lại với em.” Rồi thì, bà thấy hai giọt nước mắt lăn dài trên má ông.

*Cõi chiều đứng lại khóc như liểu,  
có thật là ta đã đi xa. (Tô Thùy Yên)*

Tôi tin rằng, tin một cách mãnh liệt rằng, dù trên giường bệnh, trong nhà thương, giữa lúc phải chọn cho mình cuộc chơi riêng, cả hai ông đều không muốn người phụ nữ, người mà hai ông đã chọn sống cùng suốt một chặng đường dài, phải đau thêm một giây nào nữa.

Phút đó, bên giường bác Yên, chỉ còn anh Đình Hiệt. Bên giường bố tôi, chỉ còn tôi, phải chứng kiến cảnh ông trút hơi thở cuối cùng!

Tôi tin chắc anh Hiệt sẽ không bao giờ xóa được hình ảnh đó trong trí của mình. Tôi tin rằng, mỗi ngày, hay là ngay cả mỗi phút mỗi giây, anh phải sống với nỗi đau của ngày 21 Tháng Năm năm ấy, cũng như tôi.

Nhưng tôi cũng tin rằng, bác Yên sẽ trở về, sẽ thủy chung với bác Bích.

*Ta về cúi mái đầu sương điếm,  
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời.  
Cám ơn hoa đã vì ta nở.  
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi. (Tô Thùy Yên)*

Còn đúng một tuần nữa là giỗ đầu của bác Tô Thùy Yên, và năm tháng nữa là giỗ đầu của bố tôi. Sáng nay, giữa mùa cách ly, trên đường ra thăm mộ bố, tôi bật khóc khi nhìn thấy tiệm bánh mì Tip Top trên đường Brookhurst. Nơi mà bao giờ trước khi rời California, bác Bích cũng ghé ngang mua vài ổ đem về, chỉ vì “anh Tiên thích bánh mì tiệm này lắm.”

Tôi ước ao, trong giây phút này, giữa mùa cách ly, tôi được ôm bác Bích thật chặt. Tôi sẽ nói với bác là: Rồi thì tất cả sẽ nguôi ngoai.



**OLQ** - May 16, 2020



**Từ trái, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, ông bà Du Tử Lê, ông bà Tô Thùy Yên.**

# Anh Bước Rập Rình Lên Cầu Giấy

– tặng Tô Thùy Yên, bên miền cõi gió gời tâm linh...

anh đã xa rồi thương nhớ bóng  
nổi đời xưa mới chợt mờ bay  
trên vai áo lạnh còn tiếc mộng  
giữa đời rong ruổi lướt tàn phai

hỏi anh mấy bữa cơm thừa nhạt  
lật gối tìm mây dưới chân giường  
ném câu yêu nhớ vào ruộng nát  
**Thắp Tạ** vườn thơ trên mắt tường

rêu rao từng buổi chiều không tuổi  
vỗ sóng **Trường Sa** trắng bốn bề  
thương thay cái nước làm khô núi  
một thuở bước đi để **Ta Về**

xé bàn tay gió trên nắng rắng  
để bày trắng ngủ khóc rân ru  
anh hỡi vời xa sông biển vắng  
hoàng hôn **Kẻ Sĩ** cuốn vàng thu

ríu rít tìm nhau bên chòi tối  
dưới màu hy vọng cố nhìn rong  
cuối bàn chân đất gân guốc mỗi  
rã rời cơn lốc ai chờ mong

luyến tiếc làm chi đêm rét gọi  
bầu mây chi chít vẫn lưu niên  
phiên bản trời trao anh về lối  
chiều **Tam Giang** ấy đã triển miên...

## Trường Đình

UK, sương mù già 2019



# CẢM NHỚ TÔ THÙY YÊN, NGÀY XUÂN SANG

**\*\* Đinh Trường Chinh \*\***



*chân dung Tô Thùy Yên  
đinh trường chinh vẽ theo trí nhớ, 1.2019*

**"tiếng biển lờì rùng nao nức giục  
ta về cho kịp độ xuân sang"**

nếu tách 2 câu thơ này ra, độc lập, ắt hẳn người đọc sẽ tưởng tượng một khung cảnh đầy tươi sáng, tràn ngập mùa xuân của một ai đó đang háo hức mong chờ. thật ra , đó là hai câu trích đầu cho bài thơ dài "Ta Về" của một người tù vừa được thả về sau những năm tháng "cải tạo" 1975 . Tô Thùy Yên . mùa xuân lúc ấy nao nức đến thế sao

? không . tôi nghi ngờ điều ấy. đó là những năm đói kém đỉnh điểm, và có ai đói kém hơn một kẻ mới “đem thân làm gã tù lưu xứ ” ?

nhưng có lẽ tâm hồn người thi sĩ rộng mở xiết bao . những cái đẹp của thiên nhiên, tạo hoá... làm sao không lay động những tâm hồn mẫn cảm, lãng mạn và luôn nhận thức về nó : cái đẹp . trong một tâm cảm "xí xóa đời ta với đất trời", ông nói như nói với chính mình, với cuộc đời :

"hãy kể lại mười năm chuyện cũ  
một lần kể lại để rồi thôi"

tôi đã được nghe TTY đọc bài "Ta Về", không phải một lần, mà nhiều lần . có những lần ông đọc trong ánh đèn dầu heo hắt của những đêm cúp điện , từ những tờ giấy học trò úa vàng . bài thơ dài , chép tay đến một xấp giấy . chữ viết TTY đẹp như tranh thư hoạ .

những ngày mùa xuân, không dưng tôi nghĩ đến người thi sĩ lớn. với riêng tôi, TTY là một trong số rất ít những thi sĩ lớn nhất trong thi ca Việt Nam .

tôi vẽ vài nét ông theo trí nhớ. trí nhớ cùn mòn từ những ngày ông tạt ngang căn nhà ở Tân Định. có ngày mưa, chỉ có mỗi tôi ở nhà. TTY tấp vào trú cơn mưa lớn. ngồi giữa ngổn ngang tranh và màu. mùi sơn còn tươi. ông chọt hỏi tôi một tờ giấy thật lớn. với lấy cây bút dạ đen. rồi ông chậm rãi viết lên đó những câu thơ mới làm, nét chữ lớn và đẹp:

" ...

đi đến đó, dường như ta có hẹn  
Hẹn cùng ai, không nhớ rõ là ai  
Đi đến đó, lòng khô như trái rỗng  
Khua rặng rời nổi đói khát trần ai

Chiều nay trời nắng gắt...  
Chiều nay trời mưa dầm...  
Quán vắng vẻ, ngọn đèn như nổi đọi  
Thiên thu trường dạ bóng ai về ...“

viết xong , ông dán lên tường , rồi đi về . cơn mưa chắc đã ngớt . vậy mà những câu thơ đó ám trong đầu tôi cả một thời gian dài . có lẽ một phần vì ngày nào ra vào, tôi cũng đụng nó trên bức tường . không phải vì thơ hay . những câu thơ có chút bóng dáng đường thi này không phải là thơ hay của Tô Thùy Yên . TTY có những vần thơ độc sáng hơn nhiều . nhưng vì cái hoàn cảnh , cơn mưa dầm, chiều cúp điện nhá nhem

leo lét bên ánh đèn dầu lúc ấy . TTY mới đi tù ra . và những câu thơ đã vẽ lên một khung cảnh buồn thảm .

"Thiên thu trường dạ bóng ai về ."

sau tháng tư . miền Nam sinh ra hình ảnh những người thiếu phụ chờ chồng . có những người thiếu phụ chỉ mới qua hai mươi, ba mươi. và họ đã chờ . chờ và chỉ chờ , trong một thành phố âm u, le lói . chờ mờ mịt và vô vọng vì không có lấy một thông tin . chỉ biết, có thể người về sẽ về , bất cứ lúc nào , xuất hiện trước căn nhà cũ , đập cửa giữa đêm khuya , chẳng hạn . cũng có thể không bao giờ . lúc ấy , mỗi ngày mai là một đương đầu mới , không biết bắt đầu từ đâu .

"Thiên thu trường dạ bóng ai về."

như một câu thơ cổ , âm u ... trong thời gian ấy - một "thiên thu trường dạ".

Tô Thùy Yên là một người cuốn hút. không phải chỉ vì thơ , hay kiến thức rộng của ông trong nhiều lãnh vực . mà hình như con người ông là một cuốn hút lạ . một thi sĩ Gia Định xác định ngay thi tài giữa nhóm Sáng Tạo của các nhà thơ, nhà văn di cư 54.

"biểu dương - hãy biểu dương cùng tận  
vinh dự làm than của kiếp người  
hi hữu một lần trên trái đất  
và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai"

lần tôi gặp thi sĩ TTY lần cuối là ở Virginia , một năm xa cũ . tôi nhớ, có tò mò hỏi ông vài chuyện bên lề: "Lê Thị Trang là ai ? ", vì tôi rất thích bài thơ "mòn gót chân sương nắng tháng năm".

"ta gửi mỗi ngày một sợi tóc  
cầu may cho trận gió kinh thiên.  
có ai bên cối vô cùng tận  
bắt gặp lòng ta bay đảo điên? "

ông cười cười . và kể sơ về một người nữ trong thương xá giờ giới nghiêm của Sài Gòn cũ . "giờ này thương xá sắp đóng cửa" ...

"...nghĩ tới anh, nghĩ tới anh  
cơn nghĩ tới không sao cầm giữ nổi  
như dòng lệ nào bất giác rơi tuôn

nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng  
của chiến tranh mà em không biết rõ  
nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng  
một điều em sợ phải nghĩ tới  
giờ này thành phố chợ bùng lên

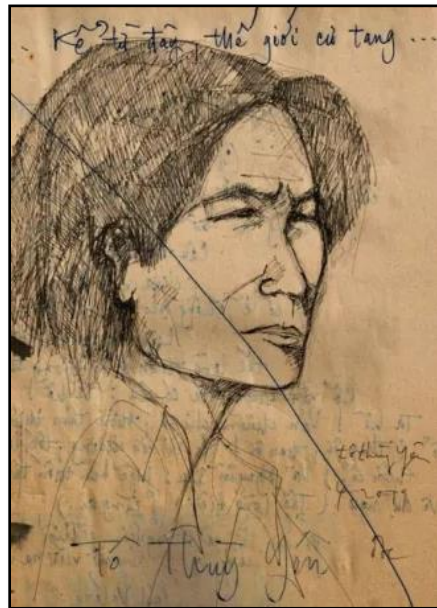
chiều trên phá Tam Giang  
anh sức nhớ em  
nhớ bất tận..."

rồi sau lần gặp cuối đó, cuộc đời cứ bất tận trôi trong khôn khổ vô ngần và hạnh phúc  
vô ngần.

và rồi tất cả sẽ người ngoài.

**- đtc**

February 8, 2019





# Nói chuyện với nhà thơ Du Tử Lê về thơ Tô Thùy Yên

NGUYỄN NGỌC BẢO - 08 Tháng Sáu 2019



*Từ trái: Du Tử Lê, Nguyễn Ngọc Bảo, Tô Thùy Yên (Hình: NNB)*

\*\*\*

**Nguyễn Ngọc Bảo (NNB):** Ngày 21 tháng 5 vừa qua, nền văn học nghệ thuật Việt Nam vừa chịu một cái tang thật lớn. Nhà thơ Tô Thùy Yên vừa qua đời tại thành phố Houston, hưởng thọ 81 tuổi. Buổi lễ tưởng niệm ông đã được tổ chức trang trọng và cảm động tại nhà quán Vĩnh Cửu tối thứ Sáu 31 tháng 5. Sáng hôm sau, thi hài ông được hỏa táng cũng tại nơi này.

Nhà thơ Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên sinh năm 1938 tại Gò Vấp. Thời trung học, ông theo học tại trường Petrus Ký và trường Les Lauriers, và đã tốt nghiệp trung học với cả hai chương trình Việt Pháp. Lên đại học, ông theo học đại học Văn Khoa Sài Gòn.

Cuối năm 1963, ông động viên vào khóa 17 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Chức vụ cuối của ông trước khi miền Nam sụp đổ vào cuối tháng Tư năm 1975 là Thiếu Tá Trưởng Phòng Văn Nghệ Cục Tâm Lý Chiến.

Trong lãnh vực thi ca, Tô Thùy Yên nổi tiếng khá sớm. Năm 1956, khi mới 18 tuổi, ông trở thành một trong những nhà thơ nòng cốt của nhóm Sáng Tạo, nơi quy tụ những văn nghệ sĩ mang lại một làn gió mới cho văn học miền Nam thuở bấy giờ.

Tháng 5-1975, như hầu hết kẻ sĩ miền Nam, Tô Thùy Yên bị cộng sản đầy đọa trong cái gọi là trại học tập cải tạo. Sau 10 năm trải qua những trại tù khắc nghiệt như Hoàng Liên Sơn, Bắc Thái, Thanh Phong, ông được tạm phóng thích. Chỉ một thời gian ngắn sau, ông lại bị bắt giam vì những bài thơ ông gửi ra hải ngoại, và liên lạc với các văn nghệ sĩ tỵ nạn tại nước ngoài. Trong trại biệt giam, một đêm, ông đập vỡ tròng kính lão, cắt động mạch tay trái để tự tử. Tuy nhiên, ông đã được cứu sống.

Ra tù, Tô Thùy Yên mới được biết các cơ quan như Amnesty, Unesco, Human Right đã can thiệp cho ông được phóng thích.

Cuối năm 1993, nhà thơ Tô Thùy Yên và gia đình đến Hoa Kỳ do nhạc sĩ và bà Cung Tiến cùng Hội Văn Hóa Việt Nam ở Minnesota bảo trợ. Ít lâu sau, gia đình ông sang định cư tại Houston, Texas.

Nhà thơ Tô Thùy Yên lập gia đình năm 1961 với bà Huỳnh Diệu Bích, một cựu giáo chức. Hai ông bà sinh hạ được bốn người con, một mất ở Việt Nam. Ba người còn lại, hai trai một gái, đều thành đạt tại Hoa Kỳ.

Cả ba tập thơ của Tô Thùy Yên đều được xuất bản ở Hoa Kỳ, sau khi ông tỵ nạn chính trị tại quốc gia này. Đó là “Thơ Tô Thùy Yên” (1995), “Thấp Tạt” (2004), và “Tô Thùy Yên-Tuyển Tập Thơ” (2018).

Dưới đây là cuộc trò chuyện giữa nhà thơ Du Tử Lê và Nguyễn Ngọc Bảo về sự nghiệp thi ca của nhà thơ Tô Thùy Yên:

**NNB:** *Thưa anh Du Tử Lê, tôi được biết trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, anh và nhà thơ Tô Thùy Yên cùng phục vụ tại cục Tâm Lý Chiến thuộc Tổng Cục Chiến tranh Chính Trị, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Anh quen anh Tô Thùy Yên từ khi làm việc chung tại đây hay từ trước đó? Sự giao tình của các anh như thế nào?*

**Du Tử Lê (DTL):** Vâng, thưa anh Nguyễn Ngọc Bảo, chúng tôi có nhiều năm làm việc chung với nhau ở cục TLC, Saigon. Tuy nhiên vì phần hành khác nhau, nên chúng tôi ít có dịp gặp gỡ, hàn huyên... Tuy vẫn thường theo dõi sinh hoạt văn nghệ của nhau, khá sát sao.

**NNB:** *Xin anh kể một kỷ niệm với anh Tô Thùy Yên mà anh cho là sâu đậm nhất.*

**DTL:** Đó là cuối năm 1995, khi anh Tô Thùy Yên từ Minnesota về Orange County rất sớm, để chuẩn bị ra mắt thi tuyển “Thơ Tô Thùy Yên”, tác phẩm đầu tiên của anh, được in thành sách ở hải ngoại. Thời gian chờ đợi, rảnh rỗi, anh thường ghé lại tôi. Đó là thời gian chúng tôi được gần nhau nhiều nhất. Chúng tôi nói với nhau đủ thứ chuyện, từ chuyện quá khứ thời niên thiếu của anh, tới chuyện văn chương, thơ phú v.v...

Buổi tối ra mắt Thơ Tô Thùy Yên, ở cà phê Tao Nhân, thành phố Garden Grove, do cố nhà văn Mai Thảo chủ trì, có rất nhiều văn nghệ sĩ tên tuổi của miền Nam tham dự. Tôi là một trong vài người được anh Tô Thùy Yên yêu cầu phát biểu. Thoạt đầu, tôi từ chối vì nghĩ nên dành thời lượng đó, cho anh em văn nghệ khác. Nhưng anh Tô Thùy Yên không chịu. Anh nhờ nhà văn Mai Thảo nói với tôi là nên nhận lời. Cuối cùng tôi đã nói rất vắn tắt rằng:

Với tôi thơ Thùy Yên có hai điểm nổi bật nhất, đó là tính nhân bản; không thù hận dù anh trải qua quá nhiều năm tháng bị đầy ải, trong trại tù cải tạo.

Và, nỗ lực đem vào thơ nhiều ngôn ngữ đặc biệt của Nam Bộ. Nhờ anh mà sau này, nhiều văn nghệ sĩ xóa bỏ được thành kiến ngôn ngữ miền Nam, không thích hợp với văn chương bác học. Hôm sau, gặp lại nhau ở nhà hàng Viễn Đông, thời ông Lâm Quang, Tô Thùy Yên nói, anh rất vui với 2 nhận định của tôi - - Vì trước, cũng như sau tôi, không có ai đề cập...

**NNB:** *Tôi nhớ là thuở sinh tiền, nhà văn Mai Thảo từng nói rằng theo ông thì văn học miền Nam Việt Nam có bấy nhà thơ lớn là Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Bùi Giáng, Nguyễn Sa, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, và Du Tử Lê. Đến hôm nay thì sáu người đã về miền thiên cổ chỉ còn lại anh. Anh có cảm tưởng gì khi tôi nhắc đến điều này?*

**DTL:** Nhắc nhở của anh Nguyễn Ngọc Bảo làm tôi ngậm ngùi. Tôi hiểu bất cứ ai, dù nổi tiếng hay không, cũng không thoát khỏi cửa tử. Vì thế, tôi hằng tự nhủ, còn sống ngày nào thì hãy cố gắng sống cho tử tế trong mọi hoàn cảnh, mọi trường hợp. Rồi cũng sẽ đến lúc tôi phải “đi xa” thôi.(1)

**NNB:** *Trong một bài viết về thơ Tô Thùy Yên với nhan đề “Con Đường Bè Bạn,” nhà báo Phan Lạc Phúc đã viết đại khái rằng “Thập niên 50, 60 là thời kỳ xâm lăng của triết học Tây phương vào văn học Việt. Những đặc trưng thường thấy của thơ, của tiểu thuyết, của truyện ngắn bị thay thế bằng những vấn nạn triết học hay thối mắc siêu*

hình. Tô Thùy Yên là một người đọc sách chuyên cần nên có lẽ chịu ảnh hưởng của triết học Tây phương với ý thức nhị nguyên mà bài thơ “Cánh Đồng, Con Ngựa, Chuyến Tàu” là một thí dụ điển hình. Tuy nhiên, ở đoạn sau của bài, ông Phan Lạc Phúc cho biết đến giữa thập niên 60, Tô Thùy Yên học chữ Nho để có thể đọc Đường Thi bằng nguyên tác và bắt đầu sáng tác thơ theo phong cách nhất nguyên của Đông Phương. Thơ không còn vẻ kiêu hãnh của một ý thức chinh phục mà mang vẻ ngậm ngùi chấp nhận, như những câu:

Tường tượng ta về nơi bản trạch  
Bãi bùn tro trên thủy triều lui  
Con còng ẩn nhẫn bò quanh quần  
Càng nhẹ tênh hênh cỡi ngậm ngùi.

*Thưa anh, phải chăng Tô Thùy Yên đã có sự thay đổi về tư tưởng và phong cách sáng tác như ông Phan Lạc Phúc nhận định? Hay là thơ anh ấy phẳng phất cả triết Đông lẫn triết Tây?*

**DTL:** Tôi vẫn nghĩ hành trình văn chương của bất cứ một văn nghệ sĩ cũng thường có nhiều giai đoạn biến đổi tự nhiên. Thí dụ từ thời thanh niên, qua trung niên, rồi lão niên... Nó rất bình thường, tự nhiên thôi. Với tôi, hành trình thi ca Tô Thùy Yên, có hai thời kỳ khá rõ ràng:

-Thời kỳ thứ nhất, khi nhà thơ của chúng ta còn trẻ, chưa nhập ngũ. Đó là thời điểm Tô Thùy Yên tham gia tạp chí Sáng Tạo. Mà, nhóm Sáng Tạo, ngoài nhà văn Doãn Quốc Sỹ và nhà thơ Cung Trầm Tưởng, hầu hết ảnh hưởng triết lý Hiện Sinh của Jean Paul Sartre. Tô Thùy Yên cũng thế.

-Thời kỳ 2 là thời kỳ Tô Thùy Yên động viên vào quân đội.

Ở thời kỳ này, Tô Thùy Yên là nhân chứng của nhiều thực tế đời sống, trong chiến tranh, nên thơ Tô Thùy Yên bắt đầu nói nhiều về lẽ tử sinh. Sự sống chết của một kiếp người quá mong manh, mang tính bất khả chuyển. Tôi muốn nói theo tôi, không phải tác giả “Đăng Tử” có những biến chuyển tâm lý quan trọng vì học tiếng Tàu...

**NNB:** Nhiều người nhận định rằng thơ Tô Thùy Yên đầy triết lý, không có một kiến thức căn bản về triết học thì khó cảm nhận được thơ Tô Thùy Yên. Cõi thơ Tô Thùy Yên là một cõi thơ đầy ẩn dụ. Đọc thơ Tô Thùy Yên là phải suy nghĩ để nắm bắt được cái nghĩa ẩn dấu sau những câu, những chữ. Anh nghĩ sao về nhận định này?

**DTL:** Tôi không nghĩ thế, thưa anh Nguyễn Ngọc Bảo. Tôi từng nói ở nhiều nơi khác nhau rằng, việc thưởng ngoạn một bài thơ, như nhìn, ngắm một bức tranh. Tùy theo góc độ, trình độ, kiến thức... mà ta có kết luận thích hay không thích. Nghĩa là tùy cảm tính của mỗi con người. Chưa kể trong thơ Tô Thùy Yên thường có nhiều điển cố, sự tích... Sự phân tích, đi vào từng chi tiết là công việc của các nhà phê bình...

**NNB:** *Có một điều khá nghịch lý tôi muốn nêu ra ở đây. Tô Thùy Yên là một nhà thơ lớn đã viết nếu không hàng ngàn thì cũng phải nhiều trăm bài thơ. Tuy nhiên, thơ của anh ấy không được các nhạc sĩ chọn để phổ nhạc, ngoại trừ bài “Chiều Trên Phá Tam Giang” do Trần Thiện Thanh phổ thành ca khúc. Phải chăng, âm nhạc Việt Nam không mặn mà lắm với chuyện gá nghĩa cùng thứ thơ mang âm hưởng trúc trắc và gó ghép triết lý như thơ Tô Thùy Yên?*

**DTL:** Thưa anh Nguyễn Ngọc Bảo, tôi rất thích hai chữ “gá nghĩa” của anh.

Phần tôi, tôi chưa từng băn khoăn, tìm hiểu về khía cạnh này. Đơn giản, theo tôi, lý do tại sao nhà thơ A. có nhiều thơ được soạn thành ca khúc, trong khi nhà thơ B. thì không - - Dù có nhiều bài thơ hay. Tôi cho đó là cái “duyên”. Không thể giải mã được.

**NNB:** *Cũng có nhiều người cho rằng chính vì gó ghém triết lý nên thơ Tô Thùy Yên đặc biệt được giới trí thức yêu mến. Tuy nhiên, nhà văn Võ Phiến từng phát biểu rằng “Thơ hay không chờ có triết, triết không làm cho thơ hay thêm.” Anh có đồng ý với ông Võ Phiến không? Nếu đồng ý thì theo anh thơ Tô Thùy Yên đặc sắc ở điểm nào, có lẽ chẳng phải nhờ hương vị triết?*

**DTL:** Tôi đồng ý thơ hay không cần có... “triết”. Nhưng nếu thơ hay mà còn có thêm “triết” nữa thì nó càng hay hơn, anh Bảo à.

**NNB:** *Ông Nguyễn Hưng Quốc, một nhà phê bình văn học nổi tiếng hiện ở Úc, đã nhận xét “Có thể dễ dàng tìm thấy trong thơ Tô Thùy Yên vô số những dấu vết của truyền thống bên cạnh vô số những điểm cách tân độc đáo: Cả hai hài hòa với nhau làm cho thơ ông, ở những bài thành công nhất, có cái hoàn hảo của những tác phẩm cổ điển.” Tôi nghĩ đây là một nhận xét khá đúng đắn về thơ Tô Thùy Yên, thưa anh Du Tử Lê.*

**DTL:** Vâng, thưa anh Nguyễn Ngọc Bảo. Tôi cũng nghĩ đó là “nhận xét khá đúng đắn về thơ Tô Thùy Yên” như nhận định của anh Bảo. Tuy nhiên, tôi không đồng ý lắm với về thứ hai: “Những điểm cách tân độc đáo” trong thơ Tô Thùy Yên, theo ghi nhận của anh Nguyễn Hưng Quốc...

**NNB:** *Thưa anh Du Tử Lê, có lần nhà thơ Thanh Tâm Tuyền bảo rằng “Tô Thùy Yên là nhà thơ miền Nam nhưng ngôn ngữ thơ của ông hoàn toàn miền Bắc chứ không phải miền Nam.” Tuy nhiên, khoảng 4 năm trước, tôi đọc một bài anh viết với nhan đề “Tô Thùy Yên, Một Trong Những Tiếng Thơ Lớn, Của 20 Năm Văn Chương Miền Nam” đăng trên website Du Tử Lê.com thì thấy anh trình bày một điều thú vị là Tô Thùy Yên sử dụng khá nhiều ngôn ngữ miền Nam rặc như “Trọn buổi chiều, ta nhậu nhẹt, Mỗi chẳng bao nhiêu, rượu rất nhiều,” hay “Tiếng hò mời dzô, dzô tờ mờ, Muối thủy triều chừng cũng giạt ra,” “Thiệt tình, tên bạn ta không nhớ, Nhưng mà trông mặt thấy quen quen,” “Sáng ngày, đời giạt mình ngơ ngác, Mừng tượng đôi ba chuyện bất quàng,” và “Ra đi như nước ao lèn đặc, May gặp ngày mưa lớn thoát tràn,” vân vân và vân vân, nhiều lắm! Tôi tự hỏi là nói một cách tổng quát thì ông Thanh Tâm Tuyền đúng hay anh đúng, hay là ta có thể nói nhà thơ Tô Thùy Yên đề huề cả Bắc lẫn Nam?*

**DTL:** *Thưa anh Nguyễn Ngọc Bảo, thứ nhất, như anh đã trích dẫn những gì tôi đã viết xuống, đã in thành sách về nỗ lực phổ cập ngôn ngữ Nam bộ trong thơ Tô Thùy Yên. Thứ nhì, phát biểu của nhà thơ Thanh Tâm Tuyền, tôi cho chỉ là một câu nói vui, trong giao tình của họ với nhau mà thôi. Cũng như khi thơ lục bát của Cung Trầm Tưởng, xuất hiện trên tạp chí Sáng Tạo, nhà văn Mai Thảo từng nói đùa rằng, thơ Cung Trầm Tưởng là một thứ Bà Huyện Thanh Quan tân thời. Hay “Cung Trầm Tưởng... Bờ”. Cũng chính vì câu nói đùa của Thanh Tâm Tuyền mà một nhà văn đã có ý thống trách Tô Thùy Yên chạy theo... “Bắc kỳ” nên đã đánh mất căn cước Nam Bộ của mình, trong bộ sách của ông. Tôi muốn nói, nếu y cứ trên những đùa bỡn của các thành viên Sáng Tạo dành cho nhau, thì tôi e đó là một “thảm kịch” tai hại anh Bảo à.*

**NNB:** *Cũng trong bài viết vừa kể, anh đã trích đăng trọn vẹn bài Trường Sa Hành của Tô Thùy Yên và nhận định rằng đây là một trong dăm bài hành hay nhất của văn học Miền Nam trong 20 năm. Xin anh vài lời giải thích thế nào một bài hành. Phải chăng hành là một thể đặc biệt của thơ?*

**DTL:** *Thưa anh Nguyễn Ngọc Bảo, không. Hành là một trong những thể thơ cổ của Trung Hoa, chứ không phải thuần túy của VN. Về hình thức thì nó có một đòi hỏi quan trọng là trước sau, bài thơ chỉ có một vần mà thôi. Thí dụ anh Bảo chọn vần “ơ” hay “ôi” cho bài Hành của anh thì xuyên suốt bài thơ phải giữ ở vần đầu tiên đã chọn. Nó cũng tựa như loại thơ “Trăm câu một vần” của Nguyễn Bính thời tiền chiến vậy. Thứ đến về nội dung, nó mang tính “tự thán” của kẻ sĩ trước thời thế. Họ không đạt được tâm nguyện hay bất mãn trước đời thường. Nên mượn thể Hành để “công diễn” tâm trạng của mình. Tôi nhớ tới bài “Hồ Trường của Nguyễn Bá Trác, cũng mang hơi hướm hay phong vị “Hành”. Tôi nghĩ, chúng ta cũng nên nhắc tới bài “Biên Cương*

Hành” của cố thi sĩ Phạm Ngọc Lữ, rất hay.

**NNB:** Nhắc đến Trường Sa Hành, tôi xin phép trích vài đoạn trong bài thơ dài 64 câu của Tô Thùy Yên, Tôi được biết nhà thơ viết bài này trong chuyến thăm một hòn đảo trong quần đảo Trường Sa vào năm 1974, chỉ đôi ba tháng sau khi Trung Cộng dùng vũ lực cưỡng chiếm quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

Trường Sa! Đảo chũnh choáng!  
Thăm thẳm sàu vâu trắng bốn bề.  
Lính thú mười người lạ sóng nước,  
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi.  
Mùa Đông Bắc, gió miên man thổi  
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa  
Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh Lớn  
Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngơ  
Đảo hoang vắng cả hồn ma quỷ.  
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên  
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh  
Lên xác thân người mãi đứng yên.

...

Mùa gió xoay chiều, gió khốc liệt,  
Bãi Đông lở mát, bãi Tây bồi.  
Dăm cây bật gốc chờ tan xác,  
Có hói ra đời chẳng chọn nơi?

...

Mặt trời chiều rã rưng rưng biển.  
Vàng khói chim đen thẳng thốt quần.  
Kinh động đất trời như cháy đảo.  
Ta nghe chùng phồng khắp châu thân.  
Ta ngồi bên đống lửa man rợ,  
Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi,  
Nghe cây dừa ngát gió trùng điệp  
Suốt kiếp đau dài nổi tả tơi.

...

Ồi lũ cây gầy ven bãi sụp,  
Rể bung còn gượng cuộc tồn sinh,  
Gắng tươi cho đến ngày trôi ngã  
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh.

...

*Trong bài viết nêu trên, anh đã trích đăng nguyên văn bài Trường Sa Hành. Phải chăng theo anh, đây là bài đặc sắc nhất của Tô Thùy Yên?*

**DTL:** Vâng, thưa anh. Tôi cho đó là một trong những bài thơ hay của Tô Thùy Yên, vì tính thời sự... Và tính thời sự đó, đến nay, vẫn còn được nói tới như một vết ô nhục lớn của dân Việt.

**NNB:** *Tôi có đọc được một bài viết của bà Thụy Khuê với nhan đề “Tô Thùy Yên, Thời Gian, Tồn Tại, Cô Đơn và Đá.” Chắc anh cũng đồng ý với tôi bà Thụy Khuê, hiện định cư tại Pháp, là một cây bút phê bình thơ khá nghiêm túc. Trong bài viết, bà có đề cập một số thi phẩm tiêu biểu của Tô Thùy Yên, đặc biệt là bài thơ “Ta Về” mà anh ấy sáng tác khi trở về sau 10 năm bị cộng sản cầm tù. Theo bà thì bài “Ta Về” được phổ biến ngay khi Tô Thùy Yên còn ở trong nước “như một bài ca ngất ngưỡng của người tù cải tạo, cao ngạo trở về, với cái ta khinh mạn và ngạo nghễ. Giọng thơ quan hoài, biền tái, mang hào khí của người (anh hùng) bại trận, bất khuất; coi nhẹ tù đày; xem thường gian khổ; kể chuyện mười năm lao cải nhẹ như lông.” Bài thơ dài đến 124 câu, trong đó có những câu nhiều người rất thích, thưa anh.*

Ta về một bóng trên đường lớn  
Thơ chẳng ai đề vạt áo phai ...  
Sao vẫn nghe đau mềm phế phủ?  
Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay.  
Vĩnh biệt ta-mười-năm chết dấp  
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu  
Mười năm mặt sạm soi khe nước  
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ  
Ta về qua những trũng cùng phá  
Nếp trán nhăn đùa ngọn gió may  
Ta ngẩn ngơ trông trời đất cũ  
Nghe tàn cát bụi thán năm bay

...

Ta về cúi mái đầu sương điểm  
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời  
Cảm ơn hoa đã vì ta nở  
Thế giới vui từ nỗi lẻ loi  
Tượng tượng nhà nhà đang mở cửa  
Làng ta ngựa đá đã qua sông  
Người đi như cá theo con nước  
Trống ngũ liên nôn nả gióng mừng



Ta về như lá rơi về cội  
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay  
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống  
Giải oan cho cuộc biển dâu này

...

Ta về dấu phải đi chân đất  
Khắp thế gian này để gặp em  
Đau khổ riêng gì nơi gió cát  
Thềm nhà bụi chuối thức thâu đêm

...

Ta về như bóng ma hờn tủi  
Lục lại thời gian kiếm chính mình  
Ta nhạt mà thương từng phế liệu  
Như từng hài cốt sắp vô danh  
Ngồi đây nền cũ nhà hương hỏa  
Đọc lại bài thơ thừa thiếu thời  
Ai đó trong hồn ta thẩn thức  
Vàng trắng còn tiếc cuộc rong chơi  
Ta về như hạc vàng thương nhớ  
Một thửa trần gian bay lướt qua  
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn  
Đành không trải hết được lòng ta.

*Anh nghĩ gì về bài thơ “Ta Về” này? Xin nói thêm, rất nhiều người cho rằng đây là bài thơ hay nhất của Tô Thùy Yên, và một trong những bài thơ đặc sắc của Thi Ca Việt Nam thời hiện đại.*

*Nhưng ở đoạn dưới bài “Tô Thùy Yên, Thời Gian, Tồn Tại, Cô Đơn và Đá,” thì bà Thụy Khuê lại viết rằng:*

“Nhiều người cho Ta Về, Chiều Trên Phá Tam Giang, Trường Sa Hành ... là những bài thơ tiêu biểu Tô Thùy Yên, có lẽ tiêu biểu thơ chính khí. Nhưng dường như thơ hay không cần chính nghĩa, không cần bày tỏ. Lão Tử có nói đến tính “vô ích” của các sự xướng danh. Vô danh mới là Đạo. Đạo thường ẩn. Đạo vốn mộc mạc, không có tên. Không có tên nên mới có khả năng biến hóa. Thơ hay không lộ. Mà lại ngại những hình ảnh sáo mòn như thơ đề vật áo, niềm đau phế phủ, chốn rừng thiêng, tiếng nghìn thu, trông cùng phá, hóa thân thành vượn ... Những nỗi đau thật không hợp với tạng chữ lấp lánh, như thể đám tang không mặc áo màu. Cho nên những câu thơ như:

Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh lớn  
Mà Hiu Quạnh lớn vẫn làm ngờ.

trong Trường Sa Hành, dù được ca tụng, e rằng chúng cũng rất xa với nỗi quạnh hiu dù rất lớn của nhà thơ và của con người.

Ở Tô Thùy Yên, cô đơn, hiu quạnh và thân phận âm ỷ dưới những câu thơ khác không viết hoa, khiêm tốn hơn, tinh tế hơn và ít được chú ý hơn, chẳng hạn như những câu:

Đêm qua bắc Vàm Cống,  
Mối sầu như nước sông,  
Chảy hoài mà chẳng cạn,  
Cuốn phăng kiếp bèo bồng.

...

Tôi châm điếu thuốc nữa  
Đốt tàn thêm tháng năm  
Chiếc bắc xa dần bến  
Đời xa dần tuổi xanh  
Nước tách nguồn về biển  
Sầu lại chảy về hồn  
Khi tôi vuốt lấy mặt  
Nghe bàn tay trống trơn”

Rồi bà Thụy Khuê viết tiếp:

“Đây là một trong những bài thơ lọt vào lòng người. Chính cái khê khàng, cái nhỏ nhẹ ấy mới thấm và đau, nó là những sợi thần kinh của cảm giác. Không hề có những chữ ‘lớn’ mà mối sầu vẫn lớn...”

*Theo anh thì bà Thụy Khuê có khe khắt lắm không? Chính những câu thơ bà ấy cho rằng sáo đã một phần là phong cách thơ Tô Thùy Yên, và làm nên tên tuổi Tô Thùy Yên đấy! Anh nghĩ sao?*

**DTL:** Thưa anh Nguyễn Ngọc Bảo, dù rất thích thơ Tô Thùy Yên, nhưng không vì thế mà tôi phủ nhận nhận định của bà Thụy Khuê. Tuy nhiên, như đã nói, Hành là một trong những thể thơ cổ của Trung Hoa, như Ca, Ngâm, Hành, Từ, Khúc mà, Tô Thùy Yên một đời làm thơ đã chung thủy với thể thơ ấy, nên cũng rất khó cho tác giả gạt bỏ

được thói quen dùng nhiều điển tích...

**NNB:** Trong một cuộc chuyện trò trà dư tửu hậu, tôi bảo nhà thơ Tô Thùy Yên rằng tư tưởng anh phong phú quá, chữ nghĩa anh dư thừa quá, nên đã sáng tác nhiều bài thơ thật hay nhưng khá dài, như “Ta Về” với 124 câu và Trường Sa Hành với 64 câu. Tuy nhiên, theo tôi thì đây là một thiệt thòi cho anh vì rất ít độc giả có thể nhớ hết các câu các chữ của những bài thơ ấy. Bài thơ sẽ thấm vào họ sâu đậm hơn nếu họ thuộc lòng để thỉnh thoảng ngâm nga. Vì vậy, trong văn học Việt Nam, các bài thơ được quần chúng xem là đặc sắc thì hầu hết dưới 40 câu. Thử tưởng tượng nếu bài “Đây Thôn Vỹ Dạ” của Hàn Mặc Tử dài đến 60 câu thay vì 12 câu như nguyên tác thì chắc khó có thể được xem là một kiệt tác. Nghe tôi nói, nhà thơ suy nghĩ một thoáng rồi bảo có lẽ tôi nhận xét đúng. Thưa anh Du Tử Lê, anh nghĩ sao về điều này.

**DTL:** Vâng, tôi cũng nghĩ anh Bảo cũng có lý... Nhưng trong quá khứ, thời trước 1975, một số bài thơ dài của cổ thi sĩ Hoàng Cầm (và thơ dài của nhiều nhà thơ khác), vẫn được nhiều người thuộc thừa anh...

**NNB:** Thưa anh Du Tử Lê, tôi có hân hạnh được mạn đàm với nhà thơ Tô Thùy Yên hai lần trong câu chuyện Văn Học Nghệ Thuật do tôi phụ trách trên đài phát thanh Saigon Houston kể từ năm 2004. Lần đầu vào tháng 2 năm 2005, chúng tôi nói về thơ Huy Cận sau khi tác giả thi phẩm “Ngậm Ngùi” qua đời. Lần thứ hai vào tháng 4 năm 2006, để nghe nhà thơ chia sẻ với thính giả về thơ của chính anh ấy, thơ Tô Thùy Yên.

Trong lần nói chuyện thứ hai, tôi bảo anh Tô Thùy Yên rằng rồi mai sau, sớm hay muộn, Việt Nam sẽ có tự do dân chủ. Khi ấy, có lẽ Đại Học Văn Khoa ở Việt Nam sẽ mở lớp “Thi Ca Miền Nam Từ 1954 Đến 1975” trong chương trình giảng dạy và dĩ nhiên, trong số những nhà thơ được đề cập, nhất định phải có anh. Nếu họ chọn mỗi tác giả một thi phẩm tiêu biểu thì anh muốn bài thơ nào của anh được chọn. Không chút ngập ngừng, nhà thơ trả lời đó là bài thơ “Đi Về”.

Nghe anh Tô Thùy Yên trả lời, tôi khá ngạc nhiên, vì “Đi Về” là một bài lục bát khá ngắn, chỉ vồn vện 12 câu và ít được biết đến, chứ không phải một trong những bài 7 chữ sở trường của nhà thơ, dài, và nổi tiếng như “Trường Sa Hành, Đấng Tử”, và “Ta Về”.

“Đi Về” là bài thơ mượn hình ảnh con sông Hằng linh thiêng của Ấn Độ để nói lên tâm trạng nhà thơ. Bài thơ như sau:

Khuya rồi, nước đã đầy trăng  
Đi về suốt bãi sông Hằng, gặp ai?  
Lạnh trời, đâu lửa hơ tay?  
Đêm còn, cứ bãi sông này lại đi  
Thấy gì chẳng, chẳng thấy gì  
Nước rào, trăng rạt, ta thì mỗi mê  
Chày khuya, nước ủ trăng ê  
Uổng công, bãi ấy đi về một ta  
Mãi rồi trời cũng sáng ra  
Phản trắng trăng lặn, phản ta ta về  
Vấn sông, vấn bãi bốn bề  
Sang đêm, ai nữa đi về, gặp ai?

*Như anh biết, sông Hằng được người Ấn tôn thờ như một nữ thần hoặc một bà mẹ ban sức sống cho dân tộc họ. Trong hàng nghìn năm qua, hàng triệu người đã đến đây để tắm, cầu nguyện, uống nước sông và rải tro người chết xuống mặt nước với niềm tin tưởng rằng những người khuất núi này sẽ được giải thoát khỏi kiếp luân hồi, khổ ải. Theo anh thì bài này có điểm gì độc đáo khiến nhà thơ Tô Thùy Yên muốn được chọn, nếu đại học Văn Khoa ở Việt Nam mai sau dùng một thi phẩm của anh ấy trong chương trình giảng dạy?*

**DTL:** Tôi không hiểu nguyên nhân sâu xa của sự chọn lựa của Tô Thùy Yên mà, anh vừa kể. Như anh mới nói, sông Hằng ở Ấn Độ là con sông mà người Ấn Độ, khi sống ước ao được tắm ít nhất một lần, và khi chết, mong được rải tro cốt cho dòng sông ấy... Tôi phỏng đoán, ngoài ý nghĩa sâu xa là sự vô nghĩa, bất lực của con người trước thời gian mà tác giả muốn gửi gắm, dù có được tắm trong Sông Hằng, lúc sống hay khi chết, thì, quả thật đó là một bài lục bát bình thường từ hình ảnh, tới nhịp điệu, không có gì mới thừa anh Nguyễn Ngọc Bảo.

**NNB:** *Theo anh thì nhà thơ Tô Thùy Yên đã để lại dấu ấn quan trọng nào trong sự nghiệp thi ca của anh ấy?*

**DTL:** Đó là điều tôi đã nói từ hơn 20 năm trước là: Tính nhân bản và nỗ lực xiển dương ngôn ngữ “miệt vườn / Nam Bộ” của anh ấy.

**NNB:** *Ngày hôm nay, nhà thơ chúng ta hằng yêu thích đã trở về “Ngôi Nhà Lớn” như lời thơ trong bài “Đặng Tử” anh ấy viết từ những ngày còn rất trẻ:*

"Ngày kia trở lại Ngôi Nhà Lớn  
Lòng những bằng lòng một kiếp chơi"

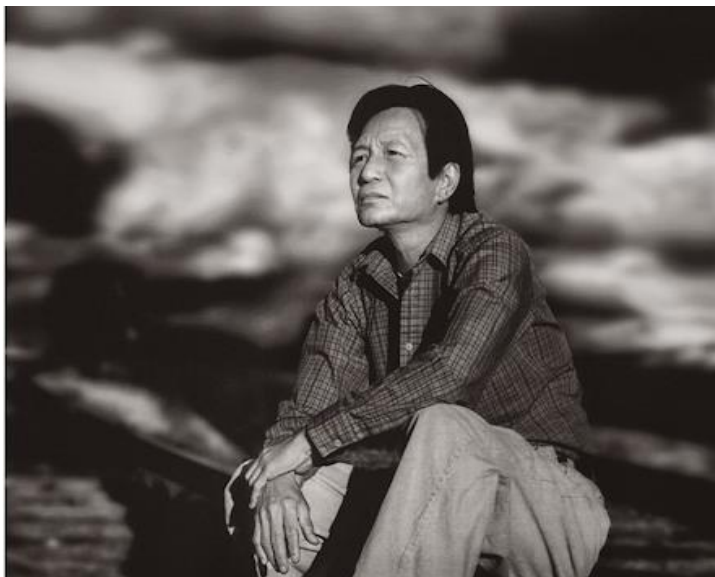
*Mong rằng ở "Ngôi Nhà Lớn" trên cao, anh Tô Thùy Yên cũng sẽ rất bằng lòng với những gì Thượng Đế dành cho anh.*

*Xin cảm ơn nhà thơ Du Tử Lê đã dành cho chúng tôi buổi nói chuyện về thơ Tô Thùy Yên. Chúc anh luôn bình an, khỏe mạnh, "sống đến hơn trăm tuổi, thơ viết thêm ngàn bài" để lúc cuối đời khỏi phải cất lên tiếng than như câu thơ Tô Thùy Yên "ta tiếc đời ta sao hữu hạn, đành không trải hết được lòng ta." Vẫn nao nức đợi chờ những bài thơ anh sắp viết.*

**DTL:** Xin cảm ơn anh Nguyễn Ngọc Bảo và, quý thính giả đài Saigon Houston.

**Nguyễn Ngọc Bảo, ghi thuật.**

- (1) Ghi chú của Cỏ Thơm: Du Tử Lê qua đời ngày 7 tháng 10 năm 2019 tại thành phố Garden Grove, tiểu bang California, hưởng thọ 78 tuổi



## Và rồi tất cả sẽ ngoài

Ra đi như nước ao lên đặc  
May gặp ngày mưa lớn thoát trần  
Râu tóc rạng ngời, gậy trúc bóng  
Nẻo thơm trần thế, gió hân hoan

Ra đi như một bình minh lạ  
Trên kỷ nguyên chưa kịp hiện hình  
Thi sĩ Bắc Nam đều chết rạp  
Ba trăm năm lịch sử làm thình

Ra đi như một âm thanh sáng  
Xuyên suốt tâm linh, dội cảm sâu  
Hỡi gã du hành, hãy cất tiếng  
Bài ca thiên cổ chẳng thành câu

Tự do, ta thét mừng điên đảo  
Cuộc tiệc trăm năm nhục thánh thần  
Dưới bóng bao trùm hạt cát tủa  
Đền rêu, miếu cỏ lạnh ma hoang

Con đường vô định chưa ai tới  
Hay tới nơi, thôi chẳng trở về  
Hỡi gã du hành, hãy nói lại  
Những điều người thoáng thấy như mê

Ta mò đoán nghĩa dòng hư tự  
Mòn nét trong thiên địa ngập ngừng  
Ta thấy mặt tinh cầu xếp nếp  
Như lần nhăn tuổi tác hư không

Những người thuở trước giương cung cứng  
Cưỡi ngựa điên, hoa kích ngàn cân  
Một trận tan tành ba triệu địch  
Nửa chiều chết đứng hận giai nhân

Những người thuở trước đi tìm mộng  
Lạc tuổi mê, hoa giặt ngược dòng  
Theo tiếng kinh quan san biệt dạng  
Buộc sào, xõa tóc, thả thuyền rong

Những người thuở trước say vô hạn  
Mơ thuốc trường sinh lạc xác phàm  
Nú cánh chim bằng qua biển gió  
Cây minh linh tốt mấy ngàn năm

Những người thuở trước tham chung đỉnh  
Áo mũ xênh xang chốn ngọc môn  
Sơ thất, thương thay thân xuống lính  
Đày ra quan ngoại, chết không chôn

Những người thuở trước như là mộng  
Diễm tuyệt dung nhan thảo mộc sâu  
Hương phấn bay lừng xa khỏi kiếp  
Tiếng cười xé rách núi sông đau

Những người thuở trước bây giờ lạc  
Trong dã sử nào như bóng mây  
Trong trí nhớ nào như giọng hát  
Hỡi ôi, trời đất lạnh tình thay!

Hỡi ôi, gió nổi lên cùng khấp  
Giục gã du hành rảo bước thôi!  
Ta uống giếng hoang, ăn trái lạ,  
Tâm hồn mãi mãi mới tinh khôi

Nhiều khi ta ngược lên ngơ ngẩn  
Nghe tiếng chim quen bay trót qua  
Bóng thoáng như bàn tay dịu mát  
Lau nhanh hơi mỗi mặt mày ta

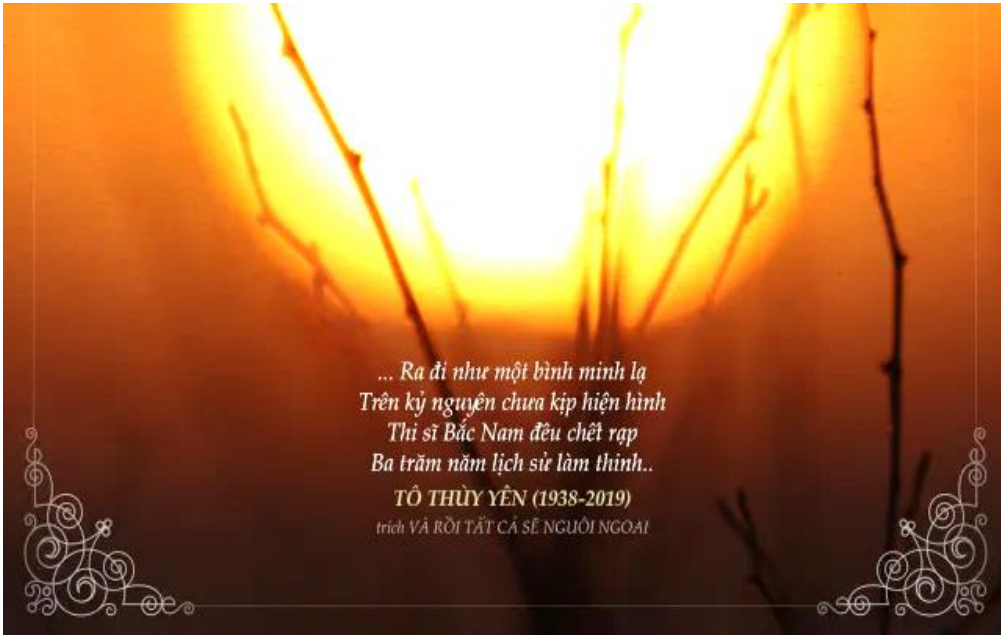
Hoàng hôn xô bóng ta trên cát  
Ta lớn lao và ta cô đơn  
Ngưỡng mộ cây xương rồng găng gượng  
Thân trần đứng lẻ giữa đồng trôn

Bình minh như một làn da phòng  
Ta dạo men bờ sóng tuyệt mù  
Cảm phục bồi hồi biển nhẵn nại  
Bắt đầu mãi mãi lượn thiên thu

Biểu dương – hãy biểu dương cùng tận  
Vinh dự làm than của kiếp người  
Hi hữu một lần trên trái đất  
Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai

**Tô Thùy Yên**

<https://sentrangusa.com/2021/03/11/vinh-hao-to-thuy-yen/>



# Con Đường Bè Bạn

\*\* bút ký của Phan Lạc Phúc \*\*



Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gia Định. Sinh viên Đại học Sài Gòn, ban văn chương Pháp. Nhập ngũ cuối 1963, sĩ quan ngành Chiến Tranh Chính Trị cho đến 30.04.1975. Bị tập trung cải tạo hơn 10 năm. Sau đó bị bắt hai lần nữa. Tổng cộng gần 13 năm tù. Cuối 1993, qua Hoa Kỳ, định cư tại Minnesota. Làm thơ, viết văn, dịch sách, hoạt động báo chí, xuất bản ... (trích từ Tuyển Tập Thơ Tô Thùy Yên)

Tô Thùy Yên 7 tháng liền trong kiên giam tâm sự với đàn muỗi râm râm, con thằn lằn uể oải, lũ dán hôi tanh, con nhện vô tư và bức tường câm nín:

*Ta khắc khoải chờ nghe  
Những tiếng động của người  
Tiếng động nào bất kể  
Đột phá những trùng vây điếc đặc muỗi râm râm ...*

*Ta nhìn theo  
Mấy con thằn lằn uể oải  
Lũ dán ào ào  
Con nhện bỏ trống lưới giăng ...*

*Ta nhìn lên những giòng chữ trên tường  
Viết bằng gạch, bằng than và hình như bằng cả máu ...*

Các bạn tù Thanh Chương đọc thơ Tô Thùy Yên, Hà Thượng Nhân vanh vách. Như vậy là 7, 8 năm nay tôi chưa gặp lại các bạn mà chỉ gặp “tiếng nói” của các bạn. Tôi không có duyên gặp bạn trong tù. Có lúc năm 1979, 1980 ở trại Tân Lập (Vĩnh Phú) tôi ở K1, Thanh Tâm Tuyên ở K2, không gian chỉ cách nhau vài cây số mà không gặp được nhau bao giờ. Có lúc bà cụ thân sinh TTT từ trong Nam lặn lội ra thăm – bạn còn nhờ người đem sang cho tôi ít thuốc lã và một bài thơ tặng PLP. Nhà thơ Tự Do chủ lực của Sáng Tạo lại làm chuyện lạ cho tôi một bài thất ngôn, bát cú. Tôi giữ bài thơ này như một kỷ niệm riêng. Bạn tôi lúc đó làm ở đội chăn nuôi, hằng ngày phải lên đồi gánh lá



sấn về bả m ra nuô i cá trắ m. Đi làm qua khu ao cá xa xa, tồ i có lúc nhớ bạn quá đả hứ lên một tiếng để xem may ra có tiếng trả lời – Nhưng tiếng hứ của tồ i tan vào thính không; cán bộ quản giáo nhìn tồ i trờng mắt ... Bạn tồ i lúc đó chắc đảng bạn “bằ m nát ân tình đều nhịp dao” (thơ Thanh Tâm Tuyền).



**Thi sĩ Hà Thượng Nhân & Tô Thùy Yên**

Nghe thơ các bạn, tồ i vừa buồn vừa vui. Buồn là không có bạn tâm tình ở bên. Vui là chưa gặp nhưng thơ như thế chắc các bạn tồ i còn khỏe ít ra về mặt tinh thần. Vui hơn nữa là nghiệp làm thơ của các bạn ở trong tình trờng “luyện ngục” như vậy mà thơ vẫn đượ tôn vinh. Thơ làm ra là để đợc, để cảm thông, để chuyển tải ... Thơ không ai đợc, không ai nghe, không ai hiểu ... thì chẳng bao lâu nó sẽ “chết trong lòng mộ tồ i”. Cho đến lúc ấy (1983) theo tồ i hai bạn Tô Thùy Yên, Hà Thượng Nhân làm thơ bao nhiêu năm nay, thơ bao nhiêu người thuộc ... mà các bạn chưa từng xuất bản một tập thơ nào. Như vậy là các bạn không in thơ lên giáy trắng, mực đen mà in vào tâm hồn mọi người. Không phải người làm thơ nào cũng đượ “tuyên dương” như thế. Hôm ấy có bài Mùa Hạ của Tô Thùy Yên rung đợng toàn thể an hem. Bài thơ như một bản “đại cáo” của lưu đày tù tồ i. Mùa hạ không riêng cho nông dân – mà mùa hạ của kiếp người.

Nơi đây khô hạn thực phẩm, khô hạn tình thương. “Lịch sử lên cơn dữ lạ thường” khiến cho “máu bung từ mỗi lỗ chân lông, cái chết tru rân giờ nguyệt tận”. Thiên nhiên cũng úa vàng khắc khổ – cây đa già râu tóc, trụ lá trờ cành cây cỏ lụi tàn, bậc hiền nhân quỳên sinh ngoài đợng đá. Ngày tận thế đã điể m rồi chẳng? Nhưng không – theo cái lẽ biến dịch thông thường – hay là theo cái vòng chu chuyển “nước đi ra biển lại mưa về nguồn” nên một ngày kia có cơn mưa tái tạo. Mưa rơi như một sự hồi sinh, mưa gột rửa đau thương, mưa làm mọc lên những nhánh non lá mới, mưa là nguồn suối yêu thương chảy từ đầu non tới biển.

Mưa ôm choàng đất khóc thương mong  
Mưa báo tin vui chạy khắp đồng  
Mưa đuổi bắt gào reo hớn hờ  
Mưa mừng trẩy hội nước trăm sông ...  
Ông lão mù lòa ra trước hiên  
Nghe mưa cũng ngược mắt nhìn lên  
Má nhăn bỗng sáng hai hàng lệ  
Ông hiểu ra rồi lẽ biến thiên

Người làm thơ lưu đày được lịch sử tha, một sớm trở về quê cũ. Đây là giấc mơ của người tù biệt xứ hay là câu chuyện sẽ phải xảy ra. Chưa biết được nhưng ít khi đọc xong một bài thơ mà tâm hồn con người được an ủi vỗ về như thế, được nuần thấm một sự yêu thương đậm đà như thế:

Nhóm lên bếp lửa đêm trừ tịch  
Hát với nhau vài điệu hát vui  
Nâng chén uống mừng ta sống sót  
Chợt nghe nòng lệ tự đầu rơi

Lòng ta nay vẫn lòng ta trước  
Vẫn chảy về con nước thừa nào  
Sợi tóc mai kia dù có rụng  
Ba sinh còn để nhớ cho nhau

Đất trời không có chi còn mất  
Ta bước ra thân đón tuổi già  
Trước mắt ta còn trăm thứ việc  
Sửa nhà, chăm sóc lại vườn hoa

Những ai hôm trước từng gây tội  
Hãy lắng tâm tha lấy lỗi mình  
Tự tại, thời gian chôn chính nó  
Đời lên lại mãi tựa bình minh

Sẽ lo chẳng những cho người sống  
Lo cả cho người khuất mặt kia  
Quen lạ bạn thù chung giấc ngủ  
Chung lời thương tiếc khóc trên bia ...

Người tù trở về, sau khi đối mặt với sự khắc nghiệt của thiên nhiên, sự tàn bạo của con người đã nhận ra rằng, giòng chảy chính của cuộc đời, sự cứu rỗi của con người chính là sự yêu thương không phải là thù hận – Bình minh của cuộc sống là ở đó. Tìm ra được điều này, không phải nhờ vào tài năng của Tô Thùy Yên mà chính nhờ vào tâm hồn lớn lao (grandeur d'âme) của tác giả. Đây là bản hùng văn của một cuộc đời. Nhưng trong cuộc đọc thơ hôm ấy, nhiều người trong đó có tôi không được hoàn toàn thỏa mãn. Bài thơ quá dài, quá hay mà anh em Thanh Chương không ai thuộc được hết. Người nhớ đoạn này, người nhớ đoạn kia. Bài thơ đó đi theo tôi hoài như một tấu khúc còn dang dở (Symphonie inachevée).

Đạo đầu năm 85 được về, trên con đường bê bạn tôi có lúc đã định rẽ vô thăm nhà bạn Tô Thùy Yên. Từ Hóc Môn lên, qua chợ Gò Vấp tới một cái cầu có ống dẫn nước lớn đen to nằm dài trên đó giống như một con rồng đất rồi tới một ngã ba có những viên sỏi đỏ sậm của đá ong khô, đó là lối vào nhà Tô Thùy Yên. Từ thập niên 60 tôi đã nhiều lần đến đây bù khú với bạn. Nhưng bây giờ về, đến thăm cảnh cũ người xưa, thấy lạ. Những bụi cúc tần xanh tốt dẫn lối hai bên đường, đôi khi có những sợi tơ hồng vàng óng, vương vất bên trên ... không còn nữa. Nhà cũ của Tô Thùy Yên có cây vú sữa lớn. Khu gia viên nằm trong vùng cây lá thâm u ... bây giờ không thấy cây vú sữa đâu. Bất giác tôi nhớ Nguyễn Gia Thiều “Phong trần đến cả sơn khê, Tang thương đến cả hoa kia cỏ này”. Tôi ngần ngại trước sự đổi thay nên đã tới nhà mà không vào. Tôi biết bạn tôi chưa được về. Mình vô nhà hồi thăm, có khi lại làm cho gia đình bạn thêm nghĩ ngợi lo lắng cho người vắng mặt.

Nhưng đến hồi cuối năm 85, người làm thơ biệt xứ Tô Thùy Yên được về – Lúc ấy trời đã sang thu thì phải. Bố con tôi đã phải mặc áo ấm trên con đường tỉnh lộ sào xạc heo may. Khi tôi đi cải tạo con gái út tôi mới có 5 tuổi. Khi tôi về nó đã 15 tuổi bắt đầu thiếu nữ. Các anh chị nó “vượt biên” hết cả chỉ còn nó ở lại với “mẹ cháu” đợi tôi. Khi tôi về, nó theo tôi đi chơi tha thẩn. Ở Hóc Môn nó không có bao nhiêu bạn. Nó theo tôi lên Sài Gòn chơi với Tr. T con gái Thanh Tâm Tuyền, hay “đi chợ” với chị Ch. Con gái bác Hà Thượng Nhân. Thôi thì bố chơi với bố, con chơi với con cũng là phải đạo. Chưa được gặp nhưng con tôi nó muốn gần chị G. con gái đầu của Tô Thùy Yên, học thật giỏi. Trong một xã hội xã hội chủ nghĩa (không có giai cấp) nhưng khi thi vào Đại Học có 15 thứ hạng. Ưu tiên hạng 1, 2, 3 thuộc gia đình cách mạng hay “chính sách” thì thi ba bài từ 7 điểm trở lên đã được “chiếu cố” vô Đại Học rồi. Con cái “ngụy quân” như con chúng tôi đứng hạng thứ 14 áp chót (hạng chót là gia đình phản động, phản cách mạng). Khi bố đi tù cải tạo về rồi thì lại lên được một hạng, hạng 13. Con cái ngụy quân muốn vô Đại Học phải đạt 21 điểm, gấp 3 số điểm gia đình chính sách thì mới vô Đại Học được. G. con gái đầu ông bà Tô Thùy Yên thừa điểm vào Y Khoa. MT con tôi, Tr.T con Thanh

Tâm Tuyên và H. con trai Tô Thùy Yên chúng nó cùng học lớp 10. Mấy đứa nhỏ chắc đều suy nghĩ: Ở đây nếu muốn sống cho ra sống thì chỉ còn có cách làm như chị G.

Hơn 10 năm gặp lại bạn ... thấy bạn già đi (tất nhiên rồi) mà chắc bạn thấy tôi cũng vậy. Hình như bạn có khuyết một vài cái răng thì phải, cái cười hơi trổng vắng. Nhưng khoe mắt vẫn còn nồng ấm và bắt tay thật chặt. Tôi nói “đây là khách cũ ... đến xem bạn làm được bao nhiêu việc rồi?” (Trước mắt ta còn trăm thứ việc, sửa nhà chăm sóc lại vườn hoa). Tô Thùy Yên cười cười mà nói “Hãy cứ từ từ nhưng mà bây giờ thì phải làm ngay việc này”. Anh chỉ tay vào một cuốn sách dày trước mặt. Tưởng bạn dịch sách (nhớ ngày xưa bạn có dịch thật kỹ cuốn Phận người (La condition humaine của André Malraux) nhưng khi tôi cầm sách lên xem thì đó lại là một cuốn sách Y khoa bằng tiếng Pháp. Anh nói mình về vừa đúng lúc. Phải giúp con nhỏ G ... cho nó kịp học hỏi và nghiên cứu”.

Tôi có nói với bạn về bài thơ Mùa Hạ mà tôi không có đủ. Nhưng anh nói rằng bản thân anh cũng không nhớ hết. Con đồng đã thặng rồi đâu còn nhớ những gì mình đã nói ra. Nhưng bữa ấy Tô Thùy Yên đưa tôi đọc bài Ta về – bài thơ vừa mới làm xong khi thi sĩ lưu đày vừa trở về nguyên quán:

*Ta về cúi mái đầu sương điểm  
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời  
Cám ơn hoa đã vì ta nở  
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi*

*Ta về như lá rơi về cội  
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay  
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống  
Giải oan cho cuộc biển dâu này ...*

Thật ra tôi đọc thơ Tô Thùy Yên đã lâu. Giữa thập niên 50 khi Sáng Tạo bộ cũ ra đời với những bài Cánh đồng, con ngựa chuyển tàu hay Thân Phận của Thi Sĩ. Lúc ấy ảnh hưởng của văn học Pháp đối với miền Nam còn nồng đậm. Đây là thời buổi của Buồn nôn (La nausée – J.P.Sartre) của Kẻ lạ (L’Etranger – A. Camus) hay Phận người (La condition humaine – André Malraux). Sự hiểu biết của tôi về văn học Pháp rất là hạn chế nhưng tôi có cảm tưởng rằng thời kỳ thập niên 50, 60 là thời kỳ xâm lăng của triết học vào văn học. Những đặc trưng thường thấy của thơ, của tiểu thuyết, của truyện ngắn đã bị xóa nhòa đi. Thay vào đó là những vấn nạn triết học hay những thắc mắc siêu hình. Để làm gì? đi đến đâu? tự do hay không tự do – phi lý hay hữu lý? Sống và nghĩ như thế nào cho phải? Người ta không đi tìm những nguyên nhân gần gũi mà đi

tìm những căn do đầu tiên và cuối cùng của sự vật. Tô Thùy Yên là một người đọc sách chuyên cần. Cái ý thức trong sáng của tinh thần nhị nguyên đã phóng ra những cái nhìn chinh phục. Con ngựa (trong Cánh đồng, con ngựa, chuyến tàu) phải chăng là một cố gắng nhằm đo đạc ngoại giới.

*Có đọc được thánh thư  
Linh hồn tôi vẫn vậy  
Tôi vẫn không thể lạy  
Dù đứng trước hư vô  
Đầu tôi cứng và trơn  
Thượng Đế làm sao ngự  
Tôi đành trốn chủ nợ  
Định mệnh đòi linh hồn  
Thượng Đế điềm nhiên lạ  
Tôi đánh liều cười khan. (Thân phận thi sĩ)*

Bài thơ mang giọng thách thức của Nietzsche – dăng quang cho một cái ta Kiều hãnh. Đây là thời kỳ Tô Thùy Yên muốn trở nên một thứ “Vương tôn miền trí tuệ”. Tôi đã cảm phục, đôi khi sợ hãi những bài thơ ấy – nhưng thành thật mà nói tôi không yêu chúng. Sự cảm nghiệm một bài thơ, theo tôi, nó tùy thuộc vào tâm cảnh của từng người. Tôi là một anh học trò nhà quê ra tỉnh, tâm hồn còn vương vấn với lũy tre xanh, đình chùa, miếu mạo, căn nhà tổ, họ hàng làng nước, bờ mương, ao cá. Dù đã cố gắng lắm tôi vẫn không làm sao hiểu được “Tha nhân là hỏa ngục” của J.P.Sartre. Tôi rất sợ mình là “khách lạ” – và điều tôi ao ước là được đến gần, được làm thân, chia sẻ với mọi người.

Cái “hội u minh” thời ấy là một phong trào. Hoàng tử bi thương hay nhà thơ bị trừ ếm (poète maudit) Đinh Hùng muốn đi khỏi cuộc đời này về miền nguyên thủy: “Thèm ăn một chút hương man dại – và ngủ như loài muông thú kia”. Vũ Hoàng Chương, bậc thi bá của làng thơ tiền chiến cũng bỏ thơ Say, thơ Mây nêu lên một bản khoán triết học:

*Ta còn để lại gì không  
Kìa non đá lở này sông cát bồi  
Lang thang từ độ luân hồi  
U minh nẻo trước xa xôi dặm về ...*

Tô Thùy Yên ngay từ thuở ban đầu đã nghiêng về những điều thẳm lặng lớn, mưu đồ đo đạc cả vô biên “ta về tắm lại goings sông cũ, truy tầm mê mỗi lý sơ nguyên – Tô Thùy Yên đã rất già khi còn trẻ. Già ở đây là già về tư tưởng, nên trong thơ của anh người ta

thấy thiếu vắng sự lãng mạn, không có những nữ non kể về một cuộc tình. Không có Kim Trọng, Thúy Kiều, cũng không có Paul và Virginie. Vào khoảng giữa thập niên 60 có một việc, nhỏ thôi nhưng đã làm thay đổi Tô Thùy Yên. Anh bắt đầu đọc Đường Thi. Yên là một người ưa thích sự toàn hảo (gout du parfait). Anh không bằng lòng với những bản dịch. Yên muốn đọc thơ Đường bằng nguyên tác và Tô Thùy Yên học chữ Nho. “Học cho vui, chơi vậy mà”. Xuống Gò Vấp, thấy Tô Thùy Yên viết chữ Nho rất đẹp. Và đột nhiên tôi được đọc một số bài thơ mang phong cách nhất nguyên của Đông Phương. Đọc thơ trước đây của Yên người ta thấy phảng phất St J.Perse – hoặc Valery – bây giờ thấy Tô Thùy Yên “Quy khứ lai tòng” như Đào Tiềm quay về nơi bản trạch. Bài thơ không còn vẻ kiêu hãnh của một ý thức chinh phục mà mang vẻ ngậm ngùi chấp nhận:

*Tưởng tượng ta về nơi bản trạch  
Bãi bùn tro trên thủy triều lui  
Con còng ẩn nhẫn bò quanh quần  
Càng nhẹ tênh hênh cỡi ngậm ngùi.*

Tại sao lại có con còng ở đây? Con còng làm liên tưởng đến con dã tràng ngoài bờ biển. “Dã tràng xe cát biển Đông – nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì?” Phải chăng đã đến lúc Tô Thùy Yên nhận ra sự hạn chế của kiếp người, có những miền “bất khả tri” mà trí lự con người chưa với tới được. Về nơi bản trạch đối với Tô Thùy Yên có nhiều ý nghĩa. Cái nhà của Yên ở Gò Vấp là nhà tù đường bao nhiêu đời ở đấy? Cái nhà không đơn thuần là một “dụng cụ” để ở, mà nó là một phần đời ta, là chính ta. “Cái nhà là nhà của ta – ông cố ông sơ làm ra” nên cái nhà cũng như cái vườn, cái ngõ đều là sự tích yêu thương, là những liên hệ mà ta không làm sao dứt bỏ được. Về nơi bản trạch về nơi quê nhà (phải chăng le Royaume trong l’Exil et le Royaume mà Camus mơ tưởng cũng nằm trong nghĩa đó) đã dạy ta một điều: cái mà ta tưởng nó là cái không ta (le non moi) lại chính là ta. “Mình với ta tuy hai mà một – Ta với mình tuy một mà hai”. Cái nhìn nhất nguyên nơi Tô Thùy Yên đã làm cho thơ anh từ đó về sau yêu thương hơn, thấm đượm hơn nhiều.

Nhưng có lẽ những năm tù cải tạo đã giúp chúng ta nhìn rõ cuộc đời hơn. “Vĩ thử cuộc đời bằng phẳng cả” chúng ta chưa chắc nhận ra chuyện ấy. Những chuyện nhỏ nhặt nhưng có giá trị rất cao. Không đi tù, không thường xuyên đói khát chúng ta làm sao biết được hạt cơm nó quý như thế – không xa vắng cửa nhà, chúng ta làm sao hiểu được cái thấm thiết trong vòng tay vợ, cái âu yếm trong cái hôn con. Người tù lưu đày, ngày trở về cảm ơn trời đất, cảm ơn vợ con, cảm ơn hoa, cảm ơn lá cỏ.

*Ta nhìn lá cỏ long mê mẩn  
Nghĩ tới đời ràn rụa thâm ân ...*

Tôi đi về nhà có mang theo “Ta về”. Tôi đọc thơ bạn cho nhà tôi nghe:

*Ta về như tiếng kêu đồng vọng  
Rau mác lên bờ đá trở bong  
Cho dẫu ngàn năm em vẫn đứng  
Chờ anh như biển vẫn chờ sông  
Ta gọi thời gian sau cánh cửa  
Nỗi mừng ràn rụa mắt ai sâu  
Ta nghe như máu ân tình chảy  
Từ kiếp nào xưa tưởng lạc nhau  
Ta về dẫu phải đi chân đất  
Khắp thế gian này để gặp em  
Đau khổ riêng gì nơi gió cát  
Hè nhà, bụi chuối thức thâu đêm*

Đọc đến đoạn này, nhìn lên thấy nhà tôi đã nhạt nhòa nước mắt.

Cuối năm 1990, ngày thứ sáu 13 tháng 10. Ngày xấu “đi chơi cũng thiệt lộ là đi đâu”. Tôi quanh quẩn ở trong nhà. Chợt có tiếng xe Honda thảng xiết trước chiếc cầu nhỏ, bắc qua con lạch vào căn nhà Hóc Môn của tôi. Nhìn ra thấy H. con trai Tô Thùy Yên đang hấp tấp dắt xe vào. Tôi chạy ra, thấy vẻ hốt hoảng của H. nên vội hỏi “có chuyện gì vậy cháu? – “Bố cháu vừa bị bắt rồi” – H. thảng thốt nói tiếp: “Trước khi lên xe công an, bố cháu nói nhỏ: đi báo các bác nên cháu vội chạy lên đây”. Nhà tôi bảo H. ở lại ăn cơm cái đã nhưng H. nhất định ra về “Để cháu phải đi ngay cho kịp vài nơi nữa ...”



PHAN LẠC PHÚC  
(1928-2016)  
Ký giả LỖ RÀNG

Như vậy là Mùa Hạn – Ta về thơ Tô Thùy Yên – Tâm sự với Bạch Cư Dị thơ Hà Thượng Nhân – Bài hát Tự Do – Trăng tù – thơ Thanh Tâm Tuyền, một bài từ của bạn già người viết sử Lam Giang cùng với một số bài viết của tôi đã được “phản thu” ngay chiều hôm đó. Lúc này Thanh Tâm Tuyền cũng như Hà Thượng Nhân đã HO đi Mỹ. Bạn bè thân thiết gần đây chỉ còn Tô Thùy Yên. Bây giờ bạn ta bị bắt rồi. Bao giờ bao giờ gặp bạn ta trở lại.

**Phan Lạc Phúc** (Khởi Hành số 26 Tháng 12, 1998)

# Trường Sa hành của Tô Thùy Yên

**\*\* NGUYỄN HƯNG QUỐC \*\***

Trong bài “Biển Đông: Quyền lợi quốc gia và tinh thần dân tộc”, tôi có in lại trong phần chú thích, bài thơ “Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn” của Trần Đăng Khoa. Bài thơ ấy được nhắc nhở nhiều và thường xuất hiện trong các tuyển tập thơ ở Việt Nam. Nhưng thành thực mà nói, nó không hay, hoặc nếu hay, chỉ hay ở mức vừa phải. Không có gì đặc sắc. Thơ viết về biển đảo của Việt Nam, cho đến nay, hay nhất có lẽ là bài “Trường Sa Hành” của Tô Thùy Yên. Nhân lúc mọi ánh mắt đều hướng về Biển Đông, đặc biệt Hoàng Sa và Trường Sa, chúng ta cũng nên đọc lại bài thơ này.

Bài thơ có ý nghĩa lịch sử: được sáng tác vào tháng 3 năm 1974, hai tháng sau ngày Trung Quốc đánh chiếm Hoàng Sa lúc ấy thuộc Việt Nam Cộng Hòa – là một dấu mốc đáng nhớ. Nó lại có ý nghĩa chính trị: nối liền quá khứ với hiện tại, miền Nam lúc trước và cả nước sau này, vấn đề lãnh thổ và chủ quyền, những người lính ngày xưa và những người còn tha thiết đối với vận mệnh của đất nước bây giờ. Đặc biệt, nó có giá trị thẩm mỹ: ngay cả khi gạt bỏ hết hai ý nghĩa trên, “Trường Sa Hành”, tự nó, là một bài thơ hay. Đủ hay để thách thức không những thời gian mà còn cả những âm mưu vùi dập tàn bạo của nhà cầm quyền Việt Nam kể từ năm 1975 đến nay.

Xin nói một chút về Tô Thùy Yên: Theo tôi, ông là một trong những nhà thơ lớn nhất của miền Nam trong giai đoạn 1954-75, hơn nữa, cũng là một trong những nhà thơ lớn nhất của Việt Nam nói chung trong cả nửa sau thế kỷ 20.

Thơ ông có một số đặc điểm đáng chú ý.

Một, Tô Thùy Yên viết ít và xuất bản rất muộn: Tập thơ đầu tay của ông, Thơ tuyển, gồm 37 bài, được xuất bản lần đầu năm 1995 (1), tức khoảng 40 năm sau khi ông có thơ đăng báo, tính trung bình mỗi năm ông làm chưa tới một bài. Vậy mà, ngay từ trước 1975, ông đã nổi tiếng và được nhiều người đánh giá rất cao.

Hai, nét nổi bật nhất trong phong cách thơ Tô Thùy Yên là sự giao thoa: thứ nhất, giao thoa giữa cái cũ và cái mới, giữa truyền thống và cách tân. Đó hẳn là một sự kết hợp rất nhiều người mong muốn. Nhưng không phải ai cũng làm được. Ngay cả Thanh Tâm Tuyền dù từng tuyên bố, trong bài “Một bài thơ”: “không đa đa siêu thực / thẳng thắn / khởi từ ca dao sang tự do” nhưng thơ ông vẫn nghiêng hẳn về phía hiện đại hơn truyền thống. Ở nhiều người khác cũng thế: hoặc nghiêng bên này hoặc lệch về phía bên kia.



Chỉ ở Tô Thùy Yên, người ta mới thấy được sự cân bằng. Cũng xin nói thêm: Ở đây, tôi chỉ ghi nhận một đặc điểm chứ không phải đánh giá. Thứ hai, sự giao thoa giữa cảm xúc và tư tưởng: từ cảm xúc đến hình tượng trong thơ ông đều thấp thoáng chút màu sắc siêu hình với những nghĩ ngợi về cuộc sống và về con người; nói chuyện với ai và về cái gì, với ông, dường như cũng là một cuộc trò chuyện với hư không, với cái mệnh mông của trời đất và với cái vô tận của thời gian. Có lúc ông như một Trần Tử Ngang lạc loài ở thời hiện đại. Hai sự giao thoa ấy làm cho thơ Tô Thùy Yên vừa quen vừa lạ, vừa bình dị vừa sâu sắc, vừa rất dễ đọc vừa thấp thoáng rất nhiều bí ẩn, vừa sáng sủa vừa thăm thẳm đến không cùng.

Bài “Trường Sa hành” dưới đây có thể được xem như một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Tô Thùy Yên. Tiêu biểu về thể thơ: Mặc dù Tô Thùy Yên thử nghiệm khá nhiều hình thức, từ lục bát đến tự do, nhưng thể thơ tạo nên phong cách đặc thù và thể hiện cái tài hoa cao ngất của ông, theo tôi, là thể bảy chữ: sau năm 1954, không có nhà thơ Việt Nam nào có nhiều bài thơ bảy chữ hay bằng ông.

Tiêu biểu về tư tưởng: vẫn là một cái “hữu hạn” khao khát hỏi han “Hiu Quạnh Lớn”. Tiêu biểu về nghệ thuật xây dựng hình tượng: Vẫn là những vật bình thường, nhưng dưới ngòi bút của ông, bao giờ cũng có vẻ gì như khóc liệt, từ “sóng thiên cổ khóc” đến “biển tang chế”, từ “đám cây bật gốc chờ tàn xác” đến cảnh “trùng dương khóc trắng trời”, từ “mặt trời chiều rã rưng rưng biển” đến “vàng khói chim đen thẳng thốt quần”.

Tiêu biểu trong cách liên tưởng: Dùng tâm lý để đo lường khoảng cách không gian (“Bốn trăm hải lý nhớ không tới”), dùng cảnh vật trong không gian để nghĩ đến thời gian (“Thời gian kết đá mốc u tịch”), và dùng thời gian để nói đến những sự “nhỏ nhoi” và những “nỗi tả tơi”.

Tiêu biểu trong ngôn ngữ: Lúc nào cũng thật nhiều hình dung từ và hình dung từ nào cũng mạnh và cũng gắt. Đảo thì “chéch choáng”, gió thì hoặc “miên man thổi” hoặc “thổi trùng điệp”, lòng thì “rách tưa”, khóc cười thì “như tự bạo hành”, mây đỏ thì đỏ đến “thảm thê”; nắng thì “chói chang như giữa”, còn ánh sáng thì “vang lừng điệu múa điên”.

Tất cả đều mang dấu ấn của Tô Thùy Yên. Không lẫn với ai khác.

\*

## TRƯỜNG SA HÀNH

Toujours il y eut cette clameur,  
Toujours il y eut cette fureur...  
Saint John Perse  
(Exil)

*Trường Sa! Trường Sa! Đảo chuyển choáng!  
Thăm thẳm sâu vẫy trắng bốn bề  
Lính thú mười người lạ sóng nước  
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi*

*Mùa Đông Bắc, gió miên man thổi  
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa  
Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh Lớn*

*Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngơ*

*Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỷ  
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên  
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh  
Lên xác thân người mãi đứng yên*

*Bốn trăm hải lý nhớ không tới  
Ta khóc cười như tự bạo hành  
Dập giận, vác khòm lưng nhẫn nhục  
Đường thân thế lỡ, cố đi nhanh*

*Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế  
Hữu hạn nào không tủi nhỏ nhoi?  
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ  
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời*

*Mùa gió xoay chiều, gió khốc liệt  
Bãi Đông lở mắt, bãi Tây bồi  
Đám cây bật gốc chờ tan xác  
Có hói ra đời chẳng chọn nơi?*

Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng  
Những cụm rong óng ả bập bênh  
Như những tầng buồn lay động mãi  
Dưới hồn ta tịch mịch long lanh

Mặt trời chiều rã rưng rưng biển  
Vàng khói chim đen thẳng thốt quần  
Kinh động đất trời như cháy đảo  
Ta nghe chùng phồng khắp châu thân

Ta ngồi bên đống lửa man rợ  
Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi  
Nghe cây dừa ngát gió trùng điệp  
Suốt kiếp đau dài nổi tả tơi

Chú em hãy hát, hát thật lớn  
Những điệu vui, bất kể điệu nào  
Cho ấm bữa cơm chiều viễn xứ  
Cho mái đầu ta chớ cúi sâu

Ai hét trong lòng ta mỗi lúc  
Như người bị bức tử canh khuya  
Xé toang từng mảnh đời tê điếng  
Mà gửi cùng mây, đổ thảm thê

Ta nói với từng tinh tú một  
Hằng đêm, tất cả chuyện trong lòng  
Bãi lân tinh thức, âm u sáng  
Ta thấy đầu ta cũng sáng trưng

Đất liền, ta gọi, nghe ta không?  
Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng  
Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc  
Con chim động giấc gào cô đơn

Ngày. Ngày trắng chói chang như giữa  
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên

*Mái tóc sâu nung từng sợi đở  
Kêu dòn như tiếng nứt hoa niên*

*Ôi! lũ cây gầy ven bãi sục  
Rễ bung còn gượng cuộc tồn sinh  
Gắng tươi cho đến ngày trôi ngã  
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh*

*San hô mọc tua thêm cành nhánh  
Những nỗi niềm kia cũng mẫn khai  
Thời gian kết đá mốc u tịch  
Ta lấy làm bia tưởng niệm Người*

3-1974

Chú thích:

(1) Tập thơ này, sau đó, đã được phổ biến dưới ấn bản điện tử trên Talawas

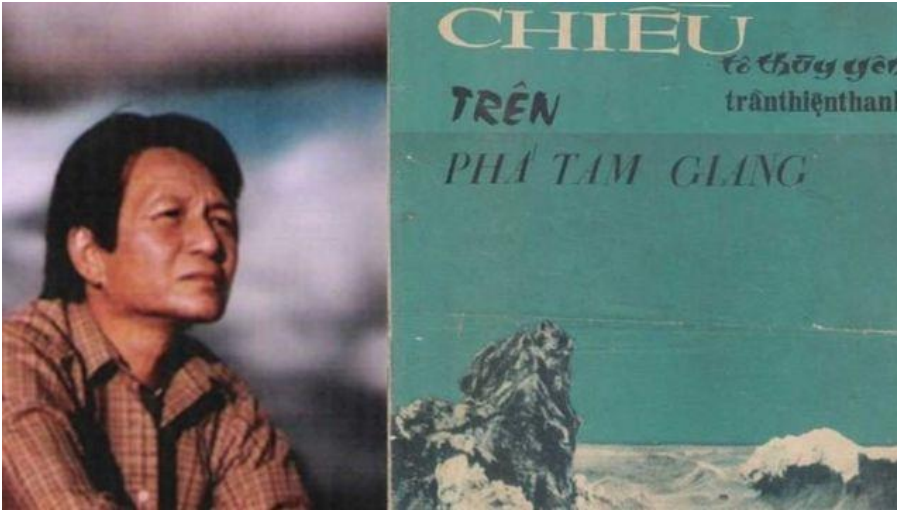


**Nguyễn Hưng Quốc**

# Tô Thùy Yên-Thân phận lưu vong quay cuồng nhớ Việt Nam

Nguyễn Hữu Hồng Minh

(Gửi cho BBC từ Sài Gòn - 26 tháng 5 2019)



*Thi sĩ Tô Thùy Yên và ca khúc "Chiều trên phá Tam Giang"  
do nhạc sĩ Trần Thiện Thanh phổ từ thơ của ông*

Ý kiến nói thơ của Tô Thùy Yên "không dễ đọc" và ông là "nhà thơ phản kháng theo nghĩa đẹp nhất của trí thức, văn nghệ".

Tô Thùy Yên, một thi sĩ lớn của miền Nam Việt Nam vừa qua đời ngày 22/5.

Ông vừa nằm xuống thì đã thấy ngay một số việc quan trọng: hầu hết các thông tin về ông đều ở một phía người Sài Gòn và hải ngoại. Các dòng chủ lưu viết về ông trên Facebook, các trang mạng xã hội cũng đều là người miền Nam và các bạn viết miền Nam là chính.

Điều đó cho thấy vết hằn văn nghệ Nam - Bắc vẫn là hai cực trái dấu chưa bao giờ được xóa mờ thậm chí ngày càng sâu trầm, dữ dội.

Cũng có ý kiến nói rằng ông là nhà thơ lớn của Việt Nam chứ không của chỉ miền Nam. Tuy nhiên, đó cũng chỉ là ghi nhận rộng mở thiện chí qua mỗi trái tim yêu thơ chứ chưa được nhìn nhận như thông tin khách quan trong nước.

Riêng cái nhìn cá nhân của người viết thì, ông là biểu tượng thơ độc đáo, đầy kiêu hãnh của Sài Gòn cũ. Một nền cộng hòa nhân bản đã sụp đổ. Là một chứng nhân thơ. Tên tuổi, cuộc đời đã trải qua nhiều đế chế, chứng kiến sự thăng trầm nguyệt quế của vinh quang, cay đắng, của tù tội, địa ngục... và qua những bài thơ còn lại khiến ông bất tử trong tâm hồn những người yêu nghệ thuật và tự do.

Nói về văn hóa Sài Gòn và thơ miền Nam khó có thể quên ông. Như vậy liệu còn cần nhân danh sớm để tung hô ông là nhà thơ lớn Việt Nam không? Tôi nghĩ không cần thiết. Và thi sĩ cũng không cần điều đó. Trước hết, việc bình đẳng trong văn học, văn hóa Việt Nam đến nay vẫn chưa xảy ra. Các thi phẩm của ông và nhiều thi sĩ chưa được chính thức in lại một cách công bằng. Nếu thi ca, âm nhạc không hẳn gắn nổi những vết thương, nỗi đau thì hóa ra tâm thế người Việt hôm nay còn lâu mới nói đến chuyện hòa giải hòa hợp được!

### **Thơ 'không dễ đọc'**

Tuy vậy, đọc Tô Thùy Yên hoàn toàn không dễ. Ông là một con người mâu thuẫn.

Nói như thi sĩ William Butler Yeats: "Tôi đang tìm bộ mặt tôi hằng có. Trước khi thế gian được tạo ra (I'm looking for the face I had/Before the world was made). Tô Thùy Yên có bốn gương mặt. Một thi sĩ phóng đảng, một chiến binh thất bại, một tù nhân luyện ngục và một thiền sư suy mặc. Là một trong những tác giả chủ trương nhóm Sáng Tạo cùng với các thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Ngọc Dũng, từng có thơ in báo từ năm 17 tuổi và sáng lập nhà xuất bản Kẻ Sĩ nhưng tuyệt đối ông lại chưa bao giờ in cho mình một tập thơ.

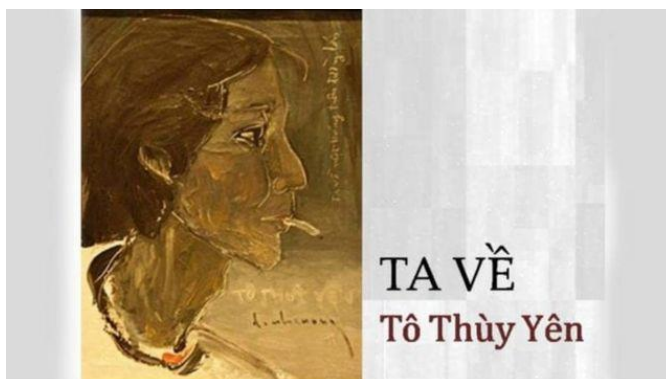
Nếu nói ở Sài Gòn trước 1975 việc tự do viết, tự do xuất bản ồn ạt dễ dàng như vậy nhưng Tô Thùy Yên lại không có tập thơ nào thì thật khó tin. Lý giải việc này trong lần gặp nhau Đức, thi sĩ kể với tôi ông chưa khi nào thấy hài lòng về thơ của mình. Mãi đến khi ở trong tù ra, đã qua đến Mỹ ông mới tự in một "Thơ Tô Thùy Yên", mang danh nhà xuất bản An Tiêm. Sau đó là thi phẩm "Thấp tạ" (2005) ông ký tặng tôi. Với thi ca ông luôn sống với những hoài nghi.

## Nhà thơ phản kháng

Tô Thùy Yên là một nhà thơ phản kháng theo nghĩa đẹp nhất của trí thức, văn nghệ. Phản kháng vì luôn đặt ra những câu hỏi, truy xét, vằn vò ngôn ngữ. Ông luôn đặt mình ở tư thế phản diện để phản biện. Thành ra ông cũng là người mâu thuẫn. Theo dõi hành trình thơ của ông đôi khi tôi ngạc nhiên tự hỏi tại sao người ta nói nhiều về ông nhưng rất ít người hiểu đúng ông. Là người khai phóng và khai sáng nhóm Sáng tạo nhưng thơ ông về thể thức rất Tân cổ điển, hoàn toàn không chủ trương ý thức làm mới hẳn như Thanh Tâm Tuyền. Vì vậy suốt một thời gian dài hình như nhóm Sáng Tạo cũng dè dặt khi đặt ông vào. Mãi đến về sau này với độ lùi khoảng 50 năm thì người ta lại thấy bóng ông vượt lên "Ta về một bóng trên đường lớn" trong khi rõ ràng Thanh Tâm Tuyền mờ hẳn đi.

Điều này cho thấy sự nghiệt ngã của thơ. Sau những trào lưu, đột phá vẫn chính là lòng người yên nghỉ. Độc giả có thể quay cuồng với một câu thơ bão bùng trong một giai đoạn, nhưng theo thời gian để lắng lại chỉ có thể là những câu thơ dễ thuộc, vằn vè, bình yên.

Thanh Tâm Tuyền từng cổ súy rất văn hoa nói rằng Tô Thùy Yên là là thơ miền Nam nhưng ngôn ngữ thơ của ông hoàn toàn miền Bắc chứ không phải miền Nam. Khen như thế đồng nghĩa với việc đã ngầm nói ông đã phản bội lại tử ngữ của mình. Với lại, nếu so sánh bằng cấp độ ngôn ngữ tôi đòi hỏi một mức độ cao hơn nữa, ví như sao chưa thấy ai phê phán Phạm Công Thiện là Bắc kỳ với những triết luận, đả phái của ông khi Thiện là dân Mỹ Tho Nam kỳ rặt? Thành thử nhận định này thoạt đầu nghe có vẻ êm ái nhưng sau đó rất khó chịu. Đó là sự miễn cưỡng khi nói về cái mới ấu trĩ!



## Nhân văn

Giá trị của thơ Tô Thùy Yên nằm ở chất nhân văn, cái nhìn xoáy vào thân phận con người. Điều mà hình như ông đã thấu tình đạt lý khi ở trong tù cộng sản ra. Không rõ hành trình đạt tới cảnh giới ý niệm này có được trên tiến trình làm thơ của ông hay khi sự bất bớ giam cầm quá lâu - 13 năm tổng cộng cả của hai lần của thi sĩ đã khiến ông mệt mỏi? Có thể đây là chung cục của sự suy tư rất ráo hoặc tư thế buộc phải chọn lựa chứ không còn cách nào khác! Để tồn tại hoặc chết? Nhưng rõ ràng tuy không nói ra thuyết trung dung này đã thuyết phục được tâm lý khác nhiều người. "Ta về cúi mái đầu sương điểm / Nghe nặng từ tâm lượng đất trời / Cám ơn hoa đã vì ta nở / Thế giới vui từ mỗi lẻ loi".

Những suy tư đầy yếm thế của "chiến binh thua trận" kiểu này tội thấy khá ít ỏi, hay gần như chưa thấy rõ dung mạo trong tác phẩm của các nhà văn, thi sĩ miền Nam ở Sài Gòn cũ hiện vẫn còn sống ở Hải ngoại. Vì hơn ai hết, ngoài phẩm chất một thi sĩ, Tô Thùy Yên là một tướng quân đội. Ông là thiếu tá Tâm lý chiến của quân đội miền Nam Cộng hòa. Ông phải giải mã, trả lời câu hỏi hậu thế đó cho lịch sử. Đành rằng "chính trị là một con điếm" và tư thế của một nhà thơ và một sĩ quan cấp tá vẫn khó liên quan, ràng buộc với nhau.

## Khắc kỹ nghệ thuật

Một lý giải khác khá quan trọng với thơ Tô Thùy Yên đó là thi sĩ theo trường phái khắc kỹ nghệ thuật. Hay lý giải theo quan điểm Albert Camus "Sáng tạo là cho số phận ta một hình thù". Như như thế cũng đồng nghĩa từ trong nguyên ủy, ông phản lại, chống lại thơ tự do.

Một lần nói chuyện với nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ bà cho biết ông làm thơ như cực hình không có gì là sung sướng cả! Ông nghiêng hẳn về tứ và ngôn ngữ! Đề nén cảm xúc trong các hình tượng mẫu tự nghiêm ngặt. Vì thế ông chọn thể thức thơ cổ phong, tứ tuyệt hoặc 5 chữ, 7 chữ. Ông đọc và tìm hiểu điển tích rất nhiều.

Bà Thụy Vũ cho biết ông thường "vắt nát óc" cùng kiệt cho một bài thơ. Ông chép đi chép lại một bài thơ và thường vò xé bản thảo viết lại từ đầu nếu thấy câu chữ đó chưa



thật đất, chưa thật ưng ý. "Vì thế mỗi đêm ông làm thơ thì sáng dậy tôi thường phải đem một sọt rác đi đổ vì trong đó đầy ngập những trang viết chưa ưng ý của ông".

Về hình thức ông theo quan điểm của Adgar Allan Poe cho rằng độ dài của bài thơ không nên quá ngắn vì "một bài thơ cực ngắn có thể lúc này hay lúc khác sẽ gây được tiếng vang nhưng sẽ không bao giờ tạo ra được ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài" (Nguyên lý thơ ca - The Poetic Pr - NHHM dịch).

Vì thế những bài thơ nổi tiếng của ông như "Trùng Sa hành", "Ta về", "Chiều trên phá Tam giang"... đều có một độ dài cần thiết về hình thức đáng kể. Gây được ấn tượng cho người đọc. Tuy vậy, dưới mắt những người làm thơ đôi khi vẫn thấy ông cũng khá tham lam bày tỏ "thi bất tận ngôn" dẫn đến thừa thãi và quên "ý tại ngôn ngoại". Ngay cả ông trong bài thơ "Ta về" khá dài ông vẫn còn tiếc rẻ "Ta tiếc đời ta sao hữu hạn/Đành không trải hết được lòng ta".

### **Chưa được dịch giả quan tâm**

Một điều rất đáng tiếc, một giọng thơ ngoại hạng như Tô Thùy Yên vẫn chưa được các dịch giả quan tâm đúng mức dịch để chuyển ngữ, dịch giới thiệu ra với thế giới. Từ trường phạm vi phổ biến thơ ông cũng chỉ ở trong nước, đặc biệt là người Sài Gòn.

Năm 2005, lần đầu tiên trung tâm LiteraturWERKstatt và Viện Goethe có tổ chức một chuyên đề thơ "105 kinh độ đông" ở Đức đã mời nhà thơ Tô Thùy Yên (từ Hoa Kỳ) và tôi (Việt Nam). Phần thơ của ông và tôi được các nhà nghiên cứu Sollozz, tiến sĩ Thái Kim Lan và dịch giả Hồ Phạm Huy Đôn chuyển ngữ.

Dịp này ông và tôi có hai buổi giao lưu với khán giả yêu thơ ở Berlin và Munich. Bài thơ "Cánh đồng con ngựa, chuyến tàu" của Tô Thùy Yên được xem như bài thơ tiêu biểu của ông giai đoạn khởi đầu cùng nhóm Sáng tạo. Bài này có được ông chọn lại trong dịp một số thi phẩm của ông được chuyển ngữ.

Chuyến đi khá ấn tượng vì chúng tôi có dịp được gần nhau. Tôi lại phát hiện thêm một mâu thuẫn kỳ lạ trọng tâm hồn thi sĩ Tô Thùy Yên. Ông nói bằng tiếng Anh và phản đối đến cùng chế độ toàn trị độc tài Cộng sản khi giao lưu với khán giả. Một chế độ cầm tù và làm nhục văn nghệ sĩ. Hoàn toàn khác với những bài thơ ngỗ đã đạt đến cảnh giới

giác ngộ của ông, "Ta về khai giải bùa thiêng yểm/Thức dậy đi nào gỗ đá ơi/Hãy kể lại mười năm mộng dữ/Một lần kể lại để rồi thôi...".

Ông nói với tôi "Thi sĩ, không ai có thể làm nhục được hán ngoài chính nó". Và đọc cho tôi câu thơ của W. Ernest Henley: "I am the master of my fate, I am the captain of my soul".

Vâng, ông đã đúng. Cái chết của ông cũng là một cột mốc gần như cuối cùng bị phá đổ bởi thủy triều thời gian nghiệt ngã dành cho một nền Dân chủ Cộng hòa sớm tàn lụi. Như ngọn lửa danh dự mà ông đã giữ được đến phút cuối cùng. Ông làm chủ số phận mình, chữ nghĩa... Ông đã là và sẽ mãi là thuyền trưởng của hồn thơ, một con tàu thơ!

Nhớ đến Tô Thùy Yên, phút chốc mắt tôi nhòa lệ khi nhớ lại những ngày hai anh em lang thang giữa biên giới Đức và Pháp. Anh nói thân phận lưu vong làm anh luôn quay cuồng nhớ Việt Nam. Và nhớ đứa con tật nguyền còn mắc lại ở rừng núi Lộc Ninh không rõ sống chết thế nào? Tại sân bay Munich, không kiềm nổi lòng mình, anh ngửa mặt lên trời khóc lớn. Rồi buồn thảm kéo vali đi giữa tuyết trắng Berlin.

Rồi sẽ còn những câu thơ anh Tô Thùy Yên ạ! Như anh đã đọc câu thơ của Saint - Pol Roux mà em thấy hay quá nhờ anh chép lại vào sổ tay, anh nhớ không? "Câu thơ ca cắm rễ của nó vào tương lai!".



## Nguyễn Hữu Hồng Minh

(Nguyễn Hữu Hồng Minh sinh tại TP Đà Nẵng năm 1972, vừa là nhà thơ, nhà văn, phê bình văn học và cũng là nhà báo, hiện sống và làm việc ở Sài Gòn)

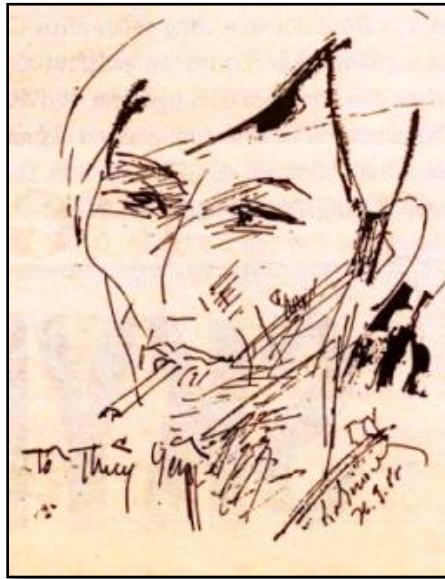
# Độc “Trường Sa Hành” của Tô Thùy Yên khi biển không yên!

\*\* đoàn xuân thu. melbourne \*\*

Trung Cộng từ khi chiếm được Hoa Lục năm 1949, bắt đầu giương oai diễu võ! Với đầu óc nông dân đặc sệt cả mấy ngàn năm, triều đại nào, hoàng đế Trung Hoa nào bao giờ cũng nghĩ tới giành giật đất đai, lấn chiếm ao hồ của hàng xóm nhỏ hơn, yếu hơn mình. Cứ chờ thời cơ rồi ngày gặm thêm một chút.

Như Việt Nam từ thời lập quốc tới giờ núi liền núi, sông liền sông với “chú Ba” xấu bụng này chẳng lúc nào được yên. Trên bộ thì Ải Nam Quan rồi thác Bản Giốc; dưới biển thì Hoàng Sa rồi Trường Sa...!

Tình hình Biển Đông luôn nổi sóng về cái vụ giàn khoan Trung Cộng lù lù xuất hiện ngoài khơi thuộc vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, làm người viết lại nhớ tới bài Trường Sa Hành của nhà thơ Tô Thùy Yên viết cách đây đã bốn chục năm trời rông rã.



Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938, tại Gò Vấp, Gia Định, học Petrus Ký và Đại học Văn Khoa Sài Gòn, ban Pháp Văn, gia nhập quân đội khóa 17 Trường Bộ Binh Thủ Đức. Đến 1975, mang lon thiếu tá Chiến Tranh Chính Trị, trưởng Phòng Văn Nghệ, Cục Tâm Lý Chiến. Ông bị Cộng Sản bắt đi học tập cải tạo gần 13 năm; rồi đi định cư ở Houston, Texas, Hoa Kỳ năm 1993.

Trước bài Trường Sa Hành của ông, cũng có những nhà thơ khác làm thơ có tựa là “Hành” như: bài thơ Tống Biệt Hành của Thâm Tâm, năm 1940...

Nhưng “Hành” nghĩa là gì? Có người cho đó là một thể thơ cổ. Song người viết lại nghiêng về một cách cắt nghĩa đơn giản hơn: Hành là đi, là đến trong từ hành trình, du hành, vi hành, bộ hành hay hành khách... Nhà văn đi và viết thì gọi là ký. Nhà thơ đi và làm thơ thì gọi là Hành. Đi Trường Sa làm thơ thì đặt tên bài thơ là Trường Sa Hành! Chắc vậy?!

Trường Sa Hành coi như một nhật ký viết dưới dạng thơ khi Tô Thùy Yên đến Trường Sa năm 1974 vào Tháng Ba khi gió mùa Đông Bắc thổi. Chuyến đi này được thực hiện hai tháng sau khi Trung Cộng xua tàu hải chiến rồi chiếm Hoàng Sa ngày 19 Tháng Giêng, năm 1974, khiến 75 người lính anh hùng của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa hy sinh trong lúc bảo vệ biển đảo quê mình.

Trường Sa cách đất liền hơn 400 hải lý, nhà thơ đến bằng tàu Hải Quân và vẫn còn say sóng cũng y như những người lính thú trấn thủ trên đảo (không phải tất cả là ngư dân) trước khi đến Trường Sa có thể chưa biết biển bao giờ?!

Tô Thùy Yên, dân Gò Vấp, dân Sài Gòn, nên đêm đầu ra Trường Sa say sóng, cứ bồng bênh, cứ tưởng đảo là con tàu vẫn tiếp tục trôi đi. Tả thực và xuất sắc!

*Trường Sa! Trường Sa! Đảo chũnh choáng!  
Thăm thẳm sâu vẫy trắng bốn bề.  
Lính thú mười người lạ sóng nước,  
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi.*

Trường Sa là quần đảo, tên tiếng Anh là Spratly Islands, đảo Trường Sa lớn là một đảo trong quần đảo này; lúc nhà thơ đến, không có dân; chỉ có lính... Đảo san hô đứng thứ tư về diện tích (0.15 km<sup>2</sup>).

Mãi khi Trung Cộng lấn chiếm quần đảo Hoàng Sa, quân đội Việt Nam Cộng Hòa mới đưa lính thuộc Tiểu Đoàn 371 Địa Phương Quân (ĐPQ), thuộc Tiểu Khu Phước Tuy, ra trấn thủ trên các đảo: Nam Yết, Song Tử Tây, Sơn Ca, Sinh Tồn và đảo Trường Sa lớn.

Nhà thơ đến chào, hỏi han (lính) đảo Hiu Quạnh lớn (có thể là đảo Trường Sa lớn mà nhà thơ tự mình đặt tên! Tôi đoán vậy vì nó viết Hoa?!)

Và có thể vì nhà thơ chỉ là khách, lại là quan “văn nghệ,” đến chơi vài bữa rồi đi... trong khi những người lính gian khổ ở lại... nên bước đầu gặp nhau không vồn vã lắm. Những người lính đó làm “ngơ” cũng phải thôi! Tới đây là cực, là vất vả hết mức rồi thì việc gì phải sợ “quan” nữa chớ?!

*Mùa Đông Bắc, gió miên man thổi  
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa.  
Ta hỏi han hề, Hiu Quạnh lớn!  
Mà Hiu Quạnh lớn vẫn làm ngo.*

Người sống trên đảo năm ấy là lính Địa Phương Quân, mỗi đảo chỉ khoảng 20 người, từ đất liền ra đảo chẳng bao lâu, nên chưa có ai chết thì hồn ma quỷ làm sao mà có?! Thiệt là hiu quạnh! Thảo mộc cây cối thì hồi nhỏ tới giờ mới thấy; nên hồng biết tên gì?

*Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỷ,  
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên  
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh  
Lên xác thân người mãi đứng yên.*

Cách bờ xa quá, nơi những người lính thân cô, thế cô, tuân lệnh trên, xa nhà, xa cửa, xa vợ, xa con, xa cha, xa mẹ, anh em đến đây để giữ đảo quê mình. Xưa ai làm công chức hay quân nhân mà bị đày đi đảo như Côn Sơn ngay cả Phú Quốc đều mang mặc cảm tự ti là mình bị đày, bị bỏ quên giữa trùng trùng sóng vỗ. (Dù sau ba tháng, sẽ có đại đội từ trong đất liền ra thay thế!)

*Bốn trăm hải lý nhớ không tới  
Ta khóc cười như tự bạo hành  
Dập giận, vác khòm lưng nhẩn nhục,  
Đường thân thế lữ, cố đi nhanh.*

Vậy mà những người lính tưởng chừng như bị bạc đãi, bị lạc loài, bị bỏ quên, không ai nhớ đó lại can đảm đánh nhau với Tàu Cộng trang bị hùng hậu hơn nhiều để bảo vệ biển đảo quê mình rồi ngã xuống... nên:

*Sóng thiên cô khóc, biển tang chế.  
Hữu hạn nào không tử nhỏ nhoi?  
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ  
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời.*

Dù gì đi chăng nữa, đã sanh ra làm dân Việt nếu phải chết vì đất nước thì chết. Lớp này rồi lớp khác!

*Mùa gió xoay chiều, gió khốc liệt,  
Bãi Đông lữ mắt, bãi Tây bồi.*

*Đám cây bật gốc chờ tan xác  
Có hỏi ra đời chẳng chọn nơi?*

*Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng  
Những cụm rong óng ả bập bênh  
Như những tầng buồn lay động mãi  
Dưới hồn ta tịch mịch long lanh.*

*Mặt trời chiều rã rưng rưng biển  
Vàng khói chim đen thẳng thốt quân,  
Kinh động đất trời như cháy đảo...  
Ta nghe chừng phảng khắp châu thân.*

Đề đêm về sống như người nguyên thủy bên đồng lửa, chờ môi... rồi nhậu!

*Ta ngồi bên đồng lửa man rợ,  
Hong tóc râu, chờ chín miếng môi,  
Nghe cây dừa ngắt gió trùng điệp  
Suốt kiếp đau dài nổi tả tơi.*

Rồi văn nghệ, ca hát, không có 'quan' và 'lính' chỉ có 'qua' và 'chú em'. Rặt ròng Nam Bộ!

*Chú em hãy hát, hát thật lớn  
Những điệu vui, bất kể điệu nào  
Cho ấm bữa cơm chiều viễn xứ  
Cho mái đầu ta chớ cúi sâu.*

Rượu lâng lâng sàu viễn xứ rồi nhớ tới những người đã được gọi ra đây lúc trước, chiến đấu rồi chết một cách quạnh hiu mà quân tiếp viện đâu... chờ hoài chẳng thấy... như đã từng xảy ra ở Hoàng Sa chỉ mới hai tháng trước.

*Ai hét trong lòng ta mỗi lúc  
Như người bị bức tử canh khuya  
Xé toang từng mảng đời tê điếng  
Mà gửi cùng mây, đồ thảm thê.*

*Ta nói với từng tinh tú một  
Hằng đêm tất cả chuyện trong lòng  
Bãi lân tinh thức, âm u sáng  
Ta thấy đầu ta cũng sáng trưng.*

*Đất liền, ta gọi, nghe ta không?  
Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng.*

*Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc.  
Con chim động giấc gào cô đơn.*

Người lính đảo, hầu hết là trẻ, là hoa niên, đến đây vì đất liền, chạm địch, đối mặt với quân thù thì xin đừng bỏ chúng tôi lại chiến đấu một mình trên “Hiu Quạnh lớn” đồng bào ơi!

*Ngày trắng chói chang như giữa.  
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên.  
Mái tóc sêu nung từng sợi đở  
Kêu giòn như tiếng nứt hoa niên.*

Tuổi hoa niên trong binh lửa là vậy đó. Hy sinh phận mình cho đất nước tồn sinh.

*Ôi! Lũ cây gầy ven bãi sục,  
Rễ bung còn gượng cuộc tồn sinh,  
Gắt tươi cho đến ngày trôi ngã  
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh.*

*San hô mọc tua thêm cành nhánh  
Những nỗi niềm kia cũng mãi khai  
Thời gian kết đá mốc u tịch  
Ta lấy làm bia tưởng niệm Người.*

Nhà thơ đem “nỗi niềm” kia hỏi Trời và hiểu ra rồi! Hiểu một điều là đất này, biển này, đảo này do những người lính rất bình thường, không phải là quan quyền chi hết... gian khổ giữ lấy! Và nhà thơ cúi đầu khâm phục sự gian khổ hy sinh kính cẩn gọi những người lính vô danh đó trong bài thơ của mình bằng chữ “Người,” trang trọng viết hoa.

Năm 1974, khi Trung Quốc đánh chiếm Hoàng Sa, Hải Quân ta chống trả quyết liệt thì những nhà thơ quốc doanh miền Bắc chịu nhục, cúi đầu câm lặng. Sau 1975, Bắc quân chiếm được miền Nam thì lại tự cao, tự đại... [dù trong thâm tâm cũng phải cúi đầu khâm phục bài thơ này do một nhà thơ tài hoa Nam Bộ duy nhất trong nhóm Sáng Tạo (chủ lực có nhà văn Mai Thảo và nhà thơ Thanh Tâm Tuyền...viết...)] Nhưng vốn tánh nhỏ nhen, vẫn còn ráng “khoèo” một cái là bài thơ Trường Sa Hành của nhà thơ miền Nam Tô Thùy Yên hay... nhưng thiếu tính chiến đấu.

Tính chiến đấu gì đây? Đâu phải cứ là “Cờ in máu chiến thắng mang hồn nước, sừng ngoài xa chen khúc quân hành ca, đường vinh quang xây xác quân thù...”

Tính chiến đấu không phải là ngư lôi, là tàu chiến, là tàu ngầm Kilo! Đôi khi có rồi mà chưa chắc đã dám “chơi”...vì nhát?!

Tính chiến đấu trong bài Trường Sa Hành của Tô Thùy Yên là gian khổ của người lính trong trùng trùng gió mùa... khắc nghiệt, nắng cháy đến phỏng da vào mùa khô! Còn mùa mưa bão, những cơn bão nhiệt đới đi qua mạnh đến mức dường như thổi bay luôn cả đảo!

Thiên nhiên là vậy, khắc nghiệt như vậy, vẫn chịu đựng để giữ biển đảo quê mình... Rồi quân thù đến, đánh tới cùng, dù biết rằng chấp nhận ra đây là nếu đựng trận là chỉ có chết chứ còn biết rút đi đâu, còn ai tiếp viện? Đảo mà!... Xa đất liền quá! Hồng lữ giơ tay, buông súng mà đầu hàng Tàu Cộng? Hai tháng trước khi nhà thơ đến, hải chiến đã xảy ra rồi đó ở Hoàng Sa. Đã có hy sinh! Biết vậy nhưng không có sợ... Dà! Tính chiến đấu ở đây đó thừa “chư vị” thi sĩ quốc doanh miền Bắc!

Mỗi người đọc thơ đều có thể hiểu cách khác nhau! Càng nhiều cách hiểu càng tốt! Vì một bài thơ hay như một cái kính vạn hoa, mỗi lần đọc lại bài thơ thì tìm ra cái mới, cái hay, cái lạ là lần đọc trước mình chưa tìm thấy, chưa hiểu hết. Như cái kính vạn hoa, mỗi bức hình tuyệt tác chỉ là những hạt thủy tinh được sắp xếp, như những con chữ được sắp xếp trong thơ, lác lên lại hiện ra hình ảnh khác... rực rỡ muôn màu!

Người viết không phải là nhà phê bình văn học, mạo muội viết ra những điều mình “cảm” về bài Trường Sa Hành của một tác giả nổi tiếng như nhà thơ Tô Thùy Yên là một việc làm mạo hiểm vì dễ bị chê là dốt chẳng hiểu gì thơ.

Tuy vậy, ai chê thì chê... mình hiểu tới đâu hay đó, viết ra chia sẻ cùng bạn đọc thân mến vì trộm nghe có người phê rằng bài thơ hay nhưng không có sức chiến đấu làm mình “tức,” mình “quạ” lên, “quạ” cho nó một trận cho đã tức!

Bài thơ này viết cách đây đã 40 năm vẫn còn đứng vững và chắc rằng sẽ còn đứng rất lâu vì một lẽ đơn giản là nó hay.

Biển Đông không yên và chắc mãi mãi không yên. Mỗi lần biển không yên... lại đọc Trường Sa Hành của Tô Thùy Yên để yêu nước mình thêm. Tôi xin cảm ơn ông!

**đoàn xuân thu. melbourne** – tháng 5, 2019



# Nói Chuyện Thơ

\*\* Ngô Nhân Dụng \*\*



Cuối tuần rồi nhiều người làm văn nghệ ở Quận Cam và ở San Jose đã họp mặt, được nghe thi sĩ Tô Thùy Yên nói chuyện, nhân dịp cuốn thơ Thắp Tạ của ông mới ra đời. “Thắp Tạ” nghĩa là gì? Nhiều người đặt câu hỏi đó. Đó là tên một bài thơ và tên cả tập thơ. Thắp tạ nghĩa là gì? Thi sĩ Tô Thùy Yên không đáp.

Nhưng có một người đã trả lời, một người chúng ta không ngờ cũng phát biểu ý kiến về “thơ” và cũng trong dịp cuối tuần rồi. Ở bên kia bờ Đại Tây Dương, tại thành phố Berlin, Đức Quốc. Đó là ông Jean Claude Prichet – Chủ Tịch Ngân Hàng Trung Ương Khối Liên Hiệp Âu Châu, ông đang dự phiên họp của các bộ trưởng tài chánh và Ngân Hàng Trung Ương 20 nước – gọi là G-20.

Cái hội nghị này lạ lắm. Một vấn đề đang làm cả thế giới băn khoăn là giá đồng đô la Mỹ đang xuống, nhưng bản thông cáo sau cùng của hội nghị không nói một câu nào đến chuyện đô la hết. Nhưng trước khi hội nghị họp thì ông Allan Greenspan – Chủ Tịch Hệ Thống Dự Trữ Liên Bang – tức Ngân Hàng Trung Ương Mỹ, đã “cho nổ một trái bom” khi ông báo động sẽ tới lúc các nhà đầu tư quốc tế bỏ chạy không mua các chứng khoán của Mỹ nữa vì đồng đô la xuống giá mãi. Khi họ không mua các trái khoán và cổ phần của Mỹ thì họ cũng không cần đổi lấy đô la Mỹ, tức là đô la Mỹ càng xuống hơn. Trước khi ông Greenspan phát biểu ở Frankfurt, thành phố này là nơi trụ sở của Ngân Hàng Trung Ương Âu Châu, thì tuần trước đó ông Trichet cũng nói đến hồi suất đô la

và đồng euro mà 11 nước Âu Châu đang dùng chung. Ông nói rằng đồng euro lên giá quá cao và quá nhanh so với đô la Mỹ từ đầu năm tới nay. Đó là một hiện tượng “tàn bạo và không hoan hỉ,” (brutal and not welcome.) Thứ Sáu vừa rồi có người mới hỏi lại ông Trichet ông muốn nói gì trong mấy chữ “tàn bạo và không hoan hỉ”? Ông Trichet trả lời: “Câu đó cũng như là thơ vậy, tự nó đã nói đủ nghĩa rồi!” Tức là quý vị nghe câu “tàn bạo và không hoan hỉ,” về chuyện đồng euro lên giá cũng nên giữ thái độ như khi quý vị nghe những câu thơ Tô Thùy Yên. Bà Tô Thùy Yên, tức là chị Huỳnh Diệu Bích, cũng không giải thích cho tôi hai chữ Thấp Tạ mà chỉ đọc hai câu trong bài thơ tặng chị:

*“Thấp tạ càn khôn một vô tích  
Thấp tạ nhân quần một luyến thương.”*

Nếu như quý vị chưa thỏa mãn, thì xin trích dẫn thêm vài câu nữa trong bài Thấp Tạ, ngay trước hai câu thơ trên:

*“Một mai nàng ra bãi vô định  
Nhìn sông đổi lòng, nhìn núi chuyển chân.  
Mây bay bay như những vẫy biệt...  
Nàng đứng cho tàn một nén nhang.”*

Rồi sau đó là hai câu thơ bắt đầu bằng hai chữ Thấp Tạ. Tôi nghĩ rằng tự các câu thơ đó đã nói đủ. Nếu giải thích thêm nữa sẽ thành vô lễ với độc giả và tác giả. Và sẽ bị ông Jean Claude Prichet chê cười là chẳng hiểu thơ là cái gì cả.

Một tập thơ, một bài thơ mới đem trình làng cũng giống như là làm bữa ăn đầy tháng cho một đứa con mới sinh. Có ai đi tới dự tiệc mừng mà lại đặt câu hỏi, “Thưa cháu bé là cháu trai hay cháu gái vậy?” Bố mẹ em bé chắc phải trợn mắt lên mà đáp: “Cứ nhìn kỹ thì biết, nhìn không thấy thì mở ra mà coi, hỏi gì nữa?” Có lẽ chính sách tiền tệ của các Ngân Hàng Trung Ương cũng như vậy.

Cái ý so sánh một cuốn sách mới với em bé sơ sinh là của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện. Ông có mặt chiều Thứ Bảy vừa rồi ở phòng sinh hoạt Nhật Báo Người Việt để bắt tay Tô Thùy Yên. Hai người cùng sống ở những nhà tù do cùng một chế độ cai quản, nhưng với các kinh nghiệm và cảm xúc khác nhau. Như các thi sĩ thật sự không ông nào giống bà nào. Nguyễn Chí Thiện bảo rằng dự một buổi ra mắt sách cũng giống như đi ăn tiệc mừng một em bé đầy tháng. Chúng ta chỉ nhìn những nét nào đẹp nhất của em bé, những nét mạnh mẽ, nụ cười, mắt sáng, môi son, chứ không ai nên nhìn vào những chỗ mình không vừa ý cả. Trong thời gian Nguyễn Chí Thiện một mình chiến đấu âm thầm ở trong nhà tù miền Bắc thì Tô Thùy Yên sống giữa cuộc chiến tranh thật ở miền Nam Việt Nam:

*“Nhớ xưa thiên địa dấy binh lửa  
Xứ xứ rần lên, người giết người...”*

Hoặc là:

*“Làng đã cháy, im lìm bất trắc...  
Người nhớ người mà cũng sợ người.  
Trời ơi những xác thây la liệt  
Con ai, chồng ai, anh em ai?”*

Những câu thơ đó là những suy niệm về chiến tranh, 20, 30 năm sau khi cuộc chiến đã chấm dứt. Cũng như những câu:

*“Đêm trước, đại quân vừa hạ trại.  
Chiều nay, lều cháy, xác thây phơi.”*

Đọc hai câu này thì thấy Tô Thùy Yên rất cổ kính, rất Đường thi, vì chợt nhớ đến những câu thơ cổ như của Đặng Trần Côn:

*“Kim triều, Hán há Bạch Đằng thành.  
Minh nhật, Hồ khuy Thanh Hải khúc.”*

(Nay Hán xuống Bạch thành đóng lại.  
Mai Hồ về Thanh Hải dòm qua.)

Rồi sau đó:

*“Em về giồng dưới qua bưng gió,  
Dạ bồi bồi, nổi sậy niêm mây”.*

Nghe như những lời ca dao mới cho sông Tiền, sông Hậu. Tôi nghĩ những ý đó nhưng nghe lời khuyên của Nguyễn Chí Thiện không nói gì với Tô Thùy Yên. Nếu Đỗ Phủ sống qua thời đại này với Tô Thùy Yên chắc cũng nhìn thấy cảnh tiếp theo:

*“Xa giá càn dân lấy lối chạy.  
Trẻ giữa đường đứng khóc một mình.  
Sau cùng có người lính chấp kích  
Ra trước ngộ môn mà quyên sinh.”*

Tô Thùy Yên đã ghi lại những hồi tưởng về chiến tranh. Một phần tư thế kỷ sau khi chiến tranh chấm dứt. Nếu quý vị nghĩ đến làm một cái gì để đánh dấu 30 năm kể từ 1975 thì đọc tập thơ mới của Tô Thùy Yên cũng là một cách. Để thấp, tạ. Như thi sĩ viết:

*“Thôi, ráng giữ gìn chút nước mắt,  
Mai sau nhờ đó nhận ra nhau.  
Sẽ mưa, trời sẽ mưa châu ngọc.  
Ta sẽ về qua bãi lệ rào.”*

Những người Việt Nam dưới lớp tuổi 30, 40 chắc không cảm động vì những lời nhắn gọi “*mai sau nhờ đó nhận ra nhau.*” Cũng không thể chia sẻ niềm hy vọng bù ngùi “*Sẽ mưa, trời sẽ mưa châu ngọc.*”

Thứ Bảy vừa qua Tô Thùy Yên nhận xét rằng nếu trải qua một thế hệ mà dân tộc nào không sản xuất được một tác phẩm văn nghệ đáng kể thì dân tộc đó không còn sức sống. Trong 30 năm qua kể ra người Việt Nam ở khắp 10 phương cũng đã sản xuất được nhiều tác phẩm đáng kể. Trong đó có những bài thơ của Tô Thùy Yên. Sự kiện có hàng trăm người họp mặt với nhau để chào đón một thi sĩ cũng chứng tỏ tiếng Việt Nam và dòng giống Việt Nam còn đầy sức sống. Các thi sĩ có mấy khi nói chuyện với nhau đâu?

Tuần rồi, Nhật Báo New York Times đăng những lời phát biểu của 8 thi sĩ người Mỹ về thơ của nước Mỹ này. Họ đặt câu hỏi là trong 25 năm qua, ông, bà thấy bài thơ nào hoặc tập thơ nào đáng đọc, đáng nhớ nhất đối với chính mình. Có lẽ Tạp Chí Thơ cũng nên tổ chức một diễn đàn để các thi sĩ nói tiếng Việt Nam phát biểu về một câu tương tự. Một dân tộc, một cộng đồng mà không yêu tiếng nói của mình nữa thì chết.

*“Nếu như hoa biết chiều nay rụng  
Âu cũng vui mà nở sáng nay.”*

Đọc những câu thơ như vậy mà không đem lòng yêu mến tiếng Việt Nam sao được?



**Ngô Nhân Dụng**

22-11-2004



**Ngô Nhân Dụng** và **Đình Quang Anh Thái** (Người Việt Daily News)  
bàn về nhà thơ Tô Thùy Yên

■ [Phần 1](#) ■ [Phần 2](#) ■ [Phần 3](#) ■ [Phần 4](#)

\*\*\*\*\*



**Tô Thùy Yên, Đinh Cường**

# Nhà thơ Tô Thùy Yên, Sáng Tạo và Hậu Sáng Tạo

**\*\* Trần Hoài Thư \*\***

Ba trụ cột chính cổ xúy cho nghệ thuật mới, khuynh hướng mới trong thi ca đã có bài rất nhiều trên Sáng Tạo (ST) là Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên và Nguyên Sa. Tuy nhiên chúng tôi chỉ đọc được tên hai người trong ban chủ trương là Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên. Nguyên Sa thì không. Sau này, ông cho biết ông chỉ là người cộng tác và ông nhận cái lỗi của ông là viết cho ST.

Bài thơ của TTY đã từng gây nhiều tiếng vang thời ấy là:



## Cánh đồng con ngựa chuyển tàu

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu,  
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi  
Tàu chạy mau mà qua rất lâu.  
Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau.  
Ngựa rượt tàu, rượt tàu, rượt tàu.  
Cỏ cây, cỏ cây lúi chổng mặt.  
Gò nổng cao rồi thung lũng sâu.  
Ngựa thở hào hển, thở hào hển.  
Tàu chạy mau, vẫn mau, vẫn mau.  
Mặt trời mọc xong, mặt trời lặn.  
Ngựa gục đầu, gục đầu, gục đầu.  
Cánh đồng, a! cánh đồng sắp hết.  
Tàu chạy mau, càng mau, càng mau.  
Ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ,  
Chấm giữa nền nhưng một vết nâu.*

4-1956

Hình ảnh một con ngựa chạy theo con tàu, có gì để mà viết thành một bài thơ? Vậy mà ở đây bài thơ đã mang vào tâm trí ta một cuộc ruợt đuổi thật sôi nổi. Đoạn cuối là nỗi bất lực của ngựa, với một cái vết nâu nhỏ nhoi giữa một buổi hoàng hôn tàn tạ như dấu vết của một cuộc đuổi bất vô vọng. Thơ không cần vần, cần tránh những chữ lặp lại. Cái chữ “mau” tiếp tục lặp đi lặp lại nhiều lần như lời dục dã hối hả... Kỹ thuật cấu trúc thì phóng túng. Toàn bài thơ tóat ra một ý nghĩa về triết học. Có thể là sự đuổi bất không ngưng nghĩ về một điều không thể đạt. Hay cũng có thể nó hàm chứa ý nghĩa của nền khoa học kỹ thuật đề nặng lên loài người...

Ở vào thời điểm 1956, có một bài thơ với một kỹ thuật mới mẽ và tân kỳ như vậy là cả một hiện tượng hiếm hoi. Nhưng thú thật, tôi vẫn không thể cảm nổi bài thơ. Tôi đọc nó chẳng chút nào rung động. Dù tuổi tôi là tuổi ngựa. Bởi những chữ quá cứng, quá lạnh, bởi chúng không bắt tôi phải đọc thơ bằng trái tim mà bằng sự thưởng ngoạn như các cụ đồ võ đui võ tay khen một câu đối tuyệt chiêu trong thơ Đường.

Mãi đến sau này, với những bài thơ như Qua Sông, Trường Sa hành, Anh hùng tận, Chiều trên Phá Tam Giang và gần nhất là sau 1975 với bài Ta Về, tôi mới được dịp đọc thơ ông với tất cả nỗi cảm xúc dâng tràn. Thử so sánh:

Thời Sáng Tạo:

*Cô đơn bằng Thượng đế,  
Yếu đuối như linh hồn,  
Làm sao tôi trèo lên  
Vực thẳm tờ bản thảo  
Trắng im lìm giá băng.*  
(Thân phận thi sĩ, 1958)

Thời chiến tranh:

*Tiếp tế khó – đôi lần phải lục  
Trên người bạn gục đạn mười viên.  
Di tản khó – sâu dòi lúc nhúc  
Trong vết thương người bạn nín rên.  
Người chết mấy ngày chưa lấy xác,  
Thây sinh, mặt nát, lạch mương tanh.*  
(Qua sông)

Rõ ràng, thơ ông bây giờ không còn cao siêu với những từ ngữ như thượng đế, linh hồn, những tuyên ngôn, những câu hỏi đầy triết lý nữa. Trái lại thơ ông bây giờ ở dưới tận cùng của nỗi đau, như cây sinh, mặt nát, sâu dòi lúc nhúc... Thơ ông mới ở chỗ đó. Không phải mới ở cái thể thơ phóng túng là thể thơ tự do, (mà thật ra, theo tôi, ý tưởng chẳng mới chút nào) mà mới ở chỗ cách trồng cấy chữ nghĩa tài hoa của ông, ở việc ông lật bẻ trái về sự thật của chiến tranh, mà ít có một thi sĩ nào nói được. Như qua bài viết về thơ chiến tranh của Cao Vị Khanh:

...Mấy ông họ Đào, họ Đỗ, họ Lý, họ Sầm... nổi tiếng văn hay chữ tốt, rượu vào lời ra, say nằm bãi cát ghêu ngao cũng chỉ thấy nói tới cái hơi hướm của chiến tranh, cái trống hoác của tàn trận, cái ngao ngán của hậu chiến, lúc kiếm gậy cờ tan u hồn lớn vờn. Cây kích gậy cắm lún trên bờ sông Xích Bích chỉ cho ta cái cảm giác ngậm ngùi. Hình ảnh của đồng xương vô định là ước lệ vô tình của chữ nghĩa. Rồi đến Chinh Phụ Ngâm, tuyệt tác chiến tranh của văn học cổ điển cũng chỉ là chiến tranh phơn phớt ngoài da. Hơi gió cuốn người rầu mặt dạn. Dòng nước sâu ngựa nản chân bon. Ôm yên gối trống đã chồn. Nằm vùng cát trắng, ngủ còn rêu xanh. Cái kiêu chiến tranh “trăng treo đầu súng” có khi làm người ta mơ mộng đến chết người. Đến ngay Trần quang Dũng, người kháng chiến tài hoa của đất Sơn Tây cũng chỉ là Tây tiến đoàn quân không mọc tóc hay Áo bào thay chiếu anh về đất, Sông Mã gầm lên phút độc hành có làm ta thương cảm nhưng dường như cũng có làm ta “vừa lòng” như chợt thấy được mấy nét xoắn ốc ngang tàng trên dòng cổ tự. Người chết vẫn là chết dấp chết dúi không có cả tấm chiếu quấn thân nhưng bù vào đó cái biểu tượng của chiếc áo bào trong phút chót độc hành đẹp lãng mạn đến làm ta quên đi cái đau đớn, khiến ta ngưỡng mộ tính tượng phụ mã thượng mà quên đi cái thiệt thòi của đời thực. Ta kính phục mà không gần gũi. Dường như cái chết đó ở vào một thời nào xưa lắm, của một người nào cao cả lắm, cao đến chẳng ăn nhập gì đến ta, xa đã như là huyền sử vậy. Đến như ông Tô Thùy Yên, người đã đẩy ngôn ngữ thi ca đến ranh giới của tội cùng cũng chỉ nói đến cái ghê rợn của mặt trận đã im tiếng súng. Tiếp tế khó đôi lần phải lục. Trên người bạn gục đạn mười viên. Di tản khó sâu dòi lúc nhúc. Trong vết thương người bạn nín rên. Người chết mấy ngày chưa lấy xác. Cây sinh mặt nát lạch mương tanh... Nghe tới rùng mình sồn gáy. (1)

\*\*\*

Tôi đang tự hỏi: Giai đoạn nào, đã giúp đưa TTY lên một vị trí xứng đáng với tên tuổi của ông và tại sao Qua Sông, Chiều Trên Phá Tam Giang, Trường Sa Hành, Ta Về lại



được nhiều người yêu thích và nhắc nhở nhiều hơn những bài như Tuyên Ngôn, thân phận thi sĩ trong thời ST? Tôi xin mượn ý kiến của chính nhà thơ Tô Thùy Yên để trả lời:

“Một tác phẩm vượt nổi thời gian là một tác phẩm đã để lại được cho người đi sau một ý thức về đời sống” (2)

Vâng, theo tôi, chính những bài thơ sau này mới giúp tôi một ý thức về đời sống của cá nhân tôi, bạn bè tôi, đồng đội tôi, miền Nam của tôi. Không những riêng tôi mà còn có cả thế hệ con cháu tôi nữa.

Có phải vậy không?



**Trần Hoài Thư**

---

(1) Nguồn: *Tạp chí Thư Quán Bản Thảo*, P.O Box 58 South Bound Brook, NJ08880

(2) Nguồn: Nxb Sáng Tạo, Tủ sách Ý Thức, 95B Gia Long, Sài Gòn. Bìa của Duy Thanh. Ấn vụ Lam Giang Ấn Quán Sài Gòn. Ngoài những bản thường còn in thêm 100 bản quý không bán, đánh số từ I đến XV và từ 1 đến 75 đều mang chữ ký tác giả. Bản quyền của nhà xuất bản Sáng Tạo, Sài Gòn, 1965. Bản điện tử do talawas thực hiện. Bản chụp in do Thư Quán thực hiện năm 2010.

Thi Vũ  
**ĐỌC THƠ TÔ THÙY YÊN**



Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gia Định. Bắt đầu có thơ đăng trên tạp chí Sáng Tạo từ năm 1956, rồi sau đó trên các tạp chí Hiện Đại, Thế Kỷ Hai Mươi, Văn... Ngoài thơ, còn viết truyện ngắn, và dịch sách ngoại quốc. Có lúc chủ trương cơ sở xuất bản Kẻ Sĩ in lại nhạc tiền chiến và những tác phẩm Thanh Tâm Tuyền, Thụy Vũ, và dịch phẩm André Malraux. Vào lính làm đến chức Thiếu tá Trưởng phòng Thông tin Ấn họa Cục Chiến tranh Chính trị. Sau 75, bị bắt đi tập trung cải tạo mười ba năm ở trại Bắc Thái miền Bắc, lao động đập đá, sau chuyển về trại Hàm Tân, Phan Thiết, ngày ngày gánh phân. Được thả về khoảng năm 87-88. Đầu năm 1989 cắt cùm tay tự vận, nhưng được cứu thoát. Cuối năm 1990, lại bị bắt ở Saigon. Một năm sau được thả nhưng sống trong tình trạng quần thúc.

Ghi chú của Tô Thùy Yên sau tấm ảnh chân dung trên đây về cuộc tự vận không thành, và thủ bút Tô Thùy Yên thư gửi Thi Vũ từ Saigon:

... cầm tay trái thì đầu viết  
cả một lần toàn bộ ra đi  
vĩnh viễn tuổi kỷ hạn...

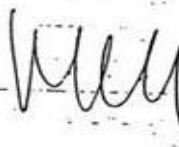
Tháng 3. 1990

(...)

... hơn 50  
năm, ôi tôi đã nhận lãnh biết bao nhiêu là ân Sủng của  
Đời, làm gì báo đáp được? / Tôi khóc tạ ơn đời, máu chảy  
khớt mềm như đất dưới chân ta, ... / (Hai câu này ở trong  
bài Tôi về dài khoảng 300 câu, viết ngay sau 10 năm đầu  
biến đó, rất tiếc không chép được cho anh và các bạn, dù  
rất muốn. ... Tôi về như cánh chim qua trời / Cho vôi vàng  
thêm gió cuối mùa / Ai đứng trông với mây nước đó / Ng nhìn  
năm râu tóc bạc phơ phơ... / Mười năm, thế giới già trôi  
thấy / Đất bạc màu đi, đất bạc màu! / Liệt sĩ ngồi đi  
như tiếng đồng... / Tiếng trống như nhà tầng mỡ của /  
Lặng ta, ngựa đá đá qua sông / Người đi như cá thóc con  
nước / Trống ngũ liên nổi nã giêng mừng... / Tôi về như  
tiếng kêu đồng vọng / Rau mác lên bờ đá vào sông / Cho  
đầu ngàn năm em vẫn đứng / Cho anh như biển vẫn chờ  
sông / Tôi về đầu phải đi chân đất / khắp thế gian này để  
gặp em / Đều thế ruộng gò nơi gió cát / Hè nhà, bụi chuối  
thiếu thêu thêm / Tôi gọi thời gian sau cánh cửa / Nổi mừng  
rên nửa mặt ai sầu / Tôi nghe như máu ẩn tình chảy / Từ  
kiếp xưa nào tưởng lạc nhau. / ... Cây bưởi xưa còn nhớ  
trắng hoa / Đêm chửa khuya lắm, hơi trăng tà / Tình xưa  
như tuổi già không ngu / Bước chày khua tiếng nổi sát xa,  
... / Chiều nay ta sẽ đi theo thắm / Thăm hỏi từng cây những  
nổi nhà / Hoa mãn, hoa tâm sườn vẫn nở / Trong vườn không  
hết những mùa hoa. / ...

(...)

Thân mến



Ba mươi năm trước, vài khi trên báo chí thấy quảng cáo một tập thơ Tô Thùy Yên sắp phát hành. Nhưng dường như tập thơ ấy chưa bao giờ ra đời ? Phải chăng đó là cái lệ mà một số thi sĩ thiên tài phải chịu ? Suốt đời muốn in thơ, nhưng thơ chưa dịp in. Đâu phải muốn là được, cần sự trợ giúp của đời. Mà đời hay xa lánh thơ ! Xa như Hàn Mặc Tử, gần như Quách Thoại. Phải chết đi trong đau đớn và bần hàn, may mắn lắm mới có bạn bè góp tiền, góp lòng truy niệm in thơ. Đời thi sĩ có bao nhiêu bằng hữu ?!

May mắn quá, Tô Thùy Yên vẫn còn sống trên quê hương, sau mười ba năm đặng đặng vất đời trong ngục tù trại tập trung cải tạo.

Sự kiện chưa có một tập thơ Tô Thùy Yên là thiệt thòi lớn cho thi ca Việt. Thật châu báu, vài mươi bài tôi có trong tay, do bạn bè chép cho, hoặc lượm lật tình cờ trên vài số báo cũ.

Ngôn ngữ thơ Yên mới và linh diệu. Tiết điệu thơ mạnh và hùng. Người đọc như kẻ trôi bè trên dòng nước siết. Càng về sau, thơ Yên toàn bích như rừng, như đá núi dựng sừng qua khắp dãy mùa trời. Khác với sự toàn bích đẽo gọt của ngọc trên món nữ trang.

Tô Thùy Yên và Thanh Tâm Tuyền là hai nhà thơ lớn khởi lên từ giữa thập niên 50. Lớn trong nghĩa tâm kỳ, trí tuệ và khai phá. Họ, muốn làm mới thơ, với nỗ lực đánh đổ một quá khứ còn mê hoặc làm chậm chân người đương thời : dòng thơ văn tiền chiến. Từ điểm khởi ấy, từ chung chịu ảnh hưởng thi ca Tây phương, đặc biệt thi ca Pháp, hai người dựng lên cõi thơ mình bằng những đường lối riêng. Càng về sau, thơ Tô Thùy Yên càng ngát lộng đông phương. Mặc dù Yên chịu ảnh hưởng St. John Perse rất đậm. Phải tinh lắm mới nhận ra. Vì ảnh hưởng thơ Pháp trong Yên đã được chuyển hóa và thuần phục. Đọc hai câu trong bài Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai :

*Cảm phục bồi hồi biển nhẵn nại  
Bắt đầu mãi mãi lượn thiên thu*

thì đổ ai dám nói Yên đã dịch hay ảnh hưởng câu thơ Paul Valéry: La mer la mer toujours recommencée — Đại dương đại dương luôn mãi hoài tái tạo — trong bài thơ nổi tiếng «Cimetière marin».

Đặt những sáng tác cuối của Yên (cuối là cuối với người viết), như Trường Sa Hành, Quỷ Xương Thi, Tượng tượng ta về nơi bản trạch, Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai, Qua sông, Đẳng tử, Anh hùng tận... bên thơ Đường thấy không khác. Dù thơ Yên không viết thể Đường luật. Khí vị Đường là chất mông lung, man mác, bên cạnh chất trầm tĩnh của con người nhìn lên, nhìn ra. Nhìn lên vũ trụ. Nhìn ra kiếp người. Thơ Yên còn thêm chất

sôi động của thời thế, với mắt quắc một người già nghìn tuổi đang nhìn xuống, nhìn vào. Nhìn xuống cõi đời. Nhìn vào thế phận đang nổi tung ý thức.

Hiệp định Genève phân chia đất nước làm đôi vào năm 54, giới làm thơ Việt Nam cũng tách chia hai đường : Những thi sĩ ở miền Bắc tiếp tục làm thơ chính luận, phục vụ các hạn kỳ chính trị và đảng cương. Ở miền Nam, dòng thơ Việt được thoải mái cách tân. Nhóm Sáng Tạo theo tư trào Hiện sinh mở đường cho thơ tự do nổi dậy, chặt đứt cầu với dòng thơ mới tiền chiến, mà họ cho đã cũ và lỗi thời. Họ đuổi khỏi thơ những hình ảnh ước lệ trong thơ tiền chiến, đi bắt lấy những hình ảnh mới của con người đòi hỏi hiện sinh. Vận trình thi hóa này đẩy hình ảnh thơ vào nhịp ý tưởng, thể hiện thành nhịp điệu của ý thức. Thanh Tâm Tuyền, người chủ soái của thơ tự do thuộc nhóm Sáng Tạo, đã xác định mỹ quan thơ tự do là nghệ thuật bắt nguồn từ một nhân sinh quan bi thảm, đắm chìm trong khổ đau không bao giờ chịu chấp nhận [1]. Đối chọi lại với thứ nghệ thuật bắt nguồn từ một nhân sinh quan bình yên, nhìn ngắm và chấp nhận đời sống, như một nghệ thuật của mơ mộng<sup>1</sup>. Tuyền diễn tả lại ý Nietzsche về hai khuynh hướng nghệ thuật trong bi kịch Hy Lạp : quan niệm Apollon và quan niệm Dionysos.

Liên minh của phần lớn những thi sĩ theo trào thơ tự do ở miền Nam là thơ Pháp. Đó đó, lắm bài thơ, lắm thi sĩ cho ta cảm tưởng đang đọc một giai điệu mới qua tiếng Việt, nhưng nguồn thơ Việt đã mất dấu, đã đứt quãng. Động rớt vài hình ảnh đẹp, quái lạ, ghép vá bên nhau. Trong khi ở thơ Pháp, câu kéo, hình ảnh, và nhịp thơ như thơ Paul Eluard hay Jacques Prévert dù tân kỳ tới đâu, vẫn nhất quán giữa nội dung, ngôn ngữ và nhạc tính. Có lẽ những thi sĩ Việt ở giai đoạn chuyển thời này chưa tiêu hóa, khi đưa dòng thơ đa âm Pháp, mà họ chịu ảnh hưởng, vào khổ thơ độc âm tiếng Việt, hoặc họ quá vụ vào việc săn bắt thi ảnh, làm mất đi nhịp ý tưởng trong vận trình thể hiện nhịp điệu của ý thức. Sự thất bại của thơ Trần Thanh Hiệp là một ví dụ điển hình.

Quách Thoại, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa... là những người ít rơi vào cạm bẫy đó. Nhờ tài thơ của họ. Lý thuyết có thể mới, nhưng thiếu tài thơ, hồn thơ mới sẽ không linh.

Ngay từ đầu, Tô Thùy Yên đã chứng tỏ được hồn thơ mới với bản sinh thơ Yên. Hãy đọc bài “Cánh đồng con ngựa chuyến tàu” đăng trên tờ Sáng Tạo số 7, tháng 4. 1956 :

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu*  
*Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi*  
*Tàu chạy mau mà qua rất lâu*  
*Tàu chạy mau tàu chạy rất mau*  
*Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu*  
*Cỏ cây cỏ cây lụi chóng mặt*  
*Gò nông cao rồi thung lũng sâu*  
*Ngựa thờ hào hèn thờ hào hèn*

*Tàu chạy mau vẫn mau vẫn mau  
Mặt trời mọc xong mặt trời lặn  
Ngựa gục đầu gục đầu gục đầu  
Cánh đồng a! cánh đồng sắp hết  
Tàu chạy mau càng mau càng mau  
Ngựa ngã lăn mình lướt như cỏ  
Như giữa nền nhung một vết nâu.*

(trích toàn bài)

So với bài Con tàu say của Vũ Hoàng Chương thời tiền chiến, thấy lạ hẳn. cảnh lắng tai nhịp sắt liên liên hay còi khuya vọng mãi tiếng ngân của men rừng say một con tàu ngã nghiêng thuở ấy, mới đến thế, gợi hình đến thế, vẫn còn là giấc mơ trong sương khói êm đềm. Chưa là con tàu vừa lạnh lùng, vừa thực, đang đâm toé ngày đêm vào cõi người như chuyến tàu của Tô Thùy Yên.

Cánh đồng con ngựa chuyến tàu không chỉ là phiến ảnh chụp nhanh. Con tàu lồm cồm thể tích, dùng tốc độ kéo theo cảnh vật đang ngủ lì. Thi sĩ sa thải mọi chất liệu dễ dãi gây khí hậu thơ: những hư từ, những tĩnh từ, thán từ... Bài thơ tuyền những danh từ như toa tàu đồ sộ, như cây cỏ dàn trải. Với một ít động từ gây chuyển động và tốc lực nơi thế giới liên giao từ hình ảnh, âm thanh đến ý thức.

Chữ ở đây không ngừng ở chức năng gợi hình, gợi ý. Chữ phá nổ mặt phẳng giấy, đưa hình vào ba chiều không gian để chạy đuổi vào chiều bốn của thời gian. Đừng tưởng Yên làm thơ tả chân hay hiện thực. Mọi sự thực, vật thực, cảnh thực đã là thực, cần chi thi ca môi giới cho nó hiện ra ? Thi ca không cần tả, vì thi ca không phóng sự. Thi ca là tiếng báo hiệu khi quên lãng bắt đầu. Thi ca vừa dịch biến, vừa lưu giữ cho tâm và mắt có lối noi trên viễn trình vũ trụ.

“*Tàu chạy mau mà qua rất lâu*” nghĩa là gì ? tả chân ? hiện thực ? cảm giác ? Không. Đây chính là ý thức chớp loé của thi ca giữa sự va chạm của một không gian (con tàu) với một không gian (cánh đồng) ; của một không gian (con tàu) với thời gian (tốc độ). Lâu hay mau mang giá trị tương đối. Không phải giá trị tự thân hay vĩnh cửu. Lâu hay mau chỉ là cảm thức. Tàu chạy mau đối với mắt. Nhưng qua rất lâu đối với cánh đồng dài. Vì từ vô thủy, cánh đồng hoang đã chạy vô cùng nhanh, lướt đuổi không gian. Bất cứ tốc độ nào xảy ra trên nó đều chậm rùa.

Tàu chạy mau tàu chạy rất mau, ngựa lướt tàu lướt tàu lướt tàu, cỏ cây cỏ cây lụi, ngựa thờ hào hể thờ hào hể, mặt trời mọc, mặt trời lặn, ngựa gục đầu gục đầu gục đầu, tàu chạy mau càng mau càng mau... Những nhịp gấp vô tận và liên tiếp ấy làm lớn lên một con tàu đâm sà vào đầu óc ta, như thế giới vô thường chuyển dịch lôi kéo ta qua muôn nghìn định mệnh lá lay. Kẻ chạy theo, hay bị kéo theo, đều thờ dốc, thờ hào hể, chóng mặt, gục đầu. Chạy cho tới lúc mệt chết, hay do tỉnh ngộ mà đứng lại, con

người mới nhảy khỏi vòng biến động trầm luân. Động tác ngã lăn ấy có thể là sự chấm dứt — chết — nhưng cũng có thể là một chuyển sinh hoặc tái sinh. Nó hiện hữu như ý thức bừng tỉnh: một vết nâu giữa nền nhung.

*Ngựa ngã lăn mình lướt như cỏ  
Như giữa nền nhung một vết nâu*

Không gian và thời gian còn giá trị gì khi thiếu cái gạch nối là hiện hữu vô thức hoặc hiện hữu đã bừng tỉnh ý thức ấy ? Trong bài thơ của Tô Thùy Yên, cánh đồng là không gian, chuyến tàu chuyên chở thời gian, và con ngựa là hiện hữu vô thức. Hiện hữu vô thức này dùng tốc độ rượt tàu mở rộng ý nghĩa không gian và thời gian cho cánh đồng và chuyến tàu. Nhưng hiện hữu chỉ hiện hữu khi bừng tỉnh thành ý thức, qua cái ngã lăn ra một vết nâu, như một tự hữu lập thành. Thi ca đưa cái không thành có. Đưa vô sinh vào duyên sinh. Duyên sinh là kết hợp những yếu tố chưa thành làm ra cuộc sống có kiến trúc.

Ít nhà thơ nào nói rõ về mình và con đường thơ của mình như Yên :

*Tôi là Tô Thùy Yên là thi sĩ là người chép sử tương lai  
Vốn học hành dang dở nên ra đứng bờ cuộc đời ngó xuống hư vô  
Khi mùa hạ đốt bùng lên những hàng phượng*

...

*Có sống ngoài chiến khu nên rời bỏ Việt Minh  
Đến cất lời ngợi ca cuộc đời xứ sở anh em ái tình thịnh trị*

...

*Cha mẹ tôi cho con tính tình rộng rãi. Tôi cho thêm tôi một chút ngang tàng*

...

*Còn làm thơ theo ý riêng tôi nghĩa là dịch thuật tâm hồn  
nghĩa là nói về con cháu chúng ta  
Nghĩa là ngợi ca loài người hiền hậu  
Nghĩa là thúc giục đám đông nổi loạn chống cường quyền  
Nghĩa là nghe ngóng nơi đại dương còn thiếp cuộc sửa soạn âm thầm của bao  
cơn sóng cuồng vạm vỡ  
Nghĩa là có mặt trong mọi hành vi lớn nhỏ của đời mình  
Nghĩa là giúp mọi người sống đủ hai mươi bốn giờ  
mỗi ngày nghĩa là giúp họ tìm thấy họ*  
(trích Tôi, Sáng tạo số 11, tháng 8.57)

Để giúp họ tìm thấy họ, thi sĩ có mặt không chỉ bằng lời mà bằng hành động.

*Tôi ra giữa công trường cất tiếng kêu oan  
Nhân loại ngày thơ đời đời chịu tội*

**Sắt đồ cày nhẵn trán mịn màng  
Lúa đầy đồng người gặt thiếu ăn  
Chúng nó đòi thủ tiêu thi sĩ  
Tôi là thi sĩ tôi yêu**

(trích Tôi lên tiếng, Sáng Tạo số 8, 5.57)

Yêu là sống, sống là bảo vệ trước mọi kích động căm thù và bạo lực. Thi sĩ hòa mình vào đám đông. Không sợ hãi. Một đám đông có ý thức nhờ đám đông khởi dựng từ đơn vị người:

**Chúng nó hành hình thủ tiêu ám sát  
Tôi là một người là một đám đông**

(trích Tôi lên tiếng, nt.)

Trong tự ngã của thơ Yên luôn chứa chấp cái tổng ngã của đời và người. Yên dùng rất nhiều chữ tôi, nhưng không thấy riêng lẻ. Chữ tôi đã thành ta hòa đồng. Nụ cười của Yên nhếch trên đôi môi khác:

**Chúng ta cười trên môi bằng hữu** (trích Tôi lên tiếng, nt.)

Đặt tín hiệu của niềm vui và hạnh phúc lên môi bằng hữu, riêng mình đau nỗi đau người, vì Yên là người thi sĩ hóa thân trong dòng thi ca báo động

**Tôi vui mình xuống cô đơn như quả mìn nổ chậm  
Cuộc sống biến thành một báo động triền miên**

(trích Đêm hè, tạp chí Thê Ký Hai Mươi số 1, tháng 7.60)

... Cơn giông đày cổ họng, anh đứng gác trên một đỉnh cao kiêu hãnh và báo to lên những gì xuất hiện đằng xa...

(trích Nhân nói về một danh từ riêng, Sáng Tạo số 24, tháng 8.58)

Báo động sự uy hiếp đang chà nát cõi sống:

**Niềm bí ẩn của tôi là đã sống  
quả địa cầu nhầy nhựa bóng âm u  
ánh mặt trời những tên đao phủ án  
chúng nó bảo đêm là ánh sáng mun  
thứ mặt trời đen mới thật mặt trời  
phải chọc mù đui những cặp mắt tinh  
chúng nó bảo ích lợi gì trí thức  
mọi người phải cùng xanh đỏ như nhau**



*mặc đồng phục cho linh hồn tất cả  
bảo xác chết làm phân bón hòa bình  
chúng nó giết người trong nhà ngoài ngõ  
chúng nó giết người như dọn rừng hoang  
một tiếng thổi tự bản hay vô sản  
không ai đứng ngoài cuộc báo thù này  
nát thân tôi đường mã tấu hai phe  
tôi ngã quy đôi bàn tay sạch sẽ*  
(trích toàn bài Ngoại cuộc, sđd. nt.)

Báo động không là tố cáo suông, hay hiệu triệu bằng ngôn ngữ sách động. Thi sĩ khổ luyện ngôn từ:

*tôi giựt giành đổ máu với tôi  
từng chữ một  
những tên cai ngục  
ngôn ngữ bất đồng  
với thứ linh hồn quốc cấm  
tôi tù tội chung thân  
giữa bốn tường không khí  
...  
bằng mỗi lời độc nhất  
tôi kê tai tiết lộ với từng người  
những điều không lập lại  
bài thơ như lá sâm  
...*

(trích Thi sĩ, sđd. nt.)

*Tôi mọc trên địa cầu  
Nên các cành huyết quản  
Rút nhựa đời không thôi  
Làm trái tim chín đỏ  
Tôi nằm há miệng chờ*

*Trái tim muối rụng xuống  
Gặp môi tôi phì nhiều  
Đóa lời ca trở ngát*

(trích Bài học về vạn vật, Sáng Tạo số 22, tháng 7.58)

*Một lời ca tràn đầy tin tưởng:  
Chúng tôi còn sống như mặt biển*

*Chúng tôi còn sống như trời mây  
Bởi vì đã đi nên sẽ đến  
Người và bóng tối sẽ chia tay  
Ở ngã ba tương lai gần gũi  
Người còn sống không che mặt mũi  
Phơi bày tấm lòng lên nụ cười*

...

*Chúng tôi còn sống còn cung tay  
Người giơ tay đúng tầm hạnh phúc  
La đà như trái chín gần rơi*  
(trích Tuyên ngôn, Sáng Tạo số 6, 3.57)

Đãi đời bằng nụ cười, nhưng với dối trá, bất công, thì cung tay bán tới, để hạnh phúc la đà vào tầm tay người. Trong tình yêu, Yên yêu thương trọn vẹn, bất kể người yêu hậu ý gì:

*Tôi tin chi hồ ly khi yêu em*  
(trích Tình anh em, Sáng Tạo số 3, 12.56)

*Ta xuất hiện như tên tù tẩu thoát  
Trọn gia tài : một huyết thống phiêu lưu  
Ta hát lớn những tru sầu chất ngất  
Lời vỗ về cao hết độ ngu ngơ  
Ta gặp em như gặp người thứ nhất  
Em gặp ta như gặp kẻ cuối cùng  
Những đêm đó, một vành trăng đã khuyết  
Làm hoang đường những mộng mị trăm năm*

...

*Thà làm kẻ si tình hát điên loạn  
Hơn làm người thành đạt thời nhiều nhượng  
Ta sống cuộc đời ta không sửa soạn  
Như nhan sắc em cần chi điểm trang  
Ta cứ coi em như hoàng hậu góa  
Dẫu biết thừa em vốn gái lê dân  
Còn ta đây : một vĩ nhân tàn tạ  
Chẳng làm nên công nghiệp đáng lưu danh*

...

*Nghề nông cuồng tập mãi cũng thành quen*  
(trích Chuyện tình người lỡ vận, Văn số 188, 15.10.71)

Không phải tới đầu thập niên 70, thơ Yên mới mang nỗi buồn hiu hắt. Ngay ở dòng thơ đầy lạc quan và chiến đấu giữa thập niên 50, nét cô đơn vẫn hiện hữu. Thi sĩ nào mà không cô đơn nhỉ ? Nhưng có nhiều thi sĩ lấy cô đơn làm bệnh, lấy cô đơn để nũng nịu, để lập dị, hoặc làm kẻ gọi kêu thương hại. Ở Yên thì không. Cô đơn có thực, kín đáo cho riêng mình. Yên ít muốn xé to chuyện đó. Vì Yên phải chiến đấu với nó hằng ngày, ngang với cuộc chiến đấu trong xã hội.

*Cô đơn bằng Thượng Đế  
Yếu đuối như linh hồn  
Làm sao tôi trèo lên  
Vực thăm tở bán thảo  
Trắng như giá băng*

...  
*Có đọc thuộc thánh thư  
Linh hồn tôi vẫn vậy  
Tôi vẫn không thể lạy  
Dù đứng trước hư vô*

*Đầu tôi trơn và cứng  
Thượng Đế làm sao ngự  
Tôi đành trốn chủ nợ  
Định mệnh đòi linh hồn*

*Năm tháng nhúng hoàng hôn  
Đến rã rời thể xác  
Tôi thấy đã mất mát  
Tất cả trừ cô đơn*

*Cuộc sống nhiễm lấm than  
Nằm liệt trên buồn bã  
Thượng Đế điềm nhiên lạ  
Tôi đánh liều cười khan*

(trích Thân phận của thi sĩ, Sáng Tạo số 26, 11.58)

*Đèn le lói vết thương tươi  
Trời da thi thể mưa ngùi chắm than  
Hiên ga nhỏ giọt cường toan  
Xuống tìm quần quại hàng hàng ưu tư*

...  
*Làm gì đây để giải khuây  
Ngó tay mới biết mình gầy hơn xưa*  
(trích Trời mưa đêm xa nhà, Sáng Tạo số 31, 8.59)

***Biển động kinh không ngớt  
Nóc nhà thờ hoàng hốt túa âm thanh***

...  
***tôi mang khắp hình hài những vết bông  
đi suốt hoàng hôn không hỏi chào ai  
tôi chọn nơi nhiều đau khổ làm quê hương  
nhưng chẳng nhận đồng bào bất cứ kẻ nào***  
(trích Tội trạng, Thế Kỷ Hai Mươi số 1, 7.60)

Sao thế ? sao chẳng nhận đồng bào bất cứ kẻ nào ? Nhận là theo phe. Theo phe tất cuồng tín. Cuồng tín là đem lỗ rún mình làm lá cờ khởi nghĩa. Khởi nghĩa như thế thì còn chi dám chọn nơi nhiều đau khổ làm quê hương để trần trọng hay cứu quê hương đó ? Ở đây, có lẽ Yên đã thấm nhuần lời nguyện của Bồ Tát Địa Tạng : «Ta thề chưa thành Phật, khi còn một kẻ khổ đau trong Địa ngục !». Mà địa ngục là địa ngục trần gian chứ gì.

Chọn chốn đau khổ để vào, là niềm bí ẩn của thi sĩ. Nếu không, thi sĩ làm chi ? Nếu không, người là một tên bụng phệ, mang gọng kiếng vàng, ngồi xe sang, bên một người vợ đẹp ngày càng già càng xệ càng bệu má ba cầm than thở mỗi xương nhức gối. Làm sao thấy được những điều thi sĩ thấy :

***Tôi nhìn qua ý thức thấy hư vô***

...  
***Hoa cúc mở toang những cánh cửa vàng***

...  
***Tình yêu là khuôn mặt dịu dàng nhất của cô đơn***

...  
***Thiếu đau khổ người ta thành múa rối***

...  
***Tôi ngất ngây như đỉnh núi kiêu hùng  
Mái đầu già bằng tuyết vạn niên  
Hung hãn như dòng sông khởi sự hành trình  
Tôi đập nát những tính từ sầu nhớ tiếc thương***  
(trích Thái độ, Sáng Tạo số 2, 8.60)

***Vẫn biết tháng ngày chảy trong huyết quản  
Và tháng ngày đâu có cội nguồn mà sẽ trở về  
Vẫn biết chỉ ở trong cõi đời đã là phạm tội***

...  
***Nhưng vốn võ trang bằng hiên ngang hãnh diện  
Nên chiến cuộc giữa tôi và Thượng Đế kéo dài  
đến một trăm năm***  
(trích Ký thác, Sáng Tạo số 17, 2.58)

**Chiến đấu để tái sinh**  
**tôi thổ huyết cuồng mê như núi lửa**  
**thieu hủy hình hài ăm ắp chất cô đơn**  
**rồi trời đất hùng đông như trứng vỡ**  
**tôi đã đầu thai thức dậy đỏ sơ sinh**

(trích toàn bài Kiếp khác, Thế Kỷ Hai Mươi số 1, 7.60)

Chỉ ở trạng thái thoát sinh từng ngày, con người mới thoát khỏi sự lão suy sinh từ vị kỷ, vụ lợi, ganh tị, bạo hành

**Đưa bé trốn đi linh hồn râu tóc trắng**  
(trích Vie posthume, Sáng Tạo số 2, 8.60)

Kẻ nào trốn lánh đời sẽ tức khắc già sụm. Đâu chờ tới tuổi 70 mới râu tóc trắng. Râu tóc có thể trắng từ năm 15 hay 30 tuổi rồi. Còn lại chỉ là cái sống lâu — dễ hóa sống thừa. Dù sẽ được lên lão làng. Mà lão làng để làm gì ?

**Cuộc đời cao lớn thế**  
**Người vừa kích thước chẳng**

(trích Những ý nghĩ vào buổi chiều bãi biển, Sáng Tạo số 24, 8.54)

Bởi thế, có lúc Tô Thùy Yên muốn bỏ cả điều linh thiêng nhất : Bỏ làm thơ ?

**... Anh định ngày rất gần đây sẽ thôi làm văn nghệ,**  
**tôn giáo của những anh hùng bất lực...**

(trích Phương, Sáng Tạo số 2, bộ mới, 8.60)

May Yên không thực hiện ý định này. Nhưng phát hiện kia không kém phần chính xác : «Văn nghệ là tôn giáo của những anh hùng bất lực» !

Băng đi gần mười năm (hoặc giả tôi thiếu tài liệu), từ 1970 trở đi, thơ Yên mới lại xuất hiện đôi lần trên tạp chí Văn. Và lần này, thơ đã chín. Hàm ẩn nhưng mỹ miều so với thời thơ 56-60. Cùng với Yên nguồn thơ Việt khởi sắc cường lưu. Những bài thơ không thể trích, vì nhất quán toàn bài. Chữ nghĩa kéo đi như dòng sông lớn mịt mù điểm biển. Mỗi bài là một tấm lụa, một bình minh tinh khôi.

Tôi mong những người làm thơ trẻ bây giờ nghiền ngẫm thơ Yên trước khi đặt bút sáng tác. Để tránh tình trạng lạm phát chữ nghĩa, lạm phát ảo tưởng, lạm phát «thiên tài». Ngày nay, thơ đang ủa tới các tòa soạn báo chí, hay in đầy thị trường như những xác

ve mỏng mảnh dễ thương, nhưng khô chết. Đến cái tiếng inh ỏi gọi sầu cũng bật. Loại thơ, đọc lên nghe du dương mà nhạt thếch. Đọc xong chẳng thấy gì an ủi cho cuộc sống vốn đã nhạt nhàu bi thảm. Người đọc hết bật mình giấy nẩy, tim thôi xôn xao đất trời. Đâu rồi những bài thơ mở toang lịch sử, ngọt rớt ân tình? Phần lớn thơ ngày nay như bài nhạc cải cách, khúc hát cải lương. Qua đó, thi sĩ nghèo nàn sống với dăm ba chữ trùng phức: anh, em, đồ võ, chia lìa, cộng nô, người xưa, kháng chiến, anh hùng, lãnh tụ, liệt sĩ, trại tù, lưu vong, mất nước, giai cấp, đấu tranh, cách mạng, gươm súng, Kinh Kha say rượu đi du lịch, hay Phạm Tuân bay lên vũ trụ...

Thơ Tô Thùy Yên tuyệt đứt chất cải lương hay tân cổ giao duyên. Bằng nhịp điệu của ý thức mới, Yên xua chữ như đạo quân xông trận, đột kích những tư trào xâm lược đang cấy chất vong bản vào não trạng và thi tính Việt.

Nhạc tính làm chân đứng cho thơ. Nhưng gần đây nhạc tính của thơ đã thành một tiếng ru rề đưa ta lên cơn đồng thiếp, làm ma túy cho ngôn ngữ huyền vọng. Chữ dùng đã mất nguyên ngôn, trở lì nơi trùng phức, chằm vá. Thơ cũng như một số bài tân nhạc, nghe câu đầu đã đoán ra làn điệu tiếp sau, dù người nghe không là nhạc sĩ. Hàng trăm bài thơ sản xuất hôm nay, đọc xong câu đầu biết toàn bài nói gì.

Thơ Tô Thùy Yên không thế. Thi tính phát từ chữ. Mỗi chữ một tứ. Tứ đưa ngôn ngữ khởi nhịp, ùa đuổi ý thức. Ý thức may lành những mảnh nhân sinh tan vỡ. Ở bất cứ bài thơ nào, chủ đề nào. Dù đó nói về một Góa phụ:

*Em độc thoại lời kinh ánh xanh  
Trăng lu khuya môi nén nhang tàn  
Chó tru thẳm thẳm ngày thiên địa  
Mái ngói nghiêng triền trái rụng lãn  
Ngọn đèn hư ảo chong linh vị  
Thắp trắng thời gian mái tóc em  
Tim đập đuổi ngoài thân nổi lạnh  
Hồn xa con đóm lạc sâu đêm  
Cỏ cây sống chết há ta thán  
Em khóc hoài chi lẽ diệt sinh  
Thẳng như con ngựa già vô dụng  
Chủ bỏ ngoài trắng đứng một mình.*  
(trích Góa phụ, tạp chí. Văn, 21.5.74)

Hay tả một đoàn quân qua sông:

*Đò ghen đoàn quân xa tiếp viện  
Mưa lâu trời mốc buồn hồi xưa*

*Con đường đáo nhậm xa như nhớ  
Chiều mập mờ, xiêu lạc đáng cò  
Quán chật xanh lên rừng lính ướt  
Mặt bơ phờ dính gió bao la  
Khí ẩm mù bay, mùi thuốc khét  
Chuyện tình cò nhúm ẩm cây mưa  
Vang lên những địa danh huyền hoặc  
Mỗi địa danh nồng một xốt xa  
Giặc đánh lớn - mùa mưa đã tới  
Mùa mưa như một trận mưa liền  
Châu thổ mang mang trời nước sát  
Hồn chùng hiu hắt nổi không tên  
Tiếp tế khó - đôi lần phải lục  
Trên người bạn gục đạn mười viên  
Di tản khó - sâu dòi lúc nhúc  
Trong vết thương người bạn nín rên  
Người chết mấy ngày chưa lấy xác  
Thấy sinh mặt nát lạch mương tanh...  
Sông cái nước men bờ sóng sánh  
Còn xa cây vượng sáng mơ màng  
Áo quan phong quốc kỳ anh liệt  
Niềm thiên thu đắm cổ xe tang  
Quê xa không tiện đường đưa tiễn  
Nghĩa tận sơ sài đám lạnh tanh  
Thêm một chút gì như hối hả  
Người thân chưa khóc ráo thâm tình...*

...  
*Nao nao mừng tượng bóng mình  
Mịt mùng cõi tới u minh tiếng rền  
Xuống đò, đời đã bỏ quên...  
Một sông nước lớn trào lên mắt người*  
(trích toàn bài Qua sông, Văn số 190, 15.11.71)

Hiu hắt thơ Đường trong Chiều mập mờ, xiêu lạc đáng cò, nhưng rất thời đại và Việt Nam, trên mặt bơ phờ dính gió bao la. Thơ thiên tài với mùa mưa như một trận mưa liền. Âm hưởng lạ kỳ qua chiều rộng của mùa mưa, tới chiều cao nơi trận mưa liền. Tạo dựng nên vũ trụ mù tăm của cuộc chiến, với ý nghĩa xác thân của những thế phận nhiều nhượng... Ta sẽ cảm nhận thân thiết với thi sĩ, khi chưa quên nghĩa chữ vũ là bốn phương và trên dưới (không gian), và xưa qua nay lại là trụ (thời gian) qua từ ngữ vũ trụ nhắc nói thường ngày.

Từ chiến trường khốc liệt ba mươi năm, thơ để ra khá nhiều trên hai miền chia cắt. Đa số vẫn là thơ sát khí, thơ chính luận. Những bài thơ tuyên truyền chiến tranh hay phản đối chiến tranh. Hiếm thơ xao xuyến thân phận người giữa cuộc chiến. Con người chưa được sống, vì ngày, tháng, rồi năm cứ hoài mãi ước mơ thôi. Bên cạnh sự giết người như một lý tưởng.

Trong thơ Tô Thùy Yên, dù nơi chiến trận, con người hiển hiện, mặc bao thúc bách, trấn áp trước hòng đồ ngông cuồng của lịch sử.

*Dựng súng trường, cời nón sắt  
Đơn vị dừng quân trọn buổi chiều*

...

*Máy kẻ gặp nhau nào có hẹn  
Nên gặp nhau không giấu nỗi mừng  
Ta gạn dăm lời thơ tặng bạn  
Dẫu từ lâu bỏ việc văn chương  
Thiệt tình tên bạn ta không nhớ  
Nhưng mà trông mặt thấy quen quen  
Hề chi, ta uống cho say đã  
Nào có ra gì một cái tên...  
Tới đây toàn những tay hào sĩ  
Sống chết không làm thất ruột gan  
Cũng không ai nhắc về thân thể  
Có vợ con mà như độc thân*

...

*Người thuờ trước tìm vàng khấn đất  
Tiêu xác thân, để lại oan hồn  
Ngày nay, ta bạn đến đây nữa  
Đất thì không khấn, vàng không tìm...  
Bạn nhủ ta: đừng hỏi khó  
Uống mát ngon vì chuyện loạn tâm  
Ta chắt cho nhau giọt rượu sót  
Tuồng đời sót chút thiếu niên đây  
Giờ cát quân, đưa tay bắt  
Ước cỏi âm còn gập để say.*  
(trích Anh hùng tậ, Văn số 190, 15.11.71)

Say rượu đáng thương hay đáng trách? So với sự say sưa chinh chiến, say sưa cách mạng, say sưa chủ nghĩa, say sưa giết người, say sưa làm tổ sư đạo đức giả?



*Bạn có nghe, này bạn có nghe  
Ở bia rừng bên gió sửa soạn  
Tuần du — cuộc tuần du bất tận  
Bạn có nghe, này bạn có nghe  
Giữa tầng trời cao chim giục giã  
Từng giàn như những thủy triều sôi  
Bạn có nghe, này bạn có nghe  
Trên đỉnh non nhòa, mây xôn xao  
Về nơi hẹn nào không định trước  
Bạn có nghe, này bạn có nghe  
Vũ trụ miên man chuyển động đều  
Chim đã bay quanh từ vạn cổ  
Gió thật xưa, mây thật già nua  
Nên với một đời bao biến đổi  
Mà trong vô hạn có chi đâu  
Ly rượu rót mời, xin uống cạn  
Bài ca ta hát đến đâu rồi  
Xin hát nốt — còn đi kéo muộn  
Cho úp ly — bóng xế đường dài  
Bìm bịp chiều chiều kêu nước lớn  
Đi, đi đâu, chèo chống mỗi mê  
Đến ngã ba, đành theo một lối  
Tiếc ngẩn không cùng theo lối kia*  
(trích Đăng tứ, Văn 190, 15.11.71)

Tiếc là có phân vân. Tuy phân vân là cảm tính bi lụy nhất thời, vì đã biết lối đi mình dưới vòm trời sử thi :

*Ra đi như một bình minh lạ  
Trên kỷ nguyên chưa kịp hiện hình  
Thi sĩ Bắc, Nam đều chết rạ  
Ba trăm năm lịch sử làm thình*  
(trích Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai, Văn 207, 1.8.72)

Thời nào lãnh tụ vừa ngu dốt vừa mê muội, thì lịch sử làm thình. Sông Gianh rồi Bến Hải, ba trăm năm cứ y một:

*Cuộc cờ kỳ lạ không bày tướng  
Ăn sạch quân, trừ tính được thua  
Hỏi ai tráng sĩ mài gươm nhọn  
Xin nhớ đời không mỗi sắc vua*  
(trích Hề, ta trở lại gian nhà cổ, Văn 207, 1.8.72)

*Còn chi nơi sử xanh ngoài âm thanh của đá ?  
Trên dốc thời gian, hòn đá tuột  
Lăn dài kinh động cả hư vô*  
(nt.)

*với nỗi tiếc thương  
Nghĩ tội thương sau này, mãi mãi  
Trên mô ta, trăng phải lang thang*  
(nt.)

vì giờ ngo đã qua, giờ hoàng đạo đi xuống, đưa ngày và đời vào hoàng hôn thế kỷ

*Hoàng hôn xô bóng ta trên cát  
Ta lớn lao và ta cô đơn*

...  
*Dưới bóng bao trùm hạt cát tỏa  
Đền rêu, miếu cỏ lạnh ma hoang*  
(trích Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai, nt.)

Nhưng Yên không chết đâu. Bao lâu vũ trụ còn, thi sĩ cứ hiển linh. Ngược lại cũng đúng, còn thi sĩ, vũ trụ còn sinh sôi. Vì thi sĩ là kẻ tái sinh sự lãng quên ra mầm như mỹ miều. Lịch sử không thi sĩ là lịch sử mù. Nhờ thi sĩ, biết bao điều được sống mãi nơi thơ mộng và trí nhớ. Trí nhớ chồng trí nhớ, cái «gien» người mới không mất những gì đã tụ hội từ vô thủy.

Tô Thùy Yên tồn tại mãi với triều thơ sang giàu chữ và ngữ điệu lồng lộng thi ca. Huống chi, Yên từng xác định :  
*Sống trên đời, chuyện ghé góm quá  
Vậy mà ta sống có kỳ không*  
(trích Hề, ta trở lại gian nhà cỏ, nt.)

*Ta uống giếng hoang, ăn trái lạ  
Tâm hồn mãi mãi mới tỉnh khô*  
(trích Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai, nt.)

Yên vừa nắm bắt được giữa lòng tay một tích mịch mùi  
*Buổi trưa như buổi trưa nào đó  
Tiếng vông đưa đưa tích mịch mùi*  
(trích Hề, ta trở lại gian nhà cỏ, nt.)

Buổi trưa là tiếng tố cáo hoàng hôn - sự đi xuống, chất tàn tạ. Tiếng võng là biến dịch — sự sống chuyển hóa. Tịch tịch là lặng yên. Còn tịch tịch mùi ? Hiểu cách nào cũng đẹp.

Hiểu theo triết học, thì giờ mùi (13-15 giờ) là giờ khởi sự đưa ngày lên đường vào hoàng hôn tàn tạ. Yên lặng sự khởi đầu ấy, hoàng hôn không bao giờ tới. Nổi chết của ánh sáng không còn hiện ra.

Hoặc hiểu mùi như hương thơm, thì nổi tịch tịch kia lý thú biết bao. Nơi tận cùng cô tịch, bỗng một làn hương thoảng tới, ngào ngạt tái sinh. Còn mùi là chín, tịch tịch vượt nổi quạnh hiu riêng, để xòa ôm cảnh rộng thình bát ngát của như nhiên phiêu diểu như một niềm trời.

Nhưng phép cảm thơ, đối với những dòng thơ lớn, lắm khi chẳng cần thiết phải chẽ sợi tóc làm tư vạch tìm ngữ nghĩa như thế. Hãy ngâm lên ! Ngâm lên cái khí thơ ngút trời, và chất thơ lạ đời đang xao xuyên tim, và xôn xao nghìn tình đầu... Chẳng hạn những câu :

*Mùa mưa như một trận mưa liền*

...

*Tàu chạy mau mà qua rất lâu...*

...

*Tiếng võng đưa đưa tịch tịch mùi ...*

...

*Dưới hôn ta tịch tịch long lanh*

...

*Đã buông trong bạt ngàn xanh ngắt ...*

*Gió thật xưa mây thật già nua*

...

*Mầm cỏ ngoi ngoi lên rạo rục*

...

*Biển đưa trăng lặn vào đá tiếng ru.*

Mà thơ Tô Thùy Yên là như vậy đó.

Sau chính biến 75, nhà cầm quyền cộng sản lừa đi tù cải tạo ba triệu dân miền Nam. Trong đó có nhà thơ Tô Thùy Yên. Yên bị hành hạ đặng đặng mười ba năm. Đối diện với thú tính, đối diện với ngục tù, lời đáp của Yên là Thơ. Yên sống thơ hơn bao giờ. Yên đảm lãnh Thơ cho một dân tộc đang mất Thơ trong đời và trong trí. Sống Thơ qua từng nghìn câu. Như bài «Ta về» dài 300 câu, sáng tác sau khi đi tù cải tạo về, có thể

đại biểu cho thi ca Việt Nam hạ bán thế kỷ XX. Lớn lao quá — thơ và thi nhân — giữa thời khổ hạnh, khi tiếng tru loài sói được công nhận như «tiếng người». Không bị lụy mà bị tráng. Không hằn thù mà nhân văn. Không ngoại tộc vì thi tưởng chín hồng sau mười nghìn năm người Việt khai quốc.

*Ta về cúi mái đầu sương điểm  
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời  
Cám ơn hoa đã vì ta nở  
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi*  
(trích Ta về)

Thơ đọng vào chữ mỗi sáng danh. Chữ mỗi đánh bạt chữ mọi đang chủ tể ý thức hệ nô lệ bày đoàn. Thứ ý hệ muốn biến Yên và những người như Yên thành :

*Mười năm mặt xạm soi khe nước  
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ*  
(trích Ta về)

Nhưng thi tính và tư tưởng Việt là con đê hà lan chắn ngăn mọi triều nước ngoại xâm hung hãn :

*Ta về một bóng trên đường lớn*  
(trích Ta về)

*Mười năm ta vẫn cứ là ta*  
(trích Ta về)

Không về trong tư thái tiến quân hay phục quốc kiểu «Tiến về Hà Nội» thăm sát Thăng Long. Không. Tô Thùy Yên nhân hậu như một lần quê hương. Nơi mà «mỗi lẻ loi» hàm chứa bát ngát tình yêu

*Chiều nay ta sẽ đi thơ thần  
Thăm hỏi từng cây, những nổi nhà  
Hoa mạn, hoa tằm xuân vẫn nở  
Trong vườn không hết những mùa hoa*

...  
*Chút rượu hồng đây, xin nước uống  
Giải oan cho cuộc biển dâu này*  
(trích Ta về)

Dâu biển đổi dời phũ phàng man rợ đến mấy, người thi sĩ vẫn thủy chung với Tinh cũ,  
Nước xưa - những chưa hề và không mất mát. Cái đó mất, cái mình đây cũng mất.  
Cho nên phải gìn giữ, dù xót xa vô tận

*Tình xưa như tuổi già không ngủ  
Bước chạp khuya từng nổi xót xa*  
(trích Ta về)

Cái Kiến tính THẤY của người thi sĩ khiến họ trở thành người canh gác vũ trụ. Vũ trụ trong nghĩa Không—Thời ta vừa nhắc trên kia. Họ hoàn là thi sĩ, bọn lãnh tụ chính trị hay tướng lĩnh làm sao thấy được

*Đau khổ riêng gì nơi gió cát  
Hè nhà, bụi chuối thức trâu đêm*  
(trích Ta về)

Bi kịch không hoàn tất bi kịch, khi dòng thơ bi tráng hóa thân vào mỗi gốc cây, trạm chuyển hóa mỗi đại thức giữa đất và trời :

*Cây bưởi xưa còn nhớ trắng hoa*  
(trích Ta về)

Và biết đâu Kẻ cứu tinh nòi giống không là một Thi sĩ ? Không là dòng Thơ Tô Thùy Yên ? Một Nguyễn Du khác.

*Ta về cúi mái đầu sương điểm  
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời*

Khung đời nhị nguyên (dualisme) tan vỡ qua thế phận Kiều của «trăm năm trong cõi người ta: chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau» vừa khép lại. Cùng với Yên hiển hiện mỗi dung thông bất nhị (non-dualité) lúc «nghe nặng từ tâm lượng đất trời». Thi sĩ chan hòa với cỏ cây, nhân tình thế thái, biến thiên vũ trụ, bằng niềm rộng thình vô ngã. Cừu thù lảng bặt, dù chưa từng khuất phục, đầu hàng. Thi sĩ là sức vượt mọi lần ranh, làm ngợp ngát hư không. Thi sĩ gọi tuổi qua màu sương của tóc. Nơi đáy thời gian (vô thường) ấy, cái ta rã tan thành không gian vô ngã. Nhờ thế, và từ đó, duyên sinh mới từ tâm vô cùng tận giữa đất trời. Đơn giản và cũng hệ trọng thay cuộc đại ngộ, mà biết bao người trải nghìn kiếp tu không chứng.



**Thi Vũ Võ Văn Ái** - Paris, 4.1.1989  
(trích «Bốn Mươi Năm Thơ Việt Nam 1945-1985» –  
Thi Vũ, NXB Quê Mẹ, Paris 1993)

# Hãy biểu dương cùng tận

**\*\* Phan Nhật Nam \*\***

**Biểu dương, hãy biểu dương cùng tận  
Vinh hiển lâm than một kiếp người.**

(Tô Thùy Yên)

... Kể từ khi “người vượn- homo erectu” dựng đứng được xương sống và dùng hai tay để viết nên những ký hiệu đầu tiên, đến nay trong những trước tác của tổ chức nhân loại văn minh với Bộ Bách Khoa Toàn Thư (Encyclopedia Britannica) gồm hai mươi-chín cuốn, hoặc Tự Điển Từ Nguyên, Từ Hải đồ sộ của người Trung Hoa.. Tất cả nội dung trình bày trong những ấn phẩm to lớn này không gì khác hơn do một NÉT VẠCH ĐƯỢC SẮP XẾP theo một hệ thống từ con người dần xác lập, và đồng thuận xử dụng. Hệ thống này do Hai Mươi- Bốn chữ cái La-tinh, hoặc Bảy nét cơ bản của Hán Tự cấu tạo nên thành Chữ Viết tồn tại bền vững qua hàng ngàn năm cho đến nay. Và chắc chắn dẫn tiến đến một tương lai kỹ thuật cao đến bao nhiêu – CHỮ VIẾT-CON NGƯỜI (dưới nhiều dạng tự khác nhau, Phạn Ngữ. Á-Rập Ngữ..) VẪN VĨNH HẰNG TỒN TẠI. Thế nên, chúng tôi vô cùng tin cậy rằng: Trong những ký hiệu Chữ Viết kia ẩn chứa Thần Tính – Siêu Việt Tính nhưng cũng là Nhân Tính.

Chúng ta nhắc nhở với nhau như thế, đồng thời xác lập điều tự hào cảm động: Tiếng Việt qua vận động của Thi Sĩ đã trở nên thành nguồn nội lực đủ sức cất chứa những rung cảm tế vi của tâm hồn, và biểu hiện nên Lời Thơ hùng vĩ.

*Chúng ta vẫn sống như rừng cây*

*Chúng ta vẫn sống như mặt biển*

*Bởi vì đã đi nên sẽ đến*

*Người và bóng tối phải chia tay.*

Cảm ơn Người Bạn Viết Thơ Đình Thành Tiên – Thi Sĩ Tô Thùy Yên.



**MỜI ĐỌC TOÀN BÀI:**

■ **“HÃY BIỂU DƯƠNG CÙNG TẬN” của Phan Nhật Nam**

# Hoàng Khởi Phong phỏng vấn Tô Thùy Yên

[https://www.rfa.org/vietnamese/news/programs/LiteratureAndArts/InterviewPoetToThuyYen\\_HKPhong-20060514.html](https://www.rfa.org/vietnamese/news/programs/LiteratureAndArts/InterviewPoetToThuyYen_HKPhong-20060514.html) ■ [MP3](#)

Cách đây nửa thế kỷ tạp chí Sáng Tạo ra đời ở Sài Gòn, và có thể được coi là tạp chí văn học đầu tiên của miền Nam, với sự góp mặt của một số nhà văn, nhà thơ của miền Bắc vừa đặt chân xuống miền Nam sau một chuyến di cư vĩ đại. Vào thời điểm đó khu vườn văn học ở miền Nam còn rất trống trải.

Những tên tuổi dựng lên tạp chí Sáng Tạo gồm Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sĩ Tế, Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Duy Thanh.. Trong những danh tính vừa kể, toàn bộ là người Bắc, ngoại trừ Tô Thùy Yên là người miền Nam độc nhất có mặt trong giai đoạn hình thành tạp chí Sáng Tạo này.

Trong nửa thế kỷ vừa qua, tạp chí Sáng Tạo chỉ sống vồn vẹn vài năm trời, nhưng đã tạo một ảnh hưởng lớn tới văn học miền Nam. Giờ đây những thành viên của Sáng Tạo chỉ còn lác đác dăm người. Chương trình Văn Học Truyền Thanh kỳ này xin được phỏng vấn nhà thơ Tô Thùy Yên, một trong vài nhà thơ lớn nhất của văn học miền Nam.

Nhà thơ Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gò Vấp Gia Định. Ông bắt đầu làm thơ vào cuối thập niên 50, là sĩ quan QLVNCH từ 1963 tới 1975. Sau chiến tranh ông bị đi tù cải tạo 13 năm.

**Hoàng Khởi Phong:** Xin chào nhà thơ Tô Thùy Yên, trong chiến tranh Việt Nam, là tác giả của những bài thơ nổi tiếng như Trường Sa Hành, Chiều trên Phá Tam Giang, Hề ta trở lại ngôi nhà cỏ.. xin ông cho biết cảm nghĩ của ông về những bài thơ này?...



*Tô Thùy Yên, Hoàng Khởi Phong, Phạm Phú Minh*

# Thơ Tô Thùy Yên: chênh vênh siêu hình/hiện thực

**\*\* Trần Hữu Thục \*\***



**Tô Thùy Yên – Tranh: Đinh Cường**

## ... Chữ nghĩa TTY

TTY làm nhiều thể loại thơ: thơ năm chữ, thơ bảy chữ, thơ xuôi, thơ tự do, thơ lục bát, thơ phá thể. Ngắn có (bài “Tặng phẩm” chỉ có 14 chữ), dài và rất dài có (bài “Mùa hạn” thơ bảy chữ, gồm đến 188 câu, 1326 chữ). Như đã nhận xét từ đầu bài, chữ nghĩa TTY pha trộn giữa truyền thống và cách tân. Bên cạnh những từ và cụm từ hiện đại như *hư vô, ý thức, Thượng Đế, sự can trường của hiện hữu, thám hiểm tương lai*... ông tận dụng các từ ngữ với ý nghĩa rất cổ điển như : *vạn cổ, bí lục, thiên thu, phù du, quan san, kinh thiên, dương thế, gậy trúc, tào khê, trăm họ, thánh đế, sám truyền*; các đặc ngữ dân gian: *chớp bể mưa nguồn, hạc vàng thương nhớ, chờ anh như biển vẫn chờ sông, vàng đá nhấn quan san, ngựa đá đã qua sông, nước non ngàn dặm, núi lở sông bồi, đá nát vàng phai, chút phận long đong, bóng xế đường dài ....*

Đồng thời, ông sáng tạo nhiều và nhiều cụm từ rất lạ: *ngổn ngang tâm, bắt an già, khoảng cách đặc, án tử hình treo, lãng quên xanh, nổi sầu vô dạng, u hoài mốc, gió hao đuối, rộp hải hà, rót nắng, nắm niu, nhớ hư hoặc, một phía mê tưởng, lưu cữu gió, vũng vương mắc, ráo gió, úng máu, thiu hồn, muối muộn, đuối kiệt, ngát tạnh khuya, réo*



*đuổi*... Ở điểm này, ta có thể so sánh TTY với Trịnh Công Sơn. Cả hai đều là những người “đẻ” ra nhiều từ mới hoặc sử dụng từ cũ với một ý nghĩa mới. Ở TCS, ta có nào là *tuổi đá buồn, vết lằn trầm, lời buồn thánh, nắng khuya, hạ trắng, bồn gió hoang... nào là dài tay em mấy, còn đá*... Nhưng ta ghi nhận một khác biệt: chữ nghĩa TCS dường như thoát thai từ trực giác, còn chữ nghĩa TTY thì là một dụng công đầy ý thức (như sẽ đề cập ở đoạn sau); một điểm khác, TCS do vướng trong việc phổ nhạc nên tương đối bị giới hạn trong lúc TTY tự do hơn nhiều, nhất là khi ông không còn xem trọng chuyện vần điệu trong thơ.

Có một nỗ lực rất lớn của TTY trong việc sử dụng từ ngữ để diễn đạt sự vật ngoại giới và tâm cảnh của mình. Ông tìm cách bóc tất cả những lớp vỏ bọc quanh hiện thực bằng cách huy động đủ loại từ ngữ, phối trí chúng trong một cấu trúc theo kiểu riêng của ông. [5] Dường như ông muốn đi đến tận cùng bản thân chúng để tìm thấy cái gì còn ẩn dấu đằng sau hoặc nằm bên trong sự vật. Từ cũ dùng đúng nơi đúng chỗ. Từ mới gây ra ấn tượng mạnh. Đồng thời tận dụng các đặc ngữ, quán ngữ vừa để làm “mềm” câu thơ hoặc làm dịu đi những cách diễn đạt quá mới vừa là một cách điều hòa tinh tế nhằm tạo hiệu quả cao nhất nơi người đọc. Thơ ông không quá tối tăm, khó hiểu, nhưng để hiểu được, đòi hỏi người đọc phải vận dụng tri thức, kiến thức và óc quan sát tinh nhạy. Đọc thơ TTY không thể chỉ đọc bằng trực giác vì chúng không gây nên xúc động lập tức nói người đọc. Chúng đã không cho những thi ảnh trơn tru, thuận tai, gợi hình, gợi tình; đã thế, lại đưa ta vào một không khí đầy trầm tư mặc tưởng, đôi lúc khá ngọt ngào.

Ông có lối diễn đạt sự vật, cảnh vật chung quanh rất sống động bằng cách sử dụng những tính từ, động từ một cách khá bất ngờ. Xin dẫn ra đây một số:

– Động vật: chim “giục giã” hay “hót hã kê uan”, con ngựa “cuồng bão táp”, chó “tru thảm thảm”, di điều “xẻ luống sàu”, con quạ “kêu ran”, con còng “ẩn nhẫn bò”.

– Thực vật: cây “nứt nở vỡ”, “bật gốc” hoặc “sừng vết chặt lồi”; rong thì như những “tàng buồn”; hàng cây dương thì “bất an già”; rễ cây “bung” hay “gượng”; cỏ tranh “khom mỗi”; tàu chuối “reo ngất ngất”; cây xương rồng “gắng gượng”.

– Sự vật: con rạch “đen nồng”, chiếu chần “bức bối”; con đường “đuổi sáng” hay “rọc điếng”; hàng rào chà cản nước “nỗ lực lao đao”; nước ao “lèn đặc”; gènh đá “nhọn rách to”; bãi biển “trơ trên”; tàu chạy “khoan xoáy” hay “rú”; máu “bung”.

– Những hiện tượng tự nhiên: gió “khốc liệt” hay gió “sữa soạn”; thủy triều “sôi”; mùa hè “cọ xát” hay “xô xát reo vang” hay “nhức rát”; biển “nhẫn nại”, “tang chế”; nắng “nứt ran ran”, mặt trời “rã”; khuya “rụng rời”; đêm “tối lèn”.

– Những ý niệm, trạng thái hay cơ cấu: lịch sử khi thì “ngất lả”, khi thì “thịnh ngộ”, khi thì “mài thê thiết”; tứ thơ thì “xiêu tán”; kỷ niệm “buông”, “rú”, “chìm”; (cái) bất-khả-tư-nghì “đá chồm”

Có những câu, mới đọc, ta tưởng nhà thơ đang nói đến một điều “bất khả tư nghì” [6] nào đó. Không. Ông tả chân, rất tả chân. Chẳng hạn:

– *rền hoa*: tim đèn dầu thấp lâu ngày, phía trên cháy thành than xòe ra như một bông hoa nở.

– Mái ngói *ngiêng triền trái rụng lăn*. Một cách đảo ngữ khá thú vị. Nó khiến cho một chi tiết thực dường như biến thành hư. Đó chỉ là tiếng trái cây rụng và âm thềm lăn trên mái nhà nghiêng. Để ý, nhà thơ dùng những động từ kế tiếp nhau để diễn tả chuyển động: *rụng, lăn*.

Thủ pháp này được ông dùng rất nhiều để gom ý, cô đọng ý và tạo cảm giác lạ:

– *Thả/trôi* hồn một tấu khúc chừng quen

*Dềnh/ giạt* về những quá khứ bỗng *ngoi nổi*

*Thả, trôi, dềnh, giạt, ngoi, nổi* đều là những động từ.

Một câu khác:

– Kỷ niệm *buông* tay *rú/ngắt/chìm*

*Buông, rú, ngắt, chìm* là những động từ.

Cũng một thủ pháp như thế, nhưng là tính từ, là danh từ hay là một kết hợp giữa các loại từ:

– Phòng biệt giam *tối mồm thấp hẹp* (tính từ)

– Tốc độ cao gài *cố định mặc* (*cố định, mặc* kệ cho nó chạy)

– Trời sao có hồi cũng *đuối kiệt* (*đuối* sức, *kiệt* lực)

– Và trong những khoảnh đèn *khoét động lẻ quạnh* (*khoét* ra, *động* lại, *lẻ* loi, *quạnh* quẽ)

Từ Hán-Việt cũng được sử dụng trong một vài trường hợp bất ngờ:

– Hàng tre *cổ chữu đầu lưu cữu* gió (tre trĩu ngọn xuống để *lưu cữu* – cổ giữ – gió lại)

– Ta ngồi bên đồng lửa *man rợ* – *Sóng thiên cổ* khóc, biển *tang chế* – *Hữu hạn* nào không tủi nhỏ nhoi

– Hừng đông *hùng vĩ* và *thanh thản*

Nói chung, chữ nghĩa ông rất chọn lọc, nghe lạ tai mà chính xác, khiến câu thơ mang ngay một vóc dáng khác thường, tăng cường thêm ý nghĩa cho chính nó:

– *Mưa lâu trời mốc, buồn hồi xưa* (Qua sông)

– *Rêu mốc mờ thêm những đã mờ* (Huế oán)

– *Trăng thiếp, sao mê, sông ráo gió*

– *Buồn lan sóng nói, tản không tan* (Nhớ có lần, trên bến bắc khuya, nghe một ông lão đàn hát)

Kết cấu tinh xảo:

- *Thăm thăm trưa, thời gian chết xanh* (Vườn hạ)
- *Quán chạt xanh lên rừng lính ướt* (Qua sông)
- *Nghi ngút khuya thiên cổ dậm mù* (Thao thức)

Ngoài ra, ta nhận thấy TTY khoái sử dụng từ trắc ở chữ thứ năm trong câu thơ bảy chữ khiến câu thơ có một nhịp điệu riêng biệt, hình thành một phong cách khá đặc thù của thơ TTY:

- *Bốn trăm hải lý nhòu không tới*
- *Mùa gió xoay chiều, gió khốc liệt*
- *Sông hồ nê đáy giếng vô vọng*

Loại câu trên nằm lai rai ở nhiều bài. Có bài, như “Đêm quan ngoại”, kỹ thuật đó được sử dụng hầu như toàn bài, đại loại như: *Tạt vào, giữ phôi bóng đêm bám/Gối đầu lên một chỗ không lý/Giờ này đã khuya khoắt thiên cổ...* Ta biết, những từ thứ năm trong những câu thơ cước vận trắc, nếu gieo vần bằng, thì đọc lên nghe trơn tru, thuận mồm hơn. Dùng các từ trắc ở đây khiến câu thơ nghe như có cái gì chẹn, nghẹn lại, gây nên cảm giác bế tắc, lúng búng. Quả thật vậy, đọc chúng, ta thấy ngay tác giả muốn diễn tả những cảm giác day dứt, bất an.

Những bài thơ làm thời gian sau này (trong *Thấp Tọa*), TTY đều sử dụng nhiều từ và cụm từ trắc để diễn tả tâm tình đặc biệt của mình: những nỗi niềm khuất tất, trạng thái ngơ ngẩn cuối đời khi “quỹ thời gian” đang mỗi ngày mỗi cạn (như Soi mệnh, Ty khách, Nỗi lòng mình giờ). Chẳng hạn:

*Giác mộc đê cứng nghẹn dẫy la/Gà nửa khuya gáy xộ trắng muôn  
Sòng phẳng án khổ hình vắt đá lấy máu viết/Viết, viết như chép phạt những điều thừa  
Về một kỳ tích tối cổ mãi hư bại.* (Soi mệnh)

Đoạn thơ trên mà so với những câu, cũng của ông, như: *“Thấy gì chẳng, chẳng thấy gì/Nước rào, trắng rạt, ta thì mỗi mê/Chày khuya, nước ủ trắng ê/Uổng công, bải áy đi về một ta...”* (Đi Về) thì quả là khác nhau một trời một vực. Nói chung, chúng không khó hiểu lắm nhưng lại rất khó đọc. Chữ nghĩa ngổn ngang. Hơi thơ u uất. Vẫn là những ám ảnh siêu hình về thời gian, vô hạn, biến dịch. Ở đây, tôi ghi nhận một khác biệt. Thuở đầu đời, nhà thơ nghênh ngang đối đầu với/và có vẻ “thường thức” cái hữu hạn của con người, ném hữu hạn trước vô hạn như một thách đố, thậm chí không dấu nỗi hân hoan:

- *Giá ta được lên cao, lên cao*
- Để ngắm nhìn một lần thấu suốt Định Mệnh ta*
- Trước ngày từ biệt nó*

*(...) Ta cố gắng làm người. Con người vô ích sáng choang như món hàng đeo lên Hư Vô  
đen ngời bóng lộn (Bất tận nổi đòi hung hãn đó)*

Hay:

*Hoàng hôn xô bóng ta trên cát  
Ta lớn lao và ta cô đơn*

Vào lúc sau này, tuổi xế bóng, cái nhìn có khác, nghe ra rất ngậm ngùi:

*Quá một hạn tuổi nào,  
Sống nữa hầu như để giữ sống  
Qua ngày một trí nhớ lâm chung.  
Đâu rồi gã trẻ người bạt mạng lao đầu  
Vào những bất khả tư nghì đá chõm (Soi mệnh)*

MỜI XEM: [■ TOÀN BÀI VIẾT CỦA TRẦN HỮU THỤC \(PDF\)](#)



*Hình chụp 29/4/2017 tại Boston.*

*Từ trái: Trần Doãn Nho, Tô Thùy Yên, Nguyễn Trọng Khôi, Trần Hữu Thục*

# NGHĨ VỀ BÀI THƠ “GÓA PHỤ” CỦA TÔ THÙY YÊN

\*\* NGUYỄN KHIÊM \*\*



Trong một bài phỏng vấn trên một tờ báo văn nghệ hải ngoại, hình như Tô Thùy Yên cho rằng không có thứ thơ gọi là thơ triết lý.

Vấn đề theo tôi, chỉ là danh từ. Thơ triết lý hay đượm màu sắc triết lý thì cũng vậy. Nếu không xây dựng trên những chủ đề nhiều ít liên quan tới những ưu tư của nhân quần về ý nghĩa đời người, tình yêu, cái chết...tôi e thơ Tô Thùy yên không có địa vị gần như độc tôn cho tới ngày nay. Toàn bộ sự nghiệp thi ca của mình, không có hoặc rất hiếm bài nào ông không đề cập tới khía cạnh triết lý gần xa nào đó đưng tới phận làm người. Võ Phiến nói rằng đọc một tác giả, ta có cảm tưởng tác giả đó nhỏ hay lớn dường như ngoài chuyện chữ nghĩa, nghệ thuật diễn đạt còn liên quan tới những vấn đề tác giả bị ám ảnh tức các chủ đề, đề tài nhỏ hay lớn nữa. Tất nhiên không phải hể muốn lớn thì chỉ cần nói tới chuyện lớn mà phải nói tới với tài năng tới đâu và bằng cách nào mới là cốt lõi. Suy nghĩ tới cõi sống cõi chết thì trong đầu ai, lúc nào mà chẳng từng nhưng viết ra thành những câu thơ đẹp tới não lòng như ông thì xưa nay mấy ai? Tôi buồn bã nhận rằng nói tới thơ là nói trong chủ quan, ai thấy có lý phần nào thì chia xẻ, ai nghĩ khác thì cũng lẽ đương nhiên.

Một nhà phê bình văn học có viết rằng Góa Phụ là bài thơ hiện thực nhất của Tô Thùy Yên. Thật lạ, tôi lại thấy bài này có những hình ảnh hiện thực nhưng lại có ý nghĩa tượng trưng, nhiều ẩn dụ nhất của ông:

*Con chim nhào chết khô trên cửa,  
Cửa đóng tự ngàn năm bật âm,  
Như đạo bùa thiêng yếm cổ mộ.  
Sao người khai giải chưa về thăm?*

Điều thú vị, nếu để tâm ghi nhận, trong 37 bài thơ ở cuốn Thơ Tuyển, đã có trên 20 bài và ít nhất gần 30 câu ông nhắc tới chim muông, dường như loài chim xuất hiện với tần số cao nhất trong thơ ông. Rõ ràng chim muông là một ẩn dụ đa tầng đa nghĩa được nhìn theo tâm cảnh của thi nhân. Ngoài một lần sống giữa mùa hạn hỏa ngục xứ Quảng Bình khiến ông liên tưởng tới thế giới lâm chung với thiên nhiên cùng kiệt, xác người vương vãi nơi bờ bụi cùng bao nhiêu hình ảnh rừng rợn khác, tỉ như “Ác điều ngày đêm gào xáo xác” và ma hoang cũng bỏ đi nhường chỗ cho chim kên thì hình ảnh chim muông trong thơ ông:

+ Luôn gần gũi thân thiết và có khi là niềm an ủi:

*Chim đã bay quanh từ vạn cổ...Giữa tầng trời cao chim giục giã... (Đặng Tử), Thấy nhàn ớt động bóng chim quen... (Vườn Hạ), Nghe tiếng chim quen bay trót qua, Bóng thoáng như bàn tay dịu mát, Lau nhanh hơi mỗi mặt mày ta ... (Và Rời Tất Cả Sẻ Ngươi Ngoai), Ta đợi vì nghe ngoài ngõ trúc, Có com chim khách kêu chiều nay... (Mùa Hạn), Ta về như bóng chim qua trẻ... (Ta Về)...*

+ Cũng có lúc tiếng chim vui:

*Đông đúc chim về ẩm cúng đêm... (Lão Trượng), Con chim chèo bẻo hót lạnh chanh... (Hè Ta Trở Lại Gian Nhà Cỏ)*

+ Cánh chim là một ảnh tượng đẹp và buồn, nhất là buồn và cô lẻ:

*Con chim bói cá trong tàn tối, Soi vịnh hằng xanh rợn mặt hồ... (Nỗi Đợi)...Thăm hỏi con chim màu sắc sỡ, Lời ca u uất giấu nơi đâu? Biển Bắc tuyết mù con nhận lạc..., Bóng chim, tấm cá, cành trôi giạt... (Mòn Gót Chân Sương Nắng Tháng Năm), Di điều qua sông xê luống sâu... Núi xa chim giục giã hoàng hôn... (Tưởng Tượng Ta Về Nơi Bản Trạch), Con chim nào hót hải âu van (Bát Tận Nỗi Đòi Hung Hãn Đó), Con chim*

*động giắc gào cô đơn...* (Trường Sa Hành), *Con chim lạc bạn kêu trời rộng...* (Vườn Hạ), *Giữa khuya có tiếng chim ai oán...* (Nổi Đợi)

+ Có khi phảng phất chút thần bí, siêu hình:

*Con chim thần thoại mắt khoen sâu, Giật mình như đã ngàn năm ngủ, Giữ bụi lông, cất khản tiếng gào* (Em Nhỏ, Làm Chi Chim Biển Bắc) *Ở đâu còn bóng chim huyền diệu, Hót gọi tiền thân ta tái sinh...* (Mùa Hạ), *Con chim nào vỗ cánh, Động gợn thời gian...* (Ánh Tàn Dư), *Khắc khoải chim kêu mùa xóa giải... Chim vút lên như hòn đá ném, Rồi thôi, cái có chỉ là qua...* (Chim Kêu Bãi Quạnh).

Tôi chỉ lược trích sơ sài chứ thật ra, mỗi câu thơ trên đây là một ảnh tượng riêng biệt có thể là một chủ đề cho một bài khảo sát. Nhất định mai này thơ ông phải được nhìn nhận công bình hơn, công phu hơn hầu đúng với giá trị cao cả nó vốn có.

Con chim nhào chết khô trên cửa là hình ảnh chim muông buồn thảm nhất trong thơ TTY. Vì sao con chim nhào chết khô? Ta không rõ. Chỉ biết ở đây chỉ còn nỗi chết. Chết trên cửa. Cửa nào? Đó là cảnh cửa âm dương mở ra cho cái chết nhưng đã đóng chặt rồi. Thiên thu. Im bật. Vô âm tín. Không ai có thể hiểu gì. Đó là cánh cửa bị yểm bùa, vĩnh viễn không có người khai mở. Người ta chỉ biết sống và chết và không bao giờ biết tại sao. Phải chăng đây chỉ là hình ảnh ẩn dụ cái chết phi lý của người tử sĩ, người chồng của góa phụ trong bài thơ. Một triết gia hiện sinh có nói rằng chính vì con người tuyệt nhiên không biết tại sao mình sống và tuyệt đối mù tịt sau khi chết, chính vì cánh cửa âm dương đóng sập nên tử biệt trở thành tận cùng bi đát và là sự trừng phạt quá nặng trên số phận con người một cách phi lý. Người góa phụ khiếp kinh và không dễ chấp nhận nỗi đau tang tóc là có thật. (Phía sau nỗi chết, thấp thoáng cái nền xám xịt của cuộc chiến tranh phi nghĩa). Thế nên:

*Em chạy tìm anh ngoài cõi gió  
Lửa oan khốc giỡn cười ghê hồn,  
Tiếng kêu đá lở long thiên cổ,  
Cát loạn muôn trùng xóa dấu chân.*

Thú thật tôi rợn người khi đọc khổ thơ trên. Ngoài cõi gió gọi nỗi buồn mênh mang, cô quạnh và lạnh lẽo. Thứ lửa oan nghiệt, tàn khốc nào lại mĩa mai giỡn cười trên số phận con người trầm luân, trên chết chóc bi thương? Lửa mà giỡn cười? Làm sao không ghê hồn cái thần bí ma quái ở đây? Câu thơ thứ 3 là “âm thanh cuồng nộ” vô cơ của trời đất hay tiếng kêu thương của hồn người vọng động cả càn khôn? Đá đổ, cát bay long thiên cổ, loạn muôn trùng cho ta cảm tưởng con người quá bé nhỏ trước thiên nhiên rộng lớn

không cùng và dữ dội vô tận. Và số phận con người, chung cuộc cũng bị xóa dấu chôn mà thôi. Thơ TTY nhiều lần nói tới bồi xóa, tới “mặt đất bồi trôi”. Người ta bảo TTY chỉ tin ở sự hư vô, họ có lý. Tôi liên tưởng tới mấy câu thơ ông nói với người chiến binh CS cuồng điên say sưa chiến đấu, mê tưởng “sự nghiệp” mình lớn lắm, ngỡ mình làm được chuyện “Lăn địa cầu ra khỏi lối xưa”:

*Ví dầu các việc người làm, các việc ta làm  
Có cùng gom góp lại,  
Mặt đất này đổi khác được bao nhiêu?*

(Chiều Trên Phá Tam Giang)

Và nhất là mấy câu này trong bài Lão Trượng:

*Cát vùi cả xương trắng lưu dấu...  
Mặt đất vô danh, ký ức lò.*

Hai khổ thơ tiếp sau là cảnh tượng người vợ góa một mình canh xác chồng.

*Em đọc thoại lời kinh ánh xanh  
Trăng lu, khuya mỗi, nén nhang tàn.  
Chó tru thăm thăm ngáy thiên địa.  
Mái ngói nghiêng triền trái rụng lẩn.*

Tác giả chỉ nghe mà thấy được lời kinh ánh xanh (Cũng như Phan Khôi Thấy dưới ánh trăng muôn khúc nhạc, Nghe trong tiếng ếch một màu xanh), giác quan ông cũng chuyển đổi chức năng khiến câu thơ rõ ràng có tính tượng trưng. Ngoài ra lời kinh ánh xanh cũng gợi chút gì bí hiểm rờn rợn. Câu kệ chỉ là liên tiếp ba cụm chủ-vị đơn giản nhất, có tính từ làm vị ngữ trong tiếng Việt, vậy mà tài tình thay, lại là câu thơ nhiều hình ảnh nhất gợi nơi lòng người một nỗi tàn phai thê thiết. Đọc câu này tôi không thể không so sánh với một khổ thơ trong bài Ta Về:

*Ta về như tứ thơ siêu tán  
Trong cõi hoang đường trắng lẳng quên.  
Nhà cũ, mừng còn nguyên mái, vách,  
Nhện giăng, khói ám, mối xông nền.*

Cấu trúc ngữ pháp câu cuối ở đây y hệt câu 2 khổ thơ thượng dẫn, nhịp điệu và nhạc điệu cũng tương tự. Và ngữ nghĩa nữa, toàn động từ, tính từ hàm nghĩa siêu đố, điều



tàn, phôi pha, mờ tối, tàn phai. Thanh điệu của 3 từ cuối trong cả 2 câu giống nhau, chùng xuống những thanh bằng diễn một niềm đau thương, cô quạnh.

Nguyễn Bắc Sơn có câu thơ hay: Khu phố quận những đời người đã mỗi, cụ thể, chính xác nhưng không mới lạ bằng khuya mỗi. TTY có biệt tài dùng những chữ vốn già nua và sáo mòn, đặt vào một văn cảnh bất ngờ để tạo hình ảnh mới, chẳng hạn cũng từ này: Ta đợi, nghe chùng thiên cổ mỗi... Tàu đi, lúc đó đêm vừa mỗi, Lúc đó sao trời đã ngủ mê. Kiểu dụng ngữ này nhan nhản trong thơ ông tạo thành điển hình cho một phong cách, thật thú vị nếu để tâm khảo sát.

Ta thấy, trong khổ thơ, tác giả ghi nhận ba thứ âm thanh, ta có cảm tưởng các giác quan ông nhạy bén không cùng và tưởng tượng thì vô tận, ông nghe thấy những gì giác quan người thường không hề cảm nhận được (tới cường độ đó): Cát loạn muôn trùng, đá lở long thiên cổ, Chó tru thăm thẳm ngáy thiên địa. Tuyệt vời từ thăm thẳm và ngáy. Quả thật chỉ mình ông thấy đất trời cũng ngáy đại nghe tiếng chó tru buồn thăm trong đêm tang tóc đó. Trong xã hội nông nghiệp tối tăm ngày trước, tiếng cú và chó tru đêm điển hình cho điềm báo chết chóc, tai ương – quái, kinh nghiệm bản thân tôi thấy đúng, mới ghê! (Đọc câu này tôi không thể không nhớ lại một scene trong phim Doctor Zivago của David Lean, xem rồi, mấy chục năm sau còn nhớ. Giữa cuộc CM loạn ly bạo liệt, vợ chồng bác sĩ Zivago lánh nạn, trở về làng quê Variquino, đêm đầu tiên ngụ trong ngôi biệt thự hoang tàn, khuya muộn, họ thảng thốt nghe tiếng chó sói tru quanh nhà. Hé cửa nhìn ra, dưới ánh trăng bạc trên đồng tuyết lạnh lẽo, những con sói ốm đói đầy hung tợn ngửa mặt lên trời gào tru thê thiết mà cũng đầy đe dọa. Tôi tin không phải tình cờ David Lean đưa cảnh này vào phim mà không gửi theo một ẩn dụ; tiếng chó tru ghê rợn đó cùng với bản nhạc nền Lara theme u uẩn của Maurice Jarre cứ âm vang ray rứt trong lòng khán giả cho tới hết phim và, với tôi, mãi nhiều năm sau nữa; tiếc cho các thế hệ sau này không được xem phim này với màn ảnh rộng).

*Ngọn đèn hư ảo chong linh vị  
Thấp trắng thời gian mái tóc em.  
Tim đập duỗi ngoài thân nổi lạnh.  
Hồn xa con đóm lạc sâu đêm.*

Mấy câu trên đây, cảnh thì hiện thực nhưng được nhìn qua nhãn quan...siêu thực. Ngọn đèn thức canh quan tài có thật sao gọi là hư ảo? Mái tóc góa phụ hắt cũng chưa bạc trắng và tim làm sao duỗi đập ngoài thân? Thời gian trong thơ TTY là một thứ ký ức lòa, bị lãng quên, bị bôi xóa. Câu trên nếu thuận nghĩa thì phải là thời gian thấp trắng mái tóc em, nhưng thế thì còn gì thơ! Tôi chưa quên mấy câu thơ khác của ông về thời gian, thứ thời gian trắng không lưu dấu, không ký ức:

*Dòng ngày tháng trắng chảy lơ mơ.  
Trong cõi hoang đường trắng lãng quên.  
Bay tự ngàn năm trắng cổ thi...*

Đêm tối triền miên chốn ruộng vườn, ánh lửa ma trời và ánh sáng lập lòe của đom đóm trên đồng hoang gợi cảnh tượng lạnh lẽo của cõi âm, chính tác giả cũng tưởng tượng hồn người lạc loài theo ánh sáng xanh bí mật của con đóm. Thứ ánh sáng ma quái chỉ làm đêm tối càng thêm tối và chỉ là không gian đe dọa. Tiếng Việt chỉ có thâu đêm, không có sâu đêm. Sâu ở đây vừa có nghĩa trong không gian và cả thời gian, nghĩa thật rộng và thật mới. Đọc đoạn này, ta còn nhớ tới mấy câu rợn lạnh trong bài Lão Trượng:

*Mơ màng có một hồn xiêu lạc  
Ngoài tối tăm, nhờ chỉ nẻo về.*

Bài thất ngôn ngắn nhất của TTY trong tập Thơ Tuyển kết thúc với khổ thứ 5:

*Cỏ cây sống chết há ta thán.  
Em khóc hoài chi lẽ diệt sinh?  
Thằng như con ngựa già vô dụng,  
Chủ bỏ ngoài trăng đứng một mình.*

Làm sao ta biết cỏ cây sống chết không hay có ta thán? Chẳng là giác quan ta hạn hẹp nên chỉ nhìn ra vậy; ý thức ta chỉ biết được chết là hết, là vĩnh viễn xa lìa nên tử biệt là điều ghê khiếp quá sức chịu đựng của cõi người. Góa phụ chắc cũng biết tới lẽ diệt sinh nhưng không thể âm thầm chấp nhận được nên phải “khóc hoài”.

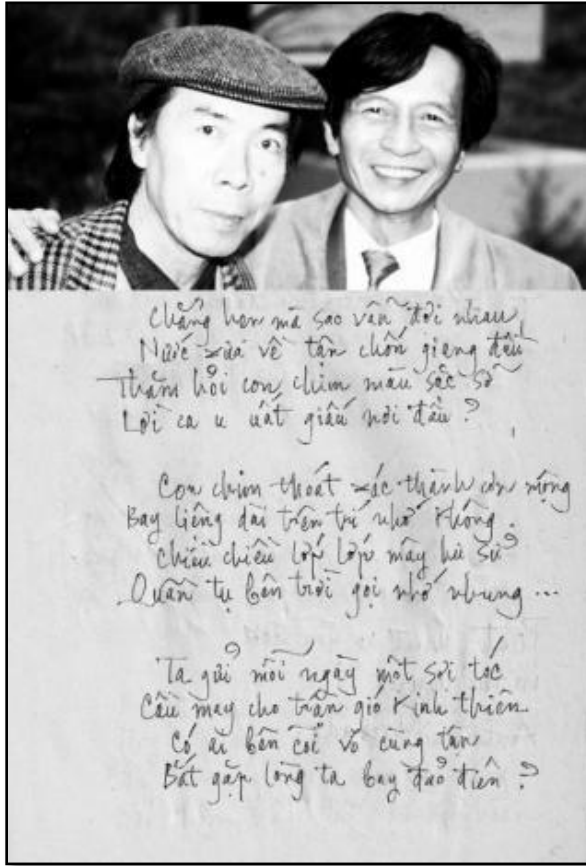
Hai câu kết gợi hình vô kể tượng trưng của buồn đau, bị bỏ rơi, bị hắt hủi; ẩn dụ của phận làm người phi lý. Con người mù lòa bị ném vào đời với đam mê vô ích, loay hoay với lao khổ, cô đơn, rồi chết. Chẳng để làm gì. Ngựa ở đây gợi nhớ tới con ngựa trong bài thơ nổi tiếng của TTY thời trai trẻ “Cánh Đồng Con Ngựa Chuyển Tàu”. Chúng nhiều hay ít nhất quán ở tính bi đát.

Như đã nói, bài thất ngôn này ngắn nhất trong tập Thơ Tuyển nhưng theo tôi, vì cô đọng và hàm súc nhất nên phải ngắn. Cô đọng và hàm súc về nội dung, chặt chẽ về bố cục, Phong phú về hình ảnh. Ngôn từ thì tinh xác và mới mẻ, càng đọc càng thấy chưa hiểu đủ nên phải cứ đọc hoài.

**NGUYỄN KHIÊM**

# Xúc cảm cùng thơ Tô Thùy Yên

\*\* Đinh Trường Chinh \*\* May 24, 2019



*Thủ bút nhà thơ Tô Thùy Yên và ảnh Đinh Cường & Tô Thùy Yên*

***“Ví dù ta ngủ không còn dậy  
Ắt hẳn lòng ta cũng dừng dừng”***

đã đôi lần, tôi đã rơi vào cảm giác ấy. chỉ muốn ngủ một giấc thật dài. dừng dừng tạm biệt cuộc đời vô lượng. nhưng rồi khi thức dậy, thấy mặt trời lên bừng cháy, lòng lại không khỏi reo vang.

*“bạn có nghe, này bạn có nghe  
vũ trụ miên man chuyển động đều”*

phải chăng. con người luôn có những cuộc xung đột thầm chung trong mình như thế. thậm chí, khi tỉnh giấc, lại tham lam muốn ôm hết cái đẹp của cuộc đời. muốn cảm ơn một nhành hoa lẻ loi. muốn đi đến tất cả những góc ngách cuộc đời.

*“đến ngã ba, đành theo một lối  
tiếc ngần không cùng theo lối kia”*

những ngày này, có khi tôi cảm thấy dửng dưng trước cả cái chết của một ai đó, ngay cả người thân quen. cùng lúc, lòng lại chùng xuống vực sâu, cũng vì một cái chết ấy.

và có lẽ buồn hơn cả khi chúng ta đã ngồi chờ đợi một sự ra đi, sẽ đến, sẽ kè bên. như hơi thở. yếu dần. tôi đã từng ngồi bên bố tôi với ba hơi thở cuối. mỗi hơi thở mỗi cách nhau dần xa hơn. từng nhịp. 1 giây, 2 giây, 5 giây... rồi ngưng hẳn. im lặng.

nhận ra rằng im lặng cũng là một tiếng động. the sound of silence. như một tiếng rơi sỏi tấp xuống vực thăm.

tử là quy, là trở về quê hương đích thực của mình. tôi thấy ông như trở về miền đất cũ. không hẳn phải là Gia Định. quê hương, có khi ông gọi là “Ngôi Nhà Lớn”, hay có lúc chỉ xem như “gian nhà cỏ”. quê hương là vũ trụ lớn/nhỏ này. để trở về, rất thanh thoi. vì những người thi sĩ như ông đã nhìn ra, đã hiểu, thấy tất cả. “vinh dự làm than” một kiếp người. đã sống trọn và trao tặng cuộc đời những bài thơ đẹp đến từng đơn vị chữ

nếu có nhớ đến thi sĩ thì cũng chỉ biết lấy thơ của họ, “viết” lại cho chính người thi sĩ ấy.

*“ngày kia trở lại Ngôi Nhà Lớn,  
lòng những bằng lòng một kiếp chơi*

...

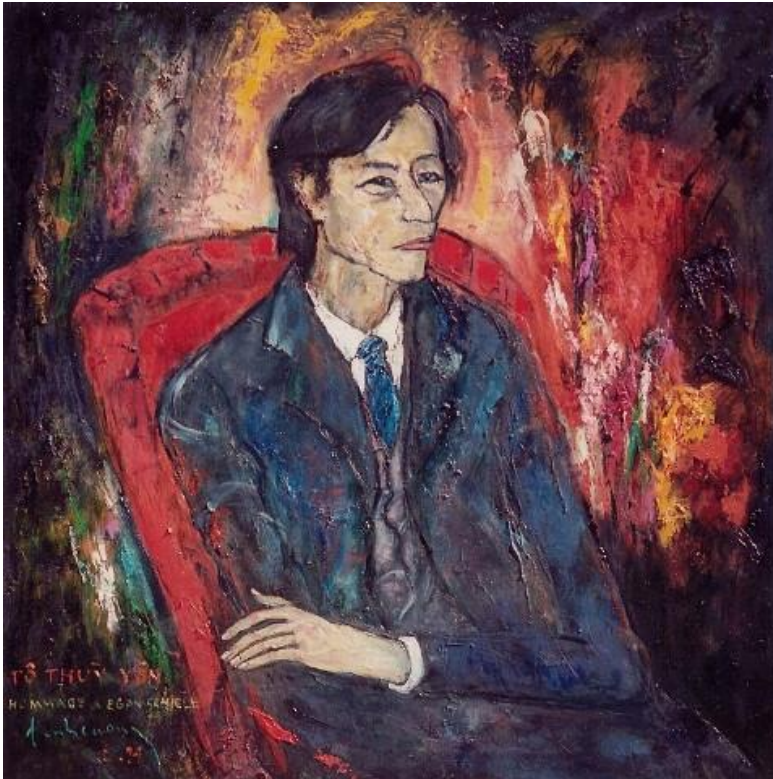
*mai sau, nằm lại bên bờ cỏ  
thôi cũng an lòng ta có đi”*

**đtc** / chút cảm xúc trưa 22.5.2019

(\*) những câu thơ trích trên đều của Tô Thùy Yên.



***Tô Thùy Yên & Đinh Cường***



***Đinh Cường vẽ Tô Thùy Yên***



Bài viết về nhà thơ Tô Thùy Yên dưới đây được được trích từ tập di cảo “Mặc Khách Sài Gòn” của cố nhà thơ Tô Kiều Ngân. Hình ảnh nhà thơ Tô Thùy Yên được Tô Kiều Ngân khắc họa bằng những dòng văn đầy cảm xúc.

### Cánh đồng con ngựa chuyển tàu

Trại của tôi cách xa trại Tô Thùy Yên nhưng thỉnh thoảng chúng tôi vẫn gặp nhau trong những lần đi lao động, dẫn cây đốn nửa. Có lần gặp chỉ đủ để Yên dúi vào tay tôi một gói thuốc Lào rồi sau đó là mỗi người một ngả.

Có lần đứng trong sân trại nhìn qua hàng rào kẽm gai tôi thấy Tô Thùy Yên đang gánh một gánh khoai mì đi qua. Anh bước đi có vẻ nặng nhọc. Vai bị gánh khoai mì trĩu xuống, lưng cong như lưng tôm, mồ hôi chảy có giọt.

Tôi bỗng xót xa nhớ đến đêm nào cùng anh và Cung Tiến còn đi “tăng hai” ở Sài Gòn... Bữa ấy

Trần Lê Nguyễn có bày tiệc nhậu. Có mặt Mai Thảo, Thanh Nam, Trịnh Công Sơn, Cung Tiến, Tô Thùy Yên và tôi. Tiệc tàn, mọi người lục tục đứng lên. Trịnh Công Sơn say xỉn vào nôn mửa trong phòng tắm. Trần Lê Nguyễn sau đó cũng đã ra về. Còn lại Cung Tiến và Tô Thùy Yên chẳng chịu về, nhất định đòi đi “tăng hai”. Đêm đã hầu khuya, chiều bạn tôi đem hai cậu lên xe hơi chờ xuống Phú Nhuận. Trời mưa lất phất. Con đường vào hẻm sũng nước, loáng loáng ánh đèn. Tô Thùy Yên xuống xe, hai tay vén ống quần chạy lúp xúp trên đường mưa, vừa chạy vừa cười khanh khách. Cung Tiến thì nhà nào cũng đập cửa rầm rầm báo hại bọn thanh niên trong xóm nhào ra, xô ngã Cung Tiến nằm lăn ra đất. Cơ khổ chàng nhạc sĩ tác giả những bản nhạc tuyệt vời: Hoài Cảm, Nguyệt Cảm, Hương Xưa tay chân vung vít, miệng la bài hoài: “Sao lại đánh tôi... sao lại đánh tôi...” Còn tỉnh nên tôi xin lỗi bà con trong xóm và lại đem hai lạng tử lên xe, chạy về gần thâu nhà mà còn chưa chịu xuống, còn đòi “đi nữa”.

Tiếng cười của Tô Thùy Yên đêm ấy và hình ảnh anh chạy lúp xúp trong mưa tôi còn nhớ rõ. Tiếng cười sao mà hồn nhiên ngây thơ so với hình ảnh Tô Thùy Yên oằn mình dưới gánh khoai mì hôm nay thật là một sự đối nghịch quá đau lòng.

Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gò Vấp, lúc bấy giờ là một quận ngoại thành Sài Gòn. Anh học đến đại học, bị động viên đi học trường sĩ quan Thủ

Đức, ra thiếu úy rồi được bổ về một đơn vị tác chiến thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Sợ anh chết uổng, anh em vận động bốc thẳng anh từ Vùng Bốn về ngay trung ương để làm văn nghệ.

Cùng Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Duy Thanh, Ngọc Dũng... Tô Thùy Yên là nòng cốt của nhóm Sáng Tạo, anh thường đăng thơ trong mục Thơ tự do của tạp chí Sáng Tạo, nơi được coi như đại diện của phong trào thơ tự do miền Nam thời 50-60.

Sau 30 tháng Tư, Tô Thùy Yên đi học tập cải tạo 10 năm. Được tha về rồi bị bắt lại, tính ra 13 năm tất cả. Ba năm sau, có lần anh bị biệt giam 7 tháng sau khi cắt mạch máu định quyên sinh. Cuối cùng, anh được cùng vợ là cô giáo Huỳnh Diệu Bích và gia đình sang định cư ở hải ngoại theo diện H.O.

Tô Thùy Yên được nhiều người biết đến nhờ bài thơ “Cánh đồng con ngựa chuyén tàu” đăng trên tạp chí Sáng Tạo của Mai Thảo, năm 1956:

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu,  
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi  
Tàu chạy mau mà qua rất lâu  
Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau  
Ngựa rượt tàu, rượt tàu, rượt tàu...*

Cả bài thơ như những thước phim vụt qua. Hình ảnh đuổi bắt nhau. Cây cối, lũng đồi quay vòng đến chóng mặt. Cuối cùng con ngựa thở dốc, lăn kèn ra giữa thảo nguyên “Châm giữa nền nhung một vết nâu”. Hình ảnh như chụp từ trên cao xuống – cánh đồng thì mông mênh như vô tận, mướt cỏ nhung xanh còn con ngựa thì chỉ còn lại một vết nhỏ. Nó chết mà không biết vì sao mà chết. Cũng không biết suốt đời mình lao đầu phi về phía trước để làm chi? Những câu hỏi đó cũng đặt ra cho con người, những tra hỏi không có lời giải đáp. Xưa nay trời đất vốn vô ngôn.

*Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau  
Ngựa rượt tàu, rượt tàu, rượt tàu  
Cỏ cây, cỏ cây lúi chóng mặt  
Gò nổng cao rồi thung lũng sâu  
Ngựa thở hào hển, thở hào hển  
Tàu chạy mau, vẫn mau, vẫn mau*

Tô Thùy Yên thật trẻ mà thơ lại thật già. Mỗi câu viết ra dường như chưa nói hết mà sau đó còn một chuỗi ý nghĩ để cho người đọc suy cảm thêm ra. Ý tại ngôn ngoại. Luôn bị cô đơn vậ hãm, bị đọa đày thân xác, dày xéo tâm hồn nhưng Tô Thùy Yên luôn chịu đựng, tìm chỗ dựa tâm linh, đề cao cái tâm độ lượng để vượt qua gai góc, khổ đau. Anh vẫn luôn mơ ước:

*Bao giờ ta trở về dương thế,  
Sống đáng vinh danh lại kiếp người,  
Để thấy đường đi muôn lối rộng  
Dập dìu những chèo áo reo vui?*

Thơ Tô Thùy Yên đăng rải rác trên các báo tạp chí văn học, mãi đến năm 1995 anh mới xuất bản tập “Thơ tuyển”, có tất cả 37 bài, có nhiều bài rất dài, đó là tác phẩm chọn lọc của Tô Thùy Yên, một đời làm thơ, một đời yêu thương, một thời tù ngục.

Cánh đồng con ngựa chuyển tàu

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu,  
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi  
Tàu chạy mau mà qua rất lâu.  
Ngựa rượt tàu, rượt tàu, rượt tàu.  
Cỏ cây, cỏ cây lúi chổng mặt.  
Gò nông cao rồi thung lũng sâu.  
Ngựa thở hào hển, thở hào hển.  
Tàu chạy mau, vẫn mau, vẫn mau.  
Mặt trời mọc xong, mặt trời lặn.  
Ngựa gục đầu, gục đầu, gục đầu.  
Cánh đồng, a ! cánh đồng sắp hết.  
Tàu chạy mau, càng mau, càng mau.  
Ngựa ngã lẩn, mình lướt như cỏ,  
Chấm giữa nền nhung một vết nâu.*

1956



**Tô Kiều Ngân**



**Tô Thùy Yên:**  
**thơ, như một vịnh dự lằm than của kiếp người**  
**\*\* BÙI VĨNH PHÚC \*\***

*Nguồn: Bài này đã đăng một vài đoạn khác nhau, lần đầu trên các nguyệt san Hợp Lưu và Văn Học (California), vào những năm 1992 và 1994. Toàn bộ bài viết được in trong Lý Luận và Phê Bình / Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước 1975-1995 của Bùi Vĩnh Phúc, nhà xuất bản Văn Nghệ, California, 1996. Bài viết hiện tại được nhuận sắc và cập nhật vào tháng Một, 2019.*

*Biểu dương—hãy biểu dương cùng tận  
Vịnh dự lằm than của kiếp người  
Hy hữu một lần trên trái đất  
Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai.  
TTY*

.1.

Tô Thùy Yên là một giọng thơ đặc thù, có một, và vô cùng u hiễn của nền thi ca Việt Nam trong dòng văn học miền Nam kể từ Sáng Tạo.

Từ cuối thập niên năm mươi cho đến thời điểm bị cắt đứt 1975, dòng thi ca miền Nam Việt Nam không phải là không thấy nổi bật lên những khuôn mặt khô ngô của thơ, những tiếng nói mới lạ của tình cảm, của cảm xúc, của trí tuệ; không phải là nó không thấy rạo rức lên trong chính thân xác và tâm hồn mình cái thiết tha và mạch sống của thời đại. Mà không phải chỉ ở Việt Nam, nơi các luồng ý thức hệ trái chiều đã dùng làm địa bàn để thử nghiệm những con toán suy tư của mình, nơi những con sóng của các triều nước lý trí, dâng lên từ phương Tây và từ châu Mỹ, thỉnh thoảng hất lên trên mặt đất này những lượng nước cuối mùa từ cái dòng trào của nó, con người nói chung, ở Việt Nam cũng như ở khắp nơi trên thế giới, nơi ánh sáng của văn minh nhân loại vẫn còn có cơ hội soi rọi đến, trong những thập niên '50, '60 và '70, đều đã tìm thấy cho mình một hơi thở mới, một tiếng nói mới, một cái nhìn mới về đời sống. Hơi thở ấy đẩy người ta đi vào cuộc sống mỗi ngày với một thái độ dần thân và tha thiết hơn. Cái nhìn ấy đem vào nhãn giới con người những gì đã trượt ra khỏi tầm nhìn của nó ở những thế hệ trước, vì lý do này hay lý do khác. Và tiếng nói mới mà con người tìm được trong thời đại này đã giúp cho nó tìm xuống những chiều sâu mới của chính tâm hồn mình, dẫn nó đi qua những bậc đá trắng và lạnh của ngôi đền thâm u, kỳ bí, có khi in đậm hình bóng rêu rong của kinh hoàng, khủng khiếp, nhưng cũng có khi ứ đầy và chói sáng

ánh mặt trời khiết bạch. Ngôi đèn này chính là trái tim con người. Trái tim ấy bóp và đập, bóp và đập, nhưng trong từng giây phút, qua chính những nhịp bóp và đập ấy, nó để nở vào đời sống muôn vàn đoá hoa bí nhiệm làm nên cuộc đời của mỗi con người. Và làm nên cuộc sống của nhân loại.

Nhà thơ là người nhìn vào được trái tim của những đoá hoa bí nhiệm ấy.

Thơ, chẳng phải chỉ là những cửa ngõ để nhìn vào trái tim, mà thường khi, nó chính là trái tim. Nó là ngôi đèn thâm u kia. Và nó cũng chính là những đoá hoa bí nhiệm của đời sống.

Tô Thùy Yên là một nhà thơ Việt Nam lớn lên trong cái bối cảnh tinh thần ấy của con người thế kỷ. Ông đã nhận chịu và đã kế thừa cái gia sản chung của nhân loại trong suy nghĩ và trong tiếng nói của mình. Nhưng trong tiến trình sống và phát triển, trong khi học hỏi và chia sẻ những kinh nghiệm chung của nhân loại, ông còn có được những kinh nghiệm riêng của chính mình. Những kinh nghiệm riêng này của Tô Thùy Yên là những kinh nghiệm của một con người nói riêng, mang cá tính độc nhất như bất cứ một con người nào trên thế gian; đồng thời, chúng còn là những kinh nghiệm của một nhà thơ, và của một nhà thơ Việt Nam, trong bối cảnh lịch sử Việt Nam lồng vào khung lịch sử của thế giới trong một giai đoạn nhất định của lịch sử con người.

Bởi thế, những kinh nghiệm ấy trở nên hết sức đặc thù đến nỗi chúng gần như được chọn lựa để trao ban. Sự trao ban ấy thật là kinh khủng. Bởi lẽ, kẻ nhận chịu sự trao ban ấy sẽ phải sống những kinh nghiệm của hắn. Sống không, chưa đủ. Phải viết lên, phải nói ra, phải tàn rụng đi vì những đau khổ và phải tái sinh để tiếp tục sống những khổ đau ấy. Và chứng minh rằng đau khổ xác định và bùng hoá những giá trị con người...



**Bùi Vĩnh Phúc**

Đọc toàn bài: [pdf](#)

# Tô Thùy Yên, thời gian, tồn tại, cô đơn và đá

**\*\* THUY KHUÊ \*\***

Hành giả của cô đơn, Tô Thùy Yên đáp chuyến tốc hành “cánh đồng con ngựa chuyển tàu”, năm 56, vào vòng khác biệt của thời gian, nghiền nát hình hài, đập tan bảo tổ, giã vụn tâm tư, biến tất cả thành hư vô, trừ đá: Đá ở lại. Đá ở lại, trong ánh tàn dư, khiến cho thời gian, đá và con người trở thành tương quan tồn tại.

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu*

*Trên cánh đồng hoang dài đến nỗi*

*Tàu chạy mau mà qua rất lâu*

*Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau*

*Ngựa rượt tàu, rượt tàu, rượt tàu.*

*Cỏ cây, cỏ cây lụi chóng mặt*

*Gò nổi cao rồi thung lũng sâu.*

*Ngựa thở hào hển, tỏ hào hển.*

*Tàu chạy mau, vẫn mau, vẫn mau.*

*Mặt trời mọc xong, mặt trời lặn.*

*Ngựa gục đầu, gục đầu, gục đầu.*

*Cánh đồng, a! Cánh đồng sắp hết.*

*Tàu chạy mau, càng mau, càng mau.*

*Ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ,*

*Chấm giữa nền nhung một vết nâu.*

(Cánh Đồng Con Ngựa Chuyển Tàu, tháng 4-1956)

Ý niệm “chạy đua” lạ lẫm. Mà đây không phải là cuộc chạy đua tầm thường giữa phường tục tử. Đây là cuộc chạy đua giữa ba “kẻ” không phải người, không cùng “giống”: Cánh đồng (đất và cỏ) vừa là một tính thể bất biến (đất), vừa là một sinh thể lụi tàn (cỏ). Ngựa thuộc loài tử kiếp (mortel), cố rượt theo con tàu, guồng máy vô tri, vô kiếp. Tô Thùy Yên đã đoạn tuyệt với quá khứ thơ tiền chiến bằng cuộc đua này, một cuộc đua rất cô hồn, siêu thực và có thật. “Chúng” chạy đi đâu? Chạy vào không gian và thời gian, mịt mù vô tận. Ngựa chạy mau, tàu càng mau hơn. Vân tốc (thời gian) càng gia tăng, cánh đồng (không gian) càng “dãn” ra như thể hai cái biển gian ấy cùng nhập bọn một lúc, điều mà Phạm Duy rất ngại: đừng cho không gian đụng thời gian (Thương tình ca). Như thế, ý thức thời gian gia nhập lãnh phận Tô Thùy Yên ngay từ đầu, “thời gian” vào thơ như một nhận thức về sự tồn tại xuyên qua thời gian.

Ở ông, thời gian phát động những câu thơ rất sâu và rất mạnh:

*“Thời gian” rũ trắng xương làm nhớ . . . .*

*“Thời gian” gia tốc thăm thê thay . . . .*

*“Thời gian” đứt quãng dài vô định . . . .*

*“Thời gian” mất trí trắng vô âm . . . .*

*Lục lại “thời gian” kiểm chính mình . . . .*

*Thăm thăm trưà “thời gian” chết xanh . . . .*

*Hồn “thời gian” phát phơ lười nhện*

Thời gian đứt quãng là một nhận thức cô cùng sâu, dẫn đến những đờn đau khác: thời gian rũ trắng xương làm nhớ, thời gian mất trí, thời gian gia tốc, thời gian chết xanh, hồn thời gian phát phơ lười nhện ... và trong cái biển thời gian dữ dằn, tàn khốc ấy, có kẻ đi lục lại thời gian kiểm chính mình, thì quả là cao đạo.

\*

Cùng với Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên đem ý thức về bản ngã, về nỗi hoang tưởng của con người vào thi ca những năm 60, với một phong cách khác.

Ở Thanh Tâm Tuyền, con đường ý thức được vẽ trên cấu trúc gián đoạn, tượng trưng mạch đứt của thời gian.

*Đêm ngã xuống khoảng thì thăm tội lỗi*

*Em bé quàng khăn đỏ ơi*

*Này một con chó sói*

(Tôi Không Còn Cô Độc)

Ở mỗi tích tắc, Thanh Tâm Tuyền chụp một bức ảnh và dàn trải chúng bên nhau.

Ba hình ảnh “đêm ngã xuống”, “em bé quàng khăn đỏ” và “con chó sói” rời rạc, không có gì liên lạc với nhau, cả ba xuất hiện cùng một lúc thành một bức tranh “siêu thực lập thể”.

Ở Tô Thùy Yên, ý thức hoang tưởng xuất hiện dưới dạng cổ điển và liên tục. Tô Thùy Yên không phá cách trong hình thức mà phá cách trong tư tưởng:

*Thời gian đứt quãng dài vô định*

*Như sợi dây điều băng mắt tắm.*

*Lòng anh thẳng thốt, sông chao song*

*Kỷ niệm buông tay, rú ngắt chìm.*

(Vườn Hạ)

Cách tạo hình siêu thực gắn với ý thức về bản ngã, về sự đứt quãng của thời gian, được Tô Thùy Yên nhào nặn nhuần nhuyễn trong một cấu trúc liên tục: Thời gian đứt quãng dài vô định như sợi dây điều băng mắt tắm, lòng anh thẳng thốt, sông chao sóng

đến đây vẫn là một “chuỗi thơ” hiền lành theo lối cũ, bỗng “kỷ niệm buông tay, rú ngất chìm”, từ đâu rớt xuống khiến người đọc thẳng thốt, giật mình kịp thấy nỗi hoang mang, hoang tưởng. Trễ rồi. Hẳn đã nhập cuộc. Vào cõi thơ Tô Thùy Yên, vào cõi hoang tưởng của chính mình, với những hình ảnh cực kỳ phức tạp: “nằm nghe tóc rụng”, “chiều hôm nhìn lửa nhớ tiền thân”, “con rạch đen nồng như máu chết”, “mắt người sâu vơi vơi ầm hơi chiều”, “đất bạc màu đi, đất bạc màu”.

Đi từ những nghiệm sinh về sự tồn tại và thời gian, rất Heidegger ấy, thơ Tô Thùy Yên đôn đàu và sâu sắc, ông tạo ra một mẫu cô đơn hành giả, có khả năng đi ngược thời gian, suốt đời tìm lại chính mình, dằng vân trong một vũ trụ đau thương, ô nhiễm những lừa lọc, tội tù và chết chóc:

*Nao nao mừng tượng bóng mình  
Mặt mừng cõi tới, u minh tiếng rền  
Xuống đò, đời đã bỏ quên  
Xuống sông nước lớn trào lên mắt ngời.*

(Qua Sông)

Những chuyến đi tuyệt vọng chỉ kéo dài thêm, lâu thêm, nổi khắc khoải của cô đơn:

*Năm tháng nhúng hoàng hôn  
Đến rồi rời thể xác  
Tôi đã thấy mát mát  
Tất cả trừ cô đơn.  
Cuộc sống nhiễm làm than  
Nằm liệt trên buồn bã  
Thượng đế điềm nhiên lạ  
Tôi đánh liều cười khan*

(Thân Phận Của Thi Sĩ)

Nhưng nói gì, làm gì rồi cũng thể thôi, cũng thừa thôi. Bởi từ lâu, người đăng tử ấy đã biết rằng:

*Chim đã bay quanh từ vạn cổ  
Gió thật xưa, mây thật già nua.*

(Đăng Tử)

\*

Với đá, Ngô Thừa Ân bắt đầu Tây Du Ký, Tôn Ngộ Không là con khỉ đá. Tào Tuyết Cần mở Hồng Lâu Mộng bằng đá, Giả Bảo Ngọc là hậu thân của hòn đá dưới núi Thanh Ngạnh. Luận Ngữ, Tam Tự Kinh ... trong Văn Miếu tại Trường An cũng khắc trên bia đá. Rút cục chỉ có đá còn lại. Đá ở lại. Đá ở lại sau khi tất cả những ánh tàn dư khác đều đã trôi đi, biến đi:

*Trên dốc thời gian, hòn đá tuột  
Lăn dài khinh động cả hư vô  
(Hè, Ta Trở Lại Gian Nhà Cỏ)*

*Tiếng kêu đá lở long thiên cổ  
Cát loạn muôn trùng xóa dấu chôn  
(Góa Phụ)*

Đá là thể xác của vĩnh cửu. Nhưng đá cũng lại muôn kiếp cô đơn. Đá không có bạn. Đá không nói. Không có thông ngôn. Đá đợi ngàn năm. Đá là nỗi đợi vô tận.

Nữ Oa góp nhặt những hòn đá lớn, ngoan cường nhất để vá lại bầu trời thương khuyết, nứt nẻ, tật nguyên. Với sự tính toán tỉ mỉ, Nữ Oa cho rằng: Phải cần đến hàng vạn năm mới kiếm được 36.500 hòn đá lớn để lấp kín vết thương của bầu trời. Bà chuẩn bị được 36.501 hòn đá, nhưng lại chỉ cần có 36.500. Hòn đá duy nhất, bé nhất còn sót lại bị bà bỏ quên trên núi Thanh Ngạn.

Về tâm sự đứa con út của Nữ Oa, Tào Tuyết Cần viết: “Đá khát vọng lên trời, nhưng bầu trời bao la rộng lớn lại vứt bỏ nó. Đá muốn xuống với đất nhưng năm tháng dằng dặc qua đi, mòn mỏi đợi chờ vẫn không có cơ may để nó được đặt chân lên bàn cờ huyền bí trên mặt đất.” Nhà văn muốn giải thích cái nhân duyên của đá. Không được lên trời, không chôn xuống đất. Đá hóa thân thành: Giả Bảo Ngọc. Đứa con út của Nữ Oa, chẳng qua là con người bị kết án chung thân di chuyển, lửng lơ giữa thời gian và không gian một chiều đi duy nhất: Tiến về cõi Không. Dẫm lên làm than, tang tóc, cô đơn, phi lý, nguyên rủa, căm thù, lắng nghe những chuyện trần thế thất thiệt. Thân phận đợi chờ, di biến, tro đá ấy, Tô Thùy Yên đã viết được, như một định mệnh, một vinh dự làm than của kiếp người, như một định nghĩa của cô đơn, của con người, lửng lơ trong cõi vô chung, vô thủy:

*Con chim bói cá trong tàn tối  
Soi vịnh hằng xanh rợn mặt hồ  
Hư ảnh lờn rờn tụ tán tụ  
Hoài công không định nổi chân như  
Trái đất thì buồn như xác rỗng  
Ta thì như gió, tuyết bơ vơ,  
Trăm năm, cửa khép hờ mưa nắng ...  
Mãi chẳng ai về qua gọi cho.  
Ta đợi nghe chùng thiên cổ mỗi  
Hàng hàng thân trụ đứng hư hao  
Hoàng hôn, thần thánh bùng mặt khóc  
Ta chẳng buồn thăm hỏi tại sao  
Ồi đá địa đầu vẫn vạ mộng*

*Ai xưa qua yếm lại tình sâu  
Thời gian rủ trắng xương làm nhớ  
Gió cát không nguôi khóc dải dàu.*  
(Nỗi Đợi)

Ý thức về đá làm lạnh thơ, giá băng những câu thơ tha thiết nhất:  
*Từng chút vỡ về, từng chút một  
Em tạt vào anh rồi rút đi ...  
Thương tích chẳng lành chan muối xót  
Bào sâu thân đá, nước tay ghi*  
(Hải Phận)

Và với lạnh băng ấy, nhà thơ đi vào hành trình ý thức, tìm lại chính mình:  
*Một sáng ta về qua bãi sục  
Thấy tàn tro váng biết là ta.*  
(Nỗi Đợi)

\*

Ở Tô Thùy Yên, còn một con người nữa trong đó chất hành giả, ý niệm quân tử và hào hung nhào nặn thành một tâm hồn “tráng sĩ” hiện đại. Hình ảnh này rất được quần chúng (di tản) ngưỡng mộ. Giọng thơ quan hoài, biên tái, mang hào khí của người (anh hùng) bại trận, bất khuất. Coi nhẹ tù đày. Xem thường gian khổ. Kể chuyện mười năm lao cải nhẹ như lông.

Bài Ta Về được phổ biến ngay khi Tô Thùy Yên còn ở trong nước như một bài ca ngất ngưỡng của người tù cải tạo, cao ngạo trở về, với cái ta khinh mạn và ngạo nghễ:

*Ta về một bóng trên đường lớn  
Thơ chẳng ai đề vạt áo phai ...  
Sao vẫn nghe đau mềm phé phủ?  
Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay.  
Vĩnh biệt ta – mười năm chết dấp  
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu  
Mười năm, mặt xạm soi khe nước  
Ta hóa thân thành vượn cỏ sơ.  
Ta về qua những truông cùng phá  
Nếp trán nhăn đùa ngọn gió may  
Ta ngẩn ngơ trông trời đất cũ,  
Nghe tàn cát bụi thảng năm bay*

.....

(Ta Về)

Nhiều người cho Ta Về, Chiều Trên Phá Tam Giang, Trường Sa Hành ... là những bài thơ tiêu biểu Tô Thùy Yên, có lẽ tiêu biểu thơ chính khí, chính luận thì đúng hơn. Bài Ta về, như có ý tái tạo một chính nghĩa, một chí khí cho người bại trận, xướng lên cái căn cước của miền Nam, tấm lòng “rộng lượng” của người tù lao cải, sẵn sàng tha thứ cho những kẻ đã hành hạ, dày dọ mình.

Nhưng dường như thơ hay không cần chính nghĩa, không cần bày tỏ. Lão Tử có nói đến tính “vô ích” của các sự xướng danh. Vô danh mới là Đạo. Đạo thường ẩn. Đạo vốn mộc mạc, không có tên. Không có tên nên mới có khả năng biến hóa. Thơ hay không lộ. Mà lại ngại những hình ảnh cliché, sáo mòn như thơ đề vạt áo, niềm đau phé phủ, chốn rừng thiêng, tiếng nghìn thu, trông cùng phá, hóa thân thành vượn ... Những nỗi đau thật không hợp với tạng chữ lấp lánh láng diện, như thể đám tang không mặc áo màu.

Cho nên những câu thơ như:

*Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh lớn*

*Mà Hiu Quạnh lớn vẫn làm ngọt.*

trong Trường Sa Hành, dù được ca tụng, e rằng chúng cũng rất xa với nỗi quạnh hiu dù rất lớn của nhà thơ và của con người.

\*

Ở Tô Thùy Yên, cô đơn, hiu quạnh và thất phận âm ỷ dưới những câu thơ khác không viết hoa, khiêm tốn hơn, tinh tế hơn và ít được chú ý hơn.

Dường như nỗi đau đã đến với Tô Thùy Yên từ rất sớm, từ những ngày đầu chiến tranh, nỗi đau đời, bắt gặp một đêm qua bắc Vàm Cống:

*Đêm qua bắc Vàm Cống,*

*Mối sầu như nước sông,*

*Chảy hoài mà chẳng cạn,*

*Cuốn phăng kiếp bèo trôi.*

.....

*Tôi chầm điếu thuốc nữa*

*Đốt tàn thêm tháng năm*

*Chiếc bắc xa dần bến*

*Đời xa dần tuổi xanh*

*Nước tách nguồn về biển*

*Sầu lại chảy về hồn*

*Khi tôi vuốt lấy mặt*

*Nghe bàn tay trống trơn*

Đây là một trong những bài thơ lọt vào người như kẻ trộm như lời Tô Thùy Yên. Chính cái khế khàng, cái nhỏ nhẹ ấy mới thấm và đau, nó là những sợi thần kinh của cảm



giác. Không hề có những chữ “lớn” mà mỗi sàu vẫn lớn. Một thời gian gian dối: Đốt tâm thêm tháng năm. Một trống vắng âm thầm xâm lấn, cô đơn nạo sát hồn người: Khi tôi vượt lấy mặt, nghe bàn tay trống trơn. Thơ đã tìm được tần sóng của những ngõ vắng, những lối lạc của tâm hồn; thơ mở những cửa kín, phát lộ những nỗi đau dẫu sâu trong tim người.

Bài Vườn Hạ, lạnh lung chẳng lên phận số con người, những kiếp mỏng manh như những sợi điều, bị bắt làm con tin cho một mẹ mìn thời gian luôn luôn bắt trặc phản bội chỉ chờ dịp là quất ngựa truy phong:

*Thời gian đứt quãng dài vô định  
Như sợi dây điều băng mắt tắm  
Lòng anh thẳng thốt, sông chao sóng  
Kỷ niệm buông tay rú ngắt chìm.  
Ai ngắt dùm anh cây cỏ sướt  
Làm đôi gà đá, đá ăn cười  
Mùa hè đi khuất kêu không lại  
Bãi mía điêu tàn gốc cháy thui.  
Trời cao mỗi mắt, chòm mây bạc  
Thăm thăm trưa, thời gian chết xanh.  
Ngoài cõi chói chang hư ảo múa  
Dường như ai gọi ấu danh anh.  
Hàng cây đứng bóng ôm tròn gốc  
Đất âm vương hương, cỏ trở màu  
Ai cúi soi mương rong khỏa mặt  
Thấy hồn mùa cũ đọng xanh xao.*

(Vườn Hạ)

Một mối ‘sầu’ mới dấy lên, không phải sầu tiền chiến, sầu lãng mạn Lưu Trọng Lư, Huy Cận. Sầu Tô Thùy Yên mang tính chất nội tại, sầu hiện sinh, sầu sống, sầu hôm nay, sầu tự bản thân lan ra vũ trụ “lòng anh thẳng thốt sông chao sóng” khác với sầu hôm qua, “sóng cuộn tràn giang buồn điệp điệp” (Huy Cận). Sầu mới xuất phát từ người, làm chao đảo thiên nhiên, khác với sầu cũ: thiên nhiên gây thương cảm trong lòng người.

Ở cõi sầu mới, con người làm chủ tình cảm và tình thế, vũ trụ bị nhân hóa (việc nhân hóa này rất khác với nhân cách hóa trong thơ lãng mạn: phát phơ hồn của bông hường, Xuân Diệu) như: Trời cao mỗi mắt chòm mây bạc: trời, mây ở đây là người, chứ không bị ví là người như bông hường của Xuân Diệu.

Thăm thăm trưa thời gian chết xanh, ngoài cõi chói chang hư ảo múa, hàng cây đứng bóng ôm tròn gốc, đất âm vương hương cỏ trở màu ...: thời gian, hư ảo, hàng cây, đất, cỏ ... đều là người, và người lại biến thành vật ảo, thành bóng ma của chính

mình:

*Ai cúi soi mương rong khỏa mặt  
Thấy hồn mùa cũ đọng xanh xao.*

Những rung động mới này xuất phát từ những nghiệm sinh về tồn tại và thời gian, hợp với cách tạo hình siêu thực, tạo thành "nỗi đau hôm nay", một nỗi đau xâm thẳng vào bản thể, dày vò tâm thức, cực kỳ nhức nhối (khác hẳn với nỗi đau lãng mạn êm dịu thời tiền chiến), tạo nên những hình ảnh thâm lặng mà vô cùng chua xót như mùa hè đi khuất kêu không lại, thăm thẳm trưa thời gian chết xanh, thấy hồn mùa cũ đọng xanh xao ... Nơi Tô Thùy Yên, có tồn tại nào qua mất được thời gian? Tồn tại và thời gian ẩn kiếp trong nhau: Không biết ai phụ ai? Ai lấn át ai? Ai chết trước ai?

Hải Phận, một bài thơ nhỏ với mối sầu lớn. Tô Thùy Yên dựng hải phận tình yêu trong hải phận người. Vừa chia cắt, vừa gần gũi như biển và cát, như nước và đá. Áo tưởng gần xa, hợp tan, sáng tối, tuy một mà hai, giao nhau tạo nên một mối sầu non trẻ luôn luôn bắt đầu, luôn luôn trở lại:

*Như một con sò giữa chiếc vỏ  
Chúng ta cuộn tròn trong tình yêu  
Như đôi dã tràng không biết mỗi  
Chúng ta khởi sự lại mỗi sầu*

*Từng chút vỡ về từng chút một  
Em tạt vào anh rồi rút đi  
Thương tích chẳng lành chan muối xót  
Bào sâu thân đá, nước tay ghi.*

Người lính trong hải phận cũng nhập nhằng, khiêm tốn. Ở đây không có khí hạo nhiên, không có lời hào sảng mà chỉ là những tích tụ đau thương, nhục cảm, tìm đến đối tượng yêu đương như một cõi sống, cõi về, cõi hải đăng sáng diệu:

*Anh sống làm quen cùng cái chết  
Liếm lấy mặn mà trên đau thương  
Chìm mãi xuống em và mất tích  
Như mặt trời rã trong nước loang.  
Vị thần mun hải đăng trợ trợ  
Trừng mỗi con mắt ngó không gian  
Em trở về em chờ biển đổi  
Trở về em như kim chỉ nam.*

(Hải Phận)

Sau này, nếu tất cả nhân gian đã bị thời gian cuốn đi, ý thức cô đơn nơi Tô Thùy Yên sẽ còn dọi lại như một âm thừa tưởng lạc đến muôn sau. Và những gia tốc vận hành của nhà thơ, ngược thời gian, tìm về tiền thân, rồi cũng sẽ được lưu lại như một thử nghiệm tư tưởng.



May ra, trong một mùa hạn nào đó, Tô Thùy Yên sẽ tìm thấy:

*Ở đâu còn cụm mây hư ảo  
Bay tự ngàn năm trắng cổ thi  
Tưởng tượng ta gom vào hiện kiếp  
Trọn luân hồi ấy, một lần đi.*

### THỤY KHUÊ

Paris tháng 10/1998

(Trích Sóng Từ Trường II, Thụy Khuê, nxb Văn Nghệ, 1998)

\*\*\*\*\*



***Nhà thơ Ngu Yên, nhà văn Song Thao và Tô Thùy Yên***

# NGỰA PHI ĐƯỜNG XA

**\*\* Đặng Tiến \*\***



*Tô Thùy Yên và Đặng Tiến, tháng 5/2016*

... Gần đây và hiện nay, về mặt văn hóa, trong nước đang thảo luận dài dòng về đề tài: truyền thống và hiện đại; dân tộc và thế giới; cái riêng trong cõi chung... Ý hướng tốt: muốn liên minh cái nọ với cái kia, điều hòa cuộc sống dân tộc trong một thế giới đang bước đi những bước khổng lồ.

Thực tế văn hóa, nghệ thuật không rắc rối như vậy. Người nghệ sĩ làm thơ, vẽ tranh một cách hồn nhiên muốn sao làm vậy, rồi tác phẩm của họ nó ra sao còn tùy; dân tộc hay hiện đại là do người xem người đọc. Nếu rung cảm chân thành và sâu sắc thì phải mang đủ hai yếu tố, với phần liều lượng khác nhau.

Nói rằng điều hòa truyền thống với hiện đại, ngày nay trở thành một khẩu hiệu, một cách chào hàng trong thị trường văn hóa. Trong thâm tâm người sản xuất đã có hậu ý đối lập: làm sao cho có bản sắc dân tộc mà vẫn hiện đại; làm sao theo kịp các trào lưu của thế giới mà vẫn giữ truyền thống. Hai chữ “mà vẫn” có tính cách lãnh đạo và tham lam. Mà lãnh đạo và tham lam là phi văn hóa. Người nghệ sĩ chân chính, dù cho bề ngoài phải chịu ức thúc, nhưng trong đáy tâm hồn, trong cõi thâm sâu của sáng tạo, họ là những cá nhân tự do sống và sáng tác với “cái có trong ta” như chữ nghĩa Tô Thùy Yên.

Con người nô lệ, vụ lợi và xu thời, giỏi lắm là nghề nhân hay văn công. Trong thực tế sáng tạo, dân tộc và hiện đại là một đơn vị bất khả phân. Nhà phê bình mỹ thuật Thái Bá Vân, trong một tác phẩm mới in, đã nói chí lí và dũng cảm: “cái khẩu hiệu Dân tộc Hiện đại của văn nghệ chúng ta trong nhiều năm nay là một mệnh đề thiếu chính xác và hoàn chỉnh ngay ở mặt tu từ (...) khẩu hiệu này thiếu cái hàm ý nhân loại trong truyền thống” (tr 58). Trong một bài khác, anh nói thêm “Cũng vậy đối với nghệ thuật bản sắc dân tộc và tính toàn cầu phải được hiểu là một”.(tr 73).

Cần nêu lên tiền đề này trước khi đề cập đến đề tài cục bộ: Tô Thùy Yên, dân tộc và hiện đại, đặt một trường hợp riêng lẻ trong cuộc thảo luận chung của đất nước – dù rằng cuộc thảo luận khép khiêng. Nói khác đi, vấn đề không đặt ra với tôi; với tôi chỉ có thân xác những bài thơ ngoài thời gian và vô quốc tịch; nó là thơ Tô Thùy Yên thế thôi, không dân tộc hiện đại gì ráo. Nhưng với người đọc – người đọc báo chẳng hạn, người viết có nhiệm vụ (và hạnh phúc) phải cập nhật hóa bài viết, trong bối cảnh lý luận rộng lớn hơn, hiện hành trên đất nước.

Tô Thùy Yên đến với văn học Việt Nam ở một giai đoạn mới, mở ra tại miền Nam khoảng 1955-1956. Anh là thanh niên trí thức, đọc nhiều sách báo nước ngoài, trên một mảnh đất mở vào “Thế giới tự do” thì dĩ nhiên tâm hồn và trước tác cũng phải hiện đại: câu thơ, nhịp thơ, hình ảnh, ý tứ trong thơ Tô Thùy Yên minh chứng điều đó, chúng ta không cần đồ họa lời thôi. Cái chính là làm nổi bật tính dân tộc trong thơ Tô Thùy Yên, đã đưa thơ anh đến với một nhân loại muôn đời, vượt qua hàng rào “hiện đại”...

MỜI XEM TOÀN BÀI: [\*\*“NGỰA PHI ĐƯỜNG XA” CỦA ĐẶNG TIẾN\*\*](#)



*Tranh: Nguyễn Khai*



**Đứng: Luân Hoán, Tô Thùy Yên, Phan Ni Tấn, Trần Hoài Thư, Song Thao  
Ngồi: Nguyễn Hữu Chung, Trang Châu**



**Từ trái: Cung Trầm Tưởng, Thanh Tâm Tuyên, Tô Thùy Yên, Cung Tiến**

# Triết trong thơ Tô Thùy Yên

**\*\* VÕ PHIẾN \*\***

(...) Bảo rằng trong thơ Tô Thùy Yên có chủ đề triết lý, bảo thế e chưa thích hợp. Gần như toàn bộ sự nghiệp thi ca của ông là một dấu hỏi khổng lồ nêu lên trước cái bí ẩn muôn đời của vũ trụ. Bí ẩn đó là ám ảnh chủ yếu của đời ông (...)

Đăng tử – cũng như góa phụ, như chim biển bắc – của ông chẳng qua là biểu tượng. Cuộc đi ông nói đây là cuộc đi trong kiếp nhân sinh mờ mịt, không bến bờ không định hướng, cuộc đi bắt đầu từ vạn cổ mà rồi không bao giờ kết thúc, là cuộc “tuần du bất tận”. Sự sống giục giã: gió thổi, chim bay, mây xôn xao, thủy triều sôi réo... Phải lên đường chứ. Nhưng lên đường về đâu?

*“Đến ngã ba, đành theo một lối  
Tiếc ngần không cùng theo lối kia.”* (Đăng Tử)

Ôi, thân phận người đăng tử của Tô Thùy Yên.

Có lần khác ông viết về mối tình ngày nhỏ: “Vườn Hạ”. – Tình xưa, kia, có phải như Tố với Hoàng một đời thiết tha? hoặc giả có phải thân nhau từ thuở bé thơ như Mùi của Siêu chẳng? Vậy thì mùi mãi biết mấy!

– Hừm. Đâu có. Làm gì có sự mãi đối với một người tình không chân dung? Ở đây không có dáng hình kiều diễm nào. Không mặt mũi vóc dáng, không tên tuổi, không có cả một màu áo. Không ai trông thấy giai nhân đâu, ở đây chỉ gặp một nhân vật tàn nhẫn mang tên là Thời Gian.

(...) Cái yêu (...) không là chủ yếu (...) ông (...) suy tưởng buồn rầu về chuyện “mai kia một nợ”. Khiếp, cái mai một nghĩ mà kinh. Mai một anh về:

*“Hỏi em, em lấy chồng xa xứ  
Hỏi bạn, bạn lia quê bất tin.”*

Không còn bạn, không còn tình, ông chiêu hồn tuổi dại, ông lay gọi:

*“Thơ ấu, dậy đi, mừng dụi mắt  
Cùng anh chạy nhảy tiếp thời vui.”*

Thời vui, anh với em đá gà bằng cổ xươt, đùa giỡn la rân dưới mưa, lăn vòng, đá bong bóng nước v.v. Nhưng mai một không ai còn có thể chạy nhảy tiếp một thời vui. Không

ai tiếp được cái gì nữa cả. Thời gian xóa hết. Cái chân dung nghìn mặt của Thời Gian có những nét đáng hãi:

*“Trời cao mỗi mắt, chòm mây bạc  
Thăm thẳm trưa, thời gian chết xanh  
Ngoài quặng chói chang hư ảo múa  
Dường như ai réo ấu danh anh (...)*

*(...) Nằm đây phủ sáng hằng hà sao  
Nghe thủy triều lui bực bực sâu  
Nghe tiếng mõ chùa khô khóc khóc  
U minh ngày tháng bóng lao đao (...)*

*(...) Cây cối càng sừng vết chặt lời  
Chờ nhau cho đáng kiếp chờ thôi  
Tuổi già gom lại bao thương tưởng  
Như cuối vườn chiều mót củi rơi.” (Vườn Hạ)*

Giữa cái vui hôm nay với cái buồn mai kia một nọ, sự thay đổi khiến ta liên tưởng đến cảnh Hồng lâu mộng. Mới ngày nào, một cậu bé trên mười tuổi giữa cái xô xao của đám đông đảo hàng bốn trăm rưởi nhân vật, đa số là đàn bà con gái thơm tho xinh đẹp, nói cười ríu rít, quần quít yêu thương. Rồi chẳng mấy chốc, xuân chưa qua hạ chưa đến, mà tan tác đã xảy ra (...)

(...) một lần khác, Tô Thùy Yên làm thơ về đảo Trường Sa. – Ờ ờ, ông đi nhiều mà. Gặp cảnh đẹp ông dừng chân hứng bút đề thơ, bốn câu ba vắn, hay tám câu năm vắn chứ gì?

– Nói vậy sai lắm, sai quá lắm. Đừng nói với ông làm chi chuyện đẹp với không đẹp, chuyện ngấm với nghĩa. Ông đến đây, trong lòng trong trí bạn bao nhiêu cái khác. Ông thắc mắc hỏi han:

*“Mùa đông bắc, gió miên man thổi  
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa  
Ta hỏi han hề Hiu Quạnh Lớn  
Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngờ.”*

Ông tủi hổ về sự nhỏ nhoi của kiếp người; ông muốn cùng bể khơi cùng khóc:

*“Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế  
Hữu hạn nào không tủi nhỏ nhoi  
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ  
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời.” (Trường Sa Hành)*



Ở Trường Sa, cũng như ở phá Tam Giang, và có lẽ ở động Hương Tích, ở đỉnh đèo Ngang hay ở Động Đình hồ cũng thế thôi, ông không có thái độ thường ngoạn; thái độ ông vượt ra ngoài sự bận tâm về cái đẹp xấu:

*“Chiều trên phá Tam giang  
Có gã hề cuồng buông tiếng cười lạnh rợn  
Khiến bầy ác thú mà lịch sử sanh cầm cũng  
chợt hãi hùng  
Dón dác ngó.”* (Chiều Trên Phá Tam Giang)

Ở Trường Sa, cũng như ở phá Tam Giang, và ngay những khi không đi đến đảo xa phá rộng nào cả, đến chốn đại dương mênh mông hay trước sóng to gió lớn nào cả, ngay một buổi sáng như mọi buổi sáng, ngồi trước ngôi nhà ở làng quê, ông cũng nghe được cái ít người nghe: cái cựa quậy của đất trời:

*“Ta ngồi trước ngõ nghe xao động  
Trời đất bào thai cựa cựa nhanh  
Mầm cỏ nhol nhol lên rạo rục  
Con chim chèo bẻo hót lạnh chanh.”*

Rồi đứng lên đi loanh quanh, gặp dăm ba người làng, ông cũng nói được cái ít người nói trong những dịp ấy: ý nghĩa đời người.

*“Ta ngồi cho đến khi trời trắng  
Đồng ruộng xanh đông đúc tiếng người  
Ta rảo quanh làng hóng chuyện phiếm  
Đời người cũng chuyện phiếm mà thôi.”*

Và ngộ nhất là dẫu không làm gì cả: không đi không ngồi không nghe không nói gì cả, chỉ có hoặc nhìn một ngọn cỏ, hoặc chỉ thờ, chỉ sống không thôi, ông vẫn có dịp đề cập đến tận vấn đề rốt ráo của nhân sinh:

*“Gặp buổi trời mưa bay phới phới  
Lá cành sáng rỡ sắc hời xuân  
Ta nhìn ngọn cỏ, lòng mê mẩn  
Nghĩ tới đời ràn rụa thâm ân  
Sống trên đời, chuyện ghé góm qua  
Vậy mà ta sống có kỳ không?  
Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới  
Những người đã chết, chết như rơm...”* (Hề, Ta Trở Lại Gian Nhà Cỏ)

Ông Tô Thùy Yên! Giá Thượng Đế mà biết được trong vô vàn chúng sinh có những đứa sống đầy ý thức như thế, không một phút giây nào không chăm chú từng hiện tượng lạ lùng của cuộc sống, không thấp thỏm ngạc nhiên, có đứa sống một cuộc sống đầy thao thức sáng tạo như thế, chắc Thượng Đế không khỏi thêm hãnh diện về công trình của mình, và chắc chắn Người... yêu ông biết chừng nào (...)

(...) “Cây dừa ngất gió trùng điệp” gọi ông một “kiếp đau dài” (Trường Sa Hành); “gốc cây nứt nở vỡ” nói với ông “bao điều thâm lặng lớn” mà “trí ta không đủ lực đo lường” (Hè, Ta Trở Lại Gian Nhà Cỏ); góa phụ khóc chồng, ông kêu “em khóc làm chi lẽ diệt sinh”; tiếng con chó tru ông thấy “thăm thẳm ngậy thiên địa”; gái góa tìm chồng không phải tìm trong vườn ngoài nội mà là... “chạy tìm anh ngoài cõi gió”... Tâm hồn ông tưởng chừng có kích thước vũ trụ (...)

(...) Ông (...) hàng ngày ra vào cửa sinh cửa tử, đàm đạo với khí Âm khí Dương, chuyện trò với cái Vô Cùng cái Bất Tận v.v... Trông cây dừa ông không chỉ thấy cây dừa, nhìn gốc cây ông không chỉ thấy gốc cây, nghe chó tru không chỉ nghe chó tru v.v. Những hình ảnh âm thanh nọ còn là những ký hiệu, để ông đọc cái nghĩa đời, ông đọc ra lời nói của Thượng Đế, đọc những tiết lộ về bí nhiệm của cuộc sống. Thơ ông là thế. Không sao? Thơ ông là thế, là triết đấy. Thơ ông là triết, nhưng ông không phải là triết gia. Theo cái nghĩa một đấng suy tư, theo cái hình ảnh một kẻ sói đầu, khắc khổ miệt mài. Nếu miễn cưỡng phải là triết gia, ông là thứ triết gia ràn rụa nước mắt, triết gia héo hắt tâm can. Ông không vắt óc nghĩ ra tư tưởng; ông cảm xúc triết lý, bằng tấm lòng, bằng ngũ quan. Cái triết này không tháp ngà tháp ngiệp gì. Không tháp, không đền, cũng không phải thành hình từ trong phòng, trong liêu, trong am, trong động, trong hang nào cả. Những câu hỏi của Tô Thùy Yên đặt ra là đặt giữa trời đất bao la, giữa bể khơi ầm ĩ, giữa phá rộng sông dài, đặt ở ngã ba sông, ở mép nước lao xao lính tráng một chiều dừng quân, đặt giữa súng ống ngồn ngang, thân người chồng chất v.v. Giữa dòng đời tấp nập, giữa sinh hoạt náo nhiệt... (...)

(...)

(...) bản khoản siêu hình là chủ yếu trong thơ Tô Thùy Yên, ngay từ lúc bắt đầu, từ những ngày ông còn rất trẻ (...)

## VỖ PHIẾN

(Trích từ bài nhận định về thơ Tô Thùy Yên trong bộ sách Văn học Miền Nam)



***Ngồi, từ trái: ÔB Nghiêu Đề, Võ Phiến, Tô Thùy Yên.  
Đứng: ÔB Trúc Chi Tôn Thất Kỳ***



***Tô Thùy Yên / phòng tranh Nguyễn Đình Thuận & Đình Cường  
Houston, Texas – tháng 1, 2008***

# Tô Thùy Yên và những bài thơ viết trong tù

\*\* PHẠM TÍN AN NINH \*\*

Một người dốt đặc về thơ phú như tôi mà lại từng được làm bạn và lạm bàn về thơ cùng với một nhà thơ nổi danh như Tô Thùy Yên thì đúng là chuyện lạ. Cho dù đó là chuyện ở trong tù. Vì vậy, khi biết tin anh qua đời, một số bạn tù khuyên tôi nên viết một bài để tưởng niệm anh, nhưng tôi không dám. Vì thấy rất nhiều nhà văn nhà thơ tên tuổi bậc thầy đã viết về anh, hơn nữa tôi ngại người đời thường dị nghị chuyện “thấy người sang bắt quàng làm họ.” Hôm nay nhân ngày giỗ lần thứ ba của anh (\*), theo tập tục Việt nam, là ngày chính thức mãn tang anh, tôi xin viết đôi điều để tưởng nhớ anh và nhắc lại vài kỷ niệm cùng anh trong tù.

Khi còn ngoài Bắc, có thời gian tôi đã từng ở chung trại tù với anh Đinh Thành Tiên (tên khai sinh của Tô Thùy Yên), nhưng khác đội, lúc ấy chưa biết nhiều về anh và cũng chưa có dịp thân quen anh. Mãi đến tháng 9 năm 1981, chuyển vào Nam, đến Trại Z-30 C Hàm Tân, anh và tôi được “biên chế” ở cùng một đội, và nắm gần nhau trong gần hai năm, cho đến khi tôi ra tù. Đặc biệt trong đội này có cả anh Đặng Trần Huân, cũng nằm cách chúng tôi vài ba người. Và tôi được hân hạnh thân thiết với cả hai. Khi ấy, tôi biết danh anh Đặng Trần Huân hơn là anh Đinh Thành Tiên, vì quanh năm hành quân trong núi rừng, chưa có cơ hội được đọc nhiều thơ Tô Thùy Yên, chỉ biết mỗi bài *Chiều Trên Phá Tam Giang* được phổ nhạc và loáng thoáng chuyện tình giữa anh và nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ. Riêng anh Đặng Trần Huân thì có nhiều chuyện vui trên báo Chiến Sĩ Cộng Hòa, và “*Chuyện Cắm Đàn Bà*” mà tôi thường đọc. Cả hai anh đều lớn tuổi hơn tôi, và sau khi biết cha tôi bị chết ở một trại tù khác trong Nam, vợ con nheo nhóc, tôi trở thành một trong những con bà Phước trong tù nên hai anh đều thương quý tôi. Nằm bên cạnh anh Tô Thùy Yên, nên tôi thường được anh đọc cho nghe những đoạn thơ anh ứng khẩu hay sáng tác. Anh có thói quen làm bài thơ nào cũng dài. Bất cứ lúc nào, ngay cả khi đang phải lao động, anh thì thầm ứng khẩu một vài câu hay vài đoạn, đến tối nằm đọc lại, ghi vào tờ giấy nhỏ để sau đó ghép thành một bài dài. Có khi cả năm mới đủ một bài. Nghe anh thì thầm những câu thơ anh viết, thét rồi tôi thuộc lòng và còn nhớ hơn cả chính anh.

Tôi dốt về thơ nhưng lại có tính mê thơ từ nhỏ. Vì vậy có nhiều khi anh quên, tôi có nhiệm vụ phải nhắc bài thơ đã đến đâu rồi, để anh tiếp tục. Anh làm thơ trong trí, lẩm bẩm một mình, đọc cho tôi nghe, rồi chép vội vào một mảnh giấy nhỏ, nhét ở đâu đó. Thịnh thoảng anh nhờ tôi giữ hộ một số. Có lần anh bỏ vào cuốn tự điển Anh-Việt được gia đình thăm nuôi, nguy trang bằng cái bìa của cuốn truyện “Thép Đã Tôi Thê Đây” nên qua mắt được gã công an kiểm soát. Anh học Anh văn bằng cách say sưa đọc cuốn sách gối đầu giường của người cộng sản, tác phẩm nổi tiếng của văn hào Nga Nikolai

A. Ostrovsky, nhưng kỳ thực, chỉ có cái bìa, còn cả phần ruột là cuốn tự điển Anh – Việt của tác giả Nguyễn Văn Khôn. Có một lần không may, bất ngờ cả trại bị khám xét “đột xuất”. Các tù nhân có lệnh mang theo tất cả tư trang ra ngoài sân để chuyển trại. Một tên công an lục lọi đủ mọi thứ, khám phá cuốn sách mang tên “Thép đã tôi thế đấy” lại là cuốn sách toàn chữ của “đế quốc Mỹ”, và trong cuốn sách còn có cả mấy mẫu giấy có vài câu thơ “phản động” nên anh bị cầm hơn hai tuần. Cuốn sách và mấy bài thơ, tất nhiên bị tịch thu.

Hôm mới được thả về đội, anh yếu và mệt quá, thêm một chút “phản kháng” nữa, nên anh dặn tôi, khuya này, khi nào nghe anh rên thì tôi hô to ‘cấp cứu, có tù bệnh đột xuất’. Lúc ấy người phụ trách trạm xá là Bác sĩ Anh, nguyên là Y sĩ Thiều Tá bị bắt trong vụ nhà thờ Vinh Sơn sau 1975, kêu án 30 năm tù. Nghe nói là ông có một ông anh lại là Trung Tá Bác sĩ Công An CS, nên bảo lãnh để được ra làm ở trạm xá thay vì phải lao động. Dường như Bác sĩ Anh là bạn khá thân với anh Đinh Thành Tiên trước kia, nên hai người có hẹn nhau, nếu khi nào anh Tiên gọi cấp cứu thì bác sĩ Anh đến khám và cho lên bệnh xá nằm vài hôm, khỏi phải đi lao động. Anh được ban cho cái bệnh loét bao tử. Đây cũng là dịp để anh thoải mái làm thơ. Chỉ có tôi là người duy nhất biết được giao kèo bí mật này, nên khi anh Tiên kéo tay tôi và bắt đầu rên là tôi hô to “Cấp cứu! Cấp Cứu! Có tù bị bệnh đột xuất”. Và lần nào, đám công an cũng đưa Bs Anh đến khám và cho kiêng anh về trạm xá! Bác sĩ Anh là một bác sĩ giỏi, một con người khảng khái, tư cách và rất hết lòng với anh em.

Trong những bài thơ anh viết, bài mà tôi thuộc lòng và thích nhất đó là bài “*Tháng Chạp Buồn*”. Anh viết mấy đoạn đầu của bài thơ này vào giữa tháng Chạp năm 1981, mãi đến tháng Chạp năm 1982 anh mới viết xong mấy đoạn cuối (tức là khi đã ở tù hơn tám năm, nhưng sau này có bài được viết là chín năm). Anh đọc và giải thích từng câu, từng đoạn trong bài thơ cho tôi nghe. Có những câu tôi rất tâm đắc, như: “*Tám năm áo rách bao nhiêu lượt, con và chồng lên những nỗi niềm*”, nhưng cũng có đôi câu tôi dốt nên không hiểu, như “*Cha mẹ già như trúc trở bông*”, nhờ anh giải thích tôi mới biết khi trúc trở bông là trúc sắp chết. Tôi nỗ lực sự hiểu biết, tài làm thơ của anh và rất cảm động khi đọc bài thơ anh viết, bởi câu nào cũng mang đầy tâm trạng của anh mà cũng của chính tôi và những người bạn tù khác nữa. Anh bảo viết bài thơ này tặng tôi. Và anh tặng thật. Anh viết vào một mảnh giấy được xếp thật nhỏ với chữ cũng thật nhỏ đầy kín cả hai mặt. Chữ anh viết khá đẹp. Mảnh giấy xếp nhỏ có thể kẹp giữa hai ngón tay. Khi nghe báo tin tôi được ra tù, anh mừng cho tôi, nhưng tôi cũng nhận ra nét thoáng buồn trong mắt anh, vì từ nay sẽ mất thằng bạn tù anh xem như thằng em thân thiết, từng lắng nghe và thuộc những bài thơ mang cả nỗi lòng anh. Biết tôi đã thuộc nằm lòng, anh vẫn bảo cố giấu mảnh giấy có chép bài thơ mang về làm kỷ niệm, vì khá dài nên cũng chóng quên. Nhưng khi lên ban chỉ huy trại xếp hàng chờ lãnh tám giấy ra trại, thấy mấy anh bạn tù phía trước bị khám xét kỹ quá, tôi nhát gan, vội bỏ mảnh giấy vào

miệng nhai nát rồi nuốt vào cái dạ dày đang đói. Khi về đến nhà, tôi liền ngồi viết lại cả bài thơ và đưa cho vợ tôi đọc. Nàng rơm rớm nước mắt.

Khi biết tin anh đến Mỹ, tôi đang định cư ở Na Uy, nên nhờ cô con gái lớn đang sang học ở Cali liên lạc tìm thăm anh. Anh vui lắm. Từ đó anh em thường liên lạc thăm nhau. Anh nhắc tôi chuyện anh nhờ tôi gọi cấp cứu trong tù để hai anh em phỉ cười. Tôi chép lại bài thơ “*Tháng Chạp Buồn*” gửi cho anh, vì anh cho biết đã không còn nhớ chính xác một vài câu “nguyên tác” trong đó.

### THÁNG CHẠP BUỒN

Tết này con vẫn chưa về được  
Chân mỗi còn lê nặng kiếp tù  
Con nghĩ mà đau muôn nỗi nhớ  
Tám năm lòng bạc những thiên thu

Tám năm những tưởng là vô tận  
Rồi cũng qua như tiếng rặng rời ...  
Thương nhớ nghe chừng sông biển cạn  
Nghe chừng gãy những cánh chim bay

Con đi đã mấy miền Nam Bắc  
Đâu cũng thì đau đớn giống nòi  
Con khóc hồn tan thành nước mắt  
Lâu rồi trời đất hết ban mai

Tuổi con đã quá thời nghi hoặc  
Sao vẫn như người đi giữa đêm  
Tám năm áo rách bao nhiêu lượt  
Con vá chùng lên những nỗi niềm

Con nhớ cội mai già trước ngõ  
Xuân này có gắng gượng ra hoa  
Xót xa thế, thiết tha là thế  
Đời mất đi từng mảng thịt da

Căn nhà đã có thời gian ngụ  
Bụi mọt rơi và ngọn gió qua  
Thăm thẳm nghìn đêm chong mắt đợi  
Ai trầm luân đó đã về chưa?

Con nhớ khu vườn sau vắng lạnh  
Mỗi cây làm chứng một thâm tình  
Quây quần bên mẹ cha buồn bã  
Như một phần con đứng lặng thình

Tám năm con thức ngàn đêm trắng  
Mơ sáng ngày mai đời đổi thay  
Con nắm tay mình trong bóng tối  
Hiểu rằng sống được cũng là may

Tám năm con giấu trong tâm tưởng  
Thanh kiếm giang hồ thuở thiếu niên  
Mà đợi ngày mai trời trở giắc  
Dem thân làm trận lốc kinh thiên

Tết này con vẫn chưa về được  
Sông núi còn ngăn những tấm lòng  
Nên đành lầy nhớ thương mừng tuổi  
Cha mẹ già như trúc trở bông  
\* \* \*

Tết này anh vẫn chưa về được  
Chắc hẳn em buồn như cỏ thu  
Ngọn gió mùa xưa hiu hắt thổi  
Dòng đời nghe lạnh nỗi thờ ơ

Tám năm hiu quạnh vắng mồn mõi  
Những tiếng vang từ mỗi nhịp tim  
Những tiếng vang sâu từ cõi chết  
Qua ngàn lớp cửa nặng nề im

Con sông nước chảy đôi miền nhớ  
Biền biệt trôi, ngày một một xa  
Còn gọi nhau qua từng giấc mộng  
Bàng hoàng như một cánh chim sa

Trong ấy mùa xuân có đến không?  
Mùa xuân hoa nở má em hồng  
Mùa xuân áo mới như hy vọng  
Nắng mặt trời lên ánh mắt trong

Ở đây có lẽ xuân không đến  
Rừng núi chưa tan giấc nã nề  
Thương nhớ tràn như con lũ máu  
Lòng anh đã vỡ những con đê

Lòng anh đau nỗi quê hương mất  
Đời bỏ đi chưa hả nhục nhằn  
Có chết cũng thành ma vất vưởng  
Đêm về thương khóc nhớ quê hương

Anh nhớ con đường em vẫn đi  
Cỏ hoa bồi rối gọi nhau về  
Thời gian có ngủ mê từ đó  
Nhan sắc bây giờ có ủ ê ?

Anh nhớ bao điều tưởng đã quên  
Tình xưa như nước chảy trăm miền  
Tình xưa như hạt cây khô rụng  
Từ những mùa xa lá phủ lên

Anh nhớ làm sao mà chẳng nhớ  
Căn nhà âm tiếng nói thân thương  
Căn nhà như giấc chiêm bao biếc  
Có ánh trăng và hương dạ lan

Làm sao em chẳng buồn cho được  
Tám độ mai rơi hết mộng vàng  
Mái tóc ủ thời con gái cũ  
Bây giờ e cũng đã phai hương

Tết này anh vẫn chưa về được  
Lau sậy già thêm một tuổi xuân  
Còn nhớ thương ai miền gió cát  
Bao giờ mới dứt được trầm luân!

\* \* \*

Tết này cha vẫn chưa về được  
Chắc hẳn con buồn cạn tuổi thơ  
Từ buổi cha đi, nhà tróc nóc  
Tuổi thơ thôi cũng nhuộm bơ phờ

Từ buổi cha đi đời lặng lẽ  
Mắt nai héo đỏ nỗi mong chờ  
Mỗi lần có khách đi vào ngõ  
Con bỏ vui đùa đứng ngẩn ngờ

Con sáo trong lòng con đã chết  
Bé ơi sao bé mãi đi tìm  
Con kêu lạc giọng ơi... ơi... sáo  
Rồi khóc trong chiều muộn nhá nhem

Tám năm mưa gió qua rền rĩ  
Chim nhỏ không còn vui líu lo  
Ngơ ngác tuổi thơ người lớn sớm  
Nhìn đâu cũng chỉ thấy bơ vơ

Đã tám năm rồi con bỏ học  
Cuộc đời như một bát cơm thiêu  
Mỗi lần có phải qua trường cũ  
Con bước nhanh vì sợ bạn kêu

Lần hồi rau cháo mẹ nuôi con  
Con lớn lên theo vụn nỗi buồn  
Mơ ước ngày sau làm tráng sĩ  
Đem thân vào những chốn đau thương

Ngày sau con dựng ngôi nhà lớn  
Trồng lại tình thương dọc nẻo đời  
Tạc lại con người khô liệt đẹp  
Làm nên thế giới mới tinh khôi

Cha thương con biết bao mà kể  
Ôi mắt nhung reo ánh nổi niềm  
Mái tóc tơ hồng hương nắng hạ  
Tuổi thơ mùi sách mới lằng lằng

Xa con cha thấy buồn vô hạn  
Như mất thêm lần nữa tuổi thơ  
Cha tiếc không cùng con sống lại  
Ngày vui cha vẫn giấu trong mơ

Ôi cánh điều băng mùa hạ cũ  
Xương tàn còn đọng ngọn tre cao  
Đến nay trời nổi bao lần gió  
Con tưởng oan hồn vật vã đau

Tết này cha vẫn chưa về được  
Đành hẹn cùng con tết khác thôi  
Con nhớ để dành cây pháo cũ  
Để dành một chút tuổi thơ vui.

### Tô Thùy Yên

Sau này, bài thơ TA VỀ, anh viết khi ra tù, đã trở thành một tuyệt tác, đưa tên tuổi anh lên tột đỉnh thi ca. Bài thơ mà gần như người Việt khắp thế giới đều biết đến, ngay một vài tờ báo văn nghệ trong nước cũng đã đăng tải, bình phẩm và ngợi ca. Bài thơ rất dài, nhưng nhiều người thuộc nằm lòng, chỉ cần nhắc đến một vài chữ, như “*cám ơn hoa đã vì ta nở*”... là biết ngay đến Tô Thùy Yên. Nhưng với tôi, bài thơ “*Tháng Chạp Buồn*” lại gây cho tôi nhiều xúc động hơn, không chỉ nó mang nhiều tâm trạng của “*tám năm áo rách bao nhiêu lượt, tôi vá chồng lên những nỗi niềm*” mà còn gợi lại nhiều kỷ niệm gắn bó giữa anh Tô Thùy Yên và cá nhân tôi trong những năm tù ngục.

Trong tù, anh có kể cho tôi nghe cuộc tình của anh với nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ. Anh cũng tỏ ra ân hận và thấy có lỗi với cả hai người đàn bà, chị Nguyễn Thị Thụy Vũ và chị Huỳnh Diệu Bích, người vợ chính thức mà anh hết lời ca ngợi. Cuộc tình này đã gây cho anh khá nhiều tai tiếng và cũng để lại nhiều dấu vết trong anh.

Anh Đặng Trần Huân lớn hơn anh Đinh Thành Tiên mười tuổi, khi ấy tóc đã bạc trắng, cùng phục vụ trong Tổng Cục CTCT nhưng người Bắc người Nam, khác tính nhau và dường như không mấy thân nhau. Tô Thùy Yên thì trầm ngâm, ít nói, còn Đặng Trần Huân thì thường vui đùa, bỡn cợt. Khi tâm tình với tôi, anh Đặng Trần Huân cũng thường có ý trách anh Tô Thùy Yên về chuyện Nguyễn Thị Thụy Vũ. Tôi vừa đùa vừa bênh vực: *tình của giới văn nghệ mà, nên thông cảm, bố ạ!* Tôi thường gọi anh Đặng Trần Huân là bố và anh cũng xưng bố với tôi. Vì có lần anh đùa, bảo “bố có cô con gái út chưa chồng, nếu mai này mày ra tù mà vợ đã lấy chồng khác tao sẽ gả nó cho mày!” (xin lỗi cô gái út, nếu đọc được mấy dòng này)



Cả hai anh đều sang Mỹ cùng gia đình theo diện HO. Anh Đặng Trần Huân mất vào năm 2003 tại Nam Cali, sau khi sinh hoạt báo chí, văn nghệ một thời gian. Anh Tô Thùy Yên thì nổi tiếng với bài thơ *Ta Về*, nhưng không còn sáng tác nhiều. Chỉ ra mắt duy nhất tập thơ "*Thấp Tạ*".

Đọc tập thơ anh gửi tặng, tôi nghĩ có lẽ đây là một kết thúc, khi ở đầu tập thơ anh viết:

*Thấp tạ càn khôn một vô ích  
Thấp tạ nhân quần một luyến thương  
Và*

*Thức cho xong bài thơ  
Mai sớm ra đi  
Cài hờ lên cửa tặng*

Tôi gọi sang cảm ơn anh và đùa:

*Đọc tập thơ này có nhiều câu em không hiểu được. Vả lại, ông anh còn yêu đời quá mà "thấp tạ" làm chi sớm vậy?*

Tập thơ xuất bản năm 2004, mãi đến mười lăm năm sau, ngày 21 tháng 5 năm 2019, nhà thơ Tô Thùy Yên mới ra đi. Và đúng là anh cũng đã yêu đời thật, khi trải qua một cuộc tình đẹp đầy tính văn nghệ với một cô con gái trẻ, mê thơ và ngưỡng mộ anh!

Rồi mọi người sẽ nhớ tới anh, nhớ mãi thơ anh. Bài thơ *Ta Về* sẽ trở thành bất tử. Riêng tôi sẽ không thể nào quên người anh, bạn tù, một nhà thơ lớn, có tâm hồn, lãng mạn, nhưng luôn khí khái, đã cho tôi nhiều kỷ niệm dễ thương, thi vị ngay trong cảnh khốn cùng nhất của kiếp con người.



**Phạm Tín An Ninh** - Bắc Âu, 21.5.2022

(\*) Tô Thùy Yên mất ngày 21 tháng 5, 2019

# TÔ THÙY YÊN, NHÌN GẦN

## SONG THAO

Tôi không đủ gần nhiều với anh Tô Thùy Yên để nhìn gần vào anh nhưng vẫn cảm thấy gần. Thứ tôi gần anh nhất có lẽ là tôi cùng tuổi với anh. Và anh Hoàng Ngọc Biên. Hai anh cùng bắt đầu cuộc hít thở không khí với tôi đã rủ nhau ra đi. Cách nhau chưa tới một tuần. Anh Biên ngày 16/5, anh Yên ngày 21/5. Tôi chỉ gặp sơ sơ anh Hoàng Ngọc Biên một vài lần khi còn ở Sài Gòn. Hình như chưa hề nói chuyện thẳng với nhau ngoài câu chào hỏi xã giao. Vậy nên gần thì chỉ gần anh bạn đồng tuế Tô Thùy Yên.

Anh Tô Thùy Yên qua Montreal hai lần. Toàn vì chuyện cưới hỏi. Lần trước anh qua dự đám cưới con gái anh Luân Hoán. Lúc đó vì là lần đầu gặp anh nên tôi cũng hơi e dè. Tôi vốn thích thơ của anh nên tự đặt mình vào địa vị độc giả. Cảm thấy hân hạnh có dịp may diện kiến anh tuy cả hai cùng lên đồ lớn, ngồi bành chèo cùng bàn.

Lần thứ hai anh qua Montreal tổ chức đám cưới cho con gái lớn Quỳnh Giao của anh. Chuyện cũng ngộ. Cả gia đình anh ở Texas nhưng lại cưới ở Montreal vì chú rể là con dân Montreal. Gia đình anh qua đông đủ, thuê cả một căn nhà lớn trên đường Langelier để trú ngụ trong thời gian lưu lại Montreal. Gọi là lớn nhưng cũng chỉ hơn chục người. Thấy lực lượng quân ta hơi khiêm nhường, anh hú các bạn văn. Vậy là bên nhà gái toàn những anh đực rựa địa phương như Trang Châu, Lưu Nguyễn, Luân Hoán, Hoàng Xuân Sơn, Hồ Đình Nghiêm. Không biết còn ai nữa mà tôi không nhớ. Lâu quá rồi. Đó là năm 2003. Cũng may anh em Montreal ai cũng có gia đình nên kéo theo được một đám rờ-mọt tươi mát cho ra về một đám cưới. Nhưng đám bạn văn từ Boston qua tiếp viện thì toàn loại com-lê cà-vạt. Thành ra nhà gái vẫn đông nam nhân hơn. Tôi nhớ có Phan Xuân Sinh, Trần Doãn Nho, Đặng Phùng Quân, Lâm Chương. Trí nhớ cùn mềng của tôi chỉ vận dụng được đến vậy nhưng số người từ Boston qua đông lắm. Đủ để chúng tôi thì thà thì thọt ra họp bạn ngoài sân nhà hàng trong lúc bên trong vẫn...cưới. Sau đó có màn hậu đám cưới, một cuộc tao ngộ lý thú và bất ngờ.

Nói tới thơ Tô Thùy Yên là phải...ta về. Mà “Ta Về” phải qua giọng ngâm của Phan Dục mới tỏa ra hết cái trầm hùng của những câu ma mị. Bữa đó có Phan Dục nhưng chị lại giữ phần MC chứ không ngâm thơ. Bên cạnh “Ta Về”, một bài nổi tiếng khác của nhà thơ là bài “Chiều Trên Phá Tam Giang”. Nhiều câu nhức tim các độc giả thanh niên thời đó. *Giờ này có thể trời đang nắng / Em rời thư viện đi rong chơi / Dưới đôi vòm cây ủ yên tĩnh / Viên dòng trời ngọc thạch len trôi / Nghĩ tới ngày thi tương lai thúc hối / Căn phòng cao ốc vàng võ ánh đèn / Quyển sách mở sâu đêm.* Hầu như lớp độc giả trẻ không ai không biết tới bài này. Một phần họ biết là vì bài thơ đã được phổ nhạc và bài nhạc này rất ăn khách. Ra rả hát trên đường phố. Cách nổi tiếng như vậy không làm

hài lòng nhà thơ. Vậy mà bữa đó, anh con trai của Tô Thùy Yên lên hát bài nhạc đó. Trước khi hát anh còn mắm muối là anh biết bài này thân phụ anh không muốn nghe nhưng anh vẫn hát, để giỡn chơi với...cha già!

Năm 2005, anh Tô Thùy Yên vẫn chưa già. Lúc đó anh và tôi mới 66 tuổi. Tôi vừa về hưu nên chân bắt đầu chạy. Một trong những nơi tôi tới là Houston. Anh Tô Thùy Yên đón tiếp tôi rất nồng nhiệt. Trong suốt thời gian ở Houston, anh lái xe đưa tôi đi khắp nơi. Anh làm thơ thì không chèn vào đâu được nhưng lái xe thì quả thật không thể khen được. Chiếc xe chạy cà giạt cà giạt rất hại tim. Anh chăm hăm tay lái thấy tội nhưng luôn tươi cười đưa tôi đi chỗ nọ chỗ kia. Chỗ đêm đêm anh thường đưa tôi tới là một tiệm cà phê bánh ngọt tây. Hình như là tiệm Marguerite (ôi trí nhớ!). Anh đưa tôi tới gặp anh Doãn Quốc Sỹ. Lúc đó anh Doãn còn ở Houston và rất khỏe mạnh. Anh đưa tôi đến nhà chị Hàn Song Tường khi chị tổ chức mừng hai năm tờ Gió Vãn, một tờ báo do toàn các nhà văn nữ chủ trương. Tờ báo nay không còn, chị Hàn Song Tường nay cũng đã đi xa.

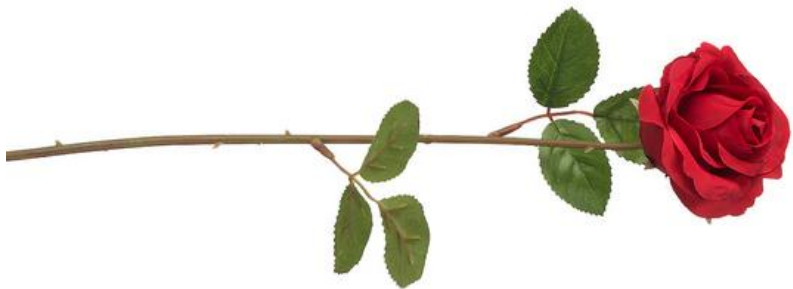


Anh Tô Thùy Yên cũng đã đi xa. Tôi có một điều ân hận. Mới đây tôi có kiếm ra được hai câu thơ của anh: Ta rảo quanh làng hóng chuyện phiếm / Đời người cũng chuyện phiếm mà thôi. Phiếm là nghề của tôi nên tôi khoái quá, bê luôn vào trang đầu của cuốn Phiếm 22, xuất bản cuối năm 2018. Lòng dặn lòng là sẽ phôn qua anh khi anh ra khỏi bệnh viện. Tới nay vẫn chưa phôn được cho anh. Đành nhắc lại đây mấy câu thơ của anh, để tiễn anh:

Đi như đi lạc trong trời đất,  
Thủy tận sơn cùng, xí xóa ta.  
Cõi chiều, đứng lại, khóc như liều:  
Có thật là ta đã đi xa?

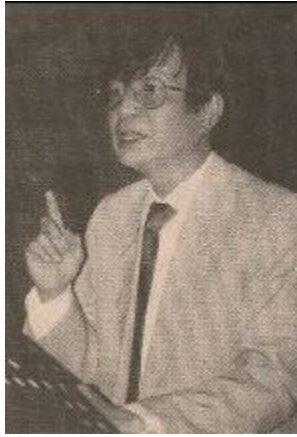
**SONG THAO**

05/2019



# Nói Về Thơ, Người Làm Thơ và Người Đọc Thơ

**\*\* TÔ THÙY YÊN \*\***



***Nhà thơ Tô Thùy Yên đang nói chuyện tại buổi ra mắt sách tại Houston  
(Ảnh Nguyễn Hoàng Nam)***

*LTS: Trong dịp ra mắt tuyển tập thơ Tô Thùy Yên tại nhà hàng Song Long ở Houston vào tối 9 tháng 3-1996, nhà thơ Tô Thùy Yên, từ Minnesota xuống, đã nói chuyện về sáng tạo và thưởng ngoạn mà sau đó ông dành cho NGÀY NAY được đăng tải nguyên văn dưới đây.)*

Trong phần mở đầu, sau khi cảm ơn gần 200 quan khách và thân hữu hiện diện, ông nói “Ban Tổ Chức buổi ra mắt sách hôm nay đã dành cho tôi một vinh dự lớn lao được đứng nơi đây trong tư cách một người làm thơ để nói về thơ. Thực sự, tôi hoàn toàn không dám nghĩ rằng tấm thịnh tình của quý vị, của các bạn được dành riêng cho cá nhân tôi, dành riêng cho thơ tôi, mà tôi chỉ dám nghĩ rằng tấm thịnh tình đó được dành cho thơ, thơ nói chung, thơ của mọi người làm thơ và đọc thơ, thơ như một điều gì đó rất đổi thiết thân nhưng cũng cực kỳ xa lạ của đời sống.”

Phải, từ bao giờ, cổ lỗ từ lúc hồn thơ bắt đầu phát sinh trong tâm thức con người, cùng với sự sáng tạo thần kỳ của tiếng nói, dường như thơ luôn luôn bị người đời trong một định kiến hết sức oan uổng cho thơ, hoặc ruồng rẫy rúng nó đến độ tưởng như nó không hề hiện hữu, hoặc lưu đầy quản thúc nó vào một cõi vô thức, hão huyền dành riêng cho một số ít tâm hồn bị nguyên rửa nào đó lui tới.

Thơ như một đứa con chẳng trông nhờ gì được của người cha mù lòa quờ quạng là đời sống không ngừng hoài vọng tìm gặp cho được một lần những giải đáp soi sáng niềm bí ẩn lớn lao đời đời bao quanh nó, ở trong nó.

Giữa đời sống và thơ, từ bao giờ dường như đã có một khoảng cách xa vời chẳng thể thu ngắn, người đọc đến với cõi thơ luôn luôn có cảm tưởng mơ hồ đã phải tạm thời tách lìa thế giới thực tại vây bủa, thơ mặc nhiên bị coi như ngày nghỉ xả hơi nào đó của trí não tù hãm, u trệ, như một khác thường đôi lúc xảy ra của đời sống, và ý niệm như vậy về thơ tưởng cũng như là làm một điều ân sủng tử tế lắm lắm cho thơ. Nói cách khác, đời sống trong vận động miên man sinh tồn và phát triển của nó, giữa những chập chùng ngặt nghèo hỗn độn của bao nhiêu là sự kiện thực tế hiển hiện lúc nào cũng chực gây thương tổn và hủy hoại phẩm cách của con người, vâng, đời sống, trong những điều cực kỳ bi đát như vậy, dường như thường xuyên có phản ứng gần như bản năng chối nhận thơ như một đeo đẳng trì kéo phiền toái có nguy cơ phá hoại trầm trọng chính sự vận động sinh tử đó của đời sống. Nhưng chính cái phản ứng gần như bản năng chối nhận thơ đó phần nào cũng xác nhận rằng thơ luôn luôn có mặt một cách cơ hữu mật thiết ở trong đời sống, cùng với đời sống.

Tất nhiên, khoảng cách có tính tưởng chừng đó giữa đời sống và thơ chẳng phải do chính người làm thơ cố tình tạo ra như thông thường hẳn vẫn bị chê trách nặng nề như đó chính là lỗi của hán vậy. Và khoảng cách đó, cuối cùng rồi cũng phải được người làm thơ, để làm tốt công việc của mình là chụp bắt hồn thơ trong cái hình trạng hoàn toàn trung thực vốn biến ảo khôn lường của nó, bắt đắc dĩ chấp nhận như là điều kiện mặc nhiên của thơ.

Thơ như một điều gì đó mập mờ, hư giả, thậm chí lắm lúc còn tối tăm, bí hiểm, và do đó, không những đã vô ích mà còn bị tình nghi có hại là đằng khác. Nhưng dù thế nào đi nữa, thơ, như vừa nói qua, vẫn đời đời ở lại với loài người như một tình nhân định mệnh thất buộc, không muốn cũng không được. Và cũng vì tính chất thoát trông có vẻ phù phiếm vô bổ đó của thơ nhiều lúc có thể tạo thành dễ dàng một mặc cảm nặng nề nơi người làm thơ nên một số không ít những người làm thơ đã muốn dĩ thi tải đạo, làm những bài thơ giáo huấn tuyên truyền luận giải thuyết phục, để thấy mình cũng như thơ có được một mục đích lợi ích xã hội thiết thực.

“Khi người làm thơ sử dụng thơ như một công cụ cho chế độ chính trị thì đã tự mình chối bỏ danh xưng thi sĩ...”

Khi làm bài thơ, phần người làm thơ tận lực cố gắng đã đành, mà cả người đọc, khi đọc bài thơ đó, cũng phải tận lực cố gắng phần mình nữa trong việc thể hiện được trọn vẹn cái hồn thơ chung chạ của cả đôi bên.”

Tất nhiên không hiếm những chế độ chính trị đã tận lực góp thêm phần tạo thành dầy đặc cái mặc cảm vô dụng đó nơi người làm thơ để dễ dàng sử dụng hần như một công cụ cũng khá cần thiết cho chúng, và khi đã ưng chịu như vậy thì người làm thơ một cách mặc nhiên đã làm một công việc hoàn toàn khác biệt với công việc làm thơ, đã tự mình chối bỏ danh xưng thi sĩ.

Một chế độ chính trị bao giờ cũng bắt buộc phải chứng minh bằng cách này hoặc bằng cách khác. Còn thơ tự bản thân nó chẳng nhằm chứng minh bất kỳ điều gì, ngoại trừ chỉ chứng minh nó là thơ, thể thơ. Sự thiết thân gắn bó của thơ đối với con người, cái lý do tồn tại chính đáng cao cả đó của thơ sẽ phải chỉ được tìm thấy ở một nơi chốn nào khác, và nơi chốn đó là hồn thơ của chính người đọc. Điều ngộ nhận thông thường của người đời là mặc nhiên coi hồn thơ như cái phần sở đắc trời đất đã ưu ái – hay độc địa? – dành cho người làm thơ mà thôi, và hần phải cam chịu mịt mùng cô độc vô vọng vì cái phần sở đắc ngất nghèo riêng tư đó.

Sự thật không phải như vậy, hồn thơ luôn luôn là sở hữu chung đều của mọi con người, cả người làm thơ lẫn người đọc thơ, không phân biệt ai ai. Tất nhiên, qua thời gian chung đụng với đời sống, mỗi cá nhân hoặc giả đã đầu tư phát triển ít hay nhiều theo một cách thức nào đặc biệt của mình cái vốn liếng sẵn sàng đó, hoặc giả đã không muốn đá động sử dụng gì đến nó cả.

Nói cách khác, hồn thơ ở mỗi cá nhân lâu ngày chày tháng khuôn thành theo hình dạng tâm tính đặc thù của cá nhân đó. Nhưng cho dù hồn thơ ở một cá nhân nào có tuyệt đối bị bỏ quên trùm lấp chằng nữa, ở cá nhân đó, hồn thơ cũng chẳng hoàn toàn tàn rụi mất biến được.

Bởi lẽ hồn thơ vĩnh viễn tàng ẩn bàng bạc trong tận cùng sâu thẳm của tâm thức con người giăng mắc mạng lưới phức tạp những xúc cảm tư duy cực kỳ tinh vi trong tương phùng chuyển hóa sinh động miên man của ngôn ngữ hàm xúc trùng trùng những huyền nhiệm bất khả tư nghị, nó trường kỳ nghi phục bất động đâu đó, để rồi trong những thoáng cơ duyên nào bất chợt nhất, nó lại xuất đầu lộ diện ngự trị, điều động con người theo những luật tắc riêng biệt vừa rộng rãi mà cũng vừa nghiêm ngặt của nó. Và kinh qua những lần chứng nghiệm thơ như vậy, con người bỗng nhận thức được như một đốn ngộ về một nghịch lý: thơ, với tất cả những gì mà người đời cho là những khuyết phé vốn dĩ của thơ, lại cũng là một phương thức nhận thức đặc biệt cùng với những

phương thức nhận thức khác của con người triền miên theo đuổi công cuộc tìm kiếm những sự thật lẫn khuất chung quanh mình, ở trong mình.

Và thơ, tội nghiệp thay, cũng là đưa con nhò vả được đã dẫn dắt người cha mù lòa đi sâu vào những cõi u ám huyền nhiệm tuyệt vời mà chính những đưa con sáng sủa hằng được trọng vọng khác của trí tuệ con người chẳng tài nào tiếp cận. Phải, ở những lần ranh cuối cùng mà tôn giáo, triết học, khoa học đã phải đứng lại, thơ, vâng, chỉ có thơ, vẫn nhẹ nhàng tiến bước, xông pha, bay lượn, vùn vẫy.

Lúc đó, những lúc đó, con người chợt cảm nhận rằng mình phơi phới nhẹ nhàng như đã được giải phóng khỏi những nặng nề đè áp thường nhật, rằng mình đã thật sự sở hữu được chính mình nhiều hơn nữa, đã thật sự hòa nhập vào một đời sống có khi còn chính đáng hơn cả cái đời sống mà mình vẫn thường làm tưởng là duy nhất chính đáng, một đời sống khác nữa không hẳn là không xác thực, một đời sống khác nữa ở ngay trong cõi sâu cùng thăm thẳm nhất của chính đời sống. Những lúc đó, con người nương tựa theo thơ, sống trọn vẹn là con người với đầy đủ các tính cách kỳ diệu lạ lùng mà bình thường chưa từng nghe thấy có, tưởng chừng chẳng thể có. Bởi lẽ hồn thơ chính là cái phần u ẩn lẫn khuất mệnh mông tuyệt đối của hồn người, nó chính thị là hồn người trong ý thức sau cùng hết của hồn người.

Người đọc thơ, những lúc đó, mặc nhiên trở thành thi sĩ theo định nghĩa cao cấp nhất của danh xưng: kẻ tạo dựng một thị cảm, một cách thức nhìn thấy độc đáo và cái thế giới vừa ngoại quan và cũng vừa nội quan mà chính mình đang sống. Thơ chính là một thị cảm dù được thể hiện theo kỷ luật riêng biệt của bất kỳ trường phái hay khuynh hướng thi ca nào, và nếu như bài thơ nào không truyền đạt được những khêu gợi phải có nhằm đánh thức thôi thúc được một cách mãnh liệt cái hồn thơ ẩn náu bất động nơi người đọc để hình thành một thị cảm nào đó, chắc chắn bài thơ đó là một thất bại, bài thơ đó đương nhiên không phải là thơ.

Tất nhiên, khi làm bài thơ, phần người làm thơ tận lực cố gắng đã đành, mà cả người đọc, khi đọc bài thơ đó, cũng phải tận lực cố gắng phần mình nữa trong việc thể hiện được trọn vẹn cái hồn thơ chung chạ của cả đôi bên. Một cách thông thường, con người ù lì bất động trước những quen thuộc nhằm chán nhưng lại sẵn sàng có phản ứng tức thì xô chối phải xua những điều đầu tiên còn xa lạ ngỡ ngàng.

Người làm thơ thành công dường như bao giờ cũng phải là người vừa có vẻ là cố tri, lại vừa thật sự là sơ ngộ đối với người đọc. Đó cũng là yếu tính chung của mọi nỗ lực sáng tạo, phải trông thấy quen quen để được đón nhận, rồi sau đó mới có thể trưng bày được những khác biệt phải có.



Trong nghệ thuật, không hề có niềm tự hào vô lối về một sự làm mới tuyệt đối. Có thể quả quyết rằng mọi sáng tạo đều phải phát xuất từ một gia sản có tính truyền thống nào đó. Mọi sáng tạo, trong giai đoạn đầu tiên ngắn ngủi thôi, là một mô phỏng, một lặp lại. Kể cả những người khai phá làm mới táo bạo nhất trong nghệ thuật cũng ít nhiều để lộ ở nơi họ những vết tích nào đó của một quá khứ xa xôi. Không có một thứ gì không có cội nguồn. Cái quá khứ xa xôi tồn đọng đó chính là cốt tủy khuất ẩn của hồn người. Thơ không ở ngoài lề luật chung đó, bao giờ nó cũng khởi đi từ lớp lớp quá khứ truyền thống của ngôn ngữ.

Cũng như mọi sáng tạo khởi đầu vốn là công việc của một người đơn độc để rồi sau đó, chỉ có thể hoàn thành trọn vẹn với sự hợp tác gia công của một người khác nữa, người thường ngoạn. Lẽ đơn giản rõ ràng là nghệ thuật bao giờ cũng mang nặng trong bản chất của nó niềm mong mỏi chia sẻ. Cả lúc khởi đầu cũng đã là sự chia sẻ ngay trong tự thân, với chính mình, của người làm nghệ thuật.

Thế giới mà chúng ta đang sống đây càng lúc càng hiện lộ một hiện tượng tách biệt trầm trọng lạ lùng giữa thơ và đời sống. Tách biệt đến mức tưởng chừng bây giờ thơ đã trở thành một công việc riêng tư hết sức chuyên môn như trong một hội kín giữa các người làm thơ với nhau thôi. Tách biệt đến mức tưởng chừng bây giờ hồn thơ của loài người đang hồi cạn kiệt rồi vậy, nòi giống của những người làm thơ và những người đọc thơ đang lâm vào nguy cơ tuyệt diệt rồi vậy.

Trước đây trong lịch sử, cũng đã có những thời đại suy thoái cùng khốn vất vưởng của thơ, nhưng dường như chưa từng có một thời đại nào mà thơ đã bị dồn đẩy thảm thương tuyệt lộ vào một xó góc tù túng bí thở tăm tối lằng quên như trong thời đại của chúng ta. Ngày nay, số người thật sự đọc thơ càng lúc càng hiếm hoi, và người làm thơ càng lúc càng bị quy kết một cách nghiệt ngã, hoặc oan hoặc ung, đã chẳng có đủ tài năng và cả thiện chí thực hiện mỹ mãn công việc của mình. Lý do viện dẫn thông thường làm sao thơ bây giờ khó khăn bí hiểm quá, số sàng thô trọc quá, xa lạ kỳ cục quá, nó thế nào ấy, nó không còn giống như thơ nữa.

Từ những nguyên nhân nào và phần lỗi thuộc về ai, ở đây chúng ta không đề cập rọt ráo một phân tích chi li và rọt ráo. Ở đây chỉ ghi nhận là hiện có một chênh lệch rất đồi lớn lao tưởng chừng khó thể trùng nhập được nữa giữa hai màng lưới xúc cảm tư duy đã bắt đầu khác biệt về khuôn khổ cũng như về cấu trúc của người làm thơ và người đọc thơ. Một chênh lệch như vậy đôi khi cũng được bắt gặp trong giai đoạn khởi đầu của những thời kỳ văn học nghệ thuật được canh tân nhưng nó không đến mức trầm trọng vô phương điều chỉnh như là sau đó không lâu, may mắn thay, đã điều chỉnh được, thông thường từ phía quần chúng đã có đủ thời gian kết thân thích nghi.

Khác hẳn với sự chênh lệch có tính chia lìa chẳng thể còn quay về, được ghi nhận hôm nay và được nhìn thấy như một hậu quả đương nhiên của tính gia tốc khốc liệt của lịch sử đã làm nảy sinh tính tức thời vụn nát và tính thực tiễn đáp ứng tối thiết yếu của đời sống. Được nhìn thấy như mối đe dọa bị hủy hoại càng lúc càng trầm trọng bức bách con người. Ngôn ngữ, công cụ tư duy duy nhất của con người, thành tựu cao cả tuyệt vời của con người càng lúc càng giảm nhẹ uy thế lâu đời của nó trong đời sống, lần lượt bắt buộc phải nhường chỗ cho một ngôn ngữ khác cụ thể hơn, gọn gàng hơn, dễ nhận hơn, nhanh chóng hơn, ngôn ngữ của những dãy dãy tiếp chuyển hình ảnh tới tấp chồng chất.

Thơ bây giờ sẽ phải như thế nào đây? Có lẽ không một người làm thơ nào không trần trụi vì câu hỏi đó. Ngôn ngữ đích thực đã bị sàng sảy giảm lược vào mỗi chức năng đầu tiên thô sơ là trao đổi giao thiệp xã hội thuần túy. Phần huyền nhiệm sâu thẳm vốn ôm ấp ẩn chứa bao nhiêu là tình tự tích lũy nghìn đời của ngôn ngữ đã bị chính đời sống xã hội một cách không thương tiếc, tước bỏ, lãng quên không cần dùng tới nữa.

Nhiều thể loại văn học cáo chung. Sách vở bị truất phế. Thư viện có nguy cơ trở thành hầm mộ của những xương cốt cổ thời. Và rồi theo cái đà đó, điều gì sẽ xảy đến với con người? Hẳn cũng chẳng khó khăn gì mà chẳng tiên cảm được điều này: đó sẽ là thời kỳ khô hạn, héo rụi khác thường của con người cần cỗi, rã rời, thời kỳ đáng sợ nhất trong suốt dòng lịch sử nhân loại. Có lẽ vậy. Việc đánh mất cái phần trừu tượng của con người hiển nhiên sẽ dẫn đưa đến việc đánh mất toàn thể con người. Sự tắt lụi của ngôn ngữ đích thực cũng đồng nghĩa với sự tắt lụi của chất lửa tồn trữ trong phiến đá sống là con người.

Và rồi sau đó nữa thì sao? Mong mỗi thay cho con người sẽ vì niềm luyến nhớ ám ảnh day dứt khôn nguôi về chính hồn mình từ lâu lạc loài thất tán, lại phải đem thân dầu dãi vào một cuộc phiêu lưu khác nữa, một cuộc phiêu lưu chắc chắn cực kỳ gian truân để tìm gặp cho bằng được chính hồn mình giữa cảnh giới bao la trù mật thanh sắc của ngôn ngữ đích thực mà ở đó, bao giờ thơ cũng là hình dáng biểu hiện cao diệu nhất. Và như vậy, cho dù ở vào tình huống nào đi nữa, càng thách đố càng phải nỗ lực, chúng ta đã chẳng muốn để mất đi lòng tự hào được làm người, chúng ta sẽ còn tiếp tục vun dưỡng cái thần siêu đẳng của ngôn ngữ, còn tiếp tục đọc thơ, làm thơ, nếu như chúng ta còn có một phẩm giá nào đó cần phải bảo trọng. Bởi lẽ thơ chính là phần sinh lực dự trữ tối hậu mãnh liệt nhất của con người không bao giờ khứng chịu bị hủy hoại vong thân. Đó là lý do tồn tại chính đáng cao cả của thơ để cho con người cùng tồn tại với. Khoảng cách cho là có giữa đời sống và thơ sẽ chẳng còn là khoảng cách nữa nếu như hồn thơ trong con người đã thức dậy, đã hiển minh.

Thơ là con đường trải dài của thời gian, nối liền quá khứ với hiện tại nhằm hướng đến tương lai, không gián đoạn, trong nỗ lực xác nhận sự đồng nhất của hồn người toàn vẹn. Nếu lịch sử là nỗ lực mô tả những diễn biến cụ thể của thời gian thì thơ, một cách khái quát, là lịch sử trừu tượng của thời gian, là phần hồn thiêng của lịch sử. Nhìn thấy thơ như vậy mới thật sự nhìn thấy đầy đủ thơ.

## Tô Thùy Yên

(Ngày Nay Minnesota số 164, 31-3-1996)



# Chiều Trên Phá Tam Giang - Tô Thùy Yên

**Phá Tam Giang ngày rày đã cạn**

(Ca dao)

1.

*Chiếc trực thăng bay là mặt nước  
Như cơn mộng nhanh  
Phá Tam Giang, phá Tam Giang  
Bờ bãi hỗn mang, dòng bát ngát  
Cát hôn mê, nước miệt mài trôi  
Ngó xuống cảm thương người lỡ bước  
Trời nước mông mênh, thân nhỏ nhoi  
Phá Tam Giang, phá Tam Giang  
Nhớ câu ca dao sâu vạn cổ  
Chiều dòn tan, nắng đọng nứt ran ran  
Trời thom nước, thom cây, thom xác rạ  
Thom cả thiết tha đời  
Rào rào trận gió nhám mặt mũi  
Rào rào trận buồn ngậy chân tay*

*Ta ngó thấy ghe thuyền quân tụ  
Từng đoàn như trẻ nhỏ ghê ma  
Ta ngó thấy thùy dương gãy rũ  
Từng cây như nổi bất an già  
Ta ngó thấy rào chà cản nước  
Từng hàng như nỗ lực lao đao  
Ta ngó thấy nhà cửa tróc nóc  
Từng ngôi như mặt đất đang gào  
Vì sao người tới đây?  
Hỡi gã cộng quân sốt rét, đói  
Xích lòi nguyên sinh Bắc, từ Nam  
Vì sao ta tới đây?  
Lòng xót xa, thân xác mỗi mòn  
Dưới mắt người làm tên lính nguy*

*Ví dầu người bắn rụng ta  
Như tiếng hét  
Xé hư không bật im  
Chuyện cũng thành vô ích  
Ví dầu người gục*

*Vì bom đạn bất dung  
Thì thể chẳng ai thù  
Nào có chi đáng kể  
Nghĩ cho cùng, nghĩ cho cùng  
Ví dầu các việc người làm, các việc ta làm  
Có cùng gom góp lại  
Mặt đất này đổi khác được bao nhiêu?  
Người há chẳng thấy sao  
Phá Tam Giang, phá Tam Giang ngày rày đâu đã cạn?*

*Ta phá lên cười, ta phá lên cười  
Khi tưởng tượng người cùng ta gặp gỡ  
Ở cõi âm nào người vốn không tin  
Hỏi nhau chơi thoả chút tính bông đùa:  
Người cùng ta ai thật sự hy sinh  
Cho tổ quốc Việt Nam – một tổ quốc...?  
Các việc người làm  
Người tưởng chừng ghê gớm lắm  
Các việc ta làm  
Ta xét thấy chẳng ra chi  
Nên người hăng điên, còn ta ảm đạm  
Khi cùng làm những việc như nhau*

*Ta tự hỏi vì sao  
(Còn người, có bao giờ người tự hỏi?)  
Và ta tự trả lời  
(Có bao giờ người tự trả lời?)  
Chúng ta khác nào cánh quạt phi cơ  
Phải quạt, phải quạt  
Chỉ vì nó phải quạt  
Ta thương ta yếu hèn  
Ta thương người khờ khạo  
Nên cả hai cùng cam phận quay cuồng  
Nên cả hai cùng mắc đường Lịch Sử  
Cùng mê sa một con đĩ thập thành*

*Chiều trên phá Tam Giang rộn ràng tiếng chiến trận  
Chiều trên phá Tam Giang im lìm âm cảm thông*

2.

*Chiều trên phá Tam Giang  
Anh sực nhớ em  
Nhớ bất tận*

*Giờ này thương xá sắp đóng cửa  
Người lao công quét dọn hành lang  
Những tủ kính tối om  
Giờ này thành phố chọt bùng lên  
Để rồi tắt nghỉ sớm  
(Sài Gòn nói rộng giờ giới nghiêm  
Sài Gòn không còn buổi tối nữa)  
Giờ này có thể trời đang nắng  
Em rời thư viện đi rong chơi  
Dưới đôi vòm cây ủ yên tĩnh  
Viền dòng trời ngọc thạch len trôi*

*Nghĩ tới ngày thi tương lai thúc hối  
Căn phòng cao ốc vàng võ ánh đèn  
Quyển sách mở sâu đêm  
Nghĩ tới người mẹ đăm chiêu, đưa em quá quấy  
Nghĩ tới đủ thứ chuyện tầm thường  
Mà cô gái nào cũng nghĩ tới  
Rồi nghĩ tới anh, nghĩ tới anh  
Một cách tự nhiên và khốn khổ  
Giờ này có thể trời đang mưa  
Em đi nép hàng hiên suốt suốt  
Nhìn bong bóng nước chạy trên hè  
Như những đoá hoa nở gấp rút  
Rồi có thể em vào một quán nước quen  
Nơi chúng ta thường hẹn gặp  
Buông tâm trí bập bênh trên những đợt lao xao  
Giữa những đám ghé bàn quạnh quẽ*

*Nghĩ tới anh, nghĩ tới anh  
Cơn nghĩ tới không sao cầm giữ nổi  
Như dòng lệ nào bất giác rơi tuôn  
Nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng  
Của chiến tranh mà em không biết rõ  
Nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng  
Một điều em sợ phải nghĩ tới  
Giờ này thành phố chọt bùng lên*

*Chiều trên phá Tam Giang  
Anh sực nhớ em  
Nhớ bất tận*

*Anh yêu em, yêu nuối tuổi hai mươi  
Rực chiếu bao nhiêu giấc mộng đua đòi  
Như những mặt trời con thật dễ thương  
Sẽ rơi rụng dọc đường lên dốc tuổi  
Mỗi sáng trưa chiều tối đêm khuya  
Anh yêu em, yêu nuối tuổi hai mươi  
Coi chuyện đó như lần đi tuyết tích  
Trong nước trời lãng đãng nghìn trùng  
Không nghe thấy cả tiếng mình độc thoại  
Anh yêu em, yêu nuối tuổi hai mươi  
Thấy trong lòng đời nở thật lẻ loi  
Một cành mai nhị độ  
Thấy tình yêu như vận hội tàn đời  
Để xé mình khỏi ác mộng  
Mà người đàn ông mê tưởng suốt thanh xuân*

*Ôi tình yêu, bằng chứng huy hoàng của thất bại!*

3.  
*Chiều trên phá Tam Giang  
Mày nhìn con nước xiết  
Chảy băng bờ bãi ngổ ngang câm  
Nghĩ tới, nghĩ tới những công trình mày có thể hoàn thành  
Mà rồi mày bỏ dở  
Nghĩ tới kiếp người đang lỡ độ đường  
Trên mịt mùng nghi hoặc  
Nghĩ tới thanh xuân mất tích tự đời nào  
Còn lưu hậu chua cay hoài vọng  
Nghĩ tới khu vườn ẩn cư cỏ cây khuất lấp  
Căn nhà ma ám chầy ngày gió thổi miên man  
Đụt tuổi già bình an vô tích sự  
Như lau lách bồm sòm trên mặt sông nhăn  
Cùng cái chết  
Cái chết lâu như nổi héo hon dần  
Làm chính mình bực bội  
Gió muôn ngàn năm thổi lẽ tuàn hoàn  
Cho cỏ cây thay đời đổi kiếp  
Và mày kính sợ nghe nhắc điều vượt sức bình sinh*

*Bởi mây không đủ dạn dày trình diễn tới lui con thất chí  
Như gã hề cuồng mưu sinh giữa chốn đông người  
Vội từng ấy tấn tuồng bản tiện  
Rút ra từ lịch sử u mê  
Gió thổi thêm đi, gió thổi thêm đi  
Cho cỏ cây mau chết, mau hồi sinh  
Mây mặc kệ*

*Chiều trên phá Tam Giang  
Có gã hề cuồng buông tiếng cười lạnh rợn  
Khiến bầy ác thú mà lịch sử sanh cầm cũng chột hải hùng  
Dón dác ngó*

**Tô Thùy Yên** / 6-1972

Bài thơ này đã được nhạc sĩ Trần Thiện Thanh phổ nhạc thành bài hát cùng tên.  
Nguồn: Tô Thùy Yên, Thơ tuyển, Minnesota, 1995







**Đại úy Tô Thùy Yên ở 1 đám cưới có mặt thi sĩ Chinh Yên (phía trước),  
nhạc sĩ Đỗ Kim Bảng, nghệ sĩ Hồng Vân và Tô Kiều Ngân (15/4/1972)**



**Thanh Tâm Tuyên, Cung Tiến, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tường – 1993**

CHIÊU

*tô thấy yên*

**TRÊN**

*trần thiên thanh*

*PHÁ TAM GIANG*



# CHIỀU TRÊN PHẠ TAM GIANG

tô thùy yên  
trần thiện hạnh

Handwritten musical score for the song "Chiều Trên Phá Tam Giang". The score is written on a yellowed page and includes the following elements:

- Tempo and Mood:** SLOW, Am.
- Chords:** D, C, Am, E, Am, F2, Dm, Am, A, E, D, E7, A, Bm, E7, A7, D, Bm, E7.
- Lyrics (Vietnamese):**

CHIỀU TRÊN PHẠ TAM GIANG ANH SỨC NHỚ EM.  
 NHỚ ÔI LÃ NHỚ ÔI LÃ NHỚ ĐẾN BÁT TÂN. EM ƠI! EM ƠI! EM ƠI!  
 GIỜ NÀY THƯƠNG XÃ SẮP ĐÓNG CỬA, NƠI LẠO CỒN QUÉT ĐƠN HÀNH  
 LANG. GIỜ NÀY THÀNH RỒ CHỚT SÙNG LÊN, ĐỂ RÀI TẮT NGHĨ  
 SƠN. ÔI SAI QUẢN, SAI QUẢN GIỜ GIỚI NGHỀM, ÔI SAI QUẢN, SAI QUẢN RỘNG ƠI  
 NGHỀM.. ÔI EM TÔI, SAI QUẢN QUÊN BUỔI TÔI. GIỜ NÀY CÓ THỂ TRỞ ĐANG  
 NẮNG EM RỜI THỦ VIỆN ĐI RONG CHƠI, HÀNG CÂY VIỆN NƠI THẠCH LÊN
- Performance Markings:** A, SLOW ROCKA, SANG ỒN.

TRỜI. NGHĨ TÔI NGHĨ THÌ TƯỞNG LẠI THỰC HỒI, CẢNH ĐƯỜNG NHỎ CAO ỐC VỎ

DANH, RỒI NGHĨ TÔI ANH, RỒI NGHĨ TÔI ANH, NGHĨ TÔI ANH.

GIỜ NÀY CÓ THỂ TRỜI ĐANG MƯA. EM ĐI ĐỨT HẰNG HIỆN SÚT

MƯỢT, NHIN BONG SÔNG NƯỚC CHAY TRÊN HÈ, NHƯ ĐÁ HOA NỞ VỚI.

GIỜ NÀY EM VÀO QUÁN NƯỚC QUEN. NƠI CHÚNG TA THƯỜNG HIỆN RỒI BẬP BẾNH BÔNG TÂM

TRÍ TRÊN TỪNG ĐỢT TIẾNG LAO XAO. GIỜ NÀY THÀNH PHỐ CHỜ BỪNG

LÊN, EM, ĐỒNG LÊ BÁT GIÁC CHAY TUYÊN. NGHĨ TÔI MỘT ĐIỀU EM KHÔNG

RỒI, NGHĨ TÔI MỘT ĐIỀU EM KHÔNG ĐAM NGHĨ. ĐẾN MỘT NGƯỜI ĐI GIỮA CHIẾN

TRANH, LẠI NGHĨ TÔI ANH, LẠI NGHĨ TÔI ANH, NGHĨ TÔI ANH.

CHÉU TRÊN PHẬT TÂM GIANG, ANH SỨC NHỚ EM. NHỚ ỒI NIỀM NHỚ ỒI NIỀM NHỚ ĐẾN BÁT

TẶN. EM ƠI... EM ƠI... EM ƠI...



Thanh Lan & Nhật Trường song ca:

🎵 CHIỀU TRÊN PHÁ TAM GIANG

Chiều trên phá Tam Giang  
anh chợt nhớ em  
nhớ ôi niềm nhớ ôi niềm nhớ  
đến bất tận  
em ơi  
em ơi

Giờ này thương xá sấp đóng cửa  
người lao công quét dọn hành lang  
giờ này thành phố chợt bùng lên  
để rồi tắt nghỉ sớm  
ôi Sài Gòn Sài Gòn giờ giới nghiêm  
ôi Sài Gòn Saigon mười một giờ vắng yên  
ôi em tôi Sài Gòn không buổi tối

Giờ này có thể trời đang nắng  
em rời thư viện đi rong chơi  
hàng cây viên ngọc thạch len trôi  
nghĩ đến ngày thi tương lai thức hối  
căn phòng nhỏ cao ốc vô danh

rồi nghĩ tới anh  
rồi nghĩ tới anh  
nghĩ tới anh

Giờ này có thể trời đang mưa  
em đi dưới hàng cây suốt mưa  
nhìn bong bóng nước chạy trên hè  
như đóa hoa nở vội  
giờ này em vào quán nước quen  
nơi chúng ta thường hẹn  
rồi bập bênh buông tâm trí  
trên từng đợt tiếng lao xao

Giờ này thành phố chợt bùng lên  
em giòng lệ bất giác chảy tuôn  
nghĩ đến một điều em không rõ  
nghĩ đến một điều em sợ không dám nghĩ  
đến một người đi giữa chiến tranh  
lại nghĩ tới anh  
lại nghĩ tới anh  
nghĩ tới anh...

# TA VỀ

*Tiếng biển lờ lững nao nức giục  
Ta về cho kịp độ xuân sang*

Ta về - một bóng trên đường lớn  
Thơ chẳng ai đề vạt áo phai...  
Sao bỗng nghe đau mềm phế phủ?  
Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay

Vĩnh biệt ta-mười-năm chết dấp  
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu  
Mười năm, mặt xạm soi khe nước  
Ta hoá thân thành vượn cổ sơ

Ta về qua những trũng cùng phá  
Nếp trán nhăn đùa ngọn gió may  
Ta ngẩn ngơ trông trời đất cũ  
Nghe tàn cát bụi thảng năm bay

Chỉ có thể. Trời cam đất nín  
Đời im lìm đóng vầng xanh xao  
Mười năm, thế giới già trông thấy  
Đất bạc màu đi, đất bạc màu...

Ta về như bóng chim qua trể  
Cho vội vàng thêm gió cuối mùa  
Ai đứng trông vờ mây nước đó  
Ngàn năm râu tóc bạc phơ phơ

Một đời được mấy điều mong ước?  
Núi lở sông bồi đã lắm khi...  
Lịch sử ngời đi nhiều tiếng động  
Mười năm, cỏ lục đã ai ghi?

Ta về cúi mái đầu sương diễm  
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời  
Cảm ơn hoa đã vì ta nở  
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi

Tường tượng nhà nhà đang mở cửa  
Làng ta, ngựa đá đã qua sông  
Người đi như cá theo con nước  
Trống ngũ liên nồn nả giống mừng

Ta về như lá rơi về cội  
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay  
Chút rượu hồng đây, xin rưới xuống  
Giải oan cho cuộc biển dâu này

Ta khóc tạ ơn đời máu chảy  
Ruột mềm như đá dưới chân ta  
Mười năm chớp bể mưa nguồn đó  
Người thức nghe buồn tận cõi xa

Ta về như hạt sương trên cỏ  
Kết tụ sầu nhân thế chuyển đời  
Bé bỏng cũng thì sinh, dị, diệt  
Tội tình chi lắm nữa, người ơi!

Quán dốc hơi thu lùa nỗi nhớ  
Mười năm, người tỏ mặt nhau đây  
Nước non ngàn dặm, bèo mây hơi  
Đành uống lượng thời bát nước mời

Ta về như sợi tơ trời trắng  
Chấp chới trôi buồn với nắng hanh  
Ai gọi ai đi ngoài quãng vắng?  
Phải, ôi vàng đá nhấn quan san?

Lời thề truyền kiếp còn mang nặng  
Nên mắc tình đời cõi chẳng ra  
Ta nhớ người xa ngoài nỗi nhớ  
Mười năm, ta vẫn cứ là ta

Ta về như tứ thơ xiêu tán  
Trong cõi hoang đường trắng lãng quên  
Nhà cũ, mừng còn nguyên mái, vách  
Nhện giăng, khói ám, mối xông nền

Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ  
Nhà thương khó quá, sống thờ ơ  
Giậu nghiêng công đồ, thêm um cỏ  
Khách cũ không còn, khách mới thưa...

Ta về khai giải bùa thiêng yếm  
Thức dậy đi nào, gỗ đá ơi!  
Hãy kể lại mười năm mộng dữ  
Một lần kể lại để rời thôi

Chiều nay, ta sẽ đi thơ thần  
Thăm hỏi từng cây những nỗi nhà  
Hoa bưởi, hoa tầm xuân có nở?  
Mười năm, cây có nhớ người xa?

Ta về như đứa con phung phá  
Khánh kiệt đời trong cuộc biển dâu  
Mười năm, con đã già như vậy  
Huống mẹ cha, đèn sấp cạn dầu...

Con găm lại đời con thất bát  
Hứa trăm điều, một chẳng làm nên  
Đời qua, lớp lớp tàn hư huyền  
Hạt lệ sương thâm khóc biển thiên

Ta về như tiếng kêu đồng vọng  
Rau mác lên bờ đã trở bông  
Cho dầu ngàn năm, em vẫn đứng  
Chờ anh như biển vẫn chờ sông

Ta gọi thời gian sau cánh cửa  
Nổi mừng rần rụa mắt ai sâu  
Ta nghe như máu ân tình chảy  
Tự kiếp xưa nào tưởng lạc nhau

Ta về dấu phải đi chân đất  
Khấp thế gian này để gặp em  
Đau khổ riêng gì nơi gió cát...  
Hè nhà, bụi chuối thức thâu đêm

Cây bưởi xưa còn nhớ trắng hoa  
Đêm chưa khuya lắm, hơi trăng tà!  
Tình xưa như tuổi già không ngủ  
Bước chạm khua từng nỗi xót xa

Ta về như giấc mơ thần bí  
Tuổi nhỏ đi tìm những tối vui  
Trăng sáng lưu hồn ta vết phỏng  
Trọn đời, nỗi nhớ sáng không nguôi

Bé ơi, này những vui buồn cũ  
Hãy sống, đương đầu với lãng quên  
Con để vẫn là con để ấy  
Hát rong bờ cỏ, giọng thân quen

Ta về như nước tào Khê chảy  
Tinh đầu mười năm luống nhạt mờ  
Thân thích những ai giờ đã khuất?  
Cõi đời nghe trống trải hơn xưa

Người chết đưa ta cùng xuống mộ  
Đêm buồn, ai nữa đứng bờ ao  
Khóc người, ta khóc ta rơi rụng  
Tuổi hạc, ôi ngày một một hao

Ta về như bóng ma hồn tử  
Lục lại thời gian, kiếm chính mình  
Ta nhạt mà thương từng phé liệu  
Như từng hài cốt sắp vô danh

Ngồi đây, nền cũ nhà hương hoá  
Đọc lại bài thơ buổi thiếu thời  
Ai đó trong hồn ta thổn thức?  
Vàng trắng còn tiếc cuộc rong chơi

Ta về như hạc vàng thương nhớ  
Một thuở trần gian bay lướt qua  
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn  
Đành không trái hết được lòng ta

**TÔ THÙY YÊN / 7-1985**

# I Am Returning *by Tô Thùy Yên*

*Translated into English by Hương Cau Cao Tân (04-04-2021)*

*Ocean voices and forest words are eagerly urging  
I am returning to catch the moment of spring's coming*

When I am returning - just like a lone shadow in a vast road  
Yet no one bothers writing poems on my fading coat ...  
Why do I suddenly feel the pains of my lungs and intestines?  
It's been ten years, so even rocks could have pity in their mind

Good-bye, the one of I-of-ten-year, who died a covered up death  
In sacred forests where his voice, for thousand autumns, could be at rest  
For ten years, I have been seeing my sunburnt face in brooks' water  
Have transformed myself into a simple pliopithecus, the human former

I am returning passing by those moors and river tributaries  
To feel the winds playing on the furrows of my forehead lightly  
I will be contemplating the old heaven and earth astoundingly  
And be listening to the dying dusts of the months and years so lightly

That is all there is. Heaven is dumb and earth keeps silent  
And life is quietly accumulating a greenish film, it just so happens  
It has been ten years, and the world is looking old conspicuously  
The earth's colour is fading slowly, the earth's colour is fading slowly ...

I am returning like a shadow of a bird that is coming in late  
So the ending seasonal winds are hurriedly moving in in haste  
Who is the one that has been standing looking over at clouds and water  
For thousands of years till the hair and beard become as white as silver

How many wishes can one be granted in a lifetime?  
Mountains can move, rivers can deposit, yet there will not be a time ...  
Many kinds of noises have been silenced in mankind's history  
It is only ten years, who cares to record it in books of ancient history?

I am returning with my salt-and-pepper head bending over slowly  
Listening to the weighty merciful heart of Heaven and Earth's generosity  
I am grateful to flowers that have been blooming because of me  
The world is joyful because of the accumulation of each thing individually



I imagine that house after house are opening their doors wide  
Because a stone horse from our village has crossed the river all right  
People gathered along the tracks like fish swimming along stream of water  
While penta-serial drums are sounding urgently to celebrate the event ever

I am returning like a leaf falling down back to the root of the tree  
Tonight warm would become the cooking fire of human community  
Please kindly sprinkle some of this red wine into the burning fire  
So to vindicate this change from oceans into mulberry fields with time

I am crying because of the humane care people have for others at times  
When misfortune befalls others, like rocks under my feet, ready to provide  
Ten years is a significant event like ocean's lightning or source torrents  
Making a watchful person feel the sorrow pervading far into the distance

I am retuning like a dewdrop lingering on a blade of tiny grass  
Where the sorrow is condensed while the human life is going to pass  
No matter how tiny it is, a life has the time to be born, grown, and spent  
What is the point to accuse and torture others more, oh my man!

The shop on steep hill where autumn breath is blowing in the longing  
It has been ten years; it's now for face searching and clear looking  
The distance is thousands of miles of mountains and rivers, o water fern  
So I can only drink half of the inviting cup of water in my turn

I am returning like a heavenly cord that is so white  
And is flying rolling and sadly flowing with the sunny and dry sunlight  
Who is calling whom that is walking on this empty long distance?  
That's right, is it the loyal sending messages to frontiers and mountains?

The hereditary vows are still being remembered deeply  
So the yoke of life's love debts is stuck on me, I cannot be free  
I miss the faraway person who is beyond the missing and the longing  
Although it has been ten years, I still remain me in my being

I am returning feeling like my poem inspiration has been scattered wide  
Into wild realm and onto forgotten roads that look so amazingly white  
Staying in my old house, I am grateful to the surviving roof and partitions  
Despite hanging spider webs, black soot, and termite eaten foundation

Everything is no longer having the same old loving order  
I am in a poor and pitiful situation, living indifferently just to get over  
Fences are slanting, gate slumping, on the ground, grass is fully covering  
Old customers are gone, and new ones are slowly diminishing ...

I am returning to dissolve the curses of efficacious charms in oppressing  
Hey there, wake up, friends, O my wood and my stone!  
Please kindly retell the story of ten years of nightmares so frightening  
Tell me the story just for once and then let them have their due ending

This afternoon I will be doing my dreamy strolling  
And will be inquiring each and every plant about its private concerning  
Be asking the grapefruit and briar rose flowers if they ever blossom  
That it has been ten years; would they still remember the distant person?

I am returning feeling like a worthless squandering son  
Whose life is bankrupted in the changing of mulberry fields into oceans  
It has been ten years, I, your son, am getting old, and quite  
Let alone my parents, they are like oil lamps that are getting dry ...

Reviewing my life, I find that mine is just the life of a loser  
Out of a hundred promises I have made, not one is delivered  
As my life is passing by, only layer upon layer of delusion  
So much tear crying for the upheaval has been shed in silence

I am returning like a voice that has been resounding from afar  
The blooming flowers on the banks are the ones of the centella  
You will still be standing even for a period of one thousand years  
Waiting for me patiently like the ocean waiting for the river here

I will be calling for time behind the loving door  
Where the joy will induce the happy tears in your eyes the more  
I feel as if the blood full of deep gratitude is flowing like a river  
Since some distant life when we thought we had lost one another

I am returning despite that I will have to walk around in bare foot,  
All over this world to meet you the person whom I should  
Sufferings are not reserved solely for distant windy and sandy places  
But also on house pavements, banana bushes and in nights staying up late

The old grapefruit tree still has snow white flowers, as I remember  
When the night is not deep yet, under the moon that just climbs over  
My old love is like the old age that is lacking lots of sleep  
Where the walking steps touch and stir up the suffering feelings so deep

I am returning as a mysterious and mystical dream  
Going back to youthful age searching for happy nights so it seems  
Where the bright shining moon retains in my soul a burnt patch forever  
All my life, the longing will constantly shine without getting dimmer

My little child, together with the old joy and sorrow that are happening  
Please try to live and survive, confronting the forgetfulness in containing  
The cricket remains the same old cricket to you and me  
Who is singing along grassy banks in a voice that sounds so friendly

I am returning as the Buddhist Knowledge Stream that is running  
Even the prime star, after ten years, will have its brightness become fading  
Among my relatives, who have survived and who have passed away?  
In my current living, I feel the emptiness more certain than in those days

Those that have been dead accompany me to the grave together  
In those sad nights, who else stands on the pond's edge mulling over  
I am crying for others as I am crying for my being fallen and faded away  
When being at the age of seniority, fast is the diminishing day after day

I am returning like a ghost shadow in sulking and in a self-pity situation  
Who minutely search for time, for the image of self-reflection  
I am picking up each discarded item feeling the love for each of them  
Like every skeleton that will soon become anonymous as the time comes

I am sitting here on the place of the heritage hall's ancient foundation  
Rereading the poem that has been composed since my youth portion  
Feeling that someone within my soul is sobbing emotionally  
Like the moon crescent that is still missing the playful stroll regrettably

I am returning like a golden crane that is deep in the missing  
Of the time when in the world was he gracefully flying and gliding  
I am regretful that my life is constricted and limited so undesirably  
That I can only open my heart for others to see partially not wholly

July 1985

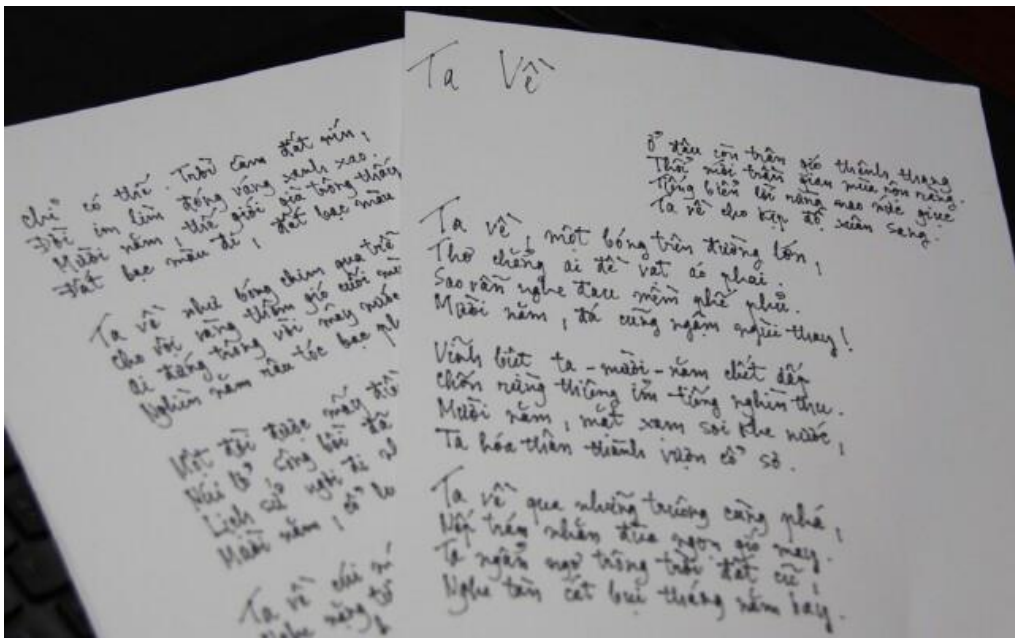
**Source: Tô Thuỳ Yên, *Collected Poems*, Minnesota, 1995**



🎵 TA VỀ – Nhạc: **Đình Đại** – Ý thơ: **Tô Thùy Yên**

🎵 TA VỀ – Nhạc: **Ngu Yên** – Song ca: **Ngu Yên & Ngọc Phụng**





## Ta về

*Tiếng biển lời rừng nao nức giục  
Ta về cho kịp độ xuân sang*

Ta về – một bóng trên đường lớn  
Thơ chẳng ai để vạt áo phai...  
Sao vẫn nghe đau mềm phế phủ?  
Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay

Vĩnh biệt ta – mười năm chết đáp  
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu  
Mười năm, mặt xạm soi khe nước  
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ

Ta về qua những trường cùng phá  
Nếp trán nhân đưa ngọn gió may  
Ta ngân ngơ trông trời đất cũ,  
Nghe tàn cát bụi thảng năm bay

Chỉ có thể. Trời cam đất nín  
Đời im lìm đóng vầng xanh xao  
Mười năm, thế giới già trông thấy  
Đất bạc màu đi, đất bạc màu...

...

**TÔ THÙY YÊN**

## Ta đi

*Biển rừng im tiếng nghe ta khóc  
Ta nào mơ ước cảnh giàu sang*

Từ con thuyền nhỏ ra tàu lớn  
Ta gạt tay chùi má phấn phai  
Mở mắt ra nhìn xem thế sự  
Đào điên từ ngựa giữa dòng thay

Thôi nhé, xin chào non nước mộng  
Mẹ hiền chưa đợi giấc ngàn thu  
Năm mươi năm quỵen câu hò Huế  
Giờ tiễn con, thăm nguyệt cổ sơ

Ta đi, bước ngập ngừng theo gió  
Thả ống quân cho dính cỏ may  
Ngơ ngác nhìn chim hôm bỏ tổ  
Sao tàn cuộc chiến lại còn bay?

Ta đi. Rừng biển im, ta khóc  
Dặm khổ muôn trùng sóng xác xao  
Bước một bước đau lòng một bước  
Còn nguyên, dấu áo vẫn nguyên màu

....

**VI KHUÊ**

[Vọng âm bài Ta Về của Tô Thùy Yên]

Mời xem 2 bài thơ [VI KHUÊ và TA VỀ](#) (PDF) – 31 đoạn 4 câu 7 chữ



*Vi Khuê – Tô Thùy Yên*

## MÙA HẠN – Tô Thùy Yên

Ở đây, địa ngục chín tầng sâu  
Cả giống nòi cầm lạng gục đầu  
Cần chết hàm răng, ứa máu mắt  
Chung xiêng nhưng chẳng dám nhìn nhau

Bước tới, chân không đê đã sặc  
Vai trần chín rạn gánh oan khiên  
Nước khe, cơm độn, thân tàn rạc  
Sống chẳng khôn, cầu được thác thiêng

Xử khổ, thêm chi mùa thâm khốc  
Than ôi, trời đã bỏ rơi dân!  
Nắng kim khí cháy, đá rạn nứt  
Gió táp, rừng khô rụi, cát tràn

Sông hồ nê đáy, giếng vô vọng  
Muông thú điên lâm lũ bỏ đàn  
Dân làng lũ lượt kéo lên rú  
Lùng sục đào khoai củ đã khan

Côn trùng kiệt sức lia hang ổ  
Lên chết thiêu trên mặt đất hừng  
Ác điều ngày đêm gào xáo xác  
Cơ hồ cả thế giới lâm chung

Cây đa râu tóc già thiên cổ  
Trụi lá, trơ cành, xương nám đen  
Khiến lũ ma hoang hằng ăn náu  
Bỏ đi nhường chỗ cho chim kên

Cái chết tru rần giờ nguyệt tận...  
Máu bung từ mỗi lỗ chân lông  
Mọi người nghe chính mình kêu rú...  
Liệu sáng mai còn ai nữa không?

Đám chủ mới, y trang xúng xính  
Súng nghênh ngang, tiếng hét phàm phu  
Xua trăm họ sá chi thân mạng  
Lăn địa cầu ra khỏi lối xưa

Như tên phù thủy già điên loạn  
Lịch sử lên cơn dữ bất thường  
Treo ngược con đen trên lửa đỏ  
Quật mô thánh để phi tang xương

Có gã hề cuồng ra giữa chợ  
Hát ngao những đoạn sấm truyền xưa  
Bao giờ trời nổi cơn nôm lớn  
Minh chúa giông thuyền ra cố đô

Người mẹ trẻ buồn đôi mắt trừng  
Thân gầy nhúm, tóc cháy, da cần...  
Địu con, một dùm thịt nhả nhúm  
Ra ruộng khê tìm mót cái ăn

Làng mạc giờ đây đã trông trơn...  
Con dê, con chó cũng không còn  
Người đi bỏ xác nơi bờ bụi  
Miếu sặt, thần hoàng rú héo hon

Ta khóc lẻ loi, cười một mình  
Thu hình ả nấu dưới tâm linh  
Mất chong kính hải đêm hư sử  
Thân lửa lò đau cháy khổ hình

Gỗ lấy đầu mình như gỗ cửa  
Liên hồi kêu cứu giữa đêm khuya  
Đầu ta như chiếc đầu lâu cổ  
Tiếng rỗng không khô khóc nã nê

Ta thương vô kể mầm cây lụi  
Con suối trinh nguyên chết cạn lòng  
Thương bậc hiền nhân về động đá  
Quyên sinh. Từ đó, hạc bay không...

Còn ở đâu miền xanh bóng cây  
Để ta đến đó ngồi trưa nay  
Dường như hơi mát trong vòm lá  
Có chất men làm ta thoảng say

Còn ở đâu làn nước giếng khơi  
Để ta đến uống một hơi dài  
Thỏa cơn khát nhớ như điên dại...  
Nước giếng quê nhà mát ngọt thay!

Ở đâu còn ngọn suối thần tiên  
Đã chảy đi từ tuổi ấu hiền  
Dàn khúc trường ca xanh bất tận  
Còn nghe vang vọng cuối trời quên

Ở đâu còn bóng chim huyền diệu  
Hót gọi tiên thân ta tái sinh  
Hót gọi vô vân mơ ước cũ  
Bay lên trời lớn, độ mộng mênh

Ở đâu còn cụm mây hư ảo  
Bay tự ngàn năm trắng cổ thi  
Tưởng tượng ta gom vào hiện kiếp  
Trộn luân hồi ấy, một lần đi

Ở đâu còn trận gió thênh thang  
Thổi mới trần gian mùa rộn ràng  
Tiếng biển lời rừng nao nức giục  
Ta về cho kịp độ xuân sang

Mùa hè, em bới tóc lên cao  
Môi ửng son và má chớm đào  
Ngày nghỉ về vườn thăm họ ngoại  
Lông như con sáo trong ca dao

Trời cảm thạch ngời, bông mịa trắng  
Ngoài đồng dậy tiếng trẻ thơ reo  
Con chuồn chuồn đỏ thông dong quá  
Mùa hết, còn bay dôi dôi theo...

Em mặc bà ba ra bến nước  
Đưa tay khỏa nhẹ nhớ thương nào  
Đến nay, lòng ấy còn xao gợn...  
Mùa trái cây nào hái tặng nhau

Đỏ mắt đăm đăm, ngày lại ngày...  
Bao giờ mây sẽ chuyển về đây?  
Bao giờ trời sẽ mưa như xối  
Hạnh phúc chan hòa lên cô cây?

Bao giờ, cho đến bao giờ nữa  
Em gánh vui về hộp chợ đông  
Lông ngát như hoa còn kịp buổi  
Áo chưa người giữ để xin buông?

Mưa ôm choàng đất khóc thương mong  
Mưa báo tin vui chạy sáng đông  
Mưa đuổi bắt gào reo hơn hồ  
Mưa mừng trẩy hội nước trăm sông

Ông lão mù lòa ra trước hiên  
Nghe mưa cũng ngược mắt nhìn lên  
Má nhân bỗng sáng hai hàng lệ...  
Ông hiểu ra rồi lẽ biến thiên

Ta nghe cánh cửa lâu đời sập  
Những xích xiềng han rỉ đứt tung  
Sấm động một trời u uất vỡ  
Muôn nghìn năm thế giới còn rung

Tất cả rồi đây sẽ đổi thay  
Đổi thay từ quặng mỏ, mầm cây  
Đổi thay cả mặt người tâm tối  
Những bớt chàm xưa được xóa trôi

Ta nhật từng trang sách rách toang  
Đưa ngu đã xé vớt ra đường  
Ta gom từng hạt cây luân lạc  
Mong môi gậy lên một địa đàng

Đi nào, chú bé của ta ơi  
Đem tấm lòng trang trải với đời  
Yêu cả con sâu cùng cái kiến  
Thả hồn vào cỏ lá bung phơi



Bao giờ ta trở về dương thế  
Sống đáng vinh danh lại kiếp người  
Đề thấy đường đi muôn lối rộng  
Đập diu những chèo áo reo vui?

Quê ta đâu cũng là sông nước  
Phơi phới triều lên bát ngát bờ  
Cuồn tiếng đàn khuya trên bến bắc  
Trải tình về lại lạch nguồn xưa

Biển khơi mở cửa như đêm tối  
Cung hiến bao nhiêu mộng dị thường  
Cho thấy cuộc đời sinh động mãi  
Lòng người rộng ngợp mây không gian

Đêm ta để cửa chong đèn đọi  
Người khách xa nào sẽ đến đây?  
Ta đọi vì nghe ngoài ngõ trúc  
Có con chim khách kêu chiều nay

Đêm bạc hà thơm nghe cổ tích  
Muôn sao trẻ nhỏ đùa rì rào  
Trong vườn, cây cô dương linh hiển  
Đã hiện thành người đi dưới sao

Đỗ cho ta giấc ngủ bình yên  
Đêm tựa bàn tay rất đổi hiền  
Kéo tấm chăn thêu màu sắc sỡ  
Đập lên ta tuổi cũ hồn nhiên

Nhà ta biết có còn nguyên vẹn?  
Tái hợp nào không nhuốm ngậm ngùi?  
Người chết cũng xin tề tựu đủ  
Tình dù u hiển chẳng đang nguôi

Nhóm lên bếp lửa đêm trừ tịch  
Hát với nhau vài điệu hát vui  
Nâng chén uống mừng ta sống sót...  
Chợt nghe nông lệ tự đâu rơi

Hy vọng lên từ đất dịu hòa  
Con chim bay kiếm lại trời xa  
Em về vườn cũ thăm cây trái  
Gặp tuổi lưng chừng khóc giữa hoa

Lòng ta nay vẫn lòng ta trước  
Vẫn chảy về con nước thuở nào  
Sợ tóc mai kia dù có rụng  
Ba sinh còn để nhớ cho nhau

Đất trời không có chi còn mất  
Ta bước ra thân đón tuổi già  
Trước mắt, ta còn trăm thứ việc:  
Sửa nhà, chăm sóc lại vườn hoa...

Những ai hôm trước từng gây tội  
Hãy lãng tâm tha lấy lỗi mình  
Tự tại, thời gian chôn chính nó  
Đời lên lại mãi tựa bình minh

Sẽ lo chẳng những cho người sống  
Lo cả cho người khuất mặt kia  
Quen lạ bạn thù chung giấc ngủ  
Chung lời thương tiếc khóc trên bia

Con ta giờ đã làm cha mẹ  
Lớp lớp truyền lưu máu một dòng  
Không cạn nguồn tình thiên bẩm ấy  
Đời đời nhân loại sống như sông

Nghe này ba tiếng gõ sân khấu  
Màn mở, người tham dự đứng lên...  
Thế giới, hãy còn thơ trẻ nhé  
Bắt đầu câu chuyện lớn thần tiên

**TÔ THÙY YÊN**

Nghệ Tĩnh, 1979

Nguồn: Tô Thùy Yên, *Thơ tuyển*,  
Minnesota, 1995

## TÀU ĐÊM

Tô Thùy Yên

Tàu đi. Lúc đó, đêm vừa mới  
Lúc đó, sao trời đã ngủ mê  
Tàu rú. Sao ơi, hãy thức dậy  
Long lanh muôn mắt tiễn tàu đi

Thức dậy, những ai còn sống đó  
Nhìn ra nhớ lấy phút giây này  
Tàu đi như một cơn giông lửa  
Cuồn cuộn sao từ ống khói bay

Cảnh vật mơ hồ trong bóng đêm  
Dàn ra một ảo tượng im lìm  
Ủ ê những ngọn đèn thừa thớt  
Sáng ít làm đêm tối tối thêm

Bến cảng, nhà kho, những dạng cây...  
Chưa quen mà đã già từ ngay  
Dấu sao cũng một lần tan hợp  
Chớ tiếc nhau vài cái vẫy tay

Toa nệm lúc nhúc hồn oan khóc  
Đèn bão mờ soi chẳng rõ ai  
Ta gọi rưng ròi ta thất lạc  
Ta còn chẳng đủ nữa ta đây

Người bạn đường kia chắc chẳng ngủ  
Thành tàu sao chẳng võ mà ca?  
Mai này xô giạt về đâu nữa?  
Đất lạ ơi, đừng hắt hủi ta!

Đất lạ, người ta sống thế nào?  
Trong lòng có sáng những trăng sao  
Có buồn bã lúc mùa trăng tròn  
Có xót thương người qua biển dâu?

Tàu đi như một cơn điên đảo  
Sắt thép kinh hoàng va đập nhau  
Ta tưởng chừng nghe thời đại động  
Xô đi âm ỉ một cơn đau

Ngồi đây giữa những phân cùn bụi  
Trong chuyển dời xung sát bạo tàn  
Ta trở thành than, thành súc vật  
Tiếng người e cũng đã quên ngang

Ta nghe rêm nhói thân tàn rạc  
Các thoi xương lia đục chồi nhau  
Nghe cả hồn ta bị cán nghiền  
Trên đường lịch sử sắt tuôn mau

Dường như ta chột khóc đau đớn  
Lệ nóng cường toan cháy ruột gan  
Lệ chảy không ra ngoài khóe mắt  
Nghẹn ngào đến cả tiếng than van

Giá ta có được một hơi thuốc  
Dấu chi là hơi thuốc mốc thối  
Để phả cho hồn ấm tinh lại  
Để nghe còn sự sống trên môi

Ta nhớ dăm ba hình ảnh cũ  
Lờ mờ như nhớ lại tiền thân  
Đời ta khi trước vui vầy thế  
Bỗng thảm thương nghìn nỗi ngói tan

Đem thân làm gã tù lưu xứ  
Xí xóa đời ta với đất trời  
Ngân dậm lia tan tinh cổ cựa  
Bàng hoàng thân thể cụm mây trôi

Đã mấy năm nay quần quai đói  
Thèm ăn như đứa trẻ con nghèo  
Mẹ ơi, con nhớ thời thơ ấu  
Nhớ miếng ăn mà mẹ vất vả

Liệu còn một bữa cơm ấm  
Bên ánh đèn đoàn tụ vợ con  
Chia sẻ chút tình cay mặn cũ  
Miếng không ngon cũng lấy làm ngon

Tàu đi khoan xoáy sâu đêm thép  
Tiếng nghiêng ghé người, thác lửa sa  
Lịch sử dường như rất vội vã  
Tàu không để lại các ga qua

Ô, những nhà ga rất cổ xưa  
Dường như ta đã thấy bao giờ  
Đến nay, người giữ ga còn đứng  
Đèn báo đông đưa chút sáng mờ

Tàu qua những ruộng đồng châu thổ  
Hiu hắt làng xa mấy chấm đèn  
Đêm ở nơi đây buồn lặng lặng  
Cái buồn trải nặng mặt bằng đen

Hỡi cô con gái trắng mười bốn  
Đêm có nằm mơ những hội xuân  
Đời có chẳng lần cam đối mẹ  
Nhớ thương nào giấu thắm vành khăn?

Có lúc tàu qua những chiếc cầu  
Sầm sầm những nhịp động đều nhau  
Dưới kia con nước còn thao thức  
Bát ngát dềnh lên bãi sậy sâu

Có lúc tàu qua những thị trấn  
Mà đêm đã gói lại im lìm  
Tàu qua, âu cũng là thông lệ  
Nên chẳng ai buồn hé cửa xem

Ồi những nỗi sầu vô dạng ấy  
Gọi ta về với những đêm vui...  
Ở đâu đèn sáng như châu ngọc  
Đường phố người chen chúc nói cười

Ở đâu mộng ảo vườn sao tụ  
Yến tiệc bày trong những khóm cây  
Ta rót mừng em ly rượu đỏ...  
Mà thôi, chớ nhớ nữa, lòng ơi

Mà thôi, hãy nuốt lệ còn nghẹn  
Tinh thức, lòng ơi, nhìn tận tường  
Thời đại đang đi từng mảng lớn  
Rào rào những cụm khói miền man

Người bạn đường kia chắc vẫn thức  
Mong tàu đi đến chỗ đêm tan  
Có nghe lịch sử mài thê thiết  
Cho sáng lên đời đã ri han

Tàu ơi, hãy kéo còi liên tục  
Cho tiếng rền vang dậy địa cầu  
Lay động những tầng mê sáng tối...  
Loài người, hãy thức, thức cùng nhau

### TÔ THUY YÊN

1980

Nguồn: Tô Thùy Yên, *Thơ tuyển*, Minnesota, 1995

## ■ TRANG THƠ TÔ THÙY YÊN

Website: <http://www.thivien.net>

\*\*\*\*\*

### ■ TÔ THÙY YÊN ĐỌC 2 BÀI THƠ: “CẢNH ĐỒNG, CON NGỰA, CHUYẾN TÀU” VÀ “TRƯỜNG SA HÀNH” (MP3)



*Hàng ngồi từ trái: Ngọc Hoài Phương, Tô Thùy Yên, Đặng Khánh, Du Tử Lê.  
Hàng đứng: Phương Hoa, bà Tô Thùy Yên, Khánh Minh,  
Tuấn Ngọc, Nguyễn Lương Vy, Bùi Xuân Hiến*

# SÁNG TẠO

\*\* VÕ PHIÊN \*\*



Tháng 10 năm 1956 tạp chí Sáng Tạo ra đời. Tờ báo đáp ứng một sự thiếu vắng, nó được hoan nghênh ngay.

Trước “vận hội mới” quần chúng độc giả chờ đợi một xuất hiện mới trên lãnh vực văn nghệ. Loại thơ văn trên báo Đời Mới của Trần Văn Ân chẳng hạn không còn sức thu hút nữa, những sáng tác ra mắt trên nhật báo không thể thỏa mãn, tờ Mùa Lúa Mới vẫn chỉ là của một địa phương. Tờ Sáng Tạo chính đã đến đúng lúc. Và nó đã nhằm đúng vào tâm trạng quần chúng: chờ cái mới.

Thoạt ra mắt, Sáng Tạo đã phát động ngay “một nền nghệ thuật mới”, “nghệ thuật hôm nay”. Phát động thật ồn ào. Mười bốn năm sau, Mai Thảo nói về lúc khởi đầu ấy vẫn còn nói bằng giọng say sưa: “Chất nổ ném vào. Cờ phát. Xuống núi, xuống đường. Ra biển, ra khơi. Và cuộc cách mạng tất yếu và biện chứng của văn chương đã bắt đầu” (1) – Cách mạng chống lại cái gì? Phá bỏ cái gì vậy? – Những cái không thuộc về hôm nay: “Trong một thực trạng dày đặc những chất liệu của sáng tạo và phá vỡ như vậy, văn học nghệ thuật mặc nhiên không thể còn là tả chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn lối Thanh Châu, những khái niệm Xuân thu, những luận đề Tự lực.” (2) Cuộc cách mạng này “tự trung vẫn chỉ là lịch sử tiến trình biện chứng của những trào lưu cạn dòng phải nhường bộ rút thoát cho những ngọn triều lớn dậy thay thế” (3)

Nhưng đến khi cần biết về “ngọn triều lớn” thì không thể biết gì rõ ràng. “Văn nghệ hôm nay” chủ trương ra sao? Đưa ra lý thuyết gì? Vạch ra những đường lối gì? Bác bỏ văn nghệ hôm qua ở chỗ nào? – Nhóm Sáng Tạo không có giải đáp: “... thế nào cũng được. Điều đáng ghi nhận là lên đường ấy đã có.” (4) Vâng, thì lên đường đã được ghi nhận xong; nhưng lên đường đi về hướng nào đây? Về thi ca, Mai Thảo bảo rất đại khái: “Và thơ bây giờ là thơ tự do.” (5); về các bộ môn khác, không thấy có ý kiến gì. Thơ tự do không phải là cái mới mẻ nữa. Nó không phải là sáng kiến của văn nghệ hôm nay, của cách mạng. Sau này, có lần Mai Thảo thú nhận: “Tôi không nhìn Sáng Tạo như nơi phát xuất và hình thành một dòng văn học nghệ thuật. Lớn chuyện quá. Một tinh thần nào, một cách thế thì có.” (6)

Nhìn như một tinh thần, thì đó là một tinh thần đổi mới đầy tự tin, đầy hứng khởi. Tinh thần ấy có sức lôi cuốn, động viên; một tinh thần đáng tán thưởng. Nhưng nhìn như một cách thế, thì cách thế Sáng Tạo có những chỗ khó bảo là “tuyệt đẹp”. Chẳng hạn trong lối “khai tử” nền văn học tiền chiến có một cách thế kiêu căng; chẳng hạn trong lối diễn đạt của những vị trong nhóm chủ trương có một cách thế kiêu kỳ; hoặc hoa hòe hoa sói, kiểu cách ưỡn ẹo, hoặc tối tăm rối rắm.

Tuy nhiên Sáng Tạo đã có những đóng góp đáng kể. Mặc dù chỉ xuất hiện trong một thời gian ngắn 31 tháng, nó đã phát huy được một số văn tài đông đảo. Nhiều người trong số đó về sau, sau khi tờ tạp chí đình bản, tiến lên giữ vai trò quan trọng trong những hoạt động văn nghệ riêng biệt của mình. Thanh Tâm Tuyền dần dần viết truyện nhiều hơn làm thơ, viết truyện rất thành công và có ảnh hưởng rộng trong văn giới lớp sau; Doãn Quốc Sỹ chủ trương một nhà xuất bản, giới thiệu thêm một số cây bút mới

nữ (trong đó có Phan Nhật Nam); Nguyên Sa rời đứng ra chủ trương các tạp chí Gió Mới, Hiện Đại, và có một uy thế riêng; Tô Thùy Yên, Sao Trên Rừng (sau đổi ra là Nguyễn Đức Sơn) rời trở thành những thi sĩ có bản sắc đặc biệt; Dương Nghiễm Mậu sáng tác mỗi lúc mỗi phong phú mỗi độc đáo, chủ trương nào nhà xuất bản nào tạp chí Văn Nghệ (cùng với Lý Hoàng Phong), là một cây bút xuất sắc hoạt động mạnh mẽ cho đến ngày cuối cùng của Miền Nam v. v...



## Võ Phiến

(Trích “Văn Học Miền Nam Tổng Quan” - Võ Phiến, Nxb Văn Nghệ, tháng 7-1988)

1,2,3) Mai Thảo, “Đứng về phía những cái mới”, *Tuyển truyện Sáng Tạo, Sóng Mới tái bản tại Hoa Kỳ, các trang 8, 11, 13.*

4) *Sđđ, trang 12.*

5) *Sđđ, trang 11.*

6) Nguyễn Nam Anh, “Mai Thảo, nhà văn ở phút nói sự thật”, *tạp chí Văn, Sài Gòn, số 192 ra ngày 15-12-1971.*

# SANG TẠO

THÁNG 5 1937

TRẦN THANH HIỆP . . . Vai diễn gọi ý và thơ tự do  
DUY THANH . . . Nói về nội họa  
NGUYỄN SA . . . Văn đã thiết học còn bản

SÁNG TÁC

TÔ KIỆU NGÂN . . . Về một ánh nắng  
VĨNH LỘC . . . Mái nhà  
NGƯỜI SỐNG THƯỜNG . . . Người bỏ quên  
LÝ HOÀNG PHONG . . . Con sông

THƠ TỰ DO CỦA

TRẦN THANH HIỆP - NGUYỄN SA  
CUNG TRÂM TƯỜNG - TÔ THUYẾT

LIÊN HỆ VĂN HỌC

NGUYỄN SỸ TẾ . . . Văn đã phân chia thời đại và  
khuyến khích văn học Việt Nam

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

NGUYỄN ĐĂNG . . . Về bình kịch và hình thức *Thơ diễn nghệ* -  
TRƯỜNG GIANG . . . TRẦN ÁP (1931) VÀ CÁC GIẢI THƯỞNG -  
CHƯƠNG QUẢN CƯỚC ĐỘI VĂN CÔNG - TRẦN LÂM THẮNG -  
HẦU ANH . . . XUYÊN VẤN ĐỂ VIỆC BẠCH VÀ MỘT THIÊN  
QUAN . . . ĐẠI HỒ - QUÂN ANH LÀN THƠ BỊ TẠI VNINE -  
THANH NAM . . . VĂN SÁT T KIỆN VÀ T HỒAI CỦA ĐOÀN QUỐC SĨ.

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP

MAI THẢO

TẬP CHÉ VĂN NGHỆ QUÁT BAN HÀNG THÁNG  
TỔA SOẠN VÀ TIẾP SỬ 102B XY CON - SAIGON

50 N

GIÁ 6100

## NỘI DUNG SỐ NÀY :

	Trang
DOÀN QUỐC SỸ	NÊN ĐAI HỌC VĂN KHÓA VIỆT NAM . . . 1
NGUYỄN SA	THIỆT ĐỌC CỦA KANT . . . 11
NGƯỜI SỐNG THƯỜNG	CHUYẾN XU LỘ . . . 17
VŨ KHẮC HOÀN	MỘT KHÓA CÁNҺ TẬP SỰ CỦA ÔN NIỆP HỒU . . . 25
TRẦN THANH HIỆP	MỘT CHỖ TRÊN ĐỒ ĐUT . . . 30
DUY THANH	ĐẠI THỦ TÍNH SỐ 31 . . . 30
CUNG TRÂM TƯỜNG	TÔI GẶP MẺ, GẶP TIỂ, TÔI ĐÓN YẾU 31
LÝ HOÀNG PHONG	NGHĨA HANG ĐAI . . . 33
THÁI TUẤN	NIỆN SÁ CỬ ĐỒ ĐỒA TRƯ U TƯỜNG 43
TÔ THUYẾT	TẠI SAO KHÔNG ? - TÔI . . . 44
TRẦN THANH HIỆP	CÁM XÚC . . . 45
TRẦN THANH HIỆP	SỢM SÁI . . . 46
KIỆM MINH	CƠN THUYẾT GIẤY . . . 48
TRẦN THANH HIỆP	NGUYỄN TRUNG CÂN THÔNG VĂN NGHỆ TÊN ĐỢI . . . 54

## QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

NGUYỄN ĐĂNG . . . Về bình kịch và hình thức *Thơ diễn nghệ* -  
TRƯỜNG GIANG . . . TRẦN ÁP (1931) VÀ CÁC GIẢI THƯỞNG -  
CHƯƠNG QUẢN CƯỚC ĐỘI VĂN CÔNG - TRẦN LÂM THẮNG -  
HẦU ANH . . . XUYÊN VẤN ĐỂ VIỆC BẠCH VÀ MỘT THIÊN  
QUAN . . . ĐẠI HỒ - QUÂN ANH LÀN THƠ BỊ TẠI VNINE -  
THANH NAM . . . VĂN SÁT T KIỆN VÀ T HỒAI CỦA ĐOÀN QUỐC SĨ.

## SANG TẠO ĐỒNG THÀNH TẬP ĐÃ PHÁT HÀNH

16 bản báo công, hình bìa mỹ thuật, giấy 100 trong, giá đợt đợt 3000,  
tạp chí văn nghệ hàng tạp đăng minh 100 từ số 1 đến số 43 phát  
hành toàn quốc. Các bạn chưa mua từ số đầu hoặc chưa đủ số bộ năm  
tìm mua ngay ở các hiệu sách và ở nhà chỉ số hộ gia đình.

Thư tự và bài vở gửi cho : MAI THẢO  
Liên lạc và ngân phiếu cho : ĐĂNG TẾ EM  
TỔA SOẠN TẠP CHÉ SANG TẠO  
132B, Đường Kỳ Con - SAIGON

## Tôi lên tiếng

Hãy nhìn ra máu chảy ngoài đường  
PABLO NERUDA

Tôi gạt đầu trước mặt ái tình  
Như một loài cỏ ngoan vâng lời gió dạy  
Kìa máu chảy ngoài đường  
Kìa máu chảy  
Tôi ra giữa công trường cất tiếng kêu oan  
Nhân loại ngây thơ đời đời chịu tội  
Sắt đỏ cày nhăn trán mịn màng  
Lúa đầy đồng người gạt thiếu ăn  
Chúng nó đòi thủ tiêu thi sĩ

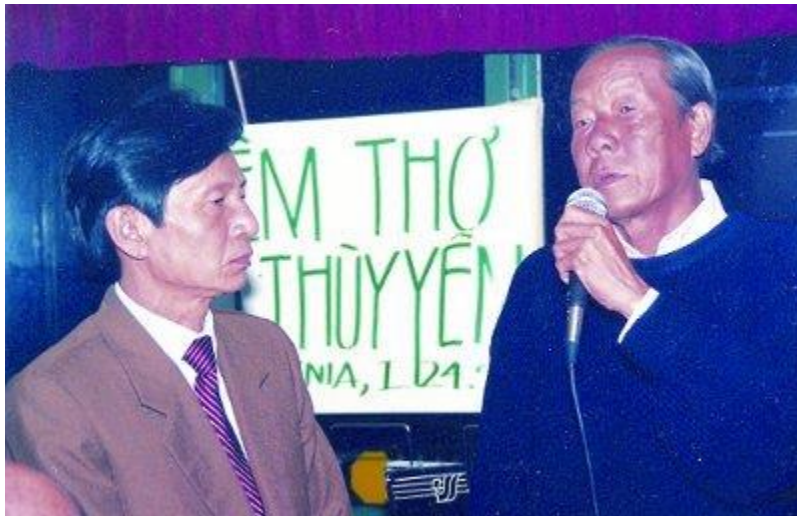


Tôi là thi sĩ tôi yêu  
Chúng ta góp tay đẩy đời đi tròn  
Hỡi những người chỉ dám khóc trong giấc mơ  
Tôi đáp lời bình minh tuổi trẻ  
Được nhìn mặt trời sung sướng thay  
Chúng ta cười trên môi bằng hữu  
Trong mỗi bài thơ phải có những danh từ  
Cách mạng hòa bình tự do nhân đạo  
Nguồn ở đây thì biển cũng gần  
Chúng ta yếu hèn chúng ta thắng trận  
Tôi chào mừng thế kỷ ra giêng  
Buổi chiều đỏ  
Không khí đầy hơi thở khó khăn  
Chúng nó hành hình thủ tiêu ám sát  
Tôi là một người trong đám đông

**Tô Thùy Yên (tạp chí Sáng Tạo – số 8 tháng 5, 1957)**

\*\*\*\*\*

■ [THƠ TÔ THÙY YÊN TRONG TẠP CHÍ SÁNG TẠO](#) (PDF) – Thư Quán Bản Thảo



**Tô Thùy Yên & Mai Thảo**

# TUYỂN TẬP THƠ TÔ THÙY YÊN 2018

<https://tranhoaitu42.com/tuyen-tap-tho-to-thuy-yen/>

## Mục Lục

Thi sĩ 9	Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai 76
Cánh đồng con ngựa chuyển tàu 13	Bất tận nỗi đời hung hãn đó 81
Đêm qua bắc Vàm Cống 14	Chim bay biển Bắc 90
Hải phận 16	Goá phụ 94
Tội nghiệp 17	Chiều trên phá Tam Giang 96
Bọt Nước 18	Trường Sa hành 107
Những ý nghĩ vào buổi chiều trên bãi biển 19	Vườn hạ 112
Thân phận của thi sĩ 21	Em nhỏ, làm chi chim biển Bắc 117
Tội trạng 25	Mùa hạn 120
Trời trắng 27	Tàu đêm 132
Nói với một người bạn gái 29	Tháng chạp buồn 139
Ngụ ngôn 31	Ta về 147
Em đi 32	Thao thức 155
Bụi đời 35	Quán vắng về 157
Bìa chú 38	Đi về 159
Bãi nước rút 40	Kẻ vong tình 160
Hồn vô sở cư 44	Hạ tàn 161
Khát già 47	Người ở lại 163
Vẫn thấy ta 50	Những thành phố mà ta không ghé lại 167
Đãng tử 53	Nỗi dợi 174
Qua sông 55	Thức giắc trong biệt giam 181
Anh hùng tận 57	Giấc hoành môn 188
Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới 59	Ánh tàn dư 193
Mòn gót chân sương nắng tháng năm 61	Giã biệt 206
Hề, ta trở lại gian nhà cô 66	Sáng nay ta còn đi bên nhau 223
Tưởng tượng ta về nơi bàn trạch 72	

- Tặng phẩm 235  
Đi xa 236  
Biệt tâm 237  
Vẫn là 238  
Bỏ lỡ 240  
Hoa sương 241  
Đêm thức 242  
Thanh minh 243  
Dừng bước 244  
Vận nghịet 245  
Cánh diều 246  
Hồn lạc 247  
Không kịp 248  
Đuối trông 249  
Nhanh hơn 250  
Thương tật 251  
Hồn trôi 252  
Sát na 253  
Đá mộng 254  
Con sáo 255  
Chim kêu bãi quanh 256  
Hái rau 259  
Suốt bãi sông Hằng 265  
Viễn tây 268  
Đại bình nguyên 271  
Đường trường đêm 275  
Chia tay ái Tây 280  
Đêm quan ngoại 282  
Nhà xưa lửa cất ù 284  
Huế oán 291  
Nhớ có lần, trên bến bắc khuya, nghe một ông lão  
đàn hát 293  
Lão trượng 297  
Thập tạ 305  
Du mộng 309  
Tỵ khách 311  
Xót xa 314  
Con mê 315  
Lễ hội 316  
Gặp gỡ giữa đường 318  
Thấm thoát đời ta 323  
Nỗi mình lần giờ 327  
Hành giả âu sầu 332  
Soi mệnh 340  
Thơ tạ 345

# THẮP TẠ

Tặng Huỳnh Diệu Bích

Trăm năm đã chẳng nề hà...



*Một mai nàng lên núi chơn chứa  
Hỏi tìm cho gặp đá tiên tri...  
Về sau, đời có ra sao nữa  
Cũng đã đành tâm sẵn một bề*

*Đá, chẳng đá nào lên tiếng với...  
Nàng đi thôi đã nát chân hồng  
Nghe con vượn ẩn thân khóc hối  
Một lần bỏ lỡ chuyến lia non*

*Một mai nàng vô rừng u ẩn  
Nhặt trái nửa về nhuộm dạ sầu  
Thấy trăm họ cỏ cây chen quán  
Nương nấu nhau mà tội nợ nhau*

*Con loan, con phượng bay đâu lạc  
Đến nỗi nào, sao chẳng gọi bầy?  
Nếu như hoa biết chiều nay rụng  
Ấu cũng vui mà nở sáng nay*

*Một mai nàng qua cầu cam mặc  
Mưa nắng gì thôi cũng một thì...  
Rau hạnh, rau vi từ lúc có  
Chưa từng người biếc bãi Kinh Thi*

*Cửa đây làm, vô lường cuộc điện...  
Ba ngàn thế giới đã nhà chưa?  
Lâu ngày, thân thể rách như gió  
Thấy lại mình như kẻ đáng ngờ...*

*Một mai nàng đến thành hoa gấm  
Hát một chiều, tiền tường ngập chân  
Vui nồn nao trời, thốc tháo biển...  
Một lần, thử đổi bỏ chân thân*

*Gà nửa khuya gáy xô trăng muện  
Ai hồ nghi lộn kiếp bên này?  
Con chó khóc tru ngoài địa giới  
Ngờ ngờ người góc biển chân mây*

*Một mai nàng ra bãi vô định  
Nhìn sông đổi lòng, nhìn núi chuyển  
chân  
Mây bay bay như những vẩy biệ...  
Nàng đứng cho tàn như một nén nhang*

*Thấp tạ càn khôn một vô ích  
Thấp tạ nhân quần một luyến thương  
Biển Đông đã một ngày xe cát...  
Khuất giạt, mơ lai kiếp dã tràng*

**Tô Thùy Yên 7.1998**

Nguồn: Tô Thùy Yên, *Thấp tạ*,  
An Tiêm xuất bản, Houston 2004

# Hoa Từ Bi Độ Lượng

Bài nói chuyện của TÔ THÙY YÊN



Nhà thơ Tô Thùy Yên phát biểu

**LTS: Bài nói chuyện của nhà thơ Tô Thùy Yên được chúng tôi đăng tải sau đây là bài nói về bài thơ “Hoa Từ Bi Độ Lượng” của Cái Trọng Ty trong đêm họp mặt thân hữu 20/8/2016 tại tư gia anh chị Tô Thùy Yên.**

**Bài thơ được sáng tác sau khi nhà thơ Cái Trọng Ty đọc bài viết của tác giả Tô Thẩm Huy về “những điều trông thấy” trên Thư Quán Bản Thảo (TQBT) số 71 chủ đề “Những chiều đầy bông Phùng Thăng”. Theo nhà văn Phạm Văn Nhân - người vừa nghe video vừa ghi lại thành chữ viết: “Có những lời nói của anh Tô Thùy Yên trong đoạn Video nghe không rõ để ghi lại, tôi phải nhờ anh Tô Thẩm Huy trợ giúp để hoàn thành nên một bài viết... Nhưng tôi cũng Cố gắng để viết ra theo đúng những gì nhà thơ Tô Thùy Yên nói trong đoạn video để cho độc giả TQBT đọc, gần như 100%. Bài nói chuyện của anh TTY rất hay.” TQBT trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.**

... Sự tình dẫn đến bài thơ này là do trước đây ông Trần Thiện Đạo đã viết một bài phê bình vở kịch *Les Mouches* do bà Phùng Thăng dịch thành cuốn *Những Ruồi*, cho là dịch cái cuốn đó dở. Thì ông Bách Kiếm đó, ông mới theo cái truyền thống của Lục Vân Tiên là giữa đường thấy việc bất bình chẳng tha, cho nên ông mới nhảy ra ông viết cái bài đó, [bên vực cho bà Phùng Thăng], gây nên một sự tranh cãi trên văn đàn. Thì cái bài đó nó mới đưa đến việc ông Cái Trọng Ty vốn là một nhà thơ, một nhà thơ đang lên, ông động lòng, ông mới viết cái bài thơ này để vừa xiển dương ông Đoàn Bách Kiếm, mà đồng thời cũng là xiển dương cho bà Phùng Thăng, là người đã quá cố rồi.

Bài thơ này thì nó nằm trong cái truyền thống của Tùng Tuy. Tôi nói như vậy vì đọc bài thơ này ra người ta thấy cái Huế, cái tính chất Huế rất ở trong này. Ngoài ra thì vì bà Phùng Thăng là người tu sĩ, thành thử ra ông mới dùng những từ mà tôi nghĩ là những từ khó, không những khó với người đọc, mà khó với cả tôi, mà chắc ông Đoàn Bách Kiếm cũng thấy khó, thành thử ra ông mới bán cái cho tôi. Ví dụ trong bài thơ này có những chữ mà tôi nghĩ chỉ có những người am tường Phật Giáo mới nắm vững được, ví dụ như chữ *sắc tứ*, tôi có nói với ông Đoàn Bách Kiếm là cái chữ *sắc tứ* này chắc là chữ *Sắc Bất Dị Không, Không Bất Dị Sắc* ở trong Bát Nhã Ba la Tâm kinh. Ngoài ra cũng có một chữ chắc là rất xa lạ với quý vị đó là chữ *Trời Đâu Suất*. Chữ này ông Hàn Mặc Tử đã từng dùng, mà cái khung trời Đâu Suất đó thì theo truyền thuyết của Phật Giáo là cái nơi sản sinh ra Đức Phật Thích Ca. Thành thử ra tôi đọc bài thơ này thì tôi thấy nó có đầy tính chất Huế và tính chất Phật Giáo mang mang ở trong này.

Tôi không có tài đọc thơ, ở đây có những người từng nói là tôi có cái giọng không được truyền cảm, tất nhiên là tôi không thể so được với giọng của Cao Đông Khánh rồi. Nhưng mà tôi cũng vì một người bạn của tôi là ông Cái Trọng Ty. Mà tôi biết được ông Cái Trọng Ty đó phải nói là do ông Tô Thẩm Huy đây. Mà ông Tô Thẩm Huy là người mà tôi tin tưởng, vì đó là người bạn gần nhất của tôi. Mà ông ấy là người am tường chữ nghĩa, ông ấy là người rất sát rạt với chữ nghĩa.

Ông ấy giới thiệu ông Cái Trọng Ty với tôi, giới thiệu thơ Cái Trọng Ty với tôi. Và tôi rất là trân trọng, tôi tin ở cái mức độ thẩm định của ông bạn tôi. **Cũng như là khi tôi đọc thì tôi lấy làm ngạc nhiên tại sao có người làm thơ hay như thế này mà mình không được biết, người cùng thời với mình mà mình không được biết.** Tôi thì từ trước đến giờ trong thâm tâm tôi, tôi vẫn nghĩ rằng, xin lỗi cái này tôi không dám nói là mình lớn nhỏ hơn ai, nhưng mà nó là cái câu thành ngữ của Việt Nam: Con hơn cha là nhà có phúc. **Mà người đi sau trong giới văn học, người đi sau mà tài giỏi hơn người đi trước thì đó là điều đáng mừng cho tiền đồ dân tộc** (Tiếng vỗ tay của cử tọa). Bởi vì tôi đã từng mạo muội viết rằng: *Thi sĩ Bắc Nam đều chết rạp. Ba trăm năm lịch sử làm thinh.* Thì câu đó là câu tối nghĩa của tôi, nó hàm chứa một cái tư tưởng. Tôi nghĩ một nền văn học nào mà trong 300 năm không sản xuất được một thi tài lớn, không sản xuất được một tiếng nói lớn, thì văn học nước đó là kiệt quệ, bởi vì cái văn học đó nó đã chết rồi.

Có người hỏi tôi, như bà Đoàn Bách Kiếm, thì đã có lần bà ấy chất vấn tôi, hỏi là tại sao lại dùng chữ 300 năm. Tôi mới mạo muội, tính tôi thì không bao giờ giảng thơ tôi hết, nhưng mà tôi đã mạo muội, tôi mới nói với bà là 300 năm nhắc lại cái thời Trịnh Nguyễn phân tranh, chia cắt đất nước. Và cái ý của tôi lúc đó là tôi lấy một câu thơ của nhà văn,

nhà kịch tác gia Jean Giraudoux của Pháp trong một vở kịch tên là *Trận Chiến Thành Troie Đã Không Xảy Ra*. Thì ở màn cuối cùng của vở kịch đó, người thi sĩ của thành Troie, vì anh ta là thi sĩ mà, thành thử anh đi lơ ngơ trong trận chiến, và bị một anh lính Hy Lạp đâm chết. Thì trong khi màn đang từ từ hạ xuống, ông dẫn dắt chương trình đó, ông mới nói: *Bây giờ thi sĩ thành Troie đã chết rồi. Lời nói thuộc về thi sĩ Hy Lạp*. Thành thử tôi mới nghĩ câu thơ đó. Tôi mới nói rằng, tôi nghĩ rằng cái dân tộc nào mà không sản sinh được một tài năng mới thì dân tộc đó là một dân tộc bất hạnh. Lịch sử đó là lịch sử chết. Lịch sử làm thình. Thành thử ra khi tôi đọc bài thơ này, tôi nhân đây tôi muốn nói là tôi vinh danh anh Cái Trọng Ty, là một người đã làm vẻ vang... (*nghe không rõ vì tiếng vỗ tay*).

Trước khi tôi mời anh Đoàn Bách Kiếm lên đây thay tôi đọc bài thơ này thì tôi xin mời anh Cái Trọng Ty, nếu anh có thêm lời, có ý kiến gì, xin lên đây phát biểu.



***Tô Thùy Yên và Cái Trọng Ty (người cầm micro)  
trong đêm gặp mặt thân hữu 20-8-2016 tại tư gia nhà thơ Tô Thùy Yên***

Ghi chú:

**Đàn Bách Kiếm** là bút hiệu khác của **Tô Thẩm Huy**, khi phụ trách mục **Đùa Với Đường Thi** trên Văn Học.

**Tô Thùy Yên**

(Nguồn: Thư Quán bản Thảo số 72, Tháng 10-2016)

## HOA TỪ BI ĐỘ LƯỢNG

Cái Trọng Ty

*gửi Tô Thẩm Huy*

*Đề tưởng nhớ Nữ Sĩ Phùng Thăng*

*em với dòng sông ngân  
trắng quanh đời khổ nạn  
mong manh sợi nắng tàn  
nối hai bờ bơ vơ*

*hai bờ nay cách trở  
xôn xao rừng tiếng động  
chuông chiều vang mật ngữ  
tuệ nhãn thấu tâm như*

*đau đón lửa phân thư  
oải hương vườn sắc tứ  
bức tranh đời vân cầu  
ai gọi mãi chuyến đò*

*chiều sương đầy thành cổ  
hương sen đầu hồ tịnh  
thơm suốt mùa hạ qua  
hương ơ cội hoa tình*

*em đi rồi mấy thu  
đóa hoa vườn tĩnh tọa  
nhịp đời sóng từ bi  
cõi phù trường thấu thị*

*cám ơn đời có em  
nhóm lên tình hoang tưởng  
yêu một trời vô ngại  
cát phẳng nắng dứa hoa*

*yêu từ trắng bóng nhận  
bay vút trời đầu suất  
hoa từ bi độ lượng  
hương tiếp mộng miên trường*





# Tâm thức khuất dạng của thơ

\*\* Tô Thùy Yên \*\*



I.

Năm đó, giặc Trung Quốc bắt thàn mở mặt trận ồ ạt tấn công vào 8 tỉnh miền Bắc nước ta. Nửa khuya, Công an Cộng sản Việt Nam lừa tất cả những người tù đầy của chế độ miền Nam từ những vùng thượng du và trung du lên những chiếc xe đồ khẩn cấp trưng dụng, chạy bán mạng về vùng Thanh Nghệ Tĩnh, tức Liên Khu Tư cũ, đất ẩn trú một thời của những Nguyễn Đức Quỳnh, Đào Duy Anh, Hữu Loan, Phạm Duy và ban hợp ca Thăng Long, của những ngày toàn dân kháng chiến chống Pháp cũ. Tại một trại giam ở Nghệ Tĩnh, ẩn khuất trong Trường Sơn, tôi gặp lại người bạn vong niên là nhà thơ lão thành Hà Thượng Nhân, giữa đồng đảo những bằng hữu thất tán khác. Trong một lần trò chuyện, nhà thơ Hà Thượng Nhân ngỏ ý khát khao được đọc thơ. Tôi hoàn toàn thông hiểu nỗi khát khao đó của Hà tiền bối.

Bởi tôi cũng hằng khát khao ngày đêm như vậy. Nên một hôm, tôi nỗ lực vận dụng trí nhớ đã nhiều hao kiệt của mình ghi lại toàn bộ một kiệt tác khá dài của thi hào Đỗ Phủ. Đó là bài Đồng Cốc Huyện Chung Cư Thất Ca, gồm bảy khúc ca viết theo lối cổ phong, trong đó thi hào mô tả thời thế loạn ly, người phải rời bỏ quê nhà, thất lạc vô âm tín đám em trai, em gái, nay lê tấm thân tàn bệnh tật, đói kém nơi chướng khí sơn lam, chỉ còn trò chuyện cùng con rắn lớn nơi đầm hoang. Bài thơ đó, tôi ghi lại hoàn toàn bằng Hán tự. Cụ Hà đọc lại bài thơ đó, xúc động, cố gắng chuyển dịch thành thơ Việt Nam để cho nhiều bạn khác không am tường chữ Hán cùng được thưởng thức. Rủi ro cho cụ là có một tên chỉ điểm nào đó đi thóc mách, đồ đạc của cụ bị lục soát, bài thơ tang chứng bị tịch thu nên cụ bị Ban An Ninh trại liên tiếp mấy ngày gọi lên làm việc.

Theo quan điểm của trại, rõ ràng là tên Đỗ Phủ này hoàn toàn không chịu an tâm phần khởi cải tạo, oán thán chính sách, bôi bác chế độ, tên Đỗ Phủ này quả là một tên phản động bẩm sinh, cho đến thời điểm ồ ạt của ba dòng thác cách mạng thế giới toàn thắng mà vẫn còn ngoan cố chưa chịu giác ngộ, hối cải. Cán bộ lãnh đạo yêu cầu cụ Hà phải thành khẩn khai báo tên Đỗ Phủ là bí danh của ai, thuộc đội nào, lán nào, liên hệ như thế nào với cụ. Mãi sau này nhớ lại câu chuyện đó, tôi vẫn còn thử nghĩ nếu ở vào trường hợp của cụ Hà, tôi sẽ phải trả lời như thế nào để hương hồn của thi hào Đỗ Phủ khỏi tủi hổ. Có thể tôi sẽ trả lời: Đỗ Phủ là danh hiệu của một con người xứng đáng, ông hiện diện ở mọi đội, mọi lán, một nơi chốn của nhân loại làm than, ông là người rất đổi thân thiết của một số khá đông chúng tôi.

## //.

Đối với đa số người đời, thông thường, thơ nói riêng, văn học nghệ thuật nói chung là một thứ gì đó rất ư phù phiếm, chẳng hề mang lại ích lợi cụ thể thực tiễn nào cho cuộc sống hằng ngày đầy dẫy những vật vã, tất bật. Chắc chắn Platon không phải là người đầu tiên cũng không phải là người cuối cùng trong lịch sử muốn tống xuất nhà thơ ra khỏi cộng đồng loài người dù cho rằng Plato cũng còn một chút ưu ái là choàng cho lấy có lên đầu nhà thơ một vòng hoa tưởng thưởng. Do đó, dường như chẳng có mấy người làm văn học nghệ thuật nào, nhất là nhà thơ lại chẳng mang sẵn không nhiều thì ít cái mặc cảm mình là kẻ thừa thãi, là kẻ ăn bám trong xã hội loài người quàn quật đầu tắt mặt tối. Rõ ràng lao động nghệ thuật, nhất là lao động thi ca, gần như chẳng được xã hội lưu tâm bao nhiêu và đánh giá đúng mức. Và cũng vì cái mặc cảm về sự vô bổ đó của thơ nên đã có một số không ít những người làm thơ đã muốn dĩ thi tải đạo, làm những bài thơ giáo huấn tuyên truyền luận giải thuyết phục, để thấy mình cũng như thơ có được một mục đích lợi ích xã hội thiết thực.

Tất nhiên cũng không hiếm những chế độ chính trị đã tận lực góp thêm phần tạo thành dày đặc cái mặc cảm vô dụng đó nơi người làm thơ để dễ dàng sử dụng hần như một công cụ khá cần thiết cho chúng, và khi đã ưng chịu như vậy thì người làm thơ một cách mặc nhiên đã làm một công việc hoàn toàn khác biệt với công việc làm thơ, đã tự mình chối bỏ danh xưng thi sĩ.

Một chế độ chính trị bao giờ cũng bắt buộc phải chứng minh bằng cách này hoặc cách khác. Còn thơ tự bản thân nó chẳng cần chứng minh nó là thơ, một thế giới cảm xúc thế thôi. Sự thiết thân gắn bó của thơ đối với con người, cái lý do tồn tại chính đáng cao cả đó của thơ sẽ phải chỉ tìm thấy được ở một nơi chốn nào khác, và nơi chốn đó là hồn thơ của chính người đọc. Do đó, đã xảy ra điều nghịch lý là khi nhà thơ tự đặt trước cho mình một mục đích lợi ích thực tiễn xã hội nào đó, thì đó cũng là lúc nhà thơ chẳng

còn lấy chút lợi ích nào nữa cho đời sống. Tuy rằng, trên thực tế, một thực tế mà người đời ít có dịp nhận ra một cách phân minh, chính xác là thơ, cho dù có bị khước bỏ, hắt hủi, lãng quên đến đâu đi nữa, vẫn luôn luôn hiện hữu, kết liền một cách thiết thân hình bóng với con người, với cuộc đời như một người tình cực kỳ bất hạnh của định mệnh ràng buộc, chẳng thể để dễ dàng xa lìa, để bỏ.

Bởi lẽ con người nào cũng đều tàng chứa trong tâm thức sâu thẳm của mình cái hồn thơ bàng bạc, chung đồng và vĩnh viễn. Cái hồn thơ đó trường kỳ nghi phục, bất động đầu đó, khó thể nhận biệt trong những lúc bình thường của cuộc sống, để rồi trong những thoáng cơ duyên nào bất chợt nhất, nó lại xuất đầu lộ diện ngự trị, điều động con người theo những luật tắc riêng biệt vừa rộng rãi mà cũng vừa nghiêm nhặt của nó. Và kinh qua những lần chứng nghiệm thơ như vậy, con người bỗng nhận thức được như một đốn ngộ về một nghịch lý: thơ, với tất cả những gì mà người đời cho là những khuyết phé vốn dĩ của thơ, lại cũng là một phương thức nhận thức đặc biệt cùng với những phương thức nhận thức khác của con người triển miên theo đuổi công cuộc tìm kiếm những sự thật lẫn khuất chung quanh mình, ở trong mình.

Và thơ, tội nghiệp thay, cũng là đưa con nhờ vả được đã dẫn dắt người cha mù lòa đi sâu vào những cõi u uẩn huyền nhiệm tuyệt vời và chính những đưa con sáng sửa hằng được trọng vọng khác của trí tuệ con người chẳng tài nào tiếp cận.

### ///

Phải, ở những lần ranh cuối cùng mà tôn giáo, triết học, khoa học đã phải đứng lại, thơ, vâng, chỉ có thơ, vẫn nhẹ nhàng tiến bước, xông pha, bay lượn, vùng vẫy. Lúc đó, những lúc đó, con người chợt cảm nhận rằng mình phơi phới nhẹ nhàng như đã được giải phóng khỏi những nặng nề đè ép thường nhật, rằng mình đã thật sự hòa nhập vào một đời sống có khi còn chính đáng hơn cả cái đời sống mà mình vẫn thường lầm tưởng là duy nhất chính đáng, một đời sống khác nữa không hẳn là không xác thực, một đời sống khác nữa ở ngay trong cõi sâu cùng thẳm thẳm nhất của chính đời sống. Những lúc đó, con người nương thả theo thơ, sống trọn vẹn là con người với đầy đủ các tính cách kỳ diệu lạ lùng mà bình thường chưa từng nghe thấy có, tưởng chừng chẳng thể có. Bởi lẽ hồn thơ chính là cái phần u ẩn lẫn khuất mệnh mông tuyệt đối của hồn người, nó chính thị là hồn người trong ý thức sâu cùng hết của con người.

Có thể nói mà không sợ quá lời rằng khó lòng tưởng tượng một con người còn có thể là con người nếu như con người đó, một cách giả tưởng, tự mình hoàn toàn tước bỏ cái hồn thơ của mình, tự mình hoàn toàn tước bỏ khả năng, tư duy xúc cảm nhân loại của chính mình. Bởi lẽ, thơ, những lúc đó, mặc nhiên trở thành thi sĩ theo định nghĩa

cao cấp nhất của danh xưng: Kẻ tạo dựng một thi cảm, một cách thức nhìn thấy độc đáo về cái thế giới vừa ngoại quan và cũng vừa nội quan mà chính mình đang sống.

Thơ chính là một thi cảm dù được thể hiện theo kỷ luật riêng biệt của bất kỳ trường phái hay khuynh hướng thi ca nào, và nếu như bài thơ nào không truyền đạt được những kêu gọi phải có nhằm đánh thức thôi thúc được một cách mãnh liệt cái hồn thơ ẩn náu bất động nơi người đọc để hình thành một thi cảm nào đó, chắc chắn bài thơ đó đương nhiên không phải là thơ.

Tất nhiên, khi làm bài thơ, phần người làm thơ tận lực cố gắng phần mình nữa trong việc thể hiện được trọn vẹn cái hồn thơ chung đồng của cả đôi bên. Đó chính là chỗ lớn lao đích thực của thơ. Đó chính là lẽ tồn tại xứng đáng của thơ. Hiểu được như vậy, làm được như vậy, người làm thơ mới có thể ngẩng mặt với đời, nhận lấy danh xưng thi sĩ, không hổ thẹn về những đóng góp độc đáo của mình đối với xã hội, đối với lịch sử.

Đặc biệt, trong những tình huống cực kỳ chông chênh, nghiệt ngã, sinh tử mà chính con người đã bị dày dọạ chìm đắm vào đó, bị đặt để trước nguy cơ thường trực của sự trấn lột chính cái nhân phẩm còn sót lại của mình, thơ, hơn bao giờ hết, đã chứng tỏ một cách mãnh liệt cái khả năng siêu tuyệt gần như là tôn giáo của thơ. Trong những tình huống đó, rất nhiều người đã nương tựa vào thơ, để mà gìn giữ lấy mình, để mà sống sót với tư cách là con người, gầy dựng cho chính mình và cho cả bằng hữu cùng cảnh ngộ một thế giới ánh sáng, một thế giới niềm tin giữa một thế giới tối tăm, cùng mạt và hủy diệt.

Ở đây, tôi không hề muốn nói thêm qua về cái bản chất của thế giới tù đầy đó. Trong thế giới đó, nhiều con người thất trận của một cuộc chiến đã tạm thời pải ngã ngũ như vậy từ đất đứng, danh vị, thậm chí đến cả sinh mạng của mình, chỉ còn lại mỗi một phần duy nhất tạm thời chưa thể bị tước đoạt hoàn toàn, đó là nhân phẩm, và niềm tin của chính mình.

Chúng tôi, mỗi người một cách, đều phải ý thức một cách rõ ràng rằng đó mới chính là nỗi sinh tử cốt tủy, đích thực của chính mình, rằng không thể để cho con người trong chúng tôi bị bức tử, ô nhục, rằng đó chính là cái phần mà chúng tôi bắt buộc phải gìn giữ bảo vệ bằng mọi giá, kể cả bằng mạng sống của mình. Lúc đó, một số không nhỏ chúng tôi đã tìm thấy được một sự trợ lực thần thánh. Lúc đó, tôi nghiệm rõ một điều hết sức thông thường như một sự thật cổ lỗ mà bình thường chẳng bao giờ mình để ý đến về thơ.

Thơ là hình loại văn nghệ đầu tiên của con người, khi con người không có gì cả trong tay, và thơ chắc chắn cũng là loại văn nghệ cuối cùng của con người khi con người chẳng còn gì cả trong tay. Thơ sẽ còn hiển hiện tồn tại rạn rỡ với con người, nếu mà con người còn ngôn ngữ, còn tấm lòng, còn ký ức, còn là con người trong cái ý niệm cực kỳ cao cả đầu tiên và cuối cùng của mình.

Thơ, một cách mãnh liệt, đã trở thành sự sống không thể bị hủy diệt của cái ý niệm đó. Thơ còn con người còn. Tự bản thân, tôi vẫn quan niệm rằng văn nghệ cũng y như mọi thứ khác trên đều phải có những cấp độ cao thấp, lớn nhỏ của nó. Có những thứ văn nghệ ở cấp độ thấp nhất là văn nghệ giải oan, giải thoát. Chắc chắn không cần phải nói thêm, chúng ta đều thấy hiểu rằng trong hoàn cảnh lúc đó của chúng tôi, chúng tôi đã nhận chân ra cấp độ cao nhất của văn nghệ.

Lúc đó, thơ đã trở thành một thế giới bất khả xâm phạm, bất khả hủy diệt để con người chúng tôi được nuôi dưỡng tồn tại. Đó là một thế giới vô hình nhưng có thật, thật như một thế giới hữu hình nào. Cảm ơn ngôn ngữ của loài người, cảm ơn thơ của loài người.

Thế giới của chúng ta không chỉ hẳn là một thế giới có mặt của những con người thân quen, từng gặp gỡ ngoài đời, mà còn là một thế giới có mặt những con người chưa từng gặp gỡ ngoài đời nhưng rất đỗi quen thân. Chắc chắn trong thế giới của chúng ta vẫn hằng lui tới hình bóng của một Khuất Nguyên tiều tụy lang thang bên dòng sông Mịch La, một Lý Bạch tiêu sái nơi một quán rượu của Hàng Châu, một Holderlin quần quai trong thư phòng khuya khoắt ở Horburg, một Nguyễn Du nẻo trở lại Thăng Long trong một ngày đông rét mướt, một Nguyễn Gia Thiều héo hắt ngồi bất động nơi Hồ Tây, một Nguyễn Trãi đạt ngộ giữa vùng cây cỏ Côn Sơn ... Những con người đó đã một lần đi khuất dạng trong lòng ta ...

Cảm ơn những con người đó đã đến trong thế giới riêng tư của chúng ta, ở lại đó, bầu bạn thắm thiết cùng chúng ta để chúng ta được đỡ xót xa thương lấy mình hơn nữa, để con người chúng ta còn được tồn vinh xứng đáng.

## **Tô Thùy Yên**

Bài nói tại Seattle Public Library ngày 26 tháng 7 năm 1997



***Song Thao, Doãn Quốc Sỹ, Tô Thùy Yên***



***Từ trái: Ngọc Hoài Phương, Du Tử Lê, Huỳnh Diệu Bích, x, Tô Thùy Yên***

**TƯỞNG NIỆM**  
**Thi sĩ TÔ THÙY YÊN**  
**ĐINH THÀNH TIÊN (1938-2019)**



**Biên soạn:**

**Phan Anh Dũng** (Rockville, Maryland USA)

**Thực hiện năm 2019 – Hiệu đính: 9 tháng 7 năm 2022**

Vui lòng gửi thêm tài liệu và ý kiến xây dựng về: [dathphan1@gmail.com](mailto:dathphan1@gmail.com)